

Bản tin

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

SỐ RA NGÀY 21/4/2025



BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
Phuongpn@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
43/GP-XBBT ngày 14/8/2024

MỤC LỤC

TÌNH HÌNH CHUNG	2
THỊ TRƯỜNG CAO SU	4
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	13
THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU	20
THỊ TRƯỜNG CHÈ	26
THỊ TRƯỜNG SẮN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẮN	33
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	41
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	47

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

► Cao su: Trong 20 ngày đầu tháng 4/2025, giá cao su trên thị trường thế giới giảm mạnh, chạm mức thấp nhất trong hơn một năm trở lại đây, do tác động tiêu cực từ chính sách thuế quan của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump.

► Cà phê: Giữa tháng 4/2025, giá cà phê thế giới giảm sau 7 phiên tăng giá liên tiếp do tồn kho tăng, đồng USD hồi phục và các nhà đầu cơ đẩy mạnh bán ra trước kỳ nghỉ lễ Phục Sinh 2025.

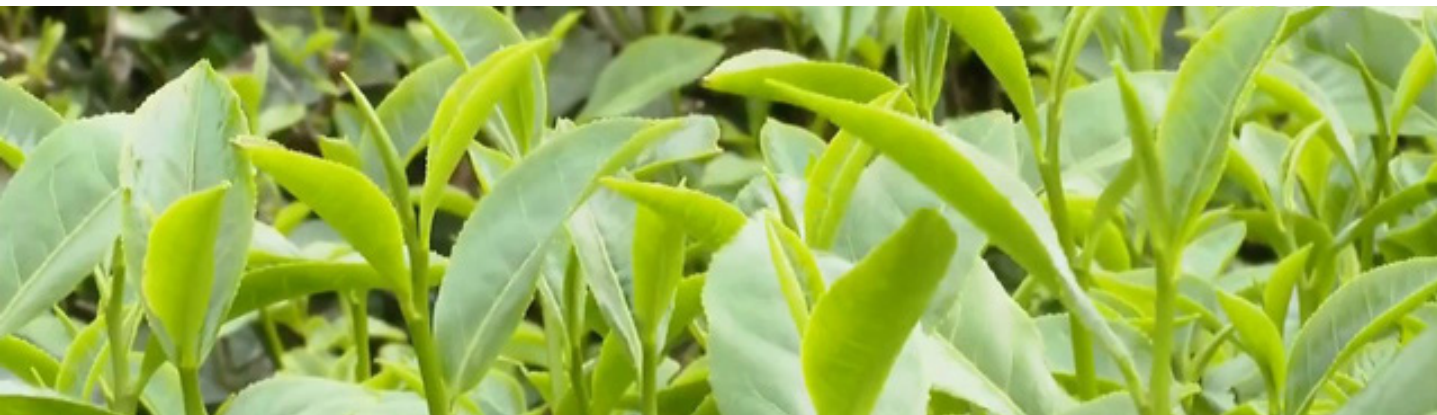
► Hạt điều: Sản lượng hạt điều của Ga-na dự báo sẽ tăng 15% vào năm 2025 nhờ thời tiết thuận lợi và kỹ thuật canh tác được cải tiến. Chính phủ Tan-za-ni-a đặt mục tiêu sản lượng hạt điều đạt 1 triệu tấn vào năm 2030.

► Chè: Năm 2024, sản lượng chè của Kê-ni-a đạt 598 nghìn tấn, tăng 4,9% so với năm 2023; Kê-ni-a xuất khẩu được 625,59

nghìn tấn chè, tăng 11,9% so với năm 2023. Trong 2 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc xuất khẩu được 68,35 nghìn tấn chè, tăng 14,7% với cùng kỳ năm 2024. Ma-rốc, U-dơ-bê-ki-xtan, Ga-na, Xê-nê-gan và Nga là 5 thị trường xuất khẩu chè lớn nhất của Trung Quốc.

► Sắn và sản phẩm từ sắn: Giá tinh bột sắn nội địa và giá tinh bột sắn xuất khẩu tại Thái Lan giảm. Trong 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sắn lát và tinh bột sắn của Thái Lan tăng so với cùng kỳ năm 2024.

► Gỗ và sản phẩm gỗ: 2 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Thổ Nhĩ Kỳ đạt 318,2 triệu USD, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2024. Do đồng Rúp mạnh, thuế nhập khẩu thấp và nhu cầu ở châu Âu giảm, nên khoảng 430 triệu USD sản phẩm nội thất của châu Âu dự kiến sẽ thâm nhập vào Nga trong năm 2025.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

► **Cao su:** Theo số liệu của Cục Hải quan, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong quý I/2025 giảm 7,5% về lượng, nhưng tăng tới 21,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024 nhờ giá duy trì ở mức cao. Tháng 3/2025, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc tăng trưởng tích cực. Thị phần cao su của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ cải thiện nhẹ, nhưng vẫn ở mức rất thấp.

► **Cà phê:** Giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa những ngày giữa tháng 4/2025 giảm 700 – 1.100 đồng/kg so với ngày 01/4/2025. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Thái Lan trong 3 tháng đầu năm 2025 giảm 30,7% về lượng, nhưng tăng 61,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024 nhờ giá xuất khẩu tăng mạnh. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Thái Lan giảm từ mức 54,54% trong 2 tháng đầu năm 2024 xuống mức 24,24% trong 2 tháng đầu năm 2025.

► **Hạt điều:** Trong 3 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Hà Lan tăng 16,7% về lượng và tăng 49% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hà Lan tăng từ

73,16% trong tháng 01/2024 lên 76,81% trong tháng 01/2025.

► **Chè:** Trong 3 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu chè của Việt Nam đạt 26,88 nghìn tấn, trị giá 43,07 triệu USD, tăng 1,3% về lượng, nhưng giảm 0,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. 2 tháng đầu năm 2025, Pa-ki-xtan nhập khẩu 32,78 nghìn tấn chè, giảm 12,7% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần chè của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của thị trường này vẫn ở mức thấp.

► **Sắn và sản phẩm từ sắn:** 3 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam tăng 28,4% về lượng, nhưng giảm 13,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024 do giá xuất khẩu giảm mạnh. Thị phần tinh bột sắn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc tăng, trong khi thị phần sắn lát giảm so với cùng kỳ năm 2024.

► **Gỗ và sản phẩm gỗ:** 3 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu đồ nội thất văn phòng ước đạt 78,5 triệu USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của EU từ các thị trường ngoài khối tăng.



THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Trong 20 ngày đầu tháng 4/2025, giá cao su trên thị trường thế giới giảm mạnh, chạm mức thấp nhất trong hơn một năm trở lại đây do tác động tiêu cực từ chính sách thuế quan của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump.
- ▶ Theo số liệu của Cục Hải quan, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong quý I/2025 đạt 383.000 tấn, trị giá 737,84 triệu USD, giảm 7,5% về lượng, nhưng tăng tới 21,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024 nhờ giá duy trì ở mức cao.
- ▶ Tháng 3/2025, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc phục hồi mạnh, đạt 74.098 tấn, trị giá 146,3 triệu USD, tăng 21% về lượng và tăng 61,5% về trị giá so với tháng 3/2024.
- ▶ Thị phần cao su của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ cải thiện nhẹ, nhưng vẫn ở mức rất thấp.



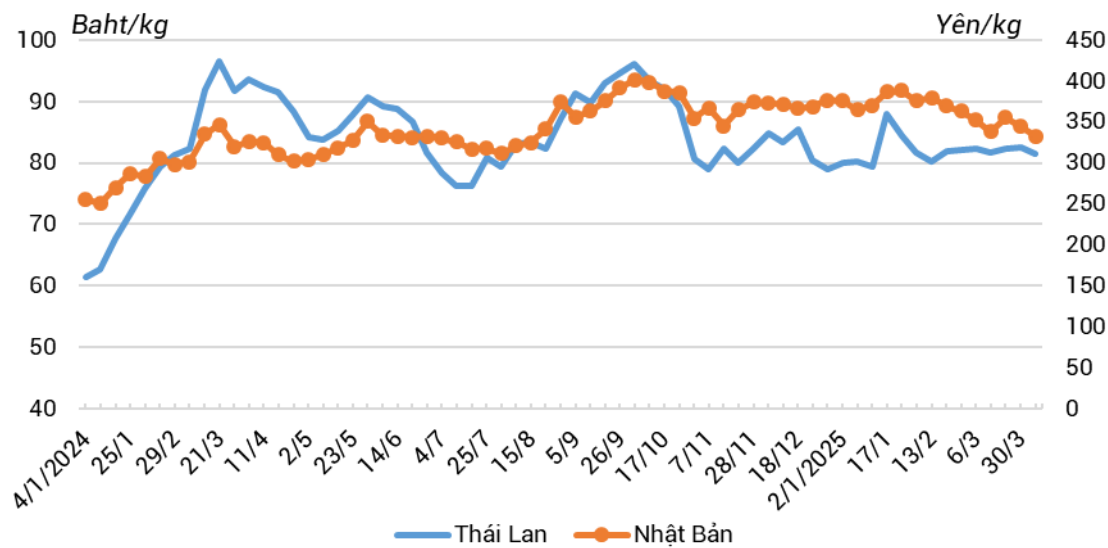
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong 20 ngày đầu tháng 4/2025, giá cao su trên thị trường thế giới đồng loạt sụt giảm mạnh, chạm mức thấp nhất trong hơn một năm trở lại đây. Nguyên nhân chủ yếu đến từ tác động tiêu cực của chính sách thuế quan do Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump ban hành.

Ngày 20/4/2025, giá cao su RSS3 kỳ hạn tháng 5/2025 tại Sở Giao dịch hàng hóa Osaka (OSE) – Nhật Bản giảm còn 291,4 Yên/kg, tương đương mức giảm 15,5% (tức 53,3 Yên/kg) so với cuối tháng 3. Thậm chí có thời điểm giá xuống mức 288 Yên/kg – thấp nhất kể từ tháng 2/2024.

Tại Thái Lan, giá cao su RSS 3 cũng (kg) so với cuối tháng trước, xuống còn 72,6 giảm mạnh 11,9% (tương đương 9,8 Baht/ Baht/kg, thấp nhất trong hơn một năm qua.

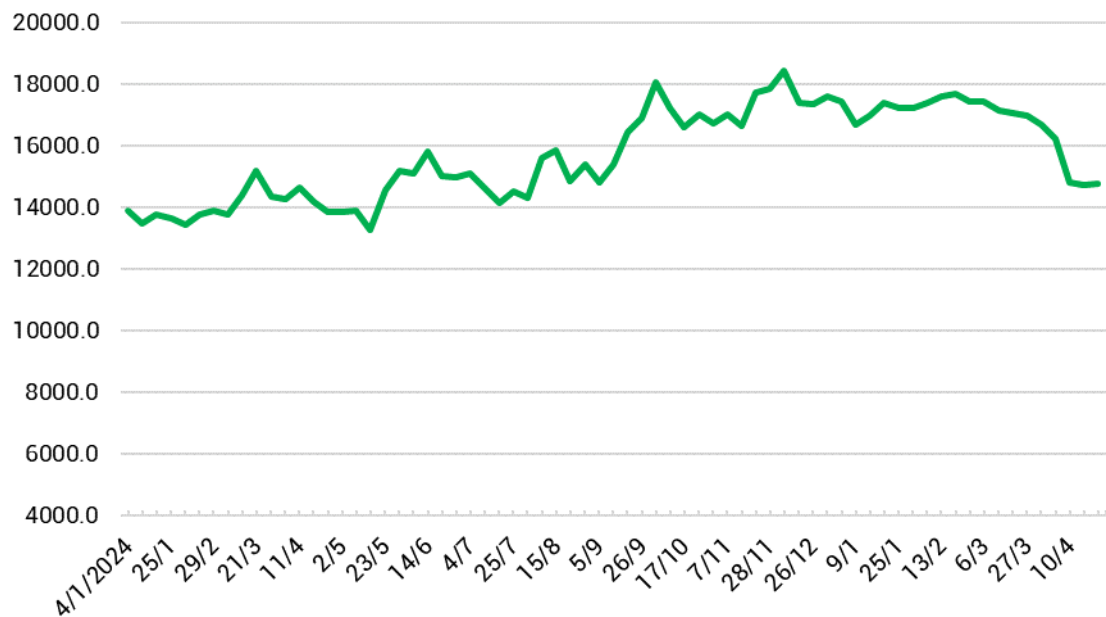
Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan và sàn OSE Nhật Bản từ đầu năm 2024 đến nay



Nguồn: cf.market-info.jp và thainr.com

Trên Sàn Giao dịch Hàng hóa tương lai tháng 5/2025 giảm 11,5% (1.915 NDT/tấn) so Thượng Hải (SHFE), giá cao su tự nhiên kỳ hạn với cuối tháng trước, ở mức 14.785 NDT/tấn.

Diễn biến giá cao su tự nhiên tại sàn SHFE từ đầu năm 2024 đến nay
(ĐVT: NDT/tấn)



Nguồn: shfe.com.cn

Ngày 2/4/2025, Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump ký sắc lệnh áp thuế nhập khẩu đối với hàng hóa từ hơn 180 nền kinh tế. Động thái này làm tăng lo ngại về làn sóng bảo hộ thương mại toàn cầu, ảnh hưởng trực tiếp đến diễn biến thị trường và tâm lý đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực xuất khẩu. Đến ngày 9/4, Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump thông báo điều chỉnh mức thuế xuống còn 10% và tạm hoãn thi hành trong 90 ngày đối với các quốc gia thể hiện thiện chí đàm phán. Động thái này phần nào giúp ổn định lại tâm lý thị trường.

Dù vậy, mối lo ngại về sự tách rời trong quan hệ thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc vẫn đề nặng lên giá cao su. Thương mại Hoa Kỳ – Trung Quốc đang bước vào giai đoạn căng thẳng chưa từng có, làm gia tăng quan ngại về triển vọng nhu cầu tiêu thụ cao su trong thời gian tới.

Trong bối cảnh đó, thị trường cao su được hỗ trợ phần nào nhờ những yếu tố tích cực như nguồn cung toàn cầu thắt chặt và tăng trưởng kinh tế khả quan của Trung Quốc.

Công ty tư vấn Jinlianchuang của Trung Quốc cho biết, nguồn cung nguyên liệu thô toàn cầu vẫn ở mức thấp, hiện nay chỉ có một lượng nhỏ cao su được khai thác tại các khu vực sản xuất trong nước. Đồng thời cho biết thêm hoạt động khai thác cao su dự kiến sẽ tiếp tục vào tháng 5 khi các khu vực sản xuất bước vào mùa thu hoạch. Cây cao su thường trải qua giai đoạn thu hoạch thấp điểm từ tháng 2 đến tháng 5, trước khi bước vào mùa cao điểm kéo dài đến tháng 9.

Cơ quan khí tượng Thái Lan đã đưa ra cảnh báo về đợt mưa lớn có thể gây lũ quét và ngập lụt tại khu vực miền Nam Thái Lan từ ngày 17 đến 20/4, điều này có thể ảnh hưởng đến nguồn cung trong ngắn hạn.

Kinh tế Trung Quốc trong quý I/2025 ghi nhận mức tăng trưởng vượt kỳ vọng, nhờ tiêu dùng nội địa vững chắc và sản lượng công nghiệp tăng mạnh, dù đang chịu áp lực từ chính sách thuế của Mỹ. GDP quý I/2025 của Trung Quốc tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước. Doanh số bán lẻ trong tháng 3/2025 tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước, vượt xa mức dự báo 4,2% của các nhà phân tích; và sản lượng công nghiệp tăng 7,7%, cao hơn nhiều so với mức dự báo 5,8%. Những yếu tố này là động lực chính giúp giá cao su tại Trung Quốc không giảm mạnh trong các phiên giao dịch gần đây.

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong tháng 3/2025, nước này nhập khẩu tổng cộng 760.000 tấn cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp (bao gồm cả mủ cao su Latex), tăng 16,7% so với mức 651.000 tấn cùng kỳ năm 2024. Tính chung quý I/2025, tổng lượng nhập khẩu vào Trung Quốc đạt 2,18 triệu tấn, tăng 20,9% so với mức 1,8 triệu tấn của cùng kỳ năm trước.

- Theo báo cáo mới nhất từ Tổng cục Cao su Căm-pu-chia, Căm-pu-chia đã xuất khẩu 59.754 tấn mủ cao su trong quý I/2025, với trị giá thu về 114,9 triệu USD, giảm 13,8% về lượng, nhưng tăng 14,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Giá bình quân xuất khẩu cao su trong quý I/2025

đạt 1.923 USD/tấn, cao hơn khoảng 474 USD/tấn so với cùng kỳ năm 2024. Cao su của nước này chủ yếu được xuất khẩu sang Ma-lai-xi-a, Việt Nam, Xinh-ga-po và Trung Quốc.

Tính cuối năm 2024, Căm-pu-chia có tổng cộng 425.443 ha đồn điền cao su, trong đó 330.259 ha (tương ứng 77,63%) đã cho thu hoạch và 95.184 ha (22,37%) đang trong giai đoạn sinh trưởng.

- Theo thông tin từ Cục Thống kê Ma-lai-xi-a, trong tháng 2/2025, xuất khẩu cao su thiên nhiên của Ma-lai-xi-a đạt 54.847 tấn, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, 52,4% được xuất khẩu sang Trung Quốc, tiếp theo là Đức (9%), UAE (8,4%), Hoa Kỳ (4,8%) và Bra-xin (3%).

Trong tháng 2/2025, sản lượng nhập khẩu cao su thiên nhiên vào Ma-lai-xi-a đạt 107.925 tấn, giảm 19,7% so với cùng kỳ năm trước. Các loại cao su nhập khẩu chính bao gồm cao su tiêu chuẩn, mủ cao

su cô đặc và cao su thiên nhiên dạng khác. Các nước cung cấp chủ yếu là Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Phi-líp-pin và Mi-an-ma.

Tổng sản lượng cao su thiên nhiên của Ma-lai-xi-a trong tháng 2/2025 là 36.005 tấn, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, sản lượng cao su tiểu điền chiếm 87,8%, từ các đồn điền quốc doanh chiếm 12,2%.

Tổng lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên của nước này tháng 2/2025 đạt 21.053 tấn, giảm 4% so với tháng trước và giảm 13,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngành sản xuất găng tay cao su vẫn là lĩnh vực tiêu thụ lớn nhất, chiếm 55,9% tổng lượng tiêu thụ; ngành sản xuất lốp xe và ống cao su chiếm 9,8%; dây cao su chiếm 13,8%; các ngành khác chiếm 20,5%.

Tồn kho cao su thiên nhiên của Ma-lai-xi-a cuối tháng 2/2025 ở mức 206.762 tấn, tăng 16,2% so với tháng trước.

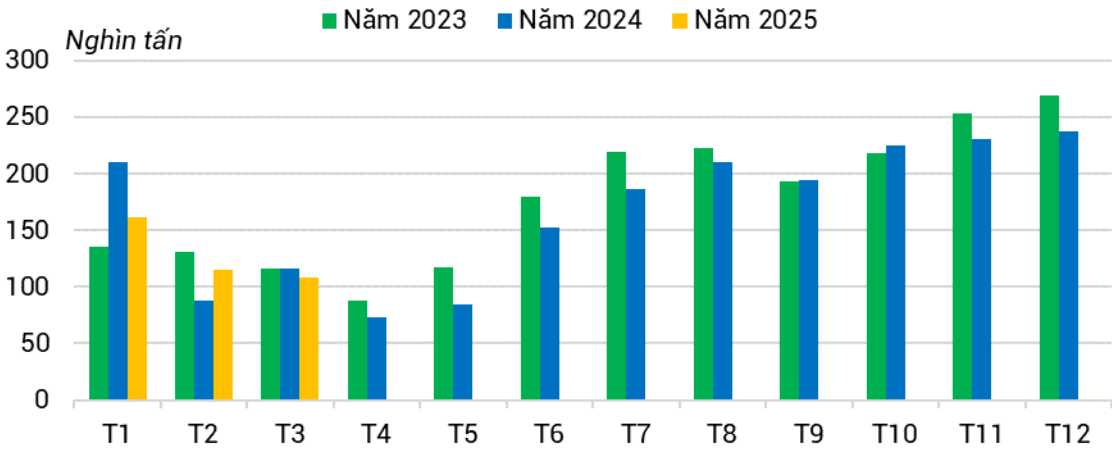


TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu của Cục Hải quan, xuất khẩu cao su của Việt Nam tháng 3/2025 đạt 107.755 tấn, trị giá 215,18 triệu USD, giảm 6,7% về lượng và giảm 4,7% về trị giá so với tháng trước; so với cùng kỳ năm ngoái giảm 7,1% nhưng tăng 19,4% về trị giá.

Tính chung quý I/2025, xuất khẩu cao su đạt 383.000 tấn, trị giá 737,84 triệu USD, giảm 7,5% về lượng, nhưng tăng tới 21,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024 nhờ giá duy trì ở mức cao.

Khối lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng từ năm 2023-2025



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

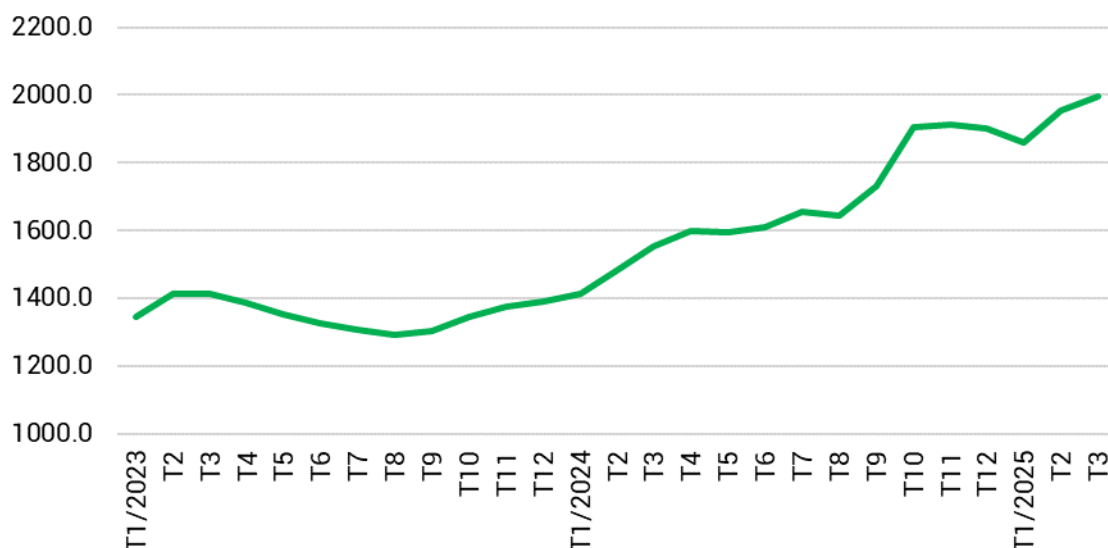
Giá bình quân cao su xuất khẩu của Việt Nam trong quý I đạt 1.926 USD/tấn, tăng 31,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tính riêng trong tháng 3/2025, giá xuất

khẩu mặt hàng này đạt bình quân 1.997 USD/tấn, tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 28,5% so với tháng 3/2024. Đây cũng là mức giá cao nhất ghi nhận được kể từ tháng 3/2017.



Giá cao su xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2025 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Trong quý I/2025, Trung Quốc tiếp tục là thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm 72,7% về lượng và 72% về trị giá trong tổng xuất khẩu. Lượng cao su xuất khẩu sang thị trường này đạt 278.478 tấn, trị giá 531,24 triệu USD, giảm 3,2% về lượng, nhưng tăng mạnh 30,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Tín hiệu tích cực là trong tháng 3/2025, xuất khẩu cao su sang Trung Quốc đã phục hồi mạnh mẽ, đạt 74.098 tấn, trị giá 146,3 triệu USD, tăng 21% về lượng và tăng 61,5% về trị giá so với tháng 3/2024.

Lượng cao su xuất khẩu sang nhiều thị trường lớn khác cũng ghi nhận sự sụt giảm trong quý I/2025 như: Ấn Độ giảm 49,1%, Hàn Quốc giảm 13,7%, Đài Loan giảm 27,3% và Nga giảm 35%...

Ngược lại, xuất khẩu cao su sang 2 thị trường Ma-la-xi-a và In-đô-nê-xi-a tăng

mạnh 393% và 132,5% so với cùng kỳ năm ngoái, lần lượt đạt 11.369 tấn và 10.710 tấn. Ma-la-xi-a vươn lên vị trí thứ ba về thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam trong quý đầu năm 2025, còn In-đô-nê-xi-a đứng ở vị trí thứ tư.

Với thị trường Hoa Kỳ, đây là thị trường xuất khẩu cao su lớn thứ 7 của Việt Nam, chiếm 1,7% thị phần xuất khẩu với khối lượng đạt 6.357 tấn, giảm nhẹ 0,3% so với quý I/2024.

Dự báo: Dù Trung Quốc đã tăng nhập khẩu cao su Việt Nam trở lại, nhưng xuất khẩu sang thị trường này vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Nhu cầu tiêu thụ cao su của Trung Quốc có thể bị ảnh hưởng tiêu cực từ các mức thuế quan cao mà Hoa Kỳ đang áp lên hàng hóa nước này. Giá cao su xuất khẩu khả năng cũng sẽ điều chỉnh giảm theo xu hướng chung của thị trường thế giới.

10 thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam trong tháng 3 và quý I/2025

(ĐVT: Lượng: tấn; trị giá: nghìn USD)

Thị trường	Tháng 3/2025		So với tháng 3/2024 (%)		Quý I/2025		So với quý I/2024 (%)		Thị phần theo lượng (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Quý I/2024	Quý I/2025
Tổng	107.755	215.179	-7,1	19,4	383.000	737.839	-7,5	21,5	100,0	100,0
Trung Quốc	74.098	146.338	21,0	61,5	278.478	531.238	-3,2	30,3	69,5	72,7
Ấn Độ	4.986	10.624	-55,1	-41,0	14.729	30.308	-49,1	-32,8	7,0	3,8
Ma-lai-xi-a	2.390	3.698	116,9	140,5	11.369	17.565	393,0	447,8	0,6	3,0
In-đô-nê-xi-a	2.443	5.222	53,3	86,2	10.710	21.879	132,5	165,5	1,1	2,8
Hàn Quốc	3.863	8.013	0,3	22,7	10.407	21.766	-13,7	12,8	2,9	2,7
Thổ Nhĩ Kỳ	2.370	4.943	-27,6	-15,0	6.842	13.372	0,3	16,7	1,6	1,8
Hoa Kỳ	2.565	5.239	31,2	66,2	6.357	13.045	-0,3	32,7	1,5	1,7
Đài Loan	1.620	3.441	-48,9	-33,8	4.814	10.285	-27,3	-1,6	1,6	1,3
Nga	1.851	3.721	-37,6	-23,7	4.161	8.408	-35,0	-16,4	1,5	1,1
Bra-xin	921	1.959	-35,0	-5,9	3.986	8.114	-5,5	34,7	1,0	1,0
Thị trường khác	10.648	21.982	-56,2	-44,5	31.147	61.859	-35,3	-18,4	11,7	8,1

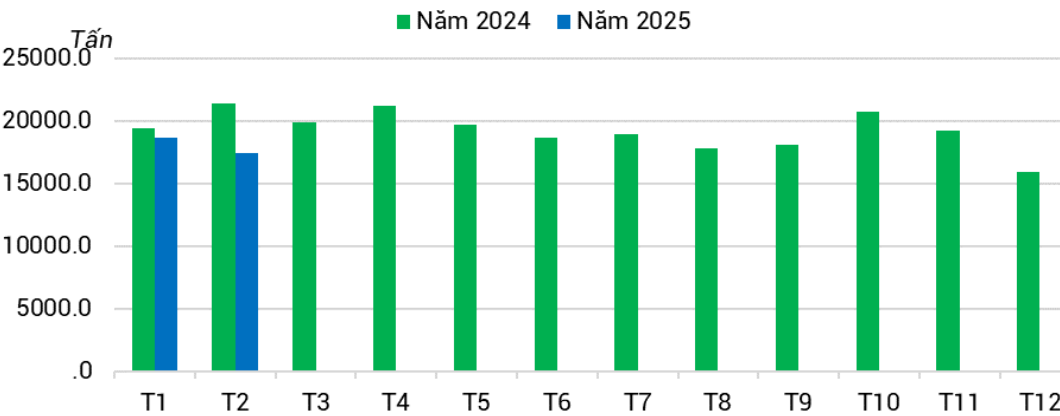
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Hoa Kỳ đã nhập khẩu 14,1% về lượng, nhưng tăng 1,9% về trị giá tổng cộng 254.849 tấn cao su các loại (HS 4001, 4002, 4003, 4005) trong 2 tháng đầu

năm 2025, với trị giá 646,9 triệu USD, giảm 14,1% về lượng, nhưng tăng 1,9% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Lượng cao su nhập khẩu của Hoa Kỳ qua các tháng năm 2024-2025



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Trong 2 tháng đầu năm 2025, 5 nguồn cung cao su lớn nhất cho thị trường Hoa Kỳ vẫn là In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Ca-na-đa, Bồ Biển Ngà và Hàn Quốc. Đáng chú ý, nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ từ hầu hết các quốc gia kể trên đều giảm so với cùng kỳ năm ngoái, ngoại trừ Bồ Biển Ngà – quốc gia duy nhất ghi nhận tăng trưởng trong giai đoạn này.

Việt Nam xếp thứ 12 trong số các nước xuất khẩu cao su lớn nhất vào Hoa Kỳ, với khối lượng đạt 4.717 tấn, trị giá 10,37 triệu USD. So với cùng kỳ năm 2024, lượng xuất khẩu giảm 13,5%, nhưng trị giá tăng 19,5%. Điều này cho thấy giá bình quân xuất khẩu đã tăng đáng kể, góp phần giúp thị phần cao su Việt Nam tại Hoa Kỳ tính theo trị giá nhích nhẹ từ 1,8% lên 1,9%.

Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), giá bình quân xuất khẩu của cao su của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong 2

tháng đầu năm đạt 2.200 USD/tấn, tăng 38,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, mức giá này vẫn thấp hơn so với giá cao su xuất khẩu của nhiều quốc gia sản xuất lớn khác như In-đô-nê-xi-a (2.380 USD/tấn) và Thái Lan (2.751 USD/tấn).

Việc Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump tuyên bố tạm hoãn áp thuế đối ứng 90 ngày có thể thúc đẩy hoạt động nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ trong ngắn hạn.

Tuy nhiên, trong dài hạn nếu chính quyền Hoa Kỳ áp mức thuế đối ứng lên tới 46% đối với hàng hóa từ Việt Nam, ngành cao su sẽ đối mặt với nguy cơ mất lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Các mức thuế cao cũng sẽ làm tăng chi phí nhập khẩu, kéo theo giá bán tại thị trường nội địa Hoa Kỳ tăng cao và làm giảm nhu cầu tiêu dùng.

Hoa Kỳ là quốc gia nhập khẩu cao su lớn thứ hai toàn cầu, chiếm 8 – 10% thị



phần. Khi Hoa Kỳ giảm nhập khẩu do thuế quan, các nước xuất khẩu lớn như Thái Lan, In-đô-nê-xi-a và Việt Nam sẽ phải tìm thị trường thay thế, làm tăng nguồn cung trên thị trường quốc tế. Hệ quả là giá cao su trên thị trường thế giới có xu hướng giảm. Các nước xuất khẩu buộc phải giảm giá để giữ chân khách hàng, tác động tiêu cực đến lợi nhuận doanh nghiệp.

Mới đây, Hiệp hội Cao su Việt Nam khuyến nghị các doanh nghiệp hội viên tiếp tục thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất, kinh doanh, đồng thời chú trọng đảm bảo nguồn gốc xuất xứ và ổn định nguồn cung nguyên liệu nhằm hạn chế nguy cơ bị áp

dụng các biện pháp phòng vệ thương mại.

Ngoài ra, cần tăng cường khả năng thích ứng bằng cách tái cấu trúc sản xuất, tối ưu chi phí, hạ giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh và đẩy mạnh đầu tư vào nghiên cứu – phát triển để đa dạng hóa sản phẩm giá trị gia tăng. Trên cơ sở các Hiệp định thương mại tự do, các doanh nghiệp nên chủ động mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tận dụng hiệu quả thị trường trọng điểm, khai thác thị trường mới nổi, giảm phụ thuộc vào một thị trường duy nhất, từ đó ứng phó linh hoạt với xu hướng bảo hộ và rào cản kỹ thuật gia tăng.

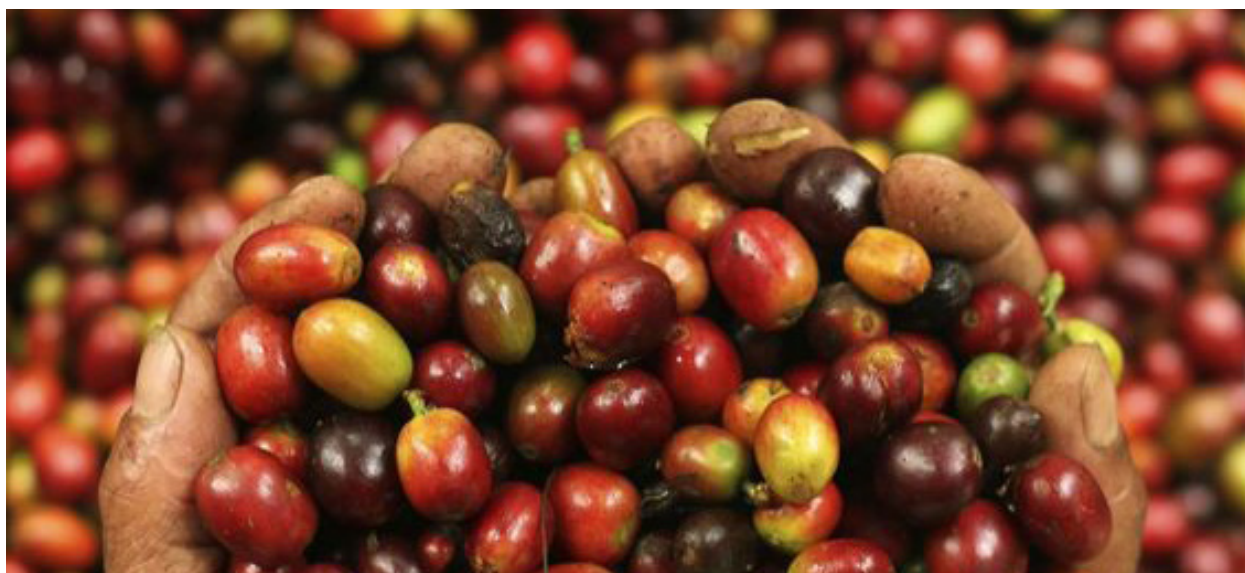
Một số thị trường xuất khẩu cao su (HS 4001, 4002, 4003, 4005) lớn nhất vào Hoa Kỳ 2 tháng đầu năm 2025

Nguồn cung	2 tháng đầu năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)			Thị phần theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	2 tháng năm 2024	2 tháng năm 2025
Tổng	254.849	646.921	2.538	-14,1	1,9	18,6	100,0	100,0
In-đô-nê-xi-a	57.751	137.451	2.380	-24,9	0,3	33,6	25,9	22,7
Thái Lan	39.509	108.699	2.751	-7,7	27,9	38,6	14,4	15,5
Ca-na-đa	36.134	89.112	2.466	-11,5	-7,0	5,1	13,8	14,2
Bờ Biển Ngà	18.141	42.011	2.316	24,1	77,4	42,9	4,9	7,1
Hàn Quốc	13.809	35.528	2.573	-20,4	-9,7	13,3	5,8	5,4
Đức	12.632	36.555	2.894	-10,5	-5,7	5,3	4,8	5,0
Mê-hi-cô	12.067	30.415	2.520	-13,3	-11,9	1,6	4,7	4,7
Nhật Bản	9.036	29.436	3.258	-31,9	-27,3	6,8	4,5	3,5
Đài Loan	7.481	19.283	2.578	-7,9	3,3	12,2	2,7	2,9
Pháp	6.305	18.739	2.972	-37,7	-36,1	2,5	3,4	2,5
Li-bê-ri-a	5.947	11.974	2.013	42,2	82,5	28,3	1,4	2,3
Việt Nam	4.717	10.377	2.200	-13,5	19,5	38,1	1,8	1,9
Ấn Độ	3.318	5.633	1.698	42,1	51,7	6,7	0,8	1,3
Thị trường khác	28.001	71.708	2.561	-14,2	-2,2	13,9	11,0	11,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Giữa tháng 4/2025, giá cà phê thế giới giảm sau 7 phiên tăng giá liên tiếp do tồn kho tăng, đồng USD hồi phục và các nhà đầu cơ đẩy mạnh bán ra trước kỳ nghỉ lễ Phục Sinh 2025.
- ▶ Giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa những ngày giữa tháng 4/2025 giảm 700 – 1.100 đồng/kg so với ngày 01/4/2025.
- ▶ Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Thái Lan trong 3 tháng đầu năm 2025 giảm 30,7% về lượng, nhưng tăng 61,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, nhờ giá xuất khẩu tăng mạnh.
- ▶ Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Thái Lan giảm từ mức 54,54% trong 2 tháng đầu năm 2024 xuống mức 24,24% trong 2 tháng đầu năm 2025.



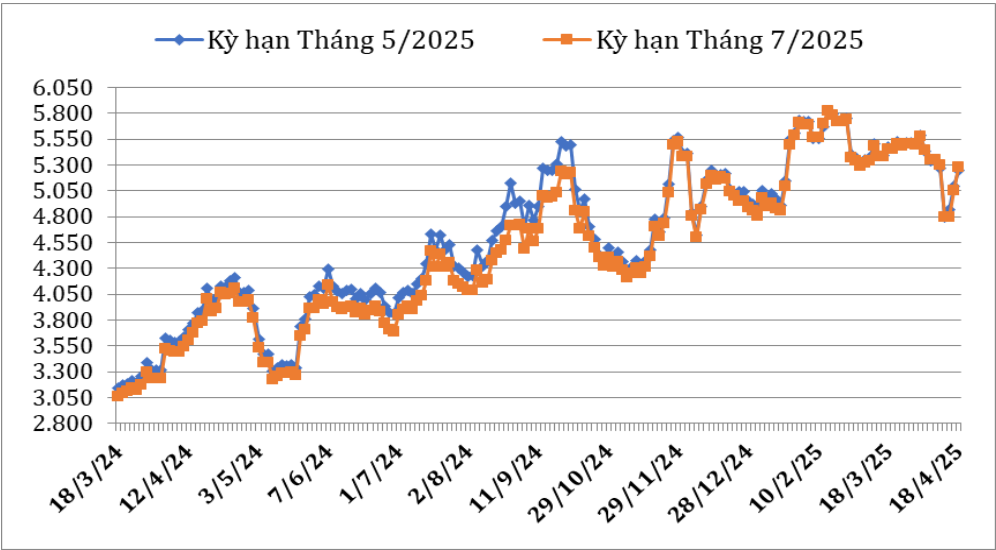
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giữa tháng 4/2025, giá cà phê trên thị trường thế giới đảo chiều, quay đầu giảm sau 7 phiên tăng giá liên tiếp do chịu áp lực từ chỉ số đồng USD mạnh lên. Các nguyên nhân chính tác động lên thị trường gồm: lượng tồn kho cà phê Arabica do ICE giám sát tăng lên mức cao nhất trong 1 tháng vào ngày 16/4/2025, đạt 795.588 bao; lượng tồn kho Robusta do ICE giám sát tăng lên mức cao nhất trong 1 tuần là 4.272 lô. Trong khi

đó, vụ thu hoạch cà phê Robusta tại Bra-xin sắp bắt đầu. Theo dự báo của Hiệp hội xuất khẩu cà phê Bra-xin (Cecafe), tổng lượng cà phê xuất khẩu của nước này trong 9 tháng đầu niên vụ 2024/25 (từ tháng 7/2024 – tháng 6/2025) sẽ tăng 3,42% so với cùng kỳ niên vụ trước, đạt 33,52 triệu bao. Bên cạnh đó, đồng USD hồi phục và các nhà đầu cơ đẩy mạnh bán ra trước kỳ nghỉ lễ Phục Sinh 2025 cũng gây áp lực lên giá.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 0,3% so với ngày 01/4/2025, xuống mức 18/4/2025, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn 5.253 USD/tấn và 5.277 USD/tấn. tháng 5/2025 và tháng 7/2025 cùng giảm

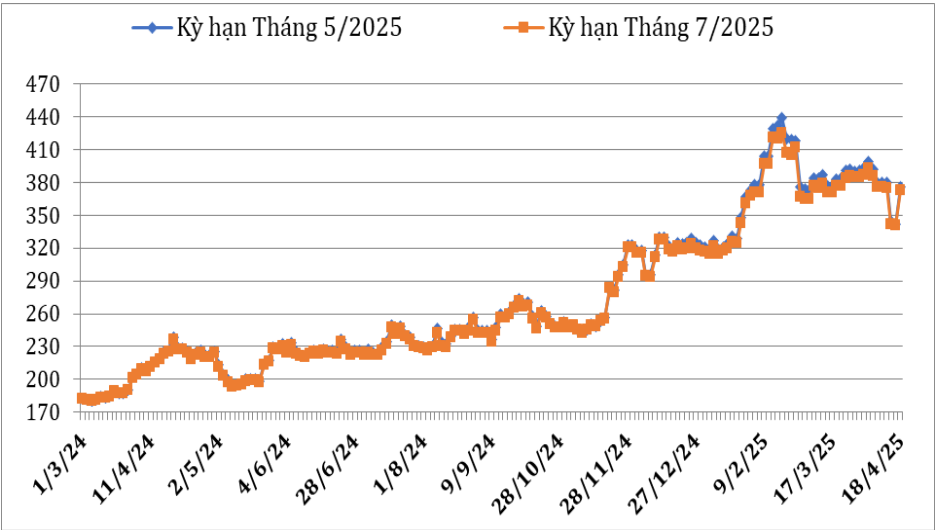
Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ đầu tháng 3/2024 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày lượt 1,1% và 0,7% so với ngày 01/4/2025, 18/4/2025, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn xuống 375,5 Uscent/lb và 372,6 Uscent/lb. tháng 5/2025 và tháng 7/2025 giảm lần

Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ đầu tháng 3/2024 đến nay (ĐVT: Uscent/lb)



Nguồn: Sàn giao dịch New York

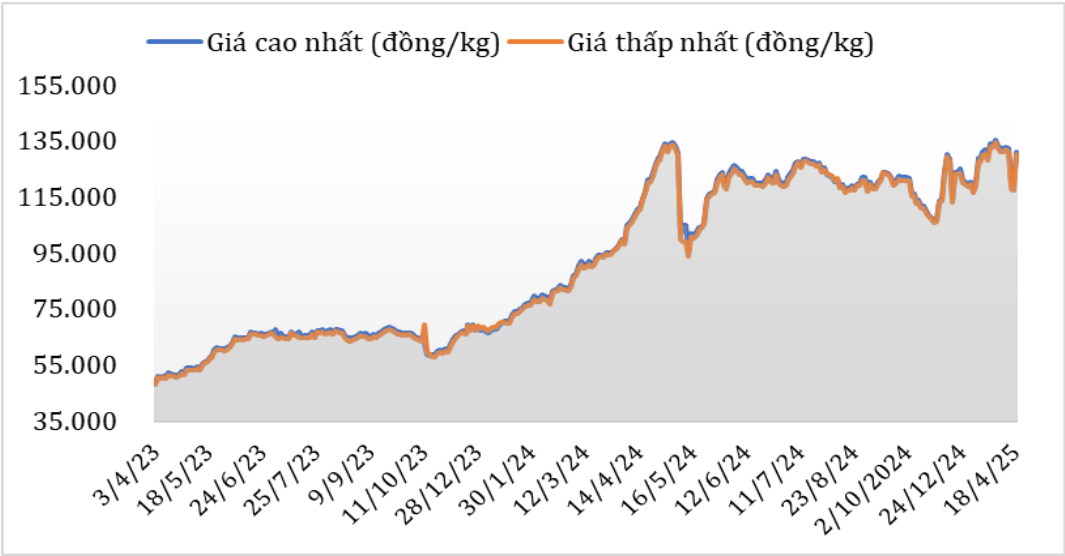
+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, giảm lần lượt 2,2% và 1,1% so với ngày ngày 18/4/2025, giá cà phê Arabica giao 01/4/2025, xuống mức 475,5 Uscent/lb và kỳ hạn tháng 5/2025 và tháng 7/2025 468,45 Uscent/lb.

TRONG NƯỚC: GIÁ CÀ PHÊ GIẢM THEO XU HƯỚNG THẾ GIỚI

Những ngày giữa tháng 4/2025, giá cà phê Robusta tại thị trường nội giảm theo đà giảm của giá cà phê thế giới. Giá cà phê vào ngày 18/4/2025 giảm 700 – 1.100 đồng/kg so với ngày 01/4/2025, dao động từ 130.500 – 131.500 đồng/kg (tùy từng khu vực khảo sát).

Tại Việt Nam, tình hình khô hạn ở một số nơi khu vực Tây Nguyên đang ảnh hưởng đến mùa vụ cà phê năm nay. Nông dân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đang chặt vật ứng phó với tình trạng hạn hán, thiếu nước tưới trong thời gian cao điểm mùa khô.

Diễn biến giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa từ tháng 4/2024 đến nay



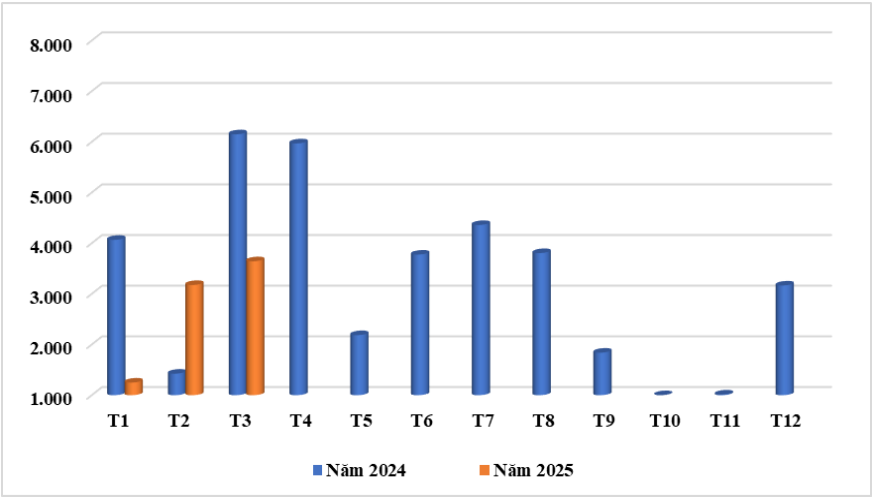
Nguồn: giacaphe.com

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM SANG THÁI LAN

Theo số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam, tháng 3/2024, Việt Nam xuất khẩu cà phê sang Thái Lan đạt 3,64 nghìn tấn, trị giá 27,8 triệu USD, tăng 14,7% về lượng và tăng 15,0% về trị giá so với tháng 2/2025; so với tháng 3/2023 giảm 40,8% về lượng nhưng tăng 33,2% về trị giá.

Tính chung 3 tháng đầu năm 2025, Việt Nam xuất khẩu cà phê sang Thái Lan đạt 8,07 nghìn tấn, trị giá 62,6 triệu USD, giảm 30,7% về lượng, nhưng tăng 61,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, nhờ giá xuất khẩu tăng mạnh.

Lượng cà phê của Việt Nam xuất khẩu qua các tháng năm 2024 – 2025
(ĐVT: Nghìn tấn)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Về cơ cấu mặt hàng: Trong 3 tháng đầu năm 2025, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu cà phê Robusta sang thị trường Thái Lan, đạt 1.209 tấn, trị giá 5,97 triệu USD, giảm 74,3% về lượng và giảm 55,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê Arabica và cà phê chế biến sang thị trường Thái Lan tăng mạnh

Chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường Thái Lan trong 3 tháng đầu năm 2025

(ĐVT: Lượng; tấn, trị giá; nghìn USD)

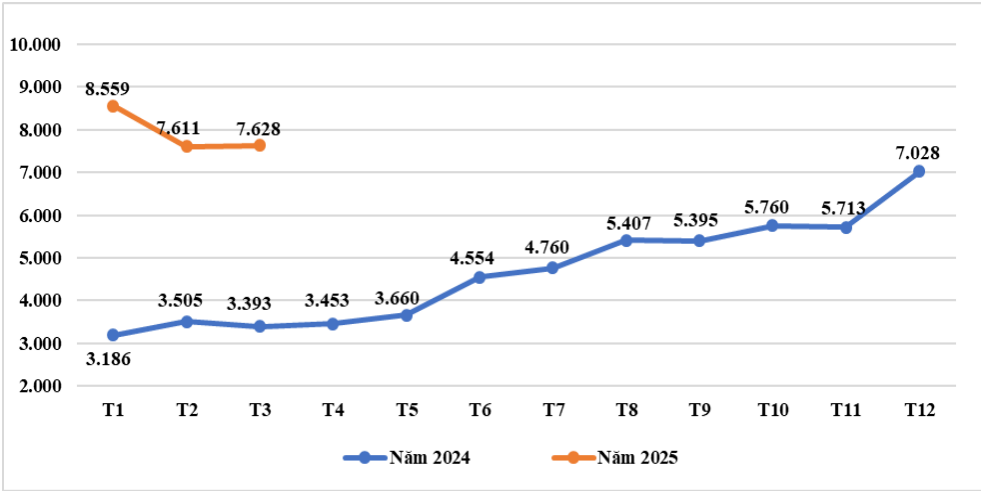
Chủng loại	Tháng 3 năm 2025		So với tháng 2/2025 (%)		So với tháng 3/2024 (%)		3 tháng đầu năm 2025		So với cùng kỳ năm ngoái (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Robusta	1.005	4.988	394,4	407,2	-10,2	53,4	1.209	5.971	-74,3	-55,5
Arabica	103	591	33,6	31,2	90,0	174,5	179	1.042	60,8	133,1
Cà phê chế biến		18.586		100,8		1.117,6		27.841		583,8

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Về giá: Tháng 3/2024, giá bình quân xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Thái Lan đạt mức 7.628 USD/tấn, tăng 0,2% so với tháng 2/2025 và tăng 124,8% so với tháng 3/2024. Tính chung 3 tháng đầu năm 2025, giá bình quân xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Thái Lan đạt mức 7.765 USD/tấn, tăng 132,9% so với cùng kỳ năm ngoái.



Diễn biến giá bình quân xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Thái Lan qua các tháng năm 2024 – 2025 (ĐVT: USD/tấn)

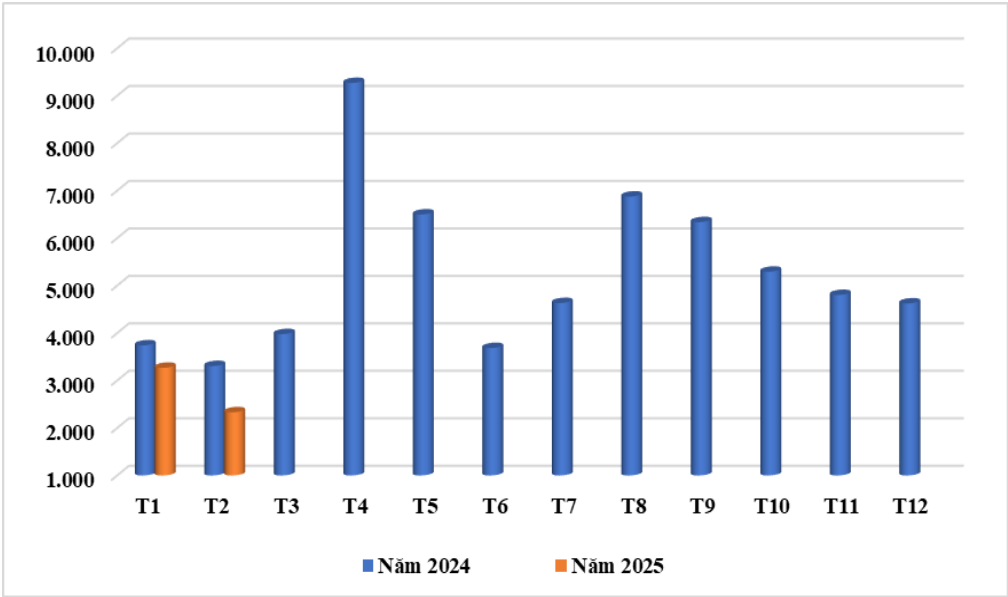


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ THÁI LAN 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 2 tháng đầu năm 2025, Thái Lan nhập khẩu cà phê đạt 5,6 nghìn tấn, trị giá 27,1 triệu USD, giảm 20,5% về lượng, nhưng tăng 12,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Thái Lan nhập khẩu cà phê qua các tháng năm 2024 – 2025 (ĐVT: Nghìn tấn)

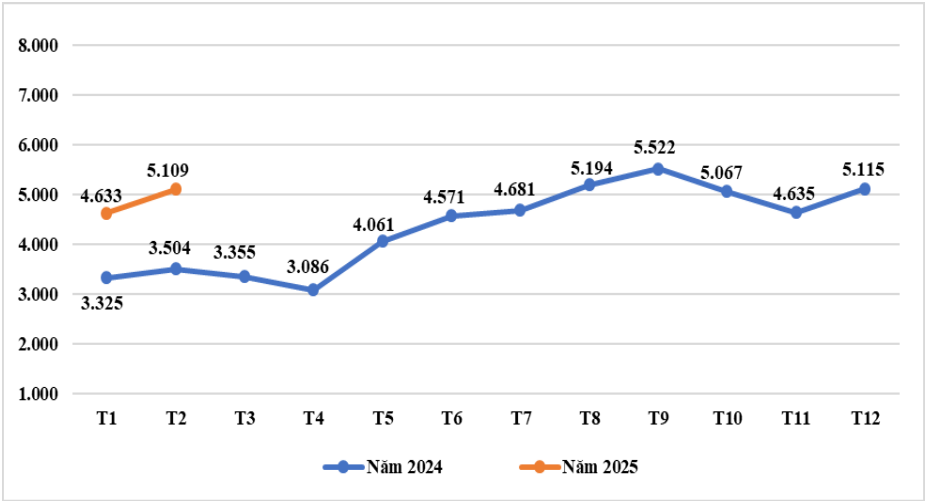


Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Về giá nhập khẩu:

2 tháng đầu năm 2025, giá bình quân nhập khẩu cà phê vào Thái Lan đạt mức 4.831 USD/tấn, tăng 41,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, giá bình quân nhập khẩu cà phê vào Thái Lan từ Việt Nam tăng mạnh nhất 82,2%, lên mức 5.475 USD/tấn.

Diễn biến giá bình quân nhập khẩu cà phê vào thị trường Thái Lan qua các tháng năm 2024 – 2025 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Về cơ cấu chủng loại

Trong 2 tháng đầu năm 2025, Thái Lan nhập khẩu chủ yếu cà phê chưa rang xay, chưa loại bỏ caffein (mã HS 090111), tỷ trọng chiếm 95,0% tổng lượng, giảm 21,9% về lượng nhưng tăng 12,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 5,316 nghìn tấn, trị giá 22,8 triệu USD.

Tiếp đến, Thái Lan nhập khẩu chủng loại cà phê rang, chưa loại bỏ caffein (mã HS 090121) đạt 276 tấn, trị giá 4,11 triệu USD, tăng 17,7% về lượng và tăng 12,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Chủng loại cà phê nhập khẩu vào thị trường Thái Lan trong 2 tháng đầu năm 2025

Mã HS	2 tháng đầu năm 2025			So với cùng kỳ năm ngoái (%)			Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Đơn giá (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	2 tháng năm 2025	2 tháng năm 2024
090111	5.316	22.806	4.290	-21,9	12,9	44,5	95,0	96,6
090121	276	4.112	14.909	17,7	12,1	-4,8	4,9	3,3
090122	7	132	19.211	-1,8	-5,7	-4,0	0,1	0,1

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Về cơ cấu nguồn cung

2 tháng đầu năm 2025, Thái Lan nhập khẩu cà phê từ 18 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Lào là nguồn cung cà phê lớn nhất cho Thái Lan trong 2 tháng đầu năm 2025, đạt 3,46 nghìn tấn, trị giá 13,4 triệu USD, tăng 16,2% về lượng và tăng 48,5% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần cà phê của Lào trong tổng lượng nhập khẩu của Thái Lan tăng từ 42,22% trong 2 tháng đầu năm 2024 lên 61,74% trong 2 tháng đầu năm 2025.

Việt Nam là nguồn cung cà phê lớn thứ hai cho Thái Lan, trong 2 tháng đầu năm 2025 Thái Lan nhập khẩu 1,36 nghìn tấn cà phê từ Việt Nam, trị giá 7,43 triệu USD, giảm 64,7% về lượng và giảm 35,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Thái Lan giảm từ 54,54% trong 2 tháng đầu năm 2024 xuống mức 24,24% trong 2 tháng đầu năm 2025.

Trong 2 tháng đầu năm 2025, Thái Lan tăng nhập khẩu cà phê từ các thị trường In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Bra-xin...

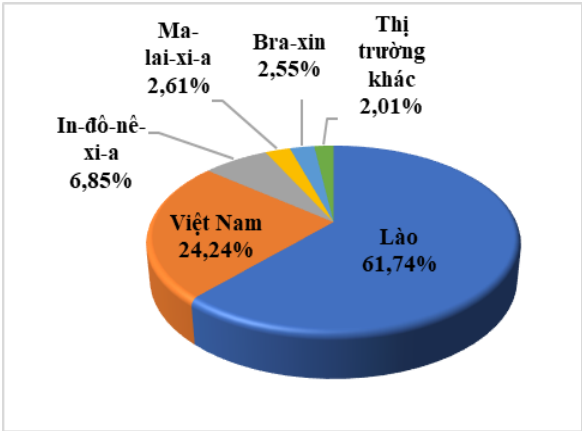
5 nguồn cung cà phê lớn nhất cho Thái Lan trong 2 tháng đầu năm 2025

Thị trường	2 tháng đầu năm 2025			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	5.599	27.050	4.831	-20,5	12,6	41,7
Lào	3.457	13.426	3.884	16,2	48,5	27,8
Việt Nam	1.357	7.431	5.475	-64,7	-35,6	82,2
In-đô-nê-xi-a	384	2.090	5.448	1914,0	2100,0	9,2
Ma-lai-xi-a	146	1.869	12.793	47,5	34,1	-9,1
Bra-xin	143	308	2.155	1664,3	893,5	-43,7

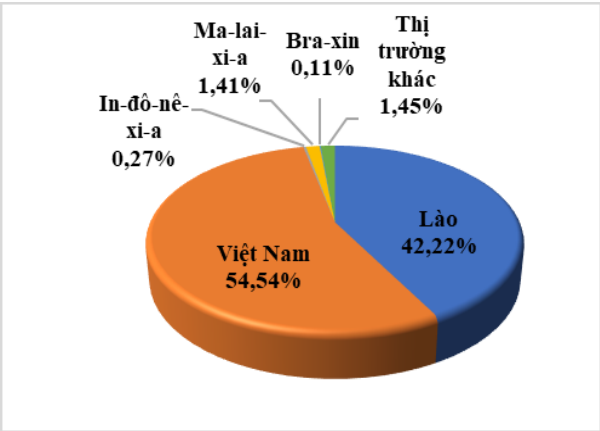
Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Cơ cấu thị trường cung cấp cà phê cho Thái Lan (Tỷ trọng % tính theo lượng)

2 tháng đầu năm 2025



2 tháng đầu năm 2024



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- ▶ Sản lượng hạt điều của Ga-na dự báo sẽ tăng 15% vào năm 2025 nhờ thời tiết thuận lợi và kỹ thuật canh tác được cải tiến.
- ▶ Chính phủ Tan-za-ni-a đặt mục tiêu sản lượng hạt điều đạt 1 triệu tấn vào năm 2030.
- ▶ Trong 3 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Hà Lan tăng 16,7% về lượng và tăng 49% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024; Tỷ trọng xuất khẩu tới thị trường này trong tổng lượng cà phê xuất khẩu tăng lên 9,8% so với mức 6,8% của 3 tháng đầu năm 2024.
- ▶ Tháng 01/2025, nhập khẩu hạt điều của Hà Lan từ thị trường ngoại khối giảm, trong khi nhập khẩu từ Việt Nam vẫn tăng lên. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng hạt điều nhập khẩu vào Hà Lan đã tăng từ 73,16% trong tháng 01/2024 lên 76,81% trong tháng 01/2025.



THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU THẾ GIỚI

Ga-na: Theo Liên minh Hạt điều châu Phi, sản lượng hạt điều của Ga-na trong năm 2024 đã giảm 30% so với năm trước. Nước này sản xuất khoảng 161.000 tấn hạt điều thô (RCN) trong năm 2024, giảm so với mức 230.000 tấn được ghi nhận trong năm 2023.

Ga-na dự kiến sản lượng hạt điều sẽ tăng 15% vào năm 2025, nhờ thời tiết thuận lợi

và kỹ thuật canh tác được cải thiện. Ngoài mối lo ngại về sản xuất, các bên liên quan còn bày tỏ lo ngại về năng lực chế biến hạt điều hạn chế của đất nước. Ga-na là nước xuất khẩu hạt điều thô lớn thứ ba thế giới, sản xuất khoảng 180.000 tấn hạt điều mỗi năm và thu về khoảng 300 triệu USD từ xuất khẩu.

Ấn Độ: Ấn Độ là nước xuất khẩu hạt điều lớn, chiếm hơn 15% thị phần xuất khẩu của thế giới. Trong năm tài chính 2024, trị giá xuất khẩu hạt điều của Ấn Độ đạt 339,21 triệu USD, giảm 4,80% so với mức 356,32 triệu USD trong năm tài chính 2023. Về khối lượng, xuất khẩu hạt điều của Ấn Độ giảm từ 80.366,25 tấn trong năm tài chính 2022 xuống 76.824 tấn trong năm tài chính 2023, sau đó tăng lên 79.030,65 tấn trong năm tài chính 2024.

Bê-nanh: Bê-nanh, một trong những nhà sản xuất hạt điều chính của Tây Phi, đang kỳ vọng sản lượng điều của nước này sẽ tăng đáng kể trong mùa vụ 2024/2025. Sản lượng dự kiến cho mùa vụ 2024/2025 là 225.000 tấn, tăng 11,9% so với mức 201.000 tấn của mùa vụ 2023/2024.

Vào tháng 4/2024, chính phủ nước này đã cấm xuất khẩu hạt điều thô, một động thái nhằm hỗ trợ các ngành công nghiệp chế biến địa phương và tăng cường giá trị gia tăng trong ngành. Quyết định này phù hợp với kế hoạch của Bê-nanh nhằm tăng cường năng lực chế biến trong nước, tạo việc làm và tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương. Khu công nghiệp Glo-Djigbé (GDIZ) đã trở thành nền tảng của những nỗ lực này. Khu công nghiệp này đang hướng đến mục tiêu chế biến 150.000 tấn hạt điều mỗi năm vào năm 2026.

Mặc dù tăng trưởng, Bê-nanh vẫn phải đối mặt với những thách thức về khả năng

cạnh tranh toàn cầu. Chính phủ nước này đã ấn định giá một kg hạt điều là 375 franc CFA (tương đương 0,59 USD/kg) cho năm 2025, thấp hơn mức giá 425 franc CFA (tương đương 0,66 USD/kg) của Bờ biển Ngà. Sản lượng hạt điều của Bê-nanh dự kiến sẽ tiếp tục xu hướng tăng với tốc độ tăng trưởng hàng năm là 2,4% cho đến năm 2026. Sản lượng dự kiến sẽ đạt 253.330 tấn trong năm 2026.

Tan-za-ni-a: Ủy ban điều Tan-za-ni-a đã đặt ra mục tiêu tăng sản lượng hạt điều lên 1 triệu tấn vào năm 2030. Niên vụ 2024/2025, sản lượng điều của nước này ước tính đạt 410.000 tấn, tăng so với mức 310.000 tấn trong niên vụ 2023/2024.

Xu hướng giá cả

- Tại Bờ Biển Ngà, giá mua hạt điều đã được ấn định ở mức 425 franc CFA (khoảng 0,66 USD) một kg vào năm 2025, tăng so với mức 275 franc CFA (0,43 USD) vào năm 2024.

- Giá đấu giá hạt điều ở Tan-za-ni-a dao động từ 4.035 đến 4.120 shilling Tan-za-ni-a (khoảng 1,48 - 1,51 USD) một kg, cao hơn đáng kể so với những năm trước.

- Tại Bê-nanh, giá hạt điều do chính phủ ấn định là 375 franc CFA (0,59 USD) một kg cho năm 2025, thấp hơn giá của Bờ Biển Ngà, nhưng phản ánh những nỗ lực nhằm nâng cao năng lực chế biến tại địa phương.



TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong 3 tháng đầu năm 2025, trong các thị trường xuất khẩu hạt điều lớn của Việt Nam, xuất khẩu tới thị trường Hà Lan có lượng và trị giá tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024. Trong 3 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Hà Lan đạt gần 12 nghìn tấn, trị giá 85,5 triệu USD, tăng 16,7% về lượng và tăng 49% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ trọng xuất khẩu hạt điều sang Hà Lan trong tổng lượng hạt điều xuất khẩu quý I/2025 tăng lên 9,8%, so với mức 6,8% của cùng kỳ năm 2024.

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong 2 tháng đầu năm 2025, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu hạt điều W320 sang thị trường Hà Lan, chiếm 84,1% trong tổng lượng hạt điều xuất khẩu sang thị trường này, đạt 6,07 nghìn tấn, trị giá

42,2 triệu USD, tăng 23,4% về lượng và tăng 49,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Xuất khẩu các chủng loại hạt điều W240, WS/WB sang Hà Lan cũng tăng mạnh, nhưng khối lượng xuất khẩu vẫn thấp.

Trong tháng 2/2025, giá trung bình xuất khẩu hạt điều sang Hà Lan ở mức 7.041 USD/tấn, tăng 23,6% so với tháng 2/2024. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, giá trung bình xuất khẩu hạt điều sang Hà Lan ở mức 7.034 USD/tấn, tăng 25,2% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, giá xuất khẩu hầu hết các chủng loại hạt điều sang Hà Lan đều có tốc độ tăng 2 con số trở lên so với cùng kỳ năm 2024, trừ giá xuất khẩu hạt điều W180 chỉ tăng 1,1% trong 2 tháng đầu năm 2025. Hạt điều SP là chủng loại có giá trung bình xuất khẩu tăng mạnh nhất, trong 2 tháng đầu năm 2025 tăng 122,3% so với cùng kỳ năm 2024.

Chủng loại hạt điều xuất khẩu sang Hà Lan trong 2 tháng đầu năm 2025

Chủng loại	Tháng 2/2025			So với tháng 2/2024 (%)			2 tháng đầu năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
W320	2.394	16.499	6.891	69,1	99,1	17,8	6.073	42.204	6.950	23,4	49,1	20,8
W240	246	2.326	9.470	150,0	228,0	31,2	384	3.517	9.149	59,5	117,0	36,1
W450	18	129	7.275	-89,8	-85,8	39,3	64	515	8.046	-82,6	-73,1	54,5
WS/WB	145	756	5.218	46,4	119,4	49,8	223	1.135	5.086	4,2	48,6	42,6
SP	16	144	8.818	-34,5	31,3	100,6	33	288	8.818	-45,9	20,4	122,3
W180	7	62	8.313	-59,5	-58,9	1,4	33	272	8.278	24,5	25,9	1,1
LP		0		-100,0	-100,0		30	134	4.469	-66,0	-55,0	32,2
Loại khác	157	1.092	6.949	53,7	85,2	20,5	380	2.717	7.152	-3,0	28,1	32,1
Tổng	2.983	21.008	7.041	50,6	86,2	23,6	7.220	50.783	7.034	14,4	43,1	25,1

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA HÀ LAN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Hà Lan là nước nhập khẩu hạt điều lớn thứ hai ở châu Âu. Bên cạnh nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, hạt điều nhập khẩu vào Hà Lan còn được tái xuất sang các nước châu Âu khác do Hà Lan đóng vai trò quan trọng như một trung tâm thương mại ở châu Âu.

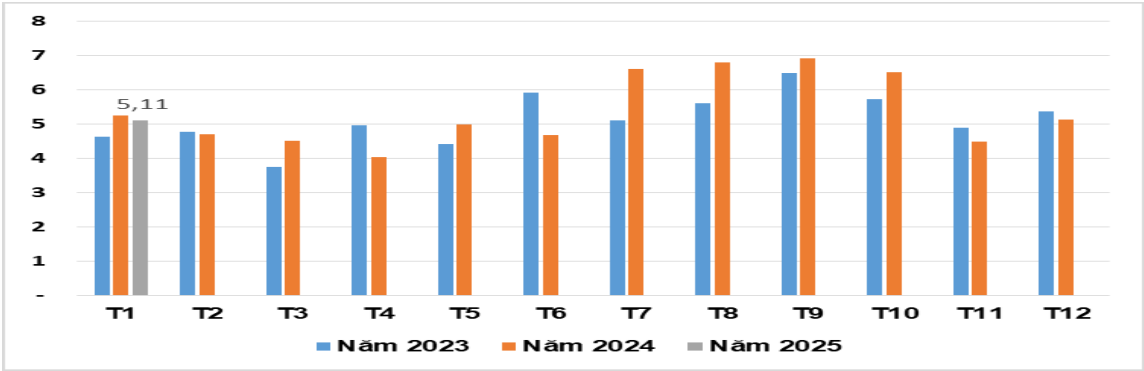
Theo số liệu của Cơ quan Thống kê Châu Âu, nhập khẩu hạt điều của Hà Lan từ thị trường ngoại khối trong tháng 01/2025 đạt 5,1 nghìn tấn, trị giá 37,33 triệu USD,

giảm 2,8% về lượng, nhưng tăng 17,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Diễn biến giá

Giá bình quân nhập khẩu hạt điều của Hà Lan từ thị trường ngoại khối đạt mức 7.308 USD/tấn, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, giá nhập khẩu hạt điều của Hà Lan từ các thị trường chủ lực như Việt Nam và Bồ Đào Nha đều tăng ở mức hai con số, với tốc độ tăng lần lượt là 18,1% và 21,3%.

Lượng hạt điều nhập khẩu của Hà Lan qua các tháng năm 2023-2025
(ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Cơ quan thống kê châu Âu

+ Cơ cấu nguồn cung

Trong tháng 01/2025, Hà Lan nhập khẩu hạt điều từ 16 thị trường ngoại khối, trong đó Việt Nam là nguồn cung lớn nhất. Thị phần hạt điều của Việt Nam chiếm 76,81% về lượng và chiếm 75,02% về trị giá trong tổng nhập khẩu hạt điều của Hà Lan trong tháng 01/2025.

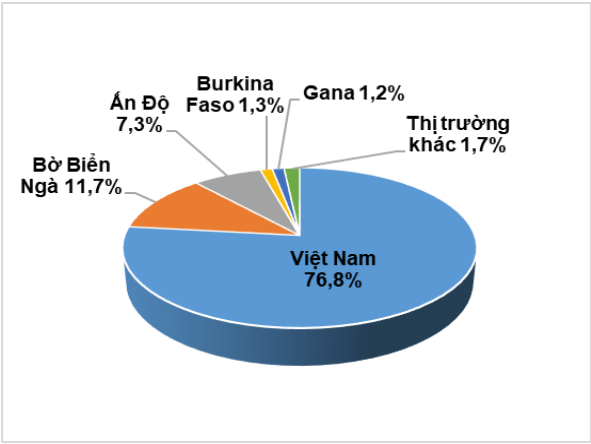
Nguồn cung cấp hạt điều lớn thứ hai cho Hà Lan là Bồ Đào Nha, với thị phần 11,7% về lượng và 11,5% về trị giá trong tổng nhập khẩu của Hà Lan trong tháng 01/2025. Thị phần tính theo lượng và trị giá của Việt Nam và Bồ Đào Nha tại Hà Lan đều tăng trong tháng 01/2025, trong đó tốc độ tăng của Việt Nam nhanh hơn.

Ấn Độ là nguồn cung ngoại khối hạt điều lớn thứ ba vào Hà Lan trong tháng 01/2025, tỷ trọng tính theo lượng cũng tăng từ 6,3% lên 7,3%.

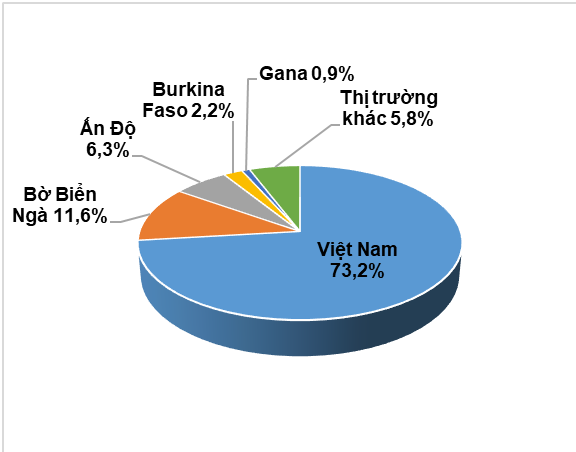
Giá bình quân nhập khẩu hạt điều vào Hà Lan từ Việt Nam đạt mức 7.138 USD/tấn trong tháng 01/2025, tăng 18,1% so với tháng 01/2024.

Cơ cấu thị trường ngoại khối cung cấp hạt điều cho Hà Lan
(Tỷ trọng % tính theo lượng)

Tháng 01/2025



Tháng 01/2024



Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu

Hạt điều là một thành phần được sử dụng để chế biến đồ ngọt, các món ăn ngon, thanh năng lượng, bánh quy, sôcôla và kem. So với các loại hạt khác như đậu phộng, hạt điều có hàm lượng chất xơ tương đối cao giúp tăng cân lành mạnh bằng cách cải thiện tiêu hóa. Những lợi ích dinh dưỡng có giá trị cao này đã dẫn đến việc tăng sản

xuất các sản phẩm từ hạt điều ở Hà Lan, nhiều doanh nghiệp đưa ra các món ăn nhẹ làm từ hạt điều để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng. Các loại hạt đã trở thành thành phần chính trong chế độ ăn uống của hầu hết người Hà Lan và các sản phẩm liên quan đáp ứng được sở thích của cả người tiêu dùng trẻ và lớn tuổi.



Ở Hà Lan, hạt điều thô là sản phẩm thương mại chính của hạt điều nhập khẩu. 60% hạt điều được tiêu thụ làm đồ ăn nhẹ, trong khi 40% còn lại được sử dụng trong bánh kẹo. Ở Hà Lan, khí hậu

không thích hợp để trồng hạt điều trong nước, nước này hoàn toàn phụ thuộc vào nhập khẩu.

Theo Cơ quan Thống kê Châu Âu, Hà Lan đã nhập khẩu 61.690 tấn hạt điều vào năm 2023, tăng lên 64.704 tấn vào năm 2024. Sự gia tăng nhập khẩu có liên quan đến việc tăng tiêu dùng trong nước và tái xuất khẩu.

Tiêu thụ hạt điều có một xu hướng ngày càng tăng do ý thức về sức khỏe ngày càng tăng của người tiêu dùng ở khu vực châu Âu. Hạt điều được sử dụng như một thành

phần trong nhiều sản phẩm thực phẩm chức năng và lành mạnh, chẳng hạn như ngũ cốc ăn sáng, bơ hạt điều và các sản phẩm sô cô la có hạt điều. Người tiêu dùng châu Âu thường thích hương vị của hạt điều rang muối hơn hầu hết các loại hạt thay thế khác. Sở thích đối với hạt điều hơn các lựa chọn ăn nhẹ thay thế khác, chẳng hạn như khoai tây chiên và đồ ăn nhẹ, đang thúc đẩy nhu cầu về hạt điều. Do đó việc tập trung vào đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong chế biến hạt điều sẽ đem lại giá trị cao cho các doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường EU nói chung và Hà Lan nói riêng.

10 nguồn cung ngoại khối hạt điều lớn nhất vào Hà Lan tháng 01/2025

Thị trường	Tháng 01/2025			So với tháng 01/2024 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	Tháng 1/2025	Tháng 1/2024
Ngoại khối	5.109	37.339	7.308	-2,8	17,4	20,7	100,00	100,00
Việt Nam	3.924	28.013	7.138	2,1	20,6	18,1	76,81	73,16
Bờ Biển Ngà	598	4.299	7.187	-2,0	18,8	21,3	11,71	11,62
Ấn Độ	374	3.342	8.931	13,0	47,5	30,5	7,32	6,30
Burkina Faso	65	533	8.257	-44,3	-18,7	45,8	1,26	2,21
Gana	64	509	8.017	33,3	82,0	36,5	1,24	0,91
Braxin	48	412	8.588	0,9	40,5	39,4	0,94	0,91
Campuchia	14	125	8.723				0,28	-
Tôgô	11	23	2.041	-79,6	-92,7	-64,2	0,22	1,06
Tanzania	11	82	7.719	-90,1	-88,4	17,4	0,21	2,04
Nigiêria	0	0	2.266	-99,5	-99,7	-45,2	0,00	0,33
Thị trường khác	0	1	17.974	-99,9	-99,7	271,8	0,00	1,48

Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu

THỊ TRƯỜNG CHÈ

- ▶ Năm 2024, sản lượng chè của Kê-ni-a đạt 598 nghìn tấn, tăng 4,9% so với năm 2023; trong khi Kê-ni-a xuất khẩu được 625,59 nghìn tấn chè, tăng 11,9% so với năm 2023.
- ▶ 2 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc xuất khẩu 68,35 nghìn tấn chè, tăng 14,7% với cùng kỳ năm 2024. Ma-rốc, U-dơ-bê-ki-xtan, Ga-na, Xê-nê-gan và Nga là 5 thị trường xuất khẩu chè lớn nhất của Trung Quốc.
- ▶ Trong 3 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu chè của Việt Nam đạt 26,88 nghìn tấn, trị giá 43,07 triệu USD, tăng 1,3% về lượng, nhưng giảm 0,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ 2 tháng đầu năm 2025, Pa-ki-xtan nhập khẩu 32,78 nghìn tấn chè, giảm 12,7% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần chè của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của thị trường này vẫn ở mức thấp.



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Kê-ni-a là một trong những quốc gia hàng đầu trong sản xuất chè đen trên toàn thế giới, chè là một cây trồng có giá trị của nền kinh tế Kê-ni-a. Đối với nhiều người nông dân, chè là nguồn thu nhập duy nhất và họ có thể trở nên giàu có nhờ trồng và chế biến chè. Sản lượng chè của Kê-ni-a đã tăng đáng kể trong năm 2024, đạt 598

nghìn tấn, tăng 4,9% so với năm 2023 nhờ thời tiết thuận lợi và năng lực chế biến của nhà máy được mở rộng.

Chè cũng là một trong những mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Kê-ni-a. Theo số liệu thống kê của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), xuất khẩu chè (HS 0902) của

Kê-ni-a trong năm 2024 đạt 625,55 nghìn tấn, với trị giá 1,39 tỷ USD, tăng 11,9% về lượng và tăng 3,2% về trị giá so với năm 2023. Chè của Kê-ni-a được xuất khẩu đến 98 thị trường trên thế giới trong năm 2024. Trong đó, Pa-ki-xtan vẫn là thị trường xuất khẩu chè lớn nhất của Kê-ni-a, chiếm 35,4% tổng lượng chè xuất khẩu, với 221,46 nghìn tấn, trị giá 552,1 triệu USD, tăng 1,2% về lượng, nhưng giảm 1,4% về trị giá so với năm 2023. Đứng thứ hai là xuất khẩu tới Ai Cập chiếm 14,53% tổng lượng chè xuất khẩu của Kê-ni-a, với 90,9 nghìn tấn, trị giá 188,54 triệu USD, tăng 6,2% về lượng, nhưng giảm 8,6% về trị giá so với năm 2023. Đứng thứ ba là xuất khẩu tới Anh chiếm 10,34% tổng lượng chè xuất khẩu của Kê-ni-a, với 64,65 nghìn tấn, trị giá 136,57 triệu USD, tăng 34,4% về lượng và tăng 27,3% về trị giá so với năm 2023. Tiếp đến là xuất khẩu tới UAE chiếm 5,36% tổng lượng chè xuất khẩu của Kê-ni-a, với 33,5 nghìn tấn, trị giá 69,16 triệu USD, tăng 10,5% về lượng, nhưng giảm 11,7% về trị giá so với năm 2023.

Chủng loại chè xuất khẩu chính của Kê-ni-a là chè đen. Xuất khẩu chè đen chiếm tới 99,88% tổng lượng chè xuất khẩu của Kê-ni-a trong năm 2024, đạt 624,82 nghìn tấn, với trị giá 1,39 tỷ USD, tăng 11,9% về lượng và tăng 3,1% về trị giá so với năm 2023. Pa-ki-xtan, Ai Cập, Anh, UAE và Nga là 5 thị trường xuất khẩu chè đen lớn nhất của Kê-ni-a trong năm 2024, lượng chè đen xuất khẩu sang các thị trường này đều tăng trưởng tốt so với năm 2023.

Trung Quốc: Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, 2 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc xuất khẩu được

68,35 nghìn tấn chè, với trị giá 248,2 triệu USD, tăng 14,7% về lượng và tăng 0,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Ma-rốc, U-dơ-bê-ki-xtan, Ga-na, Xê-nê-gan và Nga là 5 thị trường xuất khẩu chè lớn nhất của Trung Quốc. Trừ U-dơ-bê-ki-xtan và Ga-na, lượng chè xuất khẩu của Trung Quốc sang các thị trường còn lại đều tăng so với cùng kỳ năm 2024.

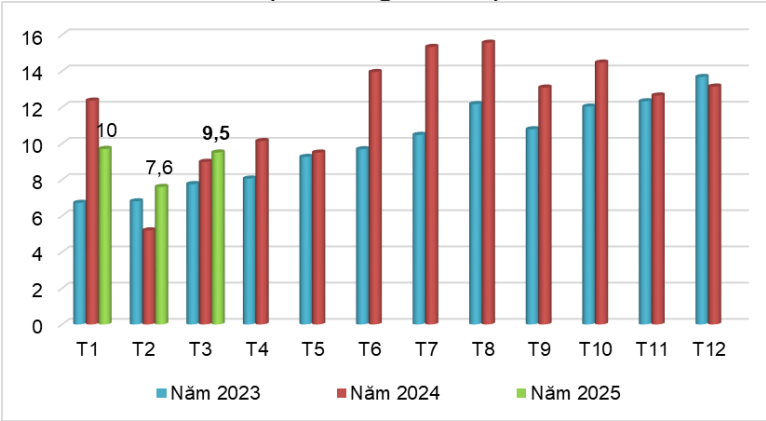
Trong 2 tháng đầu năm 2025, Ma-rốc là thị trường xuất khẩu chè lớn nhất của Trung Quốc, đạt 15,95 nghìn tấn, với trị giá 47,93 triệu USD, tăng 58% về lượng và tăng 49,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Đứng thứ hai là xuất khẩu tới U-dơ-bê-ki-xtan đạt 4,75 nghìn tấn, trị giá 9,62 triệu USD, giảm 3,2% về lượng và giảm 3,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Đứng thứ ba là xuất khẩu tới Ga-na đạt 4,5 nghìn tấn, trị giá 17,46 triệu USD, giảm 46,2% về lượng và giảm 47,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Chủng loại chè xuất khẩu chính của Trung Quốc là chè xanh (HS 090210, 090220) chiếm 86,49% tổng lượng chè xuất khẩu của Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm 2025, đạt 59,12 nghìn tấn, với trị giá 195,38 triệu USD, tăng 17,3% về lượng và tăng 8,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Bên cạnh đó, xuất khẩu chè đen (HS 090230, 090240) chiếm 9,89%, đạt 6,76 nghìn tấn, với trị giá 34,04 triệu USD, tăng 6% về lượng, nhưng giảm 17,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Trung Quốc xuất khẩu các chế phẩm chiết xuất từ tinh chất của chè (HS 210120) chiếm 3,62%, đạt 2,47 nghìn tấn, với trị giá 18,77 triệu USD, giảm 13% về lượng và giảm 27% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CHÈ CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 3/2025, Việt Nam xuất khẩu được 9,54 nghìn tấn chè, với trị giá 14,75 triệu USD, tăng 24,6% về lượng và tăng 23,8% về trị giá so với tháng 02/2025; tăng 6,2% về lượng và tăng 4,6% về trị giá so với tháng 3/2024. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu chè của Việt Nam đạt 26,88 nghìn tấn, trị giá 43,07 triệu USD, tăng 1,3% về lượng, nhưng giảm 0,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

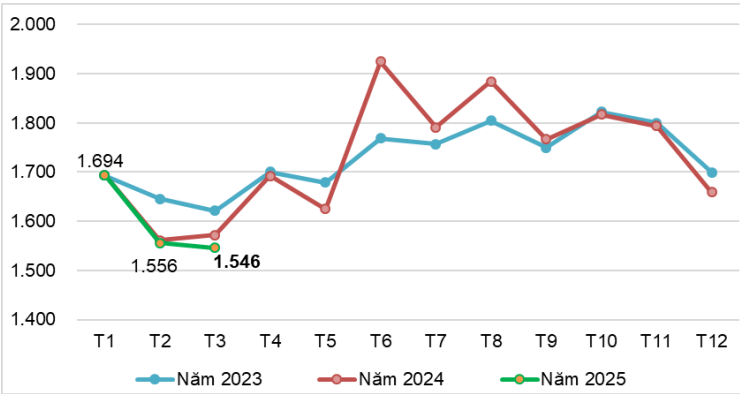
Lượng chè xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2023-2025 (ĐVT: Nghìn tấn)



Nguồn: Cục Hải quan

Về giá xuất khẩu: Tháng 3/2025, giá bình quân xuất khẩu chè ở mức 1.546 USD/tấn, giảm 0,7% so với tháng 02/2025 và giảm 1,5% so với tháng 3/2024. Tính chung 3 tháng đầu năm 2025, giá bình quân chè xuất khẩu đạt 1.602 USD/tấn, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm 2024.

Giá bình quân xuất khẩu chè của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2023 - 2025 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Trong tháng 3/2025, Pa-ki-xtan là thị trường xuất khẩu chè lớn nhất của Việt Nam, chiếm 22,93% về lượng và chiếm 27,73% về trị giá trong tổng xuất khẩu chè của cả nước, đạt gần 2,19 nghìn tấn, trị giá 4,09 triệu USD, tăng 21,2% về lượng và tăng 25,9% về trị giá tháng 02/2025; tăng 69,6% về lượng và tăng 68% về trị giá so với tháng 3/2024. Giá bình quân xuất khẩu chè sang thị trường này ở mức 1.869 USD/tấn, tăng 3,8% so với tháng 02/2025, nhưng giảm 0,9% so với tháng 3/2024. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu chè sang thị trường Pa-ki-xtan đạt 7,4 nghìn tấn, trị giá 13,69 triệu USD, tăng 9,4% về lượng và tăng 2,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Trong tháng 3/2025, lượng chè xuất khẩu của Việt Nam sang một số thị trường đạt tăng trưởng cao so với tháng 3/2024, trong đó đáng chú ý như: Trung Quốc tăng 18,9%; Ma-lai-xi-a tăng 46,3%; I-rắc tăng 109,4%; Ả Rập Xê Út tăng 33%; Cơ-ghít-xtan tăng 700%...

Trong 3 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu chè sang một số thị trường đạt tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2024 như: Pa-ki-xtan, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, I-rắc, Ấn Độ, Ả Rập Xê-út, Cơ-ghít-xtan, Phi-líp-pin...; Trong khi xuất khẩu sang một số thị trường lại giảm như: Đài Loan, Hoa Kỳ, Nga, Ba Lan...

Thị trường xuất khẩu chè của Việt Nam trong tháng 3/2025
và 3 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 3/2025		So với tháng 3/2024 (%)		3 tháng năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	3 tháng năm 2024	3 tháng năm 2025
Tổng	9.545	14.753	6,2	4,6	26.883	43.070	1,3	-0,2	100	100
Pa-ki-xtan	2.189	4.090	69,6	68	7.404	13.695	9,4	2,8	25,5	27,54
Trung Quốc	1.221	1.892	18,9	41,8	2.497	3.517	30,6	34,1	7,2	9,29
Đài Loan	863	1.462	-29,5	-26,3	2.509	4.142	-18,3	-14,2	11,56	9,33
In-đô-nê-xi-a	781	748	-3,3	-10,8	2.534	2.568	35,4	35	7,05	9,43
Ma-lai-xi-a	717	492	46,3	43,4	1.544	1.174	4,5	12,9	5,57	5,74
Hoa Kỳ	682	939	2,7	6,7	1.512	2.132	-19,9	-14,6	7,11	5,62
Nga	441	802	-29,8	-22,1	1.622	2.949	-2,2	11,8	6,25	6,03
I-rắc	423	659	109,4	93,2	976	1.511	118,8	122,2	1,68	3,63
Ấn Độ	368	526	-14	-10,3	786	1.066	47,2	41,6	2,01	2,92
Ả Rập Xê Út	238	581	33	27,7	704	1.886	48,2	56,1	1,79	2,62
Thị trường khác	1.622	2.564	-20,6	-33,9	4.795	8.429	-25,6	-27,8	24,28	17,84

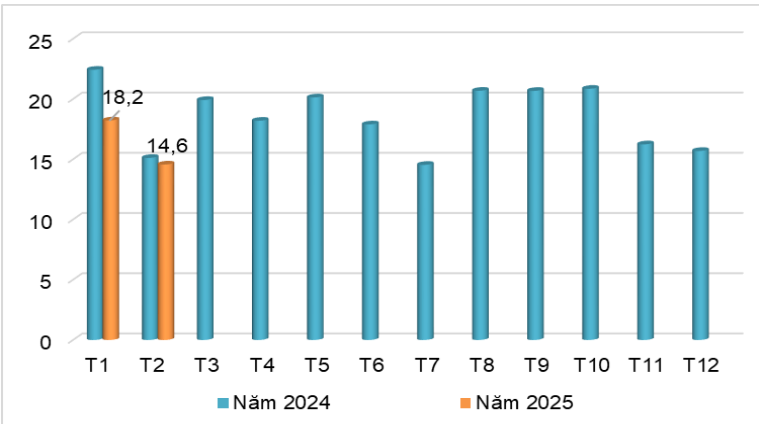
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CHÈ CỦA PA-KI-XTAN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Pa-ki-xtan là một trong những nước tiêu thụ chè lớn nhất thế giới, bình quân đầu người đạt khoảng 1,5 kg/năm. Quốc gia này phụ thuộc rất nhiều vào chè nhập khẩu, chủ yếu từ Kê-ni-a, Rơ-wan-đa, U-gan-da, Ma-la-uy, Việt Nam... Mặc dù có những nỗ lực phát triển ngành chè trong nước, như trồng chè ở khu vực Mansehra và Hazara thuộc Khyber Pakhtunkhwa, nhưng sản lượng hiện tại vẫn chưa đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước của Pa-ki-xtan.

Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Chè Pa-ki-xtan, trong 2 tháng đầu năm 2025, Pa-ki-xtan nhập khẩu 32,78 nghìn tấn chè, trị giá 77,84 triệu USD, giảm 12,7% về lượng và giảm 11,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Kê-ni-a, Rơ-wan-đa, Ma-la-uy, Tan-za-ni-a và Việt Nam là các thị trường lớn nhất cung cấp chè cho Pa-ki-xtan. Lượng chè nhập khẩu của Pa-ki-xtan từ các thị trường này đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2024.

Lượng chè nhập khẩu của Pa-ki-xtan theo tháng năm 2024 – 2025
(ĐVT: nghìn tấn)

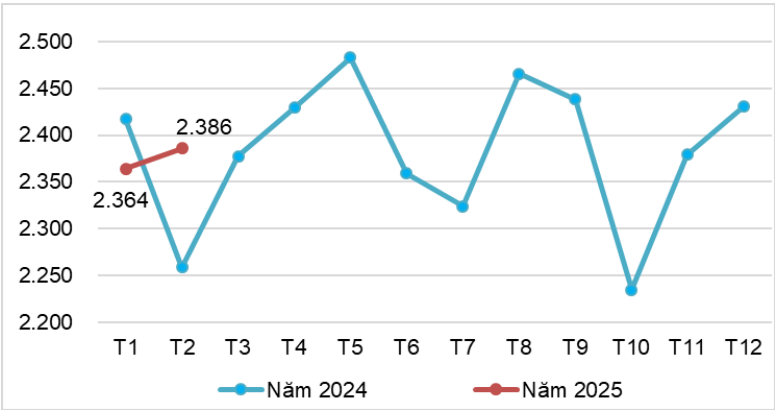


Nguồn: Hiệp hội Chè Pa-ki-xtan



Về giá nhập khẩu: Tháng 02/2025, giá bình quân chè nhập khẩu vào Pa-ki-xtan đạt mức 2.386 USD/tấn, tăng 0,9% so với tháng 01/2025 và tăng 5,6% so với tháng 2/2024. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, giá bình quân chè nhập khẩu vào Pa-ki-xtan đạt 2.374 USD/tấn, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2024.

Giá bình quân nhập khẩu chè của Pa-ki-xtan qua các tháng năm 2024 - 2025
(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Hiệp hội Chè Pa-ki-xtan

Trong 2 tháng đầu năm 2025, Kê-ni-a là thị trường cung cấp chè lớn nhất cho Pa-ki-xtan, đạt 30,06 nghìn tấn, trị giá 73,12 triệu USD, giảm 4,1% về lượng và giảm 6,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần chè của Kê-ni-a trong tổng lượng nhập khẩu chè vào Pa-ki-xtan chiếm 91,69%, cao hơn so với mức 83,5% của cùng kỳ năm 2024.

Trong 2 tháng đầu năm 2025, Việt Nam là thị trường cung cấp chè lớn thứ 6 cho Pa-ki-xtan, đạt 246 tấn, trị giá 402 nghìn USD, giảm 44% về lượng và giảm 35,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần chè của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu chè vào Pa-ki-xtan chiếm 0,75%, thấp hơn so với mức 1,17% của cùng kỳ năm 2024.



Về chủng loại: Chè đen và chè xanh là các chủng loại mà Pa-ki-xtan nhập khẩu trong 2 tháng đầu năm 2025. Trong đó, nhập khẩu chè đen đạt 32,47 nghìn tấn, trị giá 77,27 triệu USD, giảm 12,7% về lượng và giảm 12% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Pa-ki-xtan nhập khẩu chè đen chủ yếu từ Kê-ni-a, Rơ-wan-đa, Ma-la-uy, U-gan-da và Tan-za-ni-a, lượng chè đen nhập khẩu của Pa-ki-xtan từ các thị trường này đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2024.

Trong 2 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu chè xanh của Pa-ki-xtan đạt 310 tấn, trị giá 562 nghìn USD, giảm 9,8% về lượng và giảm 3,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Pa-ki-xtan nhập khẩu chè xanh chủ yếu từ Việt Nam, Trung Quốc và In-đô-nê-xi-a. Lượng chè xanh Pa-ki-xtan nhập khẩu từ Trung Quốc tăng trong 2 tháng đầu năm 2025; trong khi nhập khẩu từ Việt Nam và In-đô-nê-xi-a giảm so với cùng kỳ năm 2024.

Nguồn cung cấp chè cho thị trường Pa-ki-xtan trong 2 tháng đầu năm 2025

Thị trường	2 tháng đầu năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)			Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá BQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá BQ	2 tháng năm 2024	2 tháng năm 2025
Chè đen	32.478	77.277	2.379	-12,7	-12,0	0,8	100	100
Kê-ni-a	30.062	73.120	2.432	-4,1	-6,3	-2,3	84,28	92,56
Rơ-wan-đa	696	1.766	2.536	-54,2	-57,4	-7,1	4,08	2,14
Ma-la-uy	514	683	1.329	-40,8	-48,5	-13,0	2,33	1,58
U-gan-da	485	652	1.345	-70,4	-63,0	24,7	4,40	1,49
Tan-za-ni-a	414	591	1.427	-62,9	-60,3	7,0	3,00	1,28
Bu-run-đi	112	196	1.755	-57,0	-60,0	-7,2	0,70	0,34
In-đô-nê-xi-a	73	146	2.011	39,2	66,6	19,7	0,14	0,22
Việt Nam	55	55	1.002	-72,9	-75,9	-11,2	0,55	0,17
Ác-hen-ti-na	25	14	550				-	0,08
Băng-la-dét	25	23	900				-	0,08
Trung Quốc	15	18	1.200	-90,3	-87,3	31,1	0,42	0,05
UAE	1	13	13.491				-	0,00
Chè xanh	310	562	1.811	-9,8	-3,5	7,0	100	100
Việt Nam	190	346	1.819	-19,0	-12,6	7,9	68,38	61,43
Trung Quốc	98	174	1.787	12,5	25,9	11,9	25,22	31,48
In-đô-nê-xi-a	22	41	1.850	0	-14,0	-14,0	6,40	7,10
Tổng	32.788	77.839	2.374	-12,7	-11,9	0,9	100	100

Nguồn: Hiệp hội Chè Pa-ki-xtan

THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN

- ▶ Từ đầu tháng 4/2025 đến nay, giá sắn nguyên liệu và giá sắn lát xuất khẩu của Thái Lan ổn định so với cuối tháng trước; trong khi giá tinh bột sắn nội địa và giá tinh bột sắn xuất khẩu tại Thái Lan giảm.
- ▶ Trong 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sắn lát và tinh bột sắn của Thái Lan đều có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2024. Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu sắn lát và tinh bột sắn lớn nhất của Thái Lan.
- ▶ 3 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam đạt 1,21 triệu tấn, trị giá 372,88 triệu USD, tăng 28,4% về lượng, nhưng giảm 13,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, do giá xuất khẩu giảm mạnh.
- ▶ Nhập khẩu sắn lát và tinh bột sắn của Trung Quốc đều tăng ở mức 2 con số trong 2 tháng đầu năm 2025. Thị phần tinh bột sắn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc tăng; trong khi thị phần sắn lát giảm so với cùng kỳ năm 2024.



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thái Lan: Từ đầu tháng 4/2025 đến nay, giá sắn nguyên liệu và giá sắn lát xuất khẩu của Thái Lan ổn định so với cuối tháng trước; trong khi giá tinh bột sắn nội địa và giá tinh bột sắn xuất khẩu tại Thái Lan giảm.

Hiệp hội tinh bột sắn Thái Lan thông báo điều chỉnh giá sắn xuất khẩu tinh bột sắn

xuống mức 415 USD/tấn, giảm 10 USD/tấn; Trong khi giá tinh bột sắn nội địa cũng được điều chỉnh xuống mức 13,35 Baht/kg, giảm 0,4 Baht/kg so với cuối tháng 3/2025.

Trong khi đó, Hiệp hội thương mại khoai mì Thái Lan thông báo giá sắn nguyên liệu được giữ ở mức 1,7-2,25 Baht/kg; Giá sắn

xuất khẩu sản lát được giữ ổn định ở mức 180-190 USD/tấn FOB-Băng Cốc.

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan, trong 2 tháng đầu năm 2025, Thái Lan xuất khẩu được 423,73 nghìn tấn sản lát (mã HS 07141011), trị giá 2,63 tỷ Baht (tương đương 78,4 triệu USD), tăng 42,9% về lượng, nhưng giảm 0,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024 do giá xuất khẩu sản lát giảm mạnh. Trong đó, sản lát được xuất khẩu sang Trung Quốc là chủ yếu. (Tỷ giá 1 Baht = 0,02985 USD).

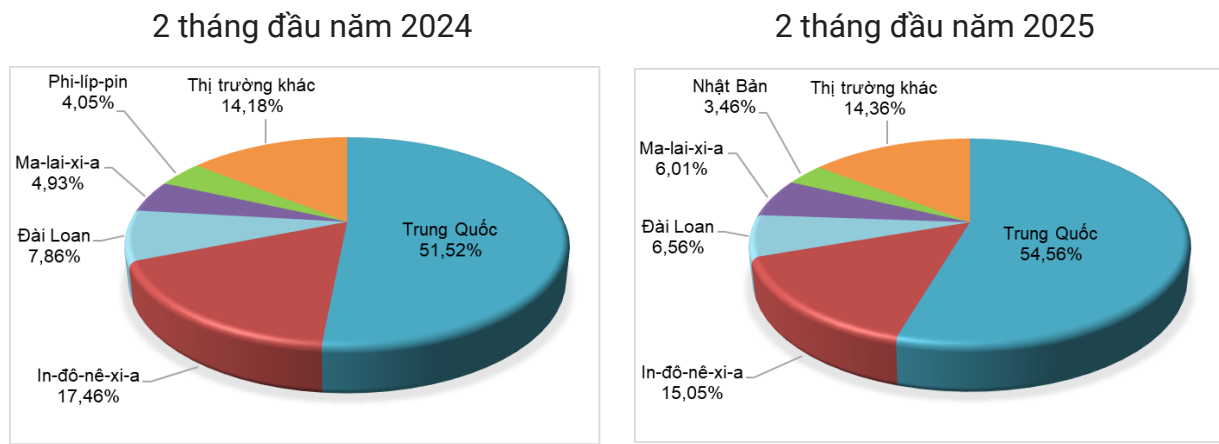
Trong 2 tháng đầu năm 2025, Thái Lan xuất khẩu được 601,5 nghìn tấn tinh bột sản (mã HS 11081400), trị giá 8,17 tỷ Baht (tương đương 243,78 triệu USD), tăng 5,2% về lượng, nhưng giảm 26,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Tinh bột sản của Thái Lan được xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường: Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Đài Loan, Ma-lai-xi-a, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Phi-líp-pin... Xuất khẩu tinh bột sản của Thái Lan sang Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, Hoa Kỳ tăng mạnh; trong khi xuất khẩu sang các thị trường:

In-đô-nê-xi-a, Đài Loan, Nhật Bản, Phi-líp-pin giảm so với cùng kỳ năm 2024.

Trong 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu tinh bột sản sang Trung Quốc chiếm 54,56% về lượng và chiếm 52,35% về trị giá trong tổng xuất khẩu tinh bột sản của Thái Lan, với 328,15 nghìn tấn, trị giá 4,27 tỷ Baht (tương đương 127,62 triệu USD), tăng 11,4% về lượng, nhưng giảm 24,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Tiếp đến là xuất khẩu sang thị trường In-đô-nê-xi-a chiếm 15,05%, đạt 90,55 nghìn tấn, giảm 9,3%. Xuất khẩu tới thị trường Đài Loan đứng ở vị trí thứ 3, chiếm 6,56% tổng lượng tinh bột sản xuất khẩu của Thái Lan, đạt 39,45 nghìn tấn, giảm 12,2% so với cùng kỳ năm 2024.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu tinh bột sản của Thái Lan trong 2 tháng đầu năm 2025 có sự thay đổi khi tỷ trọng xuất khẩu sang các thị trường: Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, Nhật Bản tăng; Trong khi tỷ trọng xuất khẩu sang các thị trường: In-đô-nê-xi-a, Đài Loan, Phi-líp-pin giảm.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu tinh bột sản của Thái Lan
(Tỷ trọng % tính theo lượng)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Thái Lan

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Theo Hiệp hội Sắn Việt Nam, nhiều nhà máy khu vực Tây Ninh và Bắc miền Trung trở ra phía Bắc bắt đầu chuẩn bị nghỉ vụ, do gần hết nguyên liệu và chất lượng củ sắn tươi giảm mạnh độ bột tại thời điểm cuối vụ. Sản lượng tinh bột sắn vụ 2024/25 ước đạt bằng 75% so với vụ 2023/24.

Giá sắn lát hiện ổn định khi nguồn cung mặt hàng này giảm dần về cuối vụ. Các nhà máy thức ăn chăn nuôi tiếp tục tăng thu mua sắn lát trộn vào sản phẩm thức ăn chăn nuôi, khi nguồn cung bã sắn sấy giảm dần, do nhiều nhà máy sản xuất tinh bột sắn nghỉ vụ. Mặc dù mức thuế nhập khẩu ngô hạt vào Việt Nam được giảm từ 2% xuống 0% áp dụng từ ngày 31/3/2025, nhưng giá sắn lát hiện nay vẫn cạnh tranh so với giá ngô trong công thức phối trộn sản phẩm thức ăn chăn nuôi. Giá sắn lát hiện nay đang ở điểm đáy, là cơ hội tốt để thương nhân trữ hàng. Dự kiến, mùa vụ thu mua sắn lát 2024/25 sẽ kéo dài khoảng một tháng nữa. Khách hàng Trung Quốc đã tăng tần suất hỏi hàng và sản lượng sắn lát nhập khẩu về Trung Quốc đã tăng hơn so với cùng kỳ năm 2024, tuy nhiên trị giá giảm do giá sắn lát vụ 2024/25 giảm mạnh.

Hiện giá sắn tươi tại các vùng ổn định so với cuối tháng trước. Tại các tỉnh miền Bắc, giá thu mua sắn tươi hiện dao động ở mức 1.350-1.650 đồng/kg. Trong khi đó, tại các tỉnh miền Trung, giá sắn tươi được thu mua ở mức 1.450-1.950 đồng/kg. Giá sắn tươi thu mua tại Kon Tum dao động ở mức

1.400-1.600 đồng/kg, ổn định so với cuối tháng trước. Đây là mức giá thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.

Giá xuất khẩu sắn lát cũng ổn định so với cuối tháng trước. Hiện giá xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc dao động ở mức 195 USD/tấn FOB Quy Nhơn; trong khi giá xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc khoảng 260 USD/tấn FOB Quy Nhơn, ổn định so với cuối tháng trước.

Giá tinh bột sắn xuất khẩu cũng không có biến động so với cuối tháng trước. Hiện các nhà máy Việt Nam đang chào bán tinh bột sắn với mức giá trong khoảng 375-385 USD/tấn FOB cảng thành phố Hồ Chí Minh. Giá tinh bột sắn giao tại Móng Cái và Lạng Sơn dao động ở mức 2.700-2.820 CNY/tấn, ổn định so với cuối tháng trước. Nhu cầu mua mới tinh bột sắn của Trung Quốc qua biên mậu chậm, trong khi đồng Nhân dân tệ có xu hướng mất giá nên các nhà nhập khẩu mua thận trọng hơn.

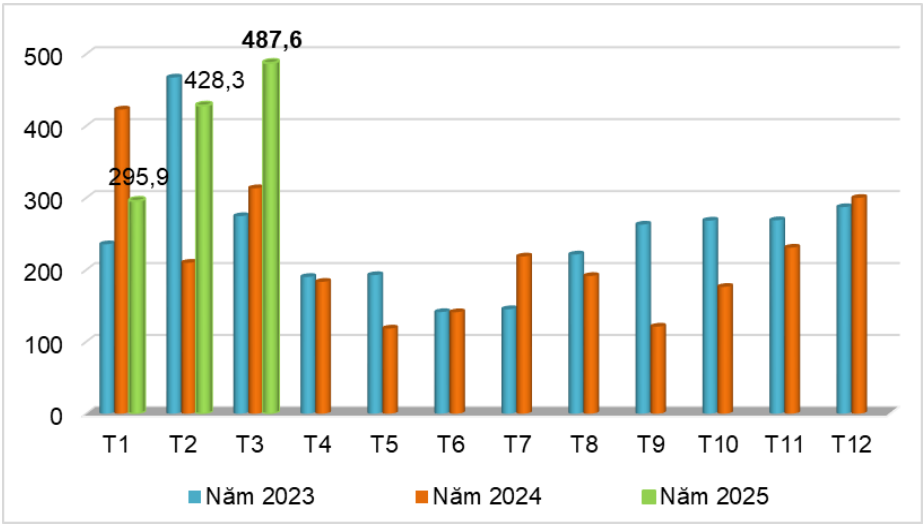


XUẤT KHẨU SẴN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẴN CỦA VIỆT NAM

Xuất khẩu sẵ và các sản phẩm từ sẵ tiếp tục xu hướng tăng trong tháng 3/2025. Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, tháng 3/2025, Việt Nam xuất khẩu được 487,67 nghìn tấn sẵ và các sản phẩm từ sẵ, với trị giá 139,19 triệu USD, tăng 13,8% về lượng và tăng 3,5% về trị giá so với tháng 02/2025; So với tháng 3/2024

tăng 55,6% về lượng, nhưng giảm 1,4% về trị giá. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sẵ và các sản phẩm từ sẵ đạt 1,21 triệu tấn, trị giá 372,88 triệu USD, tăng 28,4% về lượng, nhưng giảm 13,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, do giá xuất khẩu giảm mạnh.

Lượng sẵ và các sản phẩm từ sẵ xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2023-2025 (ĐVT: Nghìn tấn)



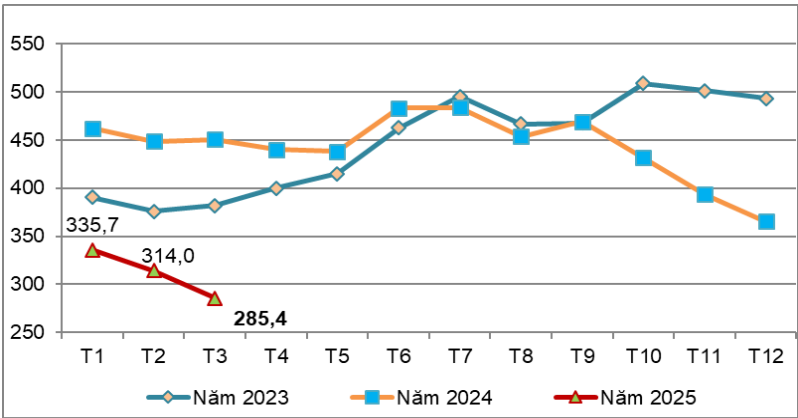
Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Tính riêng mặt hàng sẵ, tháng 3/2025, xuất khẩu sẵ đạt 201,61 nghìn tấn, trị giá 38,17 triệu USD, tăng 63,9% về lượng và tăng 61,5% về trị giá so với tháng 02/2025; tăng 132% về lượng và tăng 71,1% về trị giá so với tháng 3/2024. Giá bình quân xuất khẩu sẵ ở mức 189,3 USD/tấn, giảm 1,4% so với tháng 02/2025 và giảm 26,2% so với tháng 3/2024. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sẵ đạt 376,16 nghìn tấn, trị giá 72,01 triệu USD, tăng 71,5% về lượng và tăng 28,9% về trị giá so với cùng kỳ

năm 2024.

Về giá xuất khẩu: Giá bình quân xuất khẩu sẵ và các sản phẩm từ sẵ liên tục giảm mạnh. Tháng 3/2025, giá bình quân xuất khẩu sẵ và các sản phẩm từ sẵ ở mức 285,4 USD/tấn, giảm 9,1% so với tháng 02/2025 và giảm 36,7% so với tháng 3/2024. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2025, giá bình quân xuất khẩu sẵ và các sản phẩm từ sẵ đạt mức 307,8 USD/tấn, giảm 32,4% so với cùng kỳ năm 2024.

Giá bình quân xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản của Việt Nam qua các năm 2023 - 2025 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Trong tháng 3/2025, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản lớn nhất của Việt Nam, chiếm 95,5% tổng lượng sản xuất khẩu của cả nước, đạt 465,74 nghìn tấn, trị giá 129,85 triệu USD, tăng 13,2% về lượng và tăng 2,2% về trị giá so với tháng 02/2025; So với tháng 3/2024 tăng 56,2% về lượng, nhưng giảm 2,2% về trị giá. Giá bình quân xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản sang Trung Quốc ở mức 278,8 USD/tấn, giảm 9,7% so với tháng 02/2025 và giảm 37,4% so với tháng 3/2024. Lũy

kế 3 tháng đầu năm 2025, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 1,15 triệu tấn sản và các sản phẩm từ sản, với trị giá 349,48 triệu USD, tăng 30,3% về lượng, nhưng giảm 12,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Ngoài Trung Quốc, một số thị trường khác như Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Nhật Bản, Pa-ki-xtan cũng tăng nhập khẩu sản từ Việt Nam trong tháng 3/2025. Đáng chú ý, xuất khẩu sản sang Ma-lai-xi-a tiếp tục mạnh, tăng tới 139,9% về lượng và tăng 63,5% về trị giá so với tháng 3/2024, cho thấy nhu cầu của thị trường này đang có xu hướng tăng. Trong khi, xuất khẩu sang thị trường Đài Loan và Hàn Quốc lại giảm mạnh.

Trong 3 tháng đầu năm 2025, lượng sản và các sản phẩm từ sản xuất khẩu sang các thị trường lớn tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024 như: Trung Quốc tăng 30,3%; Ma-lai-xi-a tăng 138,6%; Phi-líp-pin tăng 31,5%; Nhật Bản tăng 466,5%...; Trong khi xuất khẩu sang thị trường Đài Loan, Hàn Quốc tiếp tục giảm.



Thị trường xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản của Việt Nam trong tháng 3/2025
và 3 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 3/2025		So với tháng 3/2024 (%)		3 tháng năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	3 tháng năm 2024	3 tháng năm 2025
Tổng	487.674	139.193	55,6	-1,4	1.211.446	372.883	28,4	-13,2	100	100
Trung Quốc	465.745	129.856	56,2	-2,2	1.158.328	349.486	30,3	-12,5	94,24	95,62
Đài Loan	5.303	1.972	-11,7	-41,3	12.878	4.850	-18	-44,1	1,66	1,06
Ma-lai-xi-a	4.519	1.664	139,9	63,5	9.883	3.775	138,6	70,2	0,44	0,82
Phi-líp-pin	3.759	1.410	50,1	7,3	8.043	3.080	31,5	-2,4	0,65	0,66
Hàn Quốc	394	162	-72,2	-65,9	559	244	-61,7	-51,4	0,15	0,05
Nhật Bản	260	101			2.283	832	466,5	337,1	0,04	0,19
Pa-ki-xtan	85	50			119	74				0,01
Thị trường khác	7.609	3.978	125,8	73,5	19.353	10.542	-27	-32,1	2,81	1,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU SẢN VÀ TINH BỘT SẢN CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Trong 2 tháng đầu năm 2025, lượng sản lát và tinh bột sản nhập khẩu vào Trung Quốc đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024, qua đó cho thấy, nhu cầu tại Trung Quốc đang có dấu hiệu phục hồi.

+ Sản lát: Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 2 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu 489,69 nghìn tấn sản lát, với trị giá 95,36 triệu USD, tăng 31,7% về lượng, nhưng giảm 4,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thái Lan, Việt Nam, Lào và Căm-pu-chia là 4 thị trường cung cấp sản lát cho Trung Quốc. Lượng sản lát nhập khẩu của Trung Quốc từ Thái Lan tăng mạnh; trong khi nhập khẩu từ Việt Nam, Lào và Căm-pu-chia lại sụt giảm so với cùng kỳ năm 2024.

Thái Lan là thị trường lớn nhất cung cấp sản lát cho Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm 2025, đạt 393,26 nghìn tấn, trị giá 76,04 triệu USD, tăng 47,7% về lượng và tăng 6,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần sản lát của Thái Lan chiếm 80,31% trong tổng lượng nhập khẩu sản lát của Trung Quốc, cao hơn nhiều so với mức 71,6% của 2 tháng đầu năm 2024.

Trong 2 tháng đầu năm 2025, Việt Nam là thị trường cung cấp sản lát lớn thứ hai cho Trung Quốc, với 94,61 nghìn tấn, với trị giá 18,91 triệu USD, giảm 6,6% về lượng và giảm 29% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần sản lát của Việt Nam chiếm 19,32% trong tổng lượng nhập khẩu sản

lát của Trung Quốc, thấp hơn so với mức 27,25% của 2 tháng đầu năm 2024.

+ Tinh bột sản: Trong 2 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu 860,24 nghìn tấn tinh bột sản (mã HS 11081400), trị giá 329,2 triệu USD, tăng 47,2% về lượng và tăng 6,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu nhập khẩu từ Việt Nam, Thái Lan, Lào, Căm-pu-chia và In-đô-nê-xi-a.

Trong đó, Việt Nam vượt Thái Lan trở thành thị trường lớn nhất cung cấp tinh bột sản cho Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm 2025, với 417,1 nghìn tấn, trị giá 153,76 triệu USD, tăng 55,7% về lượng và tăng 11,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần tinh bột sản của Việt Nam chiếm 48,49% trong tổng lượng tinh bột sản nhập khẩu của Trung Quốc, cao hơn so với mức 45,85% của 2 tháng đầu năm 2024.

Thái Lan là thị trường lớn thứ hai cung cấp tinh bột sản cho Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm 2025. Trung Quốc nhập khẩu tinh bột sản từ Thái Lan trong 2 tháng đầu năm 2025 đạt 305,96 nghìn tấn, trị giá 125,91 triệu USD, tăng 57,6% về lượng và tăng 16,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần tinh bột sản của Thái Lan trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc chiếm 35,57%, cao hơn so với mức 33,2% của 2 tháng đầu năm 2024.

Trong 2 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc cũng đẩy mạnh nhập khẩu tinh bột

sản từ Lào và Căm-pu-chia; trong khi giảm nhập khẩu từ In-đô-nê-xi-a. Thị phần tinh bột sản của Lào, Căm-pu-chia, In-đô-nê-xi-a trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc đều giảm so với cùng kỳ năm 2024.

Thị trường cung cấp sản lát và tinh bột sản cho Trung Quốc
trong 2 tháng đầu năm 2025

Mặt hàng - Thị trường	2 tháng đầu năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)			Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá BQ (USD/ tấn)	Lượng	Trị giá	Giá BQ	2 tháng năm 2024	2 tháng năm 2025
Sản lát (HS 07141020)	489.696	95.365	194,7	31,7	-4,1	-27,2	100	100
Thái Lan	393.259	76.045	193,4	47,7	6,1	-28,1	71,6	80,31
Việt Nam	94.609	18.915	199,9	-6,6	-29	-23,9	27,25	19,32
Lào	1.508	325	215,6	-56,3	-64,4	-18,4	0,93	0,31
Căm-pu-chia	320	80	249,6	-60,8	-63,6	-7	0,22	0,07
Tinh bột sản (HS 110814)	860.247	329.200	382,7	47,2	6,4	-27,7	100	100
Việt Nam	417.102	153.766	368,7	55,7	11,5	-28,4	45,84	48,49
Thái Lan	305.966	125.914	411,5	57,6	16,1	-26,4	33,2	35,57
Lào	120.142	43.360	360,9	17	-17,6	-29,6	17,56	13,97
Căm-pu-chia	17.011	6.139	360,9	34,2	-4,2	-28,6	2,17	1,98
In-đô-nê-xi-a	26	17	670	-99,6	-99,5	27,4	1,23	0
Tổng	1.349.943	424.565	314,5	41,1	3,9	-26,4	100	100

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc



THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ 2 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Thổ Nhĩ Kỳ đạt 318,2 triệu USD, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ Do đồng Rúp mạnh, thuế nhập khẩu thấp và nhu cầu ở châu Âu giảm, nên khoảng 430 triệu USD sản phẩm nội thất của châu Âu dự kiến sẽ thâm nhập vào Nga trong năm 2025.
- ▶ 3 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu đồ nội thất văn phòng của Việt Nam ước đạt 78,5 triệu USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của EU từ các thị trường ngoài khối tăng.

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Thổ Nhĩ Kỳ: Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong tháng 2/2025, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Thổ Nhĩ Kỳ đạt 161,3 triệu USD, giảm 5,8% so với tháng 2/2024. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Thổ Nhĩ Kỳ đạt 318,2 triệu USD, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2024.

Thổ Nhĩ Kỳ xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ nhiều nhất tới thị trường I-rắc, đạt 82,9 triệu USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2024; tiếp theo là xuất khẩu tới thị trường Li-bi đạt 20,6 triệu USD, tăng 23%; Đức đạt 17,7 triệu USD, giảm 10,8%; Pháp đạt 16,3 triệu USD, giảm 1,5%...

Nga: Dẫn nguồn interiordaily.com, do đồng Rúp mạnh, thuế nhập khẩu thấp và nhu cầu giảm ở châu Âu, nên khoảng 430 triệu USD sản phẩm nội thất của châu Âu dự kiến sẽ thâm nhập vào Nga trong năm 2025. Do đó, Hiệp hội đồ nội thất Nga (FER)

đã kêu gọi Tổng thống Nga tăng thuế nhập khẩu để bảo vệ các nhà sản xuất trong nước, cảnh báo rằng các chính sách hiện tại đang làm suy yếu ngành công nghiệp đồ nội thất của Nga.

Đồng Rúp tăng giá 15% so với đồng Eur trong quý đầu tiên của năm 2025, hỗ trợ giảm chi phí nhập khẩu của châu Âu đối với người tiêu dùng Nga. Bên cạnh đó, các nhà sản xuất Nga đang phải đối mặt với chi phí tăng đối với các vật liệu như ván ép, ván MDF và ván dăm, dự kiến sẽ tăng hơn 15%, vượt xa mức lạm phát lần đầu tiên sau nhiều năm.

Hiện tại, đồ nội thất nhập khẩu từ châu Âu vào Nga chỉ phải chịu mức thuế 9–12%, mặc dù các quốc gia châu Âu áp dụng lệnh trừng phạt 30–60% đối với hàng hóa của Nga. FER cho rằng sự mất cân bằng này đang gây tổn hại cho các nhà sản xuất của Nga, đặc biệt là khi các công ty châu Âu được hưởng lợi từ các khoản trợ cấp và

ưu đãi thuế nên giá thành thấp so với sản phẩm tại Nga.

Italy và Đức là 2 thị trường dẫn đầu trong khu vực châu Âu gia tăng xuất khẩu sang Nga, với khối lượng trở lại gần mức trước đại dịch Covid và trước chiến tranh. Nhu cầu đồ nội thất của châu Âu đã giảm từ 48,5 tỷ Eur trong năm 2021 xuống còn 38 tỷ Eur trong năm 2024, đã thúc đẩy các nhà sản xuất châu Âu tìm kiếm các thị trường

thay thế như Nga.

Trong khi đó, sản lượng đồ nội thất trong nước của Nga đã giảm 2%, các công ty đang phải đối mặt với chi phí và cạnh tranh tăng. Theo đó, Hiệp hội đồ nội thất Nga (FER) đang kêu gọi các nhà hoạch định chính sách áp dụng các chiến lược bảo hộ, như những chiến lược đang được xem xét ở Hoa Kỳ, để đảm bảo khả năng tồn tại lâu dài đối với ngành đồ nội thất của Nga.

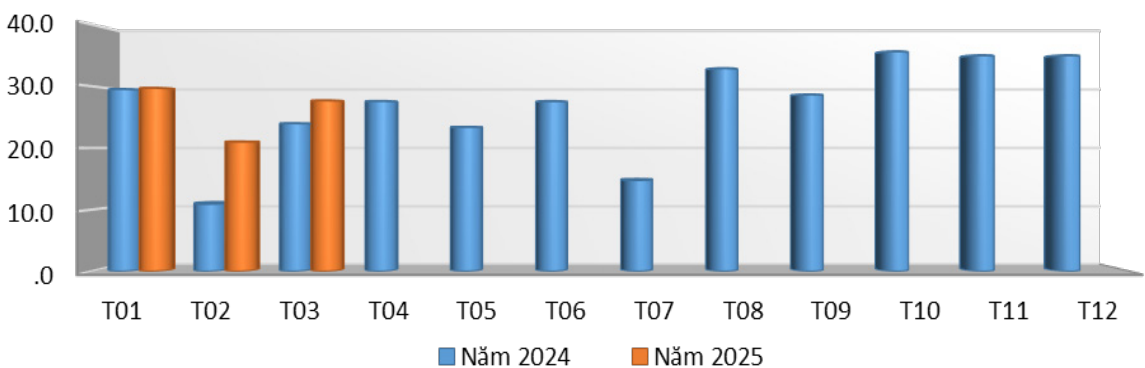


TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU ĐỒ NỘI THẤT VĂN PHÒNG CỦA VIỆT NAM

Theo ước tính, trị giá xuất khẩu đồ nội thất văn phòng của Việt Nam trong tháng 3/2025 đạt 27,7 triệu USD, tăng 31,7% so với tháng 02/2025 và tăng 15,4% so với tháng

3/2024. Tính chung 3 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu đồ nội thất văn phòng ước đạt 78,5 triệu USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2024.

Xuất khẩu đồ nội thất văn phòng qua các tháng năm 2024 - 2025
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Thống kê từ số liệu của Cục Hải quan và số liệu ước tính tháng 3/2025

Đồ nội thất văn phòng của Việt Nam được xuất khẩu đến nhiều thị trường trên thế giới trong 2 tháng đầu năm 2025, trong đó một số thị trường chiếm tỷ trọng lớn và có vai trò quan trọng, cụ thể:

Dẫn đầu là thị trường Hoa Kỳ, trị giá xuất khẩu đồ nội thất văn phòng tới Hoa Kỳ chiếm 72,2% tổng kim ngạch xuất khẩu trong 2 tháng đầu năm 2025, đạt 36,6 triệu USD, tăng 40,9% so với cùng kỳ năm 2024.

Tiếp theo là xuất khẩu tới thị trường Nhật Bản đạt 4,8 triệu USD, giảm 25% so với cùng kỳ năm 2024. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản giảm, nhưng đây là một thị trường quan trọng có nhu cầu cao về sản phẩm chất lượng cao và thiết kế tinh tế, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của ngành.

Các thị trường xuất khẩu đồ nội thất văn phòng lớn tiếp theo gồm: Anh đạt 3,5 triệu

USD, tăng 40,6%; Ca-na-đa đạt 1,3 triệu USD, tăng 50%; Các thị trường tại EU như Hà Lan, Pháp, và Ai Len...

Hoa Kỳ luôn là thị trường xuất khẩu chủ lực đối với đồ nội thất văn phòng, nhưng với nguy cơ có thể bị áp thuế đối ứng cao, vì vậy trong thời gian tạm hoãn thuế 90 ngày, các doanh nghiệp cần tìm kiếm và mở rộng sang các thị trường khác ngoài Hoa Kỳ để giảm sự phụ thuộc. Các doanh nghiệp cần chú trọng cải thiện chất lượng sản phẩm, thiết kế và dịch vụ để cạnh tranh hiệu quả hơn trên thị trường quốc tế; Đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về nguồn gốc gỗ và các tiêu chuẩn quốc tế khác để tránh các rủi ro pháp lý; Theo dõi sát sao các diễn biến trong quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và các chính sách liên quan để có những điều chỉnh kịp thời; Đầu tư vào công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất và quản lý chuỗi cung ứng.

Đồ nội thất văn phòng xuất khẩu tới các thị trường chính trong tháng 2
và 2 tháng đầu năm 2025

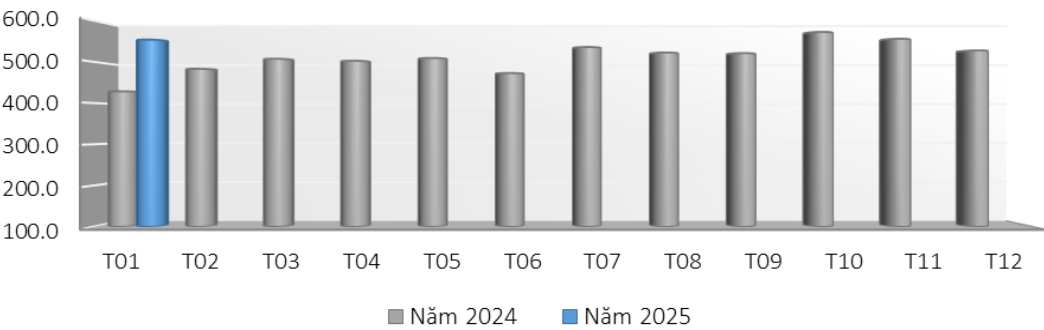
Thị trường	Tháng 2/2025 (Nghìn USD)	So với tháng 2/2024 (%)	2 tháng năm 2025 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2 tháng năm 2025	2 tháng năm 2024
Tổng	21.036	92,1	50.766	25,4	100,0	100,0
Hoa Kỳ	15.027	109,1	36.630	40,9	72,2	64,2
Nhật Bản	2.186	20,2	4.848	-25,0	9,5	16,0
Anh	1.480	87,3	3.474	40,6	6,8	6,1
Ca-na-đa	560	217,8	1.304	50,0	2,6	2,1
Hàn Quốc	388	45,1	913	13,7	1,8	2,0
Trung Quốc	213	369,4	648	-49,4	1,3	3,2
Hà Lan	154		391	362,0	0,8	0,2
Đài Loan	55	120,5	362	-20,4	0,7	1,1
Pháp	140	132,1	320	12,6	0,6	0,7
Mê-hi-cô	123	2473,8	243	221,6	0,5	0,2
Thị trường khác	711	22,4	1.633	-3,8	3,2	4,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA EU TỪ CÁC THỊ TRƯỜNG NGOÀI KHỐI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), trong năm 2024 nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU từ các thị trường ngoài khối đạt 6,1 tỷ Eur (tương đương 7 tỷ USD), tăng 17,3% so với năm 2023. Tháng 01/2025, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU từ các thị trường ngoài khối đạt 553,4 triệu Eur (tương đương 630,8 triệu USD), tăng 29,2% so với cùng kỳ năm 2024.

EU nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường ngoài khối qua các tháng năm 2024 – 2025 (ĐVT: Triệu Eur)



Nguồn: Eurostat

Về thị trường: Năm 2024, EU tăng mạnh nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường ngoài khối, trong đó Trung Quốc là thị trường cung cấp lớn nhất, đạt 3,05 tỷ Eur (tương đương 3,5 tỷ USD), tăng 38,1% so với năm 2023. Tháng 01/2025, Trung Quốc tiếp tục duy trì là thị trường cung cấp ngoài khối số 1 cho EU, đạt 286,8 triệu Eur (tương đương 326,9 triệu USD), tăng 53,8% so với tháng 01/2024, chiếm 51,8% tổng trị giá nhập khẩu của EU từ các thị trường ngoài khối.

Tiếp theo là nhập khẩu từ thị trường Thổ Nhĩ Kỳ đạt 537,3 triệu Eur (tương đương 612,5 triệu USD) trong năm 2024, tăng 2,7% so với năm 2023. Tháng 01/2025, trị giá nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ đạt 44,7 triệu Eur (tương đương 50,9 triệu USD), tăng 0,8%.

Việt Nam là thị trường cung cấp lớn thứ ba đồ nội thất bằng gỗ cho EU, đạt 448,4 triệu Eur (tương đương 511 triệu USD), tăng 8,5% so với năm 2023. Tháng 01/2025, trị giá nhập khẩu từ Việt Nam đạt 56,2 triệu Eur (tương đương 64 triệu USD), tăng 38% so với tháng 01/2024, chiếm 10,2% tổng

trị giá nhập khẩu của EU từ các thị trường ngoài khối.

EU là thị trường quan trọng đối với ngành gỗ Việt Nam. EU là thị trường xuất khẩu sản phẩm gỗ lớn thứ hai của Việt Nam, tuy nhiên, tỷ trọng đồ nội thất bằng gỗ nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 10,2% trong tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU từ các thị trường ngoài khối. Dư địa thị trường còn lớn là cơ hội để các doanh nghiệp ngành gỗ mở rộng thị phần tại EU trong thời gian tới. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) mang lại lợi thế về thuế quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang EU. Mặc dù vậy, các doanh nghiệp Việt Nam cần phải đáp ứng các quy định khắt khe về chất lượng và nguồn gốc gỗ, đặc biệt là Quy định về chống mất rừng (EUDR). Các doanh nghiệp gỗ của Việt Nam cần có chiến lược hiệu quả để vượt qua những thách thức này, bao gồm cải thiện chuỗi cung ứng, nâng cao chất lượng sản phẩm và chủ động thích ứng với các quy định quốc tế.

Thị trường ngoài khối cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho EU năm 2024 và tháng 01/2025

Thị trường	Năm 2024		So với năm 2023 (%)	Tháng 01/2025		So với tháng 1/2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
	Nghìn Eur	Nghìn USD		Nghìn Eur	Nghìn USD		Tháng 1/2025	Tháng 1/2024
Tổng	6.136.383	6.995.477	17,3	553.362	630.833	29,2	100,0	100,0
Trung Quốc	3.053.784	3.481.313	38,1	286.782	326.932	53,8	51,8	43,5
Thổ Nhĩ Kỳ	537.285	612.504	2,7	44.661	50.914	0,8	8,1	10,3
Việt Nam	448.361	511.131	8,5	56.169	64.033	38,0	10,2	9,5
U-crai-na	340.885	388.609	16,7	30.908	35.235	-1,9	5,6	7,4
Bô-xni-a và Héc-xê-gô-vi-na	236.908	270.075	-10,4	19.833	22.610	-7,4	3,6	5,0

Thị trường	Năm 2024		So với năm 2023 (%)	Tháng 01/2025		So với tháng 1/2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
	Nghìn Eur	Nghìn USD		Nghìn Eur	Nghìn USD		Tháng 1/2025	Tháng 1/2024
Xéc-bi-a	226.788	258.538	8,3	18.428	21.008	12,6	3,3	3,8
In-đô-nê-xi-a	291.858	332.718	-5,9	26.641	30.371	73,1	4,8	3,6
Anh	208.131	237.270	-6,4	14.124	16.101	-6,3	2,6	3,5
Ấn Độ	244.929	279.219	15,9	16.861	19.221	41,3	3,0	2,8
Thụy Sĩ	93.452	106.535	-7,7	6.216	7.087	-26,5	1,1	2,0
Thị trường khác	454.003	517.563	-4,0	32.737	37.320	-10,6	5,9	8,5

Nguồn: Eurostat - Tỷ giá 1 Eur = 1,14 USD

Về mặt hàng: EU tăng nhập khẩu hầu hết các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường ngoài khối trong tháng 01/2025, trừ đồ nội thất văn phòng. Dẫn đầu về trị giá nhập khẩu là đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 243,2 triệu Eur (tương đương 277,3 triệu USD), tăng 30,6% so với tháng 01/2024; tiếp theo là ghế khung gỗ đạt 194,4 triệu Eur (tương đương 221,6 triệu USD), tăng 39,4%; đồ nội thất phòng ngủ đạt 91,2 triệu Eur (tương đương 104 triệu USD), tăng 15,5%... Trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất EU nhập khẩu từ các thị trường ngoài khối, trị giá nhập khẩu các mặt hàng từ Việt Nam chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, vì vậy cơ hội để mở rộng thị phần còn nhiều tiềm năng.

EU nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường ngoài khối tháng 01/2025

Thị trường	Tháng 01/2025		So với tháng 01/2024 (%)	Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
	Nghìn Eur	Nghìn USD		Tháng 01/2025	Tháng 01/2024
Tổng	553.362	630.833	29,2	10,2	9,5
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn (HS 940360)	243.202	277.250	30,6	8,8	9,4
Ghế khung gỗ (HS 940161 + 940169)	194.359	221.569	39,4	15,8	12,4
Đồ nội thất phòng ngủ (HS 940350)	91.217	103.988	15,5	4,1	6,9
Đồ nội thất nhà bếp (HS 940340)	12.407	14.143	20,1	1,1	0,8
Đồ nội thất văn phòng (HS 940330)	12.177	13.882	-7,5	2,0	1,9

Nguồn: Eurostat - Tỷ giá 1 Eur = 1,14 USD

QUY ĐỊNH XUẤT KHẨU CHÍNH NGẠCH QUẢ CHANH LEO VÀ ỚT TỪ VIỆT NAM SANG TRUNG QUỐC

Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã ký Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với quả chanh leo tươi và quả ớt xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc.

Với quả chanh leo: Theo Nghị định thư, để quả chanh leo tươi (*Passiflora edulis*) xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc sẽ phải tuân thủ các luật, quy định và tiêu chuẩn liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm của Trung Quốc, các yêu cầu về kiểm dịch thực vật và không nhiễm các đối tượng kiểm dịch thực vật mà phía Trung Quốc quan tâm.

Các đối tượng kiểm dịch mà Trung Quốc quan tâm là: *Bactrocera correcta*, *Planococcus minor*, *Pseudococcus longispinus*, *Lasiodiplodia theobromae*, *Globisporangium splendens*.

Tất cả các vùng trồng cũng như các cơ sở đóng gói chanh leo nếu muốn xuất khẩu sang Trung Quốc phải được đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Môi trường (MAE) và được cả Bộ và Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) phê duyệt. Thông tin đăng ký phải bao gồm tên, địa chỉ và mã số, để khi phát hiện có sản phẩm không tuân thủ các yêu cầu của Nghị định thư này thì có thể truy xuất nguồn gốc một cách chính xác.

Trước khi bắt đầu xuất khẩu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải gửi cho GACC danh sách vùng trồng và cơ sở đóng gói đã đăng ký để phê duyệt, danh sách này sau đó sẽ được cập nhật thường xuyên. Danh sách này sẽ được đăng trên website của GACC.

Tất cả vùng trồng chanh leo đã đăng ký xuất khẩu sang Trung Quốc phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc, áp dụng Thực hành nông nghiệp tốt (GAP) và đảm bảo các điều kiện vệ sinh như duy trì tốt môi trường sản xuất tốt cách xa nguồn ô nhiễm, loại bỏ ngay những quả rụng và thối hỏng.

Phải áp dụng chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), bao gồm giám sát sinh vật gây hại thường xuyên, phòng trừ bằng biện pháp vật lý, hóa học hoặc sinh học; và các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát sinh vật gây hại khác.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải thực hiện chương trình quản lý để giám sát vùng trồng đối với các loài là đối tượng kiểm dịch thực vật tại vùng trồng mà Trung Quốc quan tâm trong suốt vụ sản xuất chanh leo.

Nếu phát hiện các loài đối tượng kiểm dịch thực vật mà Trung Quốc quan tâm thì phải áp dụng ngay các biện pháp phòng trừ. Các hoạt động giám sát và quản lý vùng trồng phục vụ xuất khẩu phải được thực hiện theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật am hiểu về lĩnh vực kiểm dịch thực vật và cán bộ kỹ thuật phải được tập huấn bởi Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc đơn vị do Bộ ủy quyền.

Tất cả vùng trồng phải lưu giữ hồ sơ giám sát và kiểm soát sinh vật gây hại, hồ sơ này sẽ được cung cấp cho GACC khi có yêu cầu. Hồ sơ phòng trừ sinh vật gây hại bằng biện pháp hóa học phải ghi các thông tin cụ thể, bao gồm tên thuốc, hoạt chất, ngày sử dụng và liều lượng sử dụng trong quá trình canh tác. Cán bộ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc cán bộ được Bộ ủy quyền sẽ giám sát quy trình sơ chế và đóng gói chanh leo xuất khẩu sang Trung Quốc.

Cơ sở đóng gói phải có nền cứng sạch sẽ, vệ sinh, có khu vực chứa nguyên liệu và kho thành phẩm. Các cơ sở đóng gói đã đăng ký phải xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc để đảm bảo rằng chanh leo xuất khẩu sang Trung Quốc có thể được truy xuất ngược tới các vùng trồng đã đăng ký.

Các khu chế biến, xử lý, bảo quản và khu chức năng phải riêng biệt, được bố trí hợp lý và tách biệt với khu vực sinh hoạt.

Trong quá trình đóng gói, chanh leo phải được lựa chọn, phân loại và làm sạch để loại bỏ những quả bị bệnh, côn trùng, những quả, lá, thân hoặc các tàn dư thực vật khác bị thối, biến dạng, sau đó làm sạch bề mặt quả bằng súng hơi hoặc súng nước áp suất cao...

Nếu cần thiết, dùng vải bông mềm, sạch để lau chanh leo bằng tay, loại bỏ trứng, bào tử bệnh trên bề mặt quả một cách hiệu quả, cũng như khử trùng bằng thuốc diệt nấm sau thu hoạch để đảm bảo chanh leo xuất khẩu đến Trung Quốc không nhiễm các loài đối tượng kiểm dịch thực vật mà Trung Quốc quan tâm hoặc các tạp chất khác.

Vật liệu đóng gói chanh leo phải sạch, vệ sinh, chưa qua sử dụng và tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh và sức khỏe cây trồng của Trung Quốc. Nếu cần bảo quản, ngay sau khi đóng gói, chanh leo phải được bảo quản trong kho chứa riêng biệt để ngăn ngừa lây nhiễm sinh vật gây hại.

Trong năm đầu tiên kể từ ngày Nghị định thư này có hiệu lực, cán bộ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải tiến hành kiểm tra kiểm dịch thực vật, lấy mẫu 2%. Nếu trong năm đầu tiên không phát hiện vi phạm về kiểm dịch thực vật thì tỷ lệ lấy mẫu sẽ giảm xuống 1%.

Nghị định thư cũng quy định, nếu phát hiện thấy đối tượng kiểm dịch thực vật còn sống, lá hoặc đất thì toàn bộ lô hàng không được xuất khẩu sang Trung Quốc.

Trong một số trường hợp, vùng trồng hoặc/cơ sở đóng gói liên quan sẽ không được xuất khẩu chanh leo sang Trung Quốc trong thời gian còn lại của mùa vụ. Những lô hàng chanh leo từ các vùng trồng hoặc cơ sở đóng gói không được phê duyệt sẽ không được nhập khẩu vào Trung Quốc.

Trong trường hợp phát hiện lô hàng không phù hợp với tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc, lô hàng sẽ bị từ chối nhập khẩu hoặc tiêu hủy.

Chanh leo của Việt Nam sẽ được nhập khẩu qua tất cả các cửa khẩu của Trung Quốc được GACC cho phép nhập khẩu trái cây. Trước khi có nghị định thư, chanh leo được xuất khẩu thí điểm sang Trung Quốc.

Với quả ớt tươi: Theo Nghị định thư, để xuất khẩu an toàn ớt tươi từ Việt Nam sang Trung Quốc, ớt không mang đối tượng kiểm dịch thực vật mà Trung Quốc quan tâm, đất và tàn dư thực vật; tuân thủ các luật, quy định kiểm dịch thực vật có liên quan của Trung Quốc.

Các đối tượng kiểm dịch thực vật mà Trung Quốc quan tâm là: *Aleurodicus dispersus*, *Bactrocera correcta*, *Bactrocera latifrons*, *Phenacoccus solenopsis*, *Asphondylia capsicicola*.

Tất cả các vùng trồng và cơ sở đóng gói ớt xuất khẩu sang Trung Quốc phải được đăng ký bởi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường (MAE) và được Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) phê duyệt. Thông tin đăng ký sẽ bao gồm tên, địa chỉ và mã số để bất cứ khi nào phát hiện có sản phẩm không tuân thủ yêu cầu cũng có thể truy xuất được nguồn gốc một cách chính xác. Danh sách đăng ký sẽ được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chuyển đến Tổng cục Hải quan Trung Quốc để phê duyệt trước khi xuất khẩu và sẽ được cập nhật thường xuyên. GACC sẽ công bố danh sách trên trang web của mình sau khi xem xét và phê duyệt. Những mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói đã được đăng ký và phê duyệt sẽ được tiếp tục sử dụng sau khi Nghị định thư này được ký.

Dưới sự giám sát của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tất cả các vùng trồng đăng ký xuất khẩu ớt sang Trung Quốc phải thiết lập một hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống truy xuất nguồn gốc, áp dụng Thực hành nông nghiệp tốt (GAP) và đảm bảo các điều kiện vệ sinh cho việc trồng ớt, ví dụ: duy trì môi trường sản xuất ớt cách xa nguồn ô nhiễm, loại bỏ kịp thời các nguồn bệnh thực vật. Đồng thời, cũng phải áp dụng chương trình Quản lý tổng hợp dịch hại (IPM) bao gồm giám sát và điều tra sinh vật gây hại, biện pháp vật lý, hóa học hoặc sinh học, hoạt động nông nghiệp và các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát sinh vật gây hại khác.

Các vùng trồng đã đăng ký sẽ phải thực hiện giám sát sinh vật gây hại và quản lý toàn diện đối với các loài đối tượng kiểm dịch thực vật mà Trung Quốc quan tâm dưới sự giám

sát của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Hoạt động giám sát và kiểm soát sinh vật gây hại phải được thực hiện dưới sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật, và cán bộ kỹ thuật phải được tập huấn bởi Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc đơn vị do Bộ ủy quyền.

Hồ sơ giám sát và kiểm soát sinh vật gây hại của tất cả các vùng trồng phải được lưu giữ trong ít nhất 2 năm và cung cấp cho GACC khi có yêu cầu. Hồ sơ giám sát và kiểm soát sinh vật gây hại ít nhất phải bao gồm các thông tin chi tiết như ngày giám sát, tên sinh vật gây hại được phát hiện, các biện pháp kiểm soát được thực hiện, ngày áp dụng biện pháp, tên hoạt chất và nồng độ của các hóa chất được sử dụng.

Với sinh vật gây hại là *Bactrocera correcta* và *B. latifrons*, các vùng trồng phải tiến hành giám sát trực quan và theo dõi bẫy trong suốt mùa vụ, sử dụng bẫy pheromone hoặc bẫy dính màu vàng. Nếu phát hiện thấy *B. correcta* và *B. latifrons* thì phải áp dụng các biện pháp phòng trừ hiệu quả.

Ốt xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc phải được khử trùng và xử lý lạnh dưới sự giám sát của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Biện pháp xử lý lạnh được thực hiện sau khi khử trùng.

Trong trường hợp xử lý lạnh trong quá trình vận chuyển, phải theo dõi nhiệt độ tâm quả và Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ xác nhận việc tuân thủ trước khi xuất khẩu. Nhiệt độ tâm quả trong quá trình vận chuyển phải đáp ứng các thông số xử lý lạnh. Phải lưu giữ hồ sơ theo dõi nhiệt độ của sản phẩm trong quá trình vận chuyển.

Với sinh vật gây hại là: *Aleurodicus dispersus*, *Phenacoccus solenopsis* và *Asphondylia capsicicola*, các vùng trồng phải tiến hành giám sát 2 tuần/lần trong suốt mùa vụ để kiểm tra sự xuất hiện của các loài *Aleurodicus dispersus*, *Phenacoccus solenopsis* và *Asphondylia capsicicola* trên quả, cành, thân và lá. Nếu phát hiện thấy bất kỳ loài sinh vật gây hại hoặc các triệu chứng tương ứng của chúng, cần áp dụng ngay lập tức các biện pháp cần thiết, bao gồm các biện pháp hóa học và sinh học, để kiểm soát quần thể sinh vật gây hại hoặc duy trì tình trạng ít nhiễm sinh vật gây hại.

Việc chế biến, đóng gói, bảo quản và vận chuyển lô hàng Ớt xuất khẩu sang Trung Quốc sẽ được giám sát bởi cán bộ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc cán bộ được Bộ ủy quyền. Các cơ sở đóng gói Ớt xuất khẩu sang Trung Quốc phải có mặt sàn cứng, sạch sẽ và vệ sinh, có khu vực tiếp nhận nguyên liệu và kho thành phẩm. Khu vực chế biến, đóng gói, bảo quản và các khu vực chức năng khác của Ớt xuất khẩu sang Trung Quốc phải được bố trí hợp lý, tách biệt với khu vực sinh sống ở khoảng cách thích hợp.

Trong quá trình đóng gói, Ớt phải được lựa chọn, phân loại và rửa để đảm bảo loại bỏ côn trùng, nhện, động vật thân mềm, các quả bị bệnh hoặc thối, hạt cỏ hoặc mảnh vụn thực vật và đất. Vật liệu đóng gói phải sạch, vệ sinh, chưa qua sử dụng và tuân thủ các

yêu cầu kiểm dịch thực vật của Trung Quốc. Vật liệu đóng gói gỗ phải tuân thủ Tiêu chuẩn quốc tế số 15 về các biện pháp kiểm dịch thực vật (ISPM 15).

Phương tiện vận chuyển hoặc container chở ớt để xuất khẩu sang Trung Quốc phải được kiểm tra độ sạch tại thời điểm xếp hàng. Container phải được niêm phong và phải còn nguyên niêm phong khi đến điểm nhập cảnh Trung Quốc.

Cơ sở đóng gói đã đăng ký phải thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc để đảm bảo rằng ớt xuất khẩu sang Trung Quốc có thể được truy xuất nguồn gốc.

Trong năm đầu tiên thực thi Nghị định thư, cán bộ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải tiến hành kiểm tra kiểm dịch thực vật, lấy mẫu 2%. Nếu trong năm đầu tiên này không phát hiện vi phạm về kiểm dịch thực vật thì tỷ lệ lấy mẫu sẽ giảm xuống 1%.

Trong trường hợp phát hiện thấy bất kỳ đối tượng kiểm dịch thực vật mà Trung Quốc quan tâm còn sống, tàn dư thực vật hoặc đất, lô hàng sẽ không được xuất khẩu sang Trung Quốc.

Nghị định thư cũng nêu rõ: Các lô hàng ớt từ vùng trồng hoặc cơ sở đóng gói không được phê duyệt sẽ không được nhập khẩu vào Trung Quốc. Trong trường hợp phát hiện lô hàng không phù hợp với tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc, lô hàng sẽ bị trả lại hoặc tiêu hủy.

Sau khi ký Nghị định thư, với sự hỗ trợ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, GACC có thể cử các chuyên gia kiểm dịch thực vật tiến hành kiểm tra trực tiếp hoặc trực tuyến tại các vùng sản xuất ớt ở Việt Nam để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu liên quan nhằm không làm gián đoạn thương mại.

Lưu ý:
Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.
Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.

Bản tin THƯƠNG MẠI THỦY SẢN



15

NGÀY 18/04/2025
PHÁT HÀNH THỨ 6 HÀNG TUẦN

6. VASEP kiến nghị Chính phủ hỗ trợ doanh nghiệp thủy sản Việt Nam sau "đòn thuế" từ Mỹ



6. TIÊU ĐIỂM

VASEP kiến nghị Chính phủ hỗ trợ doanh nghiệp thủy sản Việt Nam sau “đòn thuế” từ Mỹ



10. CHUYỂN ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Camimex không bị phụ thuộc nhiều vào thị trường Mỹ

11. GÓC NHÌN CHUYÊN GIA

Mỹ du ký (Bài 5) - Chuyện bên lề

14. VĂN BẢN MỚI

Nghị định 87/2025/NĐ-CP: Quy định việc giảm tiền thuê đất năm 2024

15. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ASC mở rộng chiến dịch Bắc Mỹ để nâng cao nhận thức về tiêu chuẩn

23. GIÁ THỦY SẢN

Giá một số nguyên liệu thủy sản tại Khánh Hòa

25. THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI

Xuất khẩu thủy sản Việt Nam từ 1/1 đến 31/3/2025

28. TÔM

XK tôm Việt Nam Q1/2025 vượt mốc 900 triệu USD nhưng đối diện thử thách thuế ‘Trump’ và làn sóng cạnh tranh mới

37. CÁ TRA

Thị trường cá rô phi Việt Nam & thế giới: Cơ hội, thách thức và giải pháp

47. CÁ NGỪ

Cá ngừ Việt Nam cần mở rộng xuất khẩu sang các thị trường mới

53. SURIMI

Sản lượng surimi tăng 12% trong vụ A cá minh thái của Nga



61. THỨC ĂN THỦY SẢN

Nga: Sản lượng thức ăn thủy sản dự kiến tăng năm nay

65. THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN THẾ GIỚI

Mỹ: Doanh số bán lẻ thủy sản tăng trong tháng 3/2025



nổi bật trong tuần

● Ngày 10/4/2025, VASEP đã phát hành công văn số 50/CV-VASEP gửi Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn và các Bộ trưởng liên quan, khẩn thiết đề xuất các giải pháp hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp thủy sản vượt qua khó khăn sau khi Hoa Kỳ

áp thuế đối ứng lên hàng hóa nhập khẩu

từ Việt Nam.



● Xuất khẩu tôm Việt Nam trong quý I/2025 đạt so với cùng kỳ năm 2024. Mức tăng trưởng ấn tượng này đến từ sự phục

939 triệu USD, tăng 37%

hồi nhu cầu tại nhiều thị trường lớn, đặc biệt là Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và khối CPTPP.

● Quy mô thị trường cá rô phi toàn cầu đạt

10,6 tỷ USD năm 2024,

dự báo 14,5 tỷ USD vào 2033 (CAGR 3,52%). Sản lượng cá rô phi toàn cầu đạt khoảng 7 triệu tấn trong năm 2024, và dự kiến 7,3 triệu tấn năm 2025. Tầm nhìn đến năm 2033, giá trị thị trường cá rô phi dự kiến đạt 14,5 tỷ USD.



● Sáng 17/4/2025, tại thành phố Cần Thơ, VASEP phối hợp với Cục Thủy sản và Kiểm ngư – Sở Nông nghiệp và Môi trường Tp Cần Thơ tổ chức thành công Hội thảo

“Giải pháp tổ chức sản xuất và xuất khẩu cá rô phi năm 2025”.

● Kim ngạch xuất khẩu cá ngừ Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2025 đạt hơn

228 triệu USD, tăng 6%

so với cùng kỳ năm 2024. XK cá ngừ sang các thị trường chính có xu hướng tăng trưởng chậm lại.





CHÚC MỪNG HỘI VIÊN MỚI GIA NHẬP VASEP

HỘI VIÊN LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH TOMOE TRADING VIỆT NAM – TOMOE TRADING VIETNAM CO.,LTD



Địa chỉ VP: Phòng 1618, Tầng 16, Tòa nhà Icon4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 2437606663

Email: hue.tn@tomo-e.com.vn

Loại hình doanh nghiệp: TNHH

Thị trường: Nội địa

Lĩnh vực hoạt động: máy móc thiết bị

CÔNG TY TNHH LEOW VIỆT NAM – LEOW CASING



Địa chỉ văn phòng: Lô số 23A, Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại: +84 2736 527 888

Email: leowvietnam@gmail.com

Năm thành lập: 29/9/2015

Thị trường: Trung Quốc, EU...

EUcode: TS1254

Lĩnh vực hoạt động: Chế biến và xuất khẩu thủy sản: cá đông lạnh, hàng khô: cá biển fillet cấp đông, cá biển đông block, bong bóng cá sấy khô....

Áp dụng hệ thống QLCL: HACCP, BRC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN STP (STP GROUP)



Địa chỉ trụ sở: TT10-11, Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thấp tầng tại các ô đất từ TT10 đến TT13, Khu đấu giá, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243.676.3566

Email: info@stpgroup.com.vn

Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần

Năm thành lập: 16/12/2022

Thị trường: Nội địa

Lĩnh vực hoạt động: Xây dựng hạ tầng công - nông nghiệp, hạ tầng thủy sản

Áp dụng hệ thống QLCL: ISO

BÁO CÁO

XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM QUÝ I/2025

Ấn phẩm Báo cáo Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam Quý I/2025 là tài liệu chuyên sâu cung cấp bức tranh toàn cảnh về tình hình thương mại thủy sản Việt Nam và thế giới trong 3 tháng đầu năm 2025.

Báo cáo gồm 2 phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh

Dự kiến ra mắt vào cuối tháng 04/2025



Nội dung báo cáo với dung lượng gần 100 trang, 100 biểu đồ + bảng số liệu, bao gồm 6 chương cho từng ngành hàng: Tôm 🦐, Cá tra 🐟, Cá ngừ 🐟, Mực, bạch tuộc 🐙 và một số mặt hàng hải sản khác 🐠...

- ✓ Thống kê sản lượng, diện tích nuôi trồng, khai thác và giá nguyên liệu thủy sản theo từng ngành hàng trong quý I/2025;
- ✓ Tình hình xuất khẩu theo tháng và quý I/2025, giá xuất khẩu và tăng trưởng từng sản phẩm theo từng thị trường chính;
- ✓ Danh sách **Top doanh nghiệp xuất khẩu** theo ngành hàng và thị trường (Mỹ, Nhật, Trung Quốc, EU, Hàn Quốc...); Top 100 DN XK thủy sản lớn nhất trong quý I/2025
- ✓ Phân tích nhập khẩu thủy sản vào Việt Nam và các thị trường trọng điểm;
- ✓ So sánh năng lực cạnh tranh của Việt Nam với các quốc gia xuất khẩu lớn khác;
- ✓ Nhận định xu hướng, cơ hội - thách thức mới của ngành và **dự báo sản xuất, xuất khẩu quý II và cả năm 2025.**

👉 Đăng ký ngay ấn phẩm thủy sản mới nhất để nắm bắt sâu hơn về ngành thủy sản Việt Nam, từ đó giúp DN phân tích thị trường và có cơ sở xây dựng chiến lược kinh doanh cho từng giai đoạn trong thời gian tới.

Kế hoạch dự kiến phát hành

Báo cáo Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam năm 2025:

	Tiếng Việt	Tiếng Anh
- Báo cáo Quý I	29/04/2025	12/05/2025
- Báo cáo Quý II	31/07/2025	11/08/2025
- Báo cáo Quý III	31/10/2025	10/11/2025
- Báo cáo Quý IV	31/01/2026	10/02/2026



TRUNG TÂM ĐÀO TẠO & XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VASEP (VASEP.PRO)

Tel: 024 3835 4496 - Ext 212 - Fax: 024 3771 5084

Nguyễn Thu Trang - Mobile: 0868 093 697 - 0906 151 556

www.vasep.com.vn



VASEP KIẾN NGHỊ CHÍNH PHỦ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP THỦY SẢN VIỆT NAM SAU “ĐÒN THUẾ” TỪ MỸ

VP VASEP

(vasep.com.vn) Ngày 10/4/2025, Hiệp hội VASEP đã phát hành công văn số 50/CV-VASEP gửi Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn và các Bộ trưởng liên quan, khẩn thiết đề xuất các giải pháp hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp thủy sản vượt qua khó khăn sau khi Hoa Kỳ áp thuế đối ứng lên hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam.

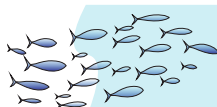
Hoa Kỳ là một trong hai thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam, cùng với Trung Quốc, với kim ngạch xuất khẩu đạt 1,8-2,1 tỷ USD/năm trong ba năm qua, chiếm khoảng 20% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước. Đây là thị trường **lớn, quan trọng và có tính định hướng** trong xuất khẩu thủy

sản Việt Nam, đặc biệt là thị trường nhập khẩu số 1 của tôm và cá ngừ, và lớn thứ hai của cá tra. Sau hơn 20 năm mở rộng và phát triển, thủy sản Việt Nam đã trở thành thương hiệu quen thuộc với người tiêu dùng Mỹ, đưa Việt Nam vào top các nước cung cấp thủy sản hàng đầu cho Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, kể từ ngày 9/4/2025, Hoa Kỳ đã bắt đầu áp dụng **mức thuế đối ứng lên tới 46%** đối với hàng hóa từ Việt Nam. Điều này sẽ tác động rất lớn đến ngành thủy sản Việt Nam, gây ra nguy cơ mất đi thị trường quan trọng nhất và làm suy giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường Mỹ do mức thuế quá cao so với các đối thủ như Ecuador, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia Trong tình huống xấu

nhất, nếu mức thuế cao 46% không được điều chỉnh, xuất khẩu sang Mỹ có nguy cơ bị đình trệ, dẫn đến hàng loạt khó khăn cho doanh nghiệp như tồn kho lớn, dòng tiền bị gián đoạn, gánh nặng lãi suất ngân hàng, ngưng trệ sản xuất nguyên liệu, ảnh hưởng đến việc làm và sinh kế của nông-ngư dân và người lao động, cũng như gia tăng áp lực cạnh tranh quốc tế ở các thị trường khác.

Trong một diễn biến mới nhất vào rạng sáng ngày 10/4/2025, Hoa Kỳ đã công bố **hoãn áp dụng thuế đối ứng trong 90 ngày** đối với Việt Nam và 74 quốc gia khác, đồng thời áp dụng mức thuế 10% trong thời gian này. Riêng Trung Quốc chịu mức thuế 125%. Kịch bản này giúp các



doanh nghiệp “dễ thở” hơn và vẫn duy trì được năng lực xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong 90 ngày tới, đồng thời mong đợi vào kết quả đàm phán tốt để có mức thuế cạnh tranh hơn sau khi thời hạn trên kết thúc....

Tuy nhiên, Hiệp hội cũng lo ngại về áp lực giảm nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam và tăng cường xuất khẩu vào các thị trường khác của Trung Quốc, gây thêm cạnh tranh.

VASEP và cộng đồng doanh nghiệp thủy sản tin tưởng vào các quyết sách của Đảng và Chính phủ, đặc biệt là Đoàn đàm phán đang công tác tại Hoa Kỳ từ ngày 6-14/4/2025. Tuy nhiên, để chủ động đối phó với những bất ổn và tác động tiêu cực từ chính sách thuế của Hoa Kỳ, VASEP đã tổng hợp ý kiến của các doanh nghiệp và đề xuất với Chính phủ và các Bộ “02 gói” hỗ trợ cần thiết để duy trì sản xuất, củng cố năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường

GÓI HỖ TRỢ THỨ NHẤT: DUY TRÌ SẢN XUẤT, CÚNG CỐ CHUỖI CUNG ỨNG VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH

VASEP kiến nghị Chính phủ và các Bộ xem xét các giải pháp sau:

• Khơi thông sản xuất và tiêu thụ liên quan đến công nghệ, IUU, ATTP và kiểm dịch:

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Bộ NNMT) hoàn chỉnh Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định trong lĩnh vực thủy sản (trên cơ sở thẩm định của Bộ Tư pháp) và trình Chính phủ ký ban hành ngay trước ngày **15/4/2025** để giúp doanh nghiệp có chứng từ nguyên liệu hợp lệ cho xuất khẩu sang EU và các thị trường có FTA....
- Kiến nghị Chính phủ cho phép thành lập “**Quỹ phát triển công nghệ ngành Thủy sản**” theo mô hình thành công ở một số nước,

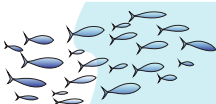
được trích theo tỷ lệ phần trăm trên số lượng xuất khẩu, nhằm hỗ trợ công nghệ, đổi mới sáng tạo và kết nối đầu tư....

- Đề xuất đưa bổ sung quy định về “**ngưỡng phát hiện tối thiểu của thiết bị - MRPL**” liên quan đến xét nghiệm kháng sinh cấm vào khung pháp lý của Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 15/2018 do Bộ Y tế chủ trì, và giao Bộ NNMT hướng dẫn chi tiết tại Thông tư, nhằm khơi thông thị trường nội địa cho các sản phẩm thủy sản đạt tiêu chuẩn xuất khẩu EU nhưng chưa thể vào siêu thị trong nước...
- Đề nghị Bộ Y tế bổ sung quy định về **kiểm tra chuyên ngành ATTP đối với hàng thủy sản chuyển mục đích sử dụng sang tiêu thụ nội địa có nguồn gốc từ nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu** vào Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 15/2018
- Đề nghị Bộ NNMT xem xét đặc thù của nguyên liệu ruốc khai thác gần bờ để có công thư đề nghị EU miễn trừ các quy định về IUU khi xuất khẩu sản phẩm ruốc sang EU
- Đề nghị Cục NAFIQPM và Bộ NNMT tiếp tục xem xét, hướng dẫn về điều kiện vùng nuôi nhuyển thể và bổ sung vùng thu hoạch sò điệp vào Chương trình Giám sát NT2MV, đồng thời đề nghị Cục hỗ trợ đề xuất EU phê duyệt coidiệp vào danh mục sản phẩm xuất khẩu.
- Kiến nghị Bộ NNMT và Cục Chăn nuôi - Thú y xem xét lại quy định kiểm tra ADN của cừu, dê và ngựa trong bột cá sản xuất tại Việt Nam, đề nghị giảm chỉ tiêu này nếu không phải là quy định chung của nước nhập khẩu, hoặc

sửa đổi quy định nếu nước nhập khẩu không yêu cầu.

• Các đề xuất về thuế, phí, tín dụng, hải quan và điện:

- Đề nghị Chính phủ, Bộ Tài chính tiếp tục có chính sách **miễn, giảm tiền thuế đất** cho doanh nghiệp ít nhất đến hết năm 2025.
- Đề nghị Bộ Tài chính chỉ đạo các cơ quan thuế địa phương **đẩy nhanh việc hoàn thuế VAT** cho doanh nghiệp.
- Đề nghị Chính phủ tiếp tục có quyết sách **giảm thuế VAT** để kích cầu tiêu dùng trong nước, ít nhất đến hết năm 2026.
- Kiến nghị Bộ Tài chính đưa nội dung xác nhận chế biến thủy sản là “**hoạt động chế biến**” (đã được Bộ xác nhận tại CV 2550/BTC-TCT ngày 12/3/2021) vào văn bản quy phạm pháp luật để doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế TNDN.
- Kiến nghị Bộ Tài chính và Cục Thuế có văn bản hướng dẫn thống nhất về **thuế suất thuế GTGT cho sản phẩm thủy sản đông lạnh**, đảm bảo thực hiện đúng Thông tư 219/2013/TT-BTC20.
- Đề nghị Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục duy trì **gói tín dụng cho lĩnh vực lâm sản, thủy sản** ở mức 100 nghìn tỷ đồng hoặc hơn theo nhu cầu đến hết năm 2026.
- Đề nghị Chính phủ có chính sách **giảm lãi vay, cho phép doanh nghiệp cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ** đối với các khoản nợ cho hàng tồn kho đã mua để sản xuất xuất khẩu sang Mỹ.
- Đề nghị Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng chỉ đạo **giảm giá điện cho**



các container lạnh tại cảng đối với hàng tồn kho do không xuất khẩu được sang Mỹ.

- Đề nghị Chính phủ, Bộ Công Thương chỉ đạo chủ trương cho phép doanh nghiệp **đầu tư điện áp mái lên 2MW** (hiện tại chỉ 1MW) và Điện lực có chính sách tạm thời chấp nhận mua điện vượt ngưỡng thêm 30% để giảm chi phí lưu trữ hàng tồn kho và sản xuất.
- Đề nghị Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn về **mức thuế GTGT đối với phế phẩm, phụ phẩm thủy hải sản** để không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT ở khâu kinh doanh thương mại nếu chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường.

• **Các đề xuất về lao động, thị trường và FTA:**

- Kiến nghị Bảo hiểm Xã hội Việt Nam cho phép doanh nghiệp được **giãn thời gian đóng BHXH và hỗ trợ tiền trợ cấp thất nghiệp cho người lao động** do giảm sản lượng và tìm kiếm thị trường mới.
- Kiến nghị Chính phủ, Bộ Công Thương chỉ đạo đàm phán với cơ quan có thẩm quyền Hàn Quốc **bãi bỏ hạn ngạch đối với tôm Việt Nam nhập khẩu vào Hàn Quốc** trong khuôn khổ Hiệp định VKFTA.
- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu đàm phán thêm **quy tắc xuất xứ cộng gộp giữa các nước có FTA với EU**.
- Đề nghị Bộ KHCN, Bộ Công Thương hướng dẫn thống nhất về **ghi nhãn sản phẩm thủy sản xuất khẩu chế biến từ nguyên liệu nhập khẩu** là "Sản xuất tại Việt Nam" hoặc "Sản phẩm của

Việt Nam" và giải phóng các lô hàng đang bị "treo" do quy định tại Nghị định 111.

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan thanh tra, kiểm tra (thuộc các Bộ, Tỉnh) **không tổ chức kiểm tra định kỳ trong năm 2025-2026 đối với doanh nghiệp không có dấu hiệu vi phạm**.

GÓI HỖ TRỢ THỨ HAI: MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG, GIA TĂNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI NĂM 2025-2026

Để cân bằng phần nào thâm hụt từ thị trường Mỹ, VASEP đề xuất duy trì và tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại tại các thị trường khác:

• **Duy trì tốt các chương trình đã được phê duyệt trong năm 2025:**

- **Hội chợ thủy sản Bắc Mỹ (Boston):** Đề xuất Bộ Công Thương tiếp tục hỗ trợ toàn bộ chi phí mặt bằng và dàn dựng gian hàng Việt Nam trong trường hợp doanh nghiệp không thể đóng góp đủ chi phí.
- **Triển lãm Thủy sản Toàn cầu tại Barcelona, Tây Ban Nha:** Đề xuất Bộ Công Thương, Bộ NNMT tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp và Hiệp hội triển khai các hoạt động bên lề triển lãm như tiệc chiêu đãi giới thiệu cá tra, cooking show, networking.
- **Hội chợ Thủy sản Châu Á (Singapore):** Xin hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước (NSNN) cho gian hàng VASEP do đa phần doanh nghiệp tham gia là vừa và nhỏ.
- **Hội chợ Thủy sản và Nghề cá Trung Quốc (Thanh Đảo):** Đề xuất NSNN tài trợ cho hoạt động quảng bá gian hàng quốc gia và "Tiệc chiêu đãi thủy sản Việt Nam & networking"

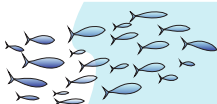
- **Hội chợ Thủy sản và Nghề cá Hàn Quốc (Busan):** Đề xuất đại diện Bộ Ngoại giao/Bộ Công Thương kết nối Ban tổ chức tặng gian hàng theo quy định ngoại giao và hỗ trợ kinh phí tổ chức kết nối B2B.

• **Các hội chợ, triển lãm mới đề xuất vào Chương trình XTTM Quốc gia:**

VASEP mong muốn NSNN hỗ trợ 100% chi phí gian hàng (mặt bằng, thiết kế, trang thiết bị) trong thời gian đầu để thu hút doanh nghiệp tham gia các thị trường mới. Các hội chợ đề xuất bao gồm:

- **Hội chợ Gulfood (Dubai):** Đánh giá là thị trường tiềm năng với thuế nhập khẩu thấp và nhu cầu đa dạng.
- **Hội chợ Thực phẩm Finefood Australia (Sydney):** Cơ hội tốt để mở rộng và phát triển thị trường Úc và các khu vực lân cận.
- **Hội chợ Thực phẩm Food Expo Pro (Hongkong):** Thị trường quan trọng với xu hướng tiêu thụ sản phẩm an toàn, chất lượng cao.
- **Triển lãm Thủy sản Châu Mỹ La tinh (Sao Paulo - Brazil):** Cơ hội lớn sau khi Brazil mở cửa cho tôm và cá tra Việt Nam, Brazil đang trở thành nhà cung cấp thủy sản lớn thứ hai cho nước này.

VASEP kính đề nghị Phó Thủ tướng và các Bộ trưởng xem xét, chỉ đạo hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp sản xuất - xuất khẩu thủy sản để duy trì chuỗi sản xuất, xuất khẩu và tiếp tục tạo sinh kế cho nông - ngư dân và người lao động. Hiệp hội tin rằng sự hỗ trợ kịp thời và hiệu quả từ Chính phủ sẽ giúp ngành thủy sản Việt Nam vượt qua giai đoạn khó khăn này và tiếp tục phát triển bền vững.



■ Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu khánh thành Nhà máy chế biến xuất khẩu HappyFood Vietnam

Ngày 9/4/2025, Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tổ chức Lễ Khánh thành nhà máy chế biến xuất khẩu HappyFood Vietnam tại thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Đây là nhà máy sản xuất tôm hoạt động với công suất 15.000 tấn tôm/năm.

Nhà máy được xây dựng với tổng diện tích sử dụng 13.800m², công suất chế biến đạt 15.000 tấn tôm/năm, được đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất đồng bộ, khép kín, đạt các tiêu chuẩn quốc tế nghiêm ngặt như HACCP, ISO 22000, BRC... Đây là nhà máy giá trị gia tăng thứ 3 của Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đánh dấu một cột mốc quan trọng trong chiến lược phát triển công nghiệp chế biến sâu của công ty.

Với định hướng là nhà sản xuất công nghiệp từ nguồn nguyên liệu nông nghiệp thông qua máy móc thiết bị hiện đại, không chỉ giúp tối đa tài nguyên mà còn đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế xanh, giảm thiểu tác động đến môi trường.

Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã có gần nhiều năm kinh nghiệm sản xuất hàng giá trị gia tăng sẽ là tiền đề để thúc đẩy sự phát triển bền vững cho nhà máy HappyFood VietNam, góp phần tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng được làm từ tôm với chất lượng cao mang đến hạnh phúc cho bữa ăn của mọi gia đình và phát triển nền kinh tế chung của xã hội.

■ Cholimex Food khánh thành nhà máy chế biến thực phẩm thứ hai tại Bến Lức (Long An)

Ngày 11/4/2025, Cholimex Food đã khánh thành và chính thức vận hành nhà máy thứ 2 tại tỉnh Long An sau khi hoàn tất giai đoạn 2 của dự án.

Nhà máy Chế biến Thực phẩm Cholimex Food Bến Lức được xây dựng tại KCN Vĩnh Lộc 2, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Dự án có quy mô gần 4 hecta với tổng vốn đầu tư 850 tỉ đồng, bao gồm 2 nhà xưởng hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

Trong đó, xưởng chế biến thực phẩm đông lạnh có công suất 10.000 tấn/năm, được trang bị hệ thống kho lạnh có sức chứa gần 2.600 pallet. Sau khi hoàn thiện, xưởng đã được cấp chứng nhận EU CODE: TS 1265,

đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về an toàn thực phẩm để xuất khẩu sang thị trường Liên minh châu Âu (EU).

Bên cạnh đó, xưởng chế biến thực phẩm cũng được xây dựng với công suất lên đến 300.000 tấn/năm, cùng kho hàng khô có sức chứa gần 9.000 vị trí pallet, góp phần tối ưu hóa hoạt động sản xuất, bảo quản và phân phối, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Ngoài khu vực sản xuất chính, nhà máy còn có các công trình phụ trợ hiện đại như: trạm xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm, hệ thống pin năng lượng mặt trời công suất thiết kế gần 01 MWp, nhà ăn đảm bảo các tiêu chí VSATTP phục vụ cho hơn 1.000 lao động.

Đến nay, sau hơn 2 năm xây dựng và lắp đặt các thiết bị máy móc, nhà máy đã hoàn thành tất cả các hạng mục để đưa vào vận hành chính thức.

Đại diện Cholimex Food cho biết, việc khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy đúng vào dịp kỷ niệm 50 năm ngày đất nước thống nhất mang một ý nghĩa rất lớn, khẳng định cho nỗ lực, tâm huyết và định hướng phát triển của ban lãnh đạo doanh nghiệp.

Theo đại diện Cholimex Food, nhà máy mới tại Bến Lức đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn chất lượng về an toàn thực phẩm trong nước và quốc tế như: ISO 9001:2015, ISO 22000:2018, EU CODE: TS 1265 điều kiện xuất khẩu vào liên minh Châu Âu, tiêu chuẩn toàn cầu của Hiệp hội bán lẻ Anh cho ngành thực phẩm (BRC), tiêu chuẩn HALAL cho thị trường Hồi giáo, KOSHER cho thị trường Do Thái giáo. Bên cạnh đó, nhà máy cũng đảm bảo các yêu cầu về sản xuất bền vững, giảm thiểu tác động đến môi trường, hướng đến tiêu chí "sản xuất xanh - tiêu dùng xanh".



Công ty cổ phần Thực phẩm Cholimex được thành lập năm 1983. Sau hơn 40 năm hoạt động, hiện Cholimex Food là doanh nghiệp thuộc top đầu trong ngành hàng tốt - gia vị - nước chấm và thực phẩm đông lạnh tại Việt Nam. Đến nay, các sản phẩm mang thương hiệu Cholimex Food đã rất đỗi quen thuộc với người tiêu dùng Việt.

Những con số này không chỉ phản ánh sự nỗ lực bền bỉ, vượt qua mọi khó khăn thách thức mà còn là minh chứng cho khả năng thích ứng và đổi mới của Cholimex Food để duy trì, khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường.

■ Camimex không bị phụ thuộc nhiều vào thị trường Mỹ

Thị trường Mỹ từng chiếm tới 50% doanh thu xuất khẩu, song từ năm 2015, Camimex đã cơ cấu lại toàn bộ chiến lược, chuyển trọng tâm sang

thị trường Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản và Canada – những khu vực vẫn duy trì mối quan hệ thương mại ổn định và không chịu ảnh hưởng từ chính sách thuế mới của Mỹ.

Hiện nay, 95% doanh thu xuất khẩu của Camimex đến từ các thị trường này, trong khi thị trường Mỹ hiện chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu xuất khẩu, gần như không đáng kể.

Cụ thể, thị phần xuất khẩu sang Mỹ của Camimex năm 2023 và 2024 chỉ lần lượt đạt 0,29% và 0,72%. Sang đến quý 1/2025, Camimex không còn xuất khẩu sang Mỹ.

Đây cũng là cơ sở để công ty khẳng định: “Hoạt động kinh doanh cốt lõi của Camimex không bị tác động trực tiếp bởi quyết định áp thuế từ phía Mỹ”.

Camimex cho biết trong quý 1/2025, doanh thu xuất khẩu đạt 19,66 triệu USD, tăng gấp 2,15 lần so với cùng kỳ năm trước. Doanh số tháng 4 dự kiến sẽ cao gấp 2,5 lần cùng kỳ năm 2024, và các tháng tiếp theo tiếp tục có triển vọng tích cực nhờ các hợp

đồng hiện có.

Công ty cho biết dù không chịu tác động trực tiếp bởi chính sách thuế của Mỹ nhưng Camimex vẫn theo dõi sát sao tình hình thương mại toàn cầu để điều chỉnh chiến lược nếu cần. Camimex đang đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường và nâng cao chất lượng sản phẩm để củng cố vị thế cạnh tranh.

Camimex là một trong những doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu tôm lớn nhất Việt Nam. Đặc biệt, doanh nghiệp này là một trong số ít những đơn vị sản xuất tôm hữu cơ quy mô lớn trên thế giới và là nhà sản xuất Việt Nam duy nhất hiện nay đạt tiêu chuẩn hữu cơ trên toàn bộ chuỗi cung ứng (từ con giống đến bàn ăn) Naturland, EU Organic và BIO SUISSE.

Camimex Group hiện đang vận hành 3 nhà máy chế biến hiện đại với tổng công suất thiết kế đạt hơn 15.000 tấn thành phẩm/năm. Năm 2024, công ty đạt doanh thu gần 3.000 tỷ đồng với lợi nhuận sau thuế 66 tỷ đồng.

Bảo Ngọc (t/h)



MỸ DU KÝ (BÀI 5) – Chuyện bên lề

TS. Hồ Quốc Lực - Nguyên Chủ tịch VASEP, Chủ tịch HĐQT FIMEX VN

MỘT: Mỗi lần qua dự Hội chợ, chúng tôi đều có dịp thăm hỏi anh Ngô Hứa, một doanh nhân Việt thành đạt trong lĩnh vực kinh doanh thủy sản ở Cali. Nhớ chục năm trước, anh lo cho đoàn chúng tôi 5 người sau khi dự hội chợ xong, từ Los qua Hawaii tìm hiểu tôm bố mẹ. Ở đó, cứ mỗi rạng sáng là ra sân bay tới một đảo, thăm cơ sở cung ứng tôm bố mẹ.

Chúng tôi đã thăm bốn cơ sở, chiều bay quay về là chạng vạng, tắm rửa xong là tiệc rượu bày sẵn trong căn hộ của anh và do người nhà anh từ Los qua chu tất. Kéo dài không nghỉ trước nửa đêm và sáng lại thức sớm. Có đêm ca hát ồn quá, bị bảo vệ chung cư lên nhắc nhở, trở thành kỷ niệm khó quên... Anh có tâm huyết góp sức cho con tôm, con cá tra Việt. Với con cá anh đã như ý, anh trở thành nhà nhập khẩu cá tra Việt lớn nhất ở Hoa Kỳ. Nay anh đưa chúng tôi tìm hiểu các trại tôm bố mẹ nổi tiếng ở Hawaii với hy vọng làm cầu nối để ngành nuôi tôm Việt có nguồn tôm giống tốt nhất...

Lần này chúng tôi cũng gặp anh. Nghe anh nói về con tôm Ecuador, mà anh là nhà nhập khẩu Hoa Kỳ nhập tôm Ecuador lớn nhất. Tôm Ecuador có thuận lợi là nuôi quanh năm vì nằm sát xích đạo, cho nên nguồn cung ứng tôm của họ ổn định, là một lợi thế thu hút khách. Lợi thế thứ hai là giá thành tôm nuôi của họ thấp vì đầu vào thấp và tỉ lệ nuôi thành công cao. Tuy nhiên, hiện nay dịch bệnh trong nuôi tôm cũng có mặt ở đây và nếu họ coi trọng việc tăng trưởng sản lượng sẽ tạo ra rủi ro vì thiếu lao động chế biến, cũng như qua đó giá tiêu thụ thế giới sẽ sụt giảm thêm, gây lỗ lã. Đây là bài học cho các nước, có nước ta!

Rồi nghe anh nói về cơ hội kinh

doanh cá chẽm. Cá chẽm là một trong năm con cá thịt trắng có sản lượng lớn của thế giới. Nuôi cá chẽm ít bị cạnh tranh như cá rô phi... Dĩ nhiên đây là gợi ý, mà chúng tôi lại đang lo con tôm nên nghe mà chưa mặn mà lắm nhưng ghi lại đây để DN nào có cảm hứng thì liên hệ anh Hứa trao đổi thêm. Câu chuyện với anh luôn bỏ ngỏ vì mở ra nhiều vấn đề mà anh có quá nhiều khách ở hội chợ nên thời gian anh dành cho chúng tôi có hạn.

HAI: Chuyện đang kể ra đây có khác các lần trước. Khi tới Los, chúng tôi đã gặp anh Trần Hiếu, một doanh nhân thành đạt, hiện có 34 chợ tên THUẬN PHÁT nằm ở bốn bang bờ tây. Anh đang tiêu thụ sản phẩm trong nước khá lớn, với các nhà cung ứng trải dài từ Bắc tới Nam. Nhiều năm không gặp, tôi hết sức bất ngờ về tốc độ phát triển trong hệ sinh thái kinh doanh của anh. Gạo ST25 đạt giải gạo ngon nhất thế giới cuối năm 2019, ngay đầu năm 2020 anh đã nhập lô hàng gạo ST25 đầu tiên về giới thiệu người tiêu dùng ở Cali. Điều này nói lên sự nhanh nhạy của anh trong việc tìm cơ hội kinh doanh. Hiện nay hệ thống chợ của anh tiêu thụ khá lớn gạo ST25. Anh cũng đang kinh doanh gạo ST25 lúa tôm và anh tự tin sẽ phân phối gạo ST 25 toàn nước Hoa Kỳ.

Buổi tiệc anh chiêu đãi kéo dài quá nửa đêm với nhiều vấn đề nếu biết mở ra sẽ có không ít cơ hội kinh doanh tốt. Điều khái quát rút ra, anh có tình cảm gắn bó quê hương, muốn đưa thật nhiều sản phẩm trong nước uy tín, chất lượng tới Hoa Kỳ, tới cộng đồng người Việt nói riêng, cộng đồng châu Á nói chung. Và anh đã làm được khá tốt như gạo, sữa, nước khoáng, nước mắm,

cà phê, mì gói... Thậm chí năm qua anh đã đưa về Hoa Kỳ gần ngàn container dưa chuột muối có xuất xứ từ trong nước. Anh còn có ý định đưa mô hình chợ Thuận Phát về Việt Nam. Hy vọng ước mơ của anh sớm thành hiện thực.

Anh Ngô Hứa, anh Trần Hiếu mỗi người một vẻ. Anh Ngô Hứa thành công trước nhưng khả năng anh Trần Hiếu sẽ trở thành tỷ phú gốc Việt sớm hơn.



BA: Chia tay hai Việt Kiều gốc Bạc Liêu khá tiếng tăm, chúng tôi quay về chuyện hội chợ thủy sản đang diễn ra. Đi lòng vòng hội chợ, thấy gian hàng của DN Trung Quốc quảng bá cá Pangasius. Đây là tên khoa học của cá tra. Gian hàng này giới thiệu cá tra xẻ bướm nhằm đối tượng cộng đồng người Hoa ở Hoa Kỳ. Nêu ra để

thấy cuộc cờ cá tra không bình yên như năm năm trở về trước, nay đây phức tạp khi cá này đã được nuôi nhiều ở Indonesia, Bangladesh, Ấn Độ và Trung Quốc. Sản lượng cá nuôi bốn nước này đang tăng và nếu cộng chung đạt mức suýt soát sản lượng cá từ Việt Nam.

Rồi tình cờ, ở một gian hàng của DN Ấn Độ thấy “vinh danh” tên một số DN Việt đã nhập khẩu nhiều tôm của họ. Có lẽ DN Việt không ngờ có chuyện này. Tùy góc nhìn mà có màu sắc khác nhau. Góc nhìn ít lạc quan là e bên nguyên đơn vụ kiện chống bán phá giá tôm ở Hoa Kỳ lấy đó làm cơ cho rằng DN tôm ta “gian lận” thương mại, bởi họ rà soát sẽ thấy hầu hết tên các DN đó có trong danh sách DN Việt xuất tôm vào Hoa Kỳ. Chuyện này tuy không lớn nhưng nêu ra để mọi người chú ý, tránh chuyện không hay mà thôi.

BÓN: Hai ngày lang thang trong hội chợ khá mỏi chân, nhưng bù lại chúng tôi có hai bữa trưa tự chọn, toàn món ngon thế giới, cực kỳ phong phú Á, Âu và miễn phí. Việc tiếp cận khách hàng đối với một số DN hết sức coi trọng. Việc tổ chức trình diễn chế biến thức ăn tại hội chợ tốn nhiều công sức nhưng họ không ngại, thậm chí món ăn thử có thể ăn no! Như món catfish fillet tẩm bột chiên hết sức ngọt ngon, thịt cá

không phụ gia như phổ biến ở cá tra bán vào đây. Cầu kỳ nhất có thể là khu gian hàng Nhật Bản, đôi khi ăn thử xong mới biết là họ quảng bá gia vị chứ không phải con tôm hấp hoặc món hải sản trộn.

Có những gian hàng có món ăn thử quá ngon, khiến đông đảo ồn ào vì có dòng người xếp hàng đợi! Hình ảnh này chứng tỏ cách thu hút khách hàng của họ cũng có kết quả ban đầu, làm vui lòng bên tổ chức. Thật ra các DN Việt cũng đã nhiều lần tạo sự ấn tượng này, chứ không phải coi nhẹ. Nhưng tùy hoàn cảnh, chuyện này chưa diễn ra liên tục. Dẫu sao đây cũng là một cách tiếp thị và DN ta vốn linh động và nhạy bén, sẽ có cách làm hiệu quả và ít tốn kém nhất.

NĂM: Đi riết cũng mỏi chân. Khu gian hàng nhà là chỗ ngồi lý tưởng, bởi sẽ gặp các đồng nghiệp và qua đó thêm thông tin trao đổi. Tôi khoe Sóc Trăng có DN đã khởi động cho cơ hội kinh doanh cá rô phi khi Trung Quốc là quốc gia xuất mật hàng này nhiều nhất vào Hoa Kỳ, nay đối diện mức thuế quá cao.

Cũng rất đáng khen DN này nhạy bén, sẽ tạo thêm nhiều việc làm và của cải cho tỉnh nhà. Có bạn liên tưởng tình hình thép, nhôm, đồ gỗ mang dấu vết nguồn từ Trung Quốc được xuất vào Hoa Kỳ từ ta, khiến cộng đồng làm ăn chân chính lĩnh vực này và lây

vì bị thuế, dù thấp hơn. Nếu có DN nào đó học “chiêu” trên với cá rô phi từ Trung Quốc thì e gây phức tạp. Tô Thị Tường Lan chỉ cho bài báo đang có trên bàn, là bên Hoa Kỳ kiểm tra tôm từ các nhà hàng ở một số thành phố ở Florida qua ADN, tỉ lệ tôm có gốc nhập khẩu trên 90%, trong khi họ công bố là tôm nội địa! Ý muốn nói ở đây là nếu xảy ra chuyện thẩm lậu cá rô phi sẽ bị phát hiện dễ dàng khi có kiểm tra. Có bạn nói **VASEP phải chú ý và mạnh tay chuyện này**, trong bối cảnh kinh doanh đầy phức tạp, không nên để có con sâu làm rầu nổi canh, phải khuyến cáo các hội viên nên coi trọng quyền lợi cả cộng đồng. Ôi sao, sau cơ hội luôn là thách thức!

Chuyện bên lề có chút đông dài chút nhàm chán, nhưng dù sao có còn hơn. Có là thêm thông tin tham khảo. MỸ KỶ SỰ khá dài rồi, kết thúc ở đây. Chuyện gì chưa đúng, chuyện gì cần thêm thông tin, chuyện gì cần nói thêm... bạn đọc cứ góp ý cho Tòa soạn Bản tin VASEP hoặc cá nhân tôi để chúng ta chung tay góp sức làm đẹp hơn ngôi nhà chung thủy sản và tôi không có ý đả phá ai ngoài tâm niệm nêu trên. Cảm ơn các bạn đồng hành chuyến đi đã cùng chia sẻ, cùng chung nỗi niềm để tôi thêm cảm hứng hoàn tất ký sự này sớm nhất.



■ Sẽ có Nghị quyết giảm thuế giá trị gia tăng áp dụng từ 01/7/2025 đến ngày 31/12/2026

Ngày 10/4/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết 77/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3/2025 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương, trong đó có nội dung về dự thảo Nghị quyết giảm thuế giá trị gia tăng áp dụng từ 01/7/2025 đến ngày 31/12/2026.

Theo đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

(1) Khẩn trương rà soát, đánh giá chính xác tác động từ chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ đối với Việt Nam; nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền trước ngày 15/4/2025 phương án hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động trong các ngành nghề, lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế quan của Hoa Kỳ.

(2) Khẩn trương trình cấp có thẩm quyền dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc giảm thuế giá trị gia tăng

áp dụng từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2026 và Nghị định quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu; hoàn thành trong tháng 4/2025.

(3) Khẩn trương hoàn thiện Nghị quyết về các cơ chế, chính sách phát triển đột phá khu vực kinh tế tư nhân, hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về phát triển trung tâm tài chính quốc tế và khu vực tại Việt Nam, báo cáo cấp có thẩm quyền trước ngày 15/4/2025 và trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 9.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

(1) Theo dõi chặt chẽ tình hình quốc tế, khu vực, việc thay đổi và điều

chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn để điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; điều hành tỷ giá phù hợp với điều kiện thị trường, sẵn sàng can thiệp khi cần thiết nhằm ổn định thị trường ngoại tệ.

(2) Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các giải pháp phần đầu giảm mật bằng lãi suất cho vay, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay với chi phí hợp lý, giá vốn rẻ; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng; đẩy mạnh cho vay ngắn hạn để hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng do chính sách thuế quan của Hoa Kỳ.

(3) Nghiên cứu xây dựng gói tín dụng ưu đãi cho người dưới 35 tuổi mua nhà, gói tín dụng ưu đãi khoảng 500 nghìn tỷ đồng (tương tự các gói tín dụng cho lâm sản, thủy sản và nhà ở xã hội) cho doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, công nghệ số vay dài hạn, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 4 năm 2025.

■ Quyết định 1047/QĐ-BTC: công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

Ngày 19/3/2025, Bộ Tài chính ban hành Quyết định 1047/QĐ-BTC công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Theo đó, thủ tục khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo phương pháp doanh thu - chi phí như sau:

Bước 1. Người nộp thuế TNDN tính thuế theo phương pháp doanh thu - chi phí theo quy định của pháp luật về thuế TNDN chuẩn bị số liệu, lập

hồ sơ khai thuế và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với trường hợp khai quyết toán thuế TNDN năm; chậm nhất là ngày thứ 45, kể từ ngày có quyết định giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động hoặc tổ chức lại doanh nghiệp.

Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa) mà doanh nghiệp chuyển đổi

kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp được chuyển đổi thì không phải khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi doanh nghiệp, doanh nghiệp khai quyết toán khi kết thúc năm.

Người nộp thuế TNDN tính thuế theo phương pháp doanh thu - chi phí theo quy định của pháp luật về thuế TNDN thực hiện tạm nộp thuế TNDN theo quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế TNDN cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính) chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau và khai quyết toán thuế TNDN năm.

Trường hợp người nộp thuế gửi hồ sơ qua giao dịch điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế (trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy là Tổng cục Thuế) Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm: Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế để khai hồ sơ khai thuế và các phụ lục đính kèm theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế

lựa chọn.

Bước 2. Cơ quan thuế tiếp nhận:

- Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc được gửi qua đường bưu chính: cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ hoặc thông báo lý do không tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện

tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ khai thuế điện tử của người nộp thuế.

+ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ khai thuế của NNT theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành:

Cơ quan thuế gửi thông báo chấp nhận không chấp nhận hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà NNT lựa chọn lập và gửi hồ sơ chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên thông báo tiếp nhận nộp hồ sơ khai thuế điện tử.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 27/3/2025.

■ Nghị định 87/2025/NĐ-CP: Quy định việc giảm tiền thuê đất năm 2024

Ngày 11/4/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 87/2025/NĐ-CP Quy định việc giảm tiền thuê đất năm 2024.

Theo đó, mức giảm tiền thuê đất như sau:

- Giảm 30% tiền thuê đất phải nộp của năm 2024 đối với người sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 87/2025/NĐ-CP.

- Mức giảm tiền thuê đất quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 87/2025/NĐ-CP này được tính trên số tiền thuê đất phải nộp của năm 2024 theo quy định của pháp luật. Không thực hiện giảm trên số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2024 và tiền chậm nộp (nếu có).

Trường hợp người sử dụng đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định hoặc/và khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về tiền thuê

đất thì mức giảm tiền thuê đất quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 87/2025/NĐ-CP được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (nếu có) sau khi đã được giảm hoặc/và khấu trừ theo quy định của pháp luật.

Đối tượng áp dụng giảm tiền thuê đất

- Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai 2024 đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đang có hiệu lực trong năm 2024 dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm.

Trường hợp trong năm 2024, người sử dụng đất chưa hoàn thành thủ tục pháp lý về đất đai nhưng đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định

87/2025/NĐ-CP đã hoàn thiện thủ tục pháp lý về đất đai (có Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm) thì thuộc đối tượng được giảm tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định 87/2025/NĐ-CP.

Quy định này áp dụng cho cả trường hợp người sử dụng đất không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất hoặc hết thời hạn được miễn, giảm tiền thuê đất và trường hợp người sử dụng đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết hồ sơ giảm tiền thuê đất; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 11/4/2025.

Nguyễn Hà

■ ASC mở rộng chiến dịch Bắc Mỹ để nâng cao nhận thức về tiêu chuẩn

(vasep.com.vn) Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản (ASC) đã mở rộng chiến dịch tiếp thị tại Bắc Mỹ với khẩu hiệu “Sea Green. Be Green” nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết về nhãn hiệu ASC.

ASC đã phát động chiến dịch tiếp thị công khai lớn nhất từ trước đến nay vào năm 2022, với khẩu hiệu ban đầu là “Con đường mới đến với hải sản”. Mark Lang, giám đốc tiếp thị của ASC tại Hoa Kỳ vào thời điểm đó, chia sẻ rằng mục tiêu của chiến dịch là bắt đầu đưa câu chuyện của tổ chức chúng nhận hải sản này đến với công chúng để nâng cao nhận thức về nhãn ASC cũng như nhận thức về lợi ích của nuôi trồng thủy sản nói chung.

Đợt chạy đầu tiên đóng vai trò là một thử nghiệm mà ASC đã lặp lại trong những năm tiếp theo và hiện đang mở rộng thông qua các hoạt động bán lẻ, quảng bá nhà hàng, tiếp cận phương tiện truyền thông, tương tác xã hội/kỹ thuật số, hợp tác với người có sức ảnh hưởng, các sự kiện nổi bật và các hoạt động lãnh đạo tư tưởng.

Giám đốc Tiếp thị Bắc Mỹ của ASC, Athena Davis, đã chia sẻ trong Triển lãm Hải sản Bắc Mỹ 2025 - diễn ra từ ngày 16 đến ngày 16 tháng 5 tại Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ - rằng những chiến dịch ban đầu đó đã chứng minh được thành công thậm chí còn hơn cả mong đợi ban đầu.

Davis cho biết: “Chúng tôi không mong đợi được các đối tác và người ủng hộ trong nhiều ngành tham gia, và chúng tôi không mong đợi sẽ tạo ra tác động đáng kể đến người tiêu dùng như vậy, điều mà chúng tôi hiện có bằng chứng thông qua cuộc khảo sát người tiêu dùng mới nhất của mình”.

Davis cho biết “bằng chứng nằm ở thực tế” qua những con số mà tổ chức đã thấy - nhưng những tương tác trực tiếp mà ASC có được với công chúng nói chung cũng đã chứng minh được tính bổ ích đáng kinh ngạc, đặc biệt là khi xem xét những gì tổ chức đã tìm hiểu được về nền tảng kiến thức mà hầu hết mọi người đều có về nuôi trồng thủy sản.

(Theo seafoodsource)

■ MSC: Thế hệ Z dẫn đầu xu hướng giảm ăn hải sản do lo ngại về đại dương

(vasep.com.vn) Theo nghiên cứu mới từ Hội đồng Quản lý Biển (MSC) và công ty tư vấn toàn cầu GlobeScan, thế hệ trẻ ngày càng hạn chế hoặc loại bỏ hải sản khỏi chế độ ăn uống của họ do lo ngại về tính bền vững của đại dương.

Phân tích, khảo sát hơn 27.000 người ở 23 quốc gia, cho thấy 27% người từ 18 đến 24 tuổi và 22% người từ 25 đến 34 tuổi đã giảm lượng tiêu thụ hải sản của họ cụ thể là để bảo vệ đại dương. Khoảng 9% nhóm nhân khẩu học người lớn trẻ tuổi nhất đã ngừng ăn hải sản hoàn toàn.

“Xu hướng này đặt ra một thách thức đáng kể cho ngành công nghiệp hải sản”, Nicolas Guichoux, giám đốc chương trình của MSC cho biết. “Hải sản có thể là nguồn protein và chất dinh dưỡng dồi dào có thể có mãi mãi nếu có nguồn gốc bền vững. Nhưng nghiên cứu người tiêu dùng của chúng tôi cho thấy cần phải làm một số việc để thuyết phục những người trẻ tuổi rằng việc đầu tư vào hải sản là xứng đáng, lành mạnh, dễ dàng và tốt cho tương lai của hành tinh”.

Nghiên cứu chỉ ra mối lo ngại ngày càng tăng về sức khỏe đại dương, với 89% người từ 18 đến 34 tuổi bày tỏ lo

lắng về tình trạng của các đại dương trên thế giới. Nhóm nhân khẩu này cũng đang có những thay đổi lớn hơn về chế độ ăn uống, với 33% ăn ít cá hơn so với hai năm trước, trong khi 39% đang tiêu thụ nhiều rau hơn và 21% ăn nhiều thực phẩm thay thế có nguồn gốc thực vật hơn.

MSC sẽ triệu tập một cuộc thảo luận chuyên đề có tựa đề “Làn sóng mới: Truyền cảm hứng cho người tiêu dùng trẻ lựa chọn hải sản bền vững” vào ngày 7 tháng 5 tại Triển lãm hải sản toàn cầu ở Barcelona, Tây Ban Nha, để giải quyết một số mối quan ngại này.

Sự kiện sẽ có sự tham gia của các chuyên gia trong ngành, bao gồm đầu bếp và người có sức ảnh hưởng trên mạng xã hội Charlotte Langley, Julius Palm của công ty thực phẩm Đức followfood và Lisa Cowell, giám đốc tiếp thị tại New England Seafood International.

(Theo UCN)

■ Các nhóm cá ngừ kêu gọi IOTC tăng cường trách nhiệm xã hội và môi trường

(vasep.com.vn) Nhóm vận động Liên minh Cá ngừ Toàn cầu (GTA) đang kêu gọi Ủy ban Cá ngừ Ấn Độ Dương (IOTC) thông qua các cải cách toàn diện không chỉ giải quyết các vấn đề về môi trường mà còn giải quyết chi phí của con người trong hoạt động đánh bắt cá ngừ ở khu vực này.

Trong khi đó, Quỹ Cầu cá Quốc tế (IPNLF) và Quỹ từ thiện Pew kêu gọi IOTC áp dụng các biện pháp mạnh mẽ hơn, dựa trên khoa học để bảo vệ nguồn lợi cá ngừ và cải thiện quản lý nghề cá.

Sự kiện này diễn ra trước cuộc họp thường niên của IOTC, sẽ diễn ra từ

ngày 13-17/4 tại La Reunion, một hòn đảo ở Ấn Độ Dương, là một tỉnh và vùng hải ngoại của Pháp.

GTA, đại diện cho mạng lưới các nhà bán lẻ và công ty chuỗi cung ứng quốc tế, đã phát động một chiến dịch mới kêu gọi các thành viên IOTC hành động để cải thiện điều kiện lao động trên tàu đánh bắt cá ngừ.

Lời kêu gọi được đưa ra trong bối cảnh ngày càng có nhiều bằng chứng về tình trạng vi phạm nhân quyền trên biển, bao gồm các báo cáo về lao động cưỡng bức, bạo lực và môi trường làm việc không an toàn.

Daniel Suddaby, giám đốc điều hành của GTA cho biết: "Ngư dân là xương sống của ngành này và đối với các đối tác của chúng tôi, điều kiện làm việc đàng hoàng trên biển là điều không thể thương lượng".

Ông kêu gọi các đại biểu IOTC xây dựng các tiêu chuẩn lao động dựa trên Công ước về lao động nghề cá của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO C188) và nhóm công tác kinh tế xã hội của ủy ban để giải quyết vấn đề này.

Nhiều nhà bán lẻ, bao gồm cả siêu thị khổng lồ Carrefour của Pháp, đang ủng hộ sáng kiến này. Công ty đã cam kết thực hiện bảo hiểm quan sát 100% trên các tàu đánh bắt cá ngừ công nghiệp cung cấp cá ngừ đóng hộp mang nhãn hiệu riêng của mình.

IPNLF, Pew kêu gọi hành động quyết đoán hơn

IPNLF, tổ chức bảo vệ nghề cá ngừ, đang kêu gọi các thành viên IOTC thực hiện các bước quyết liệt để đảm bảo tính bền vững lâu dài cho cả trữ lượng cá ngừ và cộng đồng ven biển phụ thuộc vào chúng.

Đối với cá ngừ vằn, IPNLF chỉ ra dữ liệu năm 2022 cho thấy sản lượng đánh bắt cá ngừ vằn vượt quá giới hạn đã thỏa thuận là 33%, nhấn

mạnh nhu cầu cấp thiết về trách nhiệm giải trình lớn hơn.

Liên quan đến cá ngừ vây vàng, IPNLF nhấn mạnh rằng các vấn đề đang diễn ra xung quanh việc chuẩn hóa dữ liệu đánh bắt theo đơn vị nỗ lực trong đánh giá trữ lượng năm 2024 phải được giải quyết để khôi phục tính minh bạch. Trong khi quá trình này đang diễn ra, nhóm đã kêu gọi giới hạn đánh bắt phòng ngừa và nhấn mạnh rằng bất kỳ giới hạn mới nào cũng phải công bằng và không có sự phản đối chính thức để đảm bảo tuân thủ.

IPNLF cũng cho biết họ phản đối các đề xuất cho phép tạo ra các loại tàu hỗ trợ mới có khả năng vượt qua các hạn chế hiện tại. Họ kêu gọi cải thiện báo cáo thông qua việc mở rộng việc nộp dữ liệu bắt buộc, thông báo cho tiểu bang ven biển và các mốc thời gian rõ ràng hơn cho chương trình quan sát.

Báo cáo ủng hộ lời kêu gọi của GTA về các biện pháp bảo vệ lao động mới cho thủy thủ đoàn, ủng hộ các tiêu chuẩn lao động ràng buộc tương tự như những tiêu chuẩn được Ủy ban Nghề cá Tây và Trung Thái Bình Dương thông qua vào năm 2023.

Pew đồng tình với lời kêu gọi hành động phòng ngừa dựa trên khoa học, đồng thời nhấn mạnh rằng trong khi IOTC đã thực hiện các bước hướng tới nghề cá bền vững - bao gồm việc áp dụng các quy trình quản lý đối với cá kiếm, cá ngừ vằn và cá ngừ mắt to - thì vẫn cần phải làm nhiều hơn nữa để thực hiện hiệu quả các chính sách này.

Chiến lược thu hoạch cung cấp một khuôn khổ dài hạn để thiết lập mức đánh bắt dựa trên các chuẩn mực khoa học thay vì các cuộc đàm phán chính trị hàng năm. Pew nhấn mạnh rằng hướng dẫn thực hiện là rất quan trọng để đảm bảo các công cụ này hoạt động như mong đợi.

Tổ chức này cũng nhấn mạnh cơ hội

khôi phục lại công việc về quy trình quản lý cá ngừ vây vàng, đặc biệt là trong bối cảnh triển vọng nguồn lợi được cải thiện. Pew lập luận rằng nếu một khuôn khổ như vậy được đưa ra, thì giới hạn đánh bắt có thể đã phản ánh sự phát triển tích cực này.

Để tăng cường tuân thủ và giám sát, Pew kêu gọi sử dụng rộng rãi hơn giám sát điện tử (EM) và phạm vi giám sát sau động thái năm 2023 của IOTC nhằm áp dụng các tiêu chuẩn EM. Pew cũng khuyến nghị tăng cường theo dõi tàu thông qua các hệ thống vệ tinh và ghi chép đánh bắt để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc từ đại dương đến thị trường.

Quỹ Phát triển bền vững hải sản quốc tế (ISSF) cũng nhấn mạnh đến nhu cầu quản lý nghề cá dựa trên khoa học.

(Theo UCN)

■ Tây Ban Nha: Tiến tới nghề cá ngừ bền vững bằng thiết bị FADs phân hủy sinh học

(vasep.com.vn) Thiết bị dẫn dụ cá ngừ (FADs) được sản xuất từ vật liệu đạt chứng nhận tự phân hủy sinh học trong môi trường biển, đáp ứng tiêu chuẩn của ngành công nghiệp và các Tổ chức Quản lý Nghề cá Khu vực (RFMOs).

Sản phẩm FADs phân hủy sinh học được phát triển bởi hai công ty Zunibal và AZTI tại Tây Ban Nha. Từ tháng 2/2024, với sự hợp tác của Ủy ban Cá ngừ nhiệt đới liên Mỹ (IATTC) và đội tàu châu Âu, 12 thiết bị FADs phân hủy sinh học đã được triển khai trong môi trường bán kiểm soát, cùng 210 thiết bị khác được thả tại Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

Trong quá trình này, Zunibal tập trung hoàn thiện thiết kế và vật liệu

FAD – thiết bị công nghiệp hóa đầu tiên thuộc loại này. Thành quả là một giải pháp tối ưu, được sản xuất hoàn toàn từ vật liệu được chứng nhận có khả năng phân hủy sinh học trong môi trường biển, đáp ứng tiêu chuẩn của ngành công nghiệp và các Tổ chức Quản lý Nghề cá Khu vực (RFMOs).

Thiết bị FADs mới được phát triển từ nhựa PBS sinh học có nguồn gốc tự nhiên như mía, sắn và ngô. Vật liệu này đã được Hiệp hội Nhựa sinh học Nhật Bản (JBPA) chứng nhận tiêu chuẩn ISO 19679 về khả năng phân hủy sinh học trong môi trường biển.

Với bước tiến này, Zunibal tiếp tục khẳng định cam kết đổi mới công nghệ, cung cấp giải pháp giúp đội tàu khai thác cá ngừ chuyển đổi sang mô hình đánh bắt bền vững, tuân thủ các quy định quốc tế và góp phần bảo vệ đại dương.

(Tổng hợp)

■ Ngư trường cá ngừ vây xanh phía Nam của Australia đạt chứng nhận MSC

(vasep.com.vn) Nghề đánh bắt cá ngừ vây xanh bằng lưới kéo ở miền Nam của Australia đã trở thành nghề đầu tiên trên thế giới nhận được chứng nhận của Hội đồng Quản lý Biển (MSC).

Chứng nhận này đánh dấu bước ngoặt đáng kể đối với loài này, trước đây được phân loại là loài bị đánh bắt quá mức nhưng hiện đã được đưa khỏi danh sách các loài bị đe dọa của Úc.

“Chứng nhận này là sự công nhận cho nhiều thập kỷ đổi mới và cam kết bảo tồn”, Daniel Casement, Tổng giám đốc điều hành của Hiệp hội Công nghiệp Cá ngừ vây xanh miền Nam Australia, cho biết.

Cá ngừ vây xanh miền Nam, một sản phẩm cao cấp tại các chợ sushi Nhật Bản, nơi nó có giá cao nhất, là một yếu tố đóng góp quan trọng cho nền kinh tế của Port Lincoln. Ngư dân nhắm đến loài này trong quá trình di cư rộng rãi giữa vùng biển ven bờ Australia và bãi kiếm ăn gần vùng biển Nam Cực.

Bộ trưởng Môi trường Australia Tanya Plibersek cho biết ngành công nghiệp cá ngừ của nước này đã “làm được một công việc tuyệt vời giúp phục hồi quần thể cá ngừ vây xanh phía nam”.

(Theo UCN)

■ Oman tham gia cuộc họp của Ủy ban Cá ngừ Ấn Độ Dương

(vasep.com.vn) Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Tài nguyên Oman đã tham gia phiên họp thứ 29 của Ủy ban Cá ngừ Ấn Độ Dương (IOTC), được tổ chức tại Đảo Réunion, Pháp.

Đoàn đại biểu Oman do Kỹ sư Yaqoub Khalfan Al Busaidi, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Tài nguyên nước dẫn đầu.

Cuộc họp kéo dài 05 ngày này thảo luận về các chủ đề chính, bao gồm phát triển bền vững và quản lý nghề cá ngừ tại các quốc gia thành viên, các nỗ lực khoa học và kỹ thuật nhằm cải thiện hiệu quả đánh bắt và trao đổi chuyên môn giữa các thành viên IOTC. Phiên họp cũng xem xét các kế hoạch hành động và chương trình trong tương lai, cùng với các khuyến nghị và báo cáo từ các ủy ban chuyên môn và nhóm làm việc.

Oman gia nhập IOTC vào năm 2000 và tích cực đóng góp cho tổ chức thông qua việc tham gia thường xuyên vào hoạt động quản lý nghề cá, bao gồm các cuộc họp của Ủy ban chung và Ủy ban khoa học. Oman cung cấp dữ liệu chính xác về

khối lượng đánh bắt và nỗ lực đánh bắt, hỗ trợ đánh giá khoa học về trữ lượng cá ngừ.

Oman vẫn cam kết tuân thủ và minh bạch bằng cách nộp báo cáo hàng năm về đội tàu và nghề cá. Oman hợp tác với IOTC về các biện pháp kỹ thuật như hệ thống giám sát tàu và chống đánh bắt bất hợp pháp. Ngoài ra, Oman đóng vai trò to lớn trong việc thúc đẩy các biện pháp khu vực cân bằng giữa việc sử dụng bền vững và bảo tồn trữ lượng, đồng thời đóng góp vào việc soạn thảo và sửa đổi các nghị quyết có liên quan đến các quốc gia trong khu vực.

IOTC là một tổ chức liên chính phủ được thành lập theo thỏa thuận trong khuôn khổ Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO). Mục tiêu chính của ủy ban là quản lý cá ngừ và các loài liên quan ở Ấn Độ Dương và các khu vực lân cận, đảm bảo bảo tồn và sử dụng bền vững.

Ủy ban thu thập và phân tích dữ liệu đánh bắt cá, đưa ra các khuyến nghị ràng buộc về quy định và thúc đẩy hợp tác khoa học và kỹ thuật giữa 29 quốc gia thành viên và một quốc gia không phải thành viên hợp tác.

Hầu hết các quốc gia ven biển Ấn Độ Dương đều là thành viên của IOTC, cùng với các quốc gia không thuộc khu vực có lợi ích đánh bắt cá ở vùng biển quốc tế theo luật pháp và hiệp ước quốc tế.

(Theo Oman News Agency)

■ Đánh bắt cá bất hợp pháp gây nguy hiểm cho nền kinh tế và môi trường của Kenya

(vasep.com.vn) Tình trạng lạm thác đang đặt ngành đánh bắt cá của Kenya vào tình trạng nguy hiểm, đe dọa cả sinh kế và đa dạng sinh học.

Các chuyên gia kêu gọi quản lý và hỗ trợ tốt hơn cho cộng đồng địa phương.

Kenya là nơi có các vùng nước ngọt nội địa rộng lớn và đường bờ biển giàu có dọc theo Ấn Độ Dương. Những vùng biển này cung cấp các loại cá được ưa chuộng cả trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, tình trạng đánh bắt bất hợp pháp gia tăng hiện đang gây nguy hiểm cho tính bền vững của ngành đánh bắt của quốc gia này.

Đánh bắt bất hợp pháp là các hoạt động do tàu thuyền trong nước hoặc nước ngoài thực hiện trên vùng biển của một quốc gia mà không có sự cho phép chính thức hoặc vi phạm luật pháp và quy định hiện hành. Theo Văn phòng Liên hợp quốc về Ma túy và Tội phạm (UNODC), tác động của đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) không chỉ giới hạn ở tổn thất tài chính. Hoạt động này còn góp phần gây ra tình trạng lạm thác, phá hủy môi trường sống dưới biển và mất đa dạng sinh học.

Tổn thất kinh tế và rủi ro sức khỏe

Trong nhiều thế hệ, các cộng đồng sống quanh Hồ Victoria và dọc theo bờ biển Kenya đã dựa vào nghề đánh bắt cá như một nguồn thu nhập và thực phẩm chính. Khi các quy định và biện pháp kiểm soát của chính phủ ngày càng tăng, một số ngư dân cảm thấy các hoạt động đánh bắt cá truyền thống của họ đang bị hạn chế. Do đó, cần phải làm nhiều hơn nữa để nâng cao nhận thức của công chúng về mối nguy hiểm của hoạt động đánh bắt IUU - không chỉ đối với môi trường mà còn đối với sinh kế của người dân địa phương.

Các chuyên gia cảnh báo rằng hoạt động đánh bắt IUU gây ra hậu quả kinh tế nghiêm trọng. Theo các chuyên gia hàng hải, Kenya ước tính mất khoảng 45 tỷ Sh (330 triệu euro) mỗi năm do hoạt động đánh bắt cá

bất hợp pháp và không được quản lý. Những tổn thất này xuất phát từ việc mất doanh thu vốn có thể thu được thông qua giấy phép và quy định phù hợp.

Đánh bắt cá bất hợp pháp cũng gây ra rủi ro cho sức khỏe, đặc biệt là khi đánh bắt ở vùng nước bị ô nhiễm. Ví dụ, ở Hồ Nakuru, hoạt động đánh bắt cá đã bị cấm sau những phát hiện khoa học cho thấy cá từ hồ chứa hàm lượng kim loại nặng cao nguy hiểm, khiến chúng không an toàn cho con người tiêu thụ. Bất chấp những nỗ lực của chính phủ nhằm chống lại hoạt động đánh bắt cá bất hợp pháp, hoạt động này vẫn tiếp diễn ở nhiều nơi trên cả nước.

Giải quyết các thách thức xã hội để chấm dứt hoạt động đánh bắt cá bất hợp pháp ở Kenya

Các nhà quan sát chỉ ra rằng đói nghèo là động lực chính thúc đẩy hoạt động đánh bắt bất hợp pháp, đặc biệt là ở vùng nước nội địa. Nhiều người chuyển sang đánh bắt cá mà không có giấy phép hợp lệ vì cơ hội việc làm hạn chế và nhu cầu về thực phẩm giá cả phải chăng đang tăng lên. Ông David Kilo, chủ tịch Hiệp hội chủ sở hữu thuyền ở hồ Naivasha, liên hệ sự gia tăng đánh bắt cá bất hợp pháp với tỷ lệ thất nghiệp cao.

Ông cho rằng chính quyền quốc gia và chính quyền quận nên tìm cách trao quyền cho những thanh niên thất nghiệp thông qua các cơ hội việc làm thay thế.

Các chuyên gia cảnh báo rằng nếu tình trạng đánh bắt cá không có quy định phù hợp vẫn tiếp diễn, trữ lượng cá có thể bị cạn kiệt nghiêm trọng. Trong cuộc đấu tranh để sinh tồn, một số ngư dân thậm chí còn đánh bắt cả cá con, đe dọa đến sự tồn tại lâu dài của toàn bộ loài.

Ông Kilo nhấn mạnh rằng đánh bắt cá bất hợp pháp cũng gây tổn hại đến sinh kế của những ngư dân tuân thủ pháp luật.

Đồng thời, việc thực thi các quy định về đánh bắt cá phải được thực hiện hợp pháp và tôn trọng quyền con người. Các cơ quan thực thi pháp luật của Kenya đã phải đối mặt với sự chỉ trích trong những tháng gần đây vì các cuộc đàn áp mạnh tay đối với những người đánh bắt cá bất hợp pháp. Một số cá nhân được báo cáo là đã bị thương nghiêm trọng trong quá trình bắt giữ, trong khi những người khác đã mất tích sau khi bị bắt.

(Theo DandC)

Nguyễn Hà-Kim Thu





CÔNG TY TNHH ANH PHÁT

TRÁI QUA HƠN **20 NĂM** KINH NGHIỆM, **ANH PHÁT** hiện là thương hiệu hàng đầu về cung cấp **CÁC GIẢI PHÁP CHẾ BIẾN THỦY HẢI SẢN TIỀN TIẾN NHẤT** đến từ Việt Nam, giúp tăng hiệu quả, nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa hiệu suất cho hơn 150 nhà máy chế biến trong và ngoài nước.

Giải pháp của **ANH PHÁT** đã có mặt trên nhiều thị trường **CHÂU Á VÀ THẾ GIỚI** như: Việt Nam, Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan, Philippines, Malaysia, Myanmar...góp phần cho sự phát triển lớn mạnh của ngành thủy sản toàn cầu.

WITH OVER **20 YEARS** OF EXPERIENCE, **ANH PHAT** is currently a leading brand in **PROVIDING THE MOST ADVANCED SEAFOOD PROCESSING SOLUTIONS** from Vietnam. We help improve efficiency, enhance product quality, and optimize performance for more than 150 processing plants both domestically and internationally.

ANH PHAT's solutions are present in many markets in **ASIA AND AROUND THE WORLD**, including Vietnam, India, Indonesia, Thailand, the Philippines, Malaysia, and Myanmar, contributing to the significant growth of the global seafood industry.

DÂY CHUYỀN HẤP

THE COOKING LINE

A. NẠP LIỆU TỰ ĐỘNG

AUTO-FEEDING MACHINE



CÔNG SUẤT: 500 - 2000 KG/H

CAPACITY: 500 - 2000 KG/H

B. MÁY HẤP TUẦN HOÀN

COOKING MACHINE



- Sử dụng nguyên lý tuần hoàn hơi ngưng tụ kiểu mưa rơi, bố trí đường hơi trên dưới giúp hơi tiếp xúc đều ở hai mặt sản phẩm/ Using the principle of condensation steam circulation in a rain-like pattern, the steam pipes are arranged above and below to ensure even contact of steam on both sides of the product.
- Hệ thống valve điều khiển tự động cấp hơi kết hợp chế độ cài đặt nhiệt độ tự động giúp điều chỉnh nhiệt độ phù hợp cho từng buồng hấp, giúp tôm hấp chín đều và đẹp/ The automatic control valve system for steam supply, combined with an automatic temperature setting mode, helps adjust the temperature appropriately for each cooking chamber, ensuring the shrimp are evenly and beautifully cooked.
- Chế độ cài đặt PLC có thể cài đặt nhiệt độ buồng hấp, tốc độ belt cho từng size tôm phù hợp/ The PLC setup mode can set the temperature of the cooking chamber and the belt speed for each shrimp size accordingly.

C. MÁY NGUỘI & BỘ LÀM LẠNH NƯỚC

COOLING MACHINE & WATER CHILLER



CONTACT US

+84 938 760 375

EMAIL: THE@ANHPHAT.COM
WEBSITE: ANHPHAT.COM

VĂN PHÒNG (HEAD OFFICE): 60 VŨ HUY TẤN, PHƯỜNG 3, QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HCM
NHÀ MÁY (FACTORY): ĐƯỜNG SỐ 1, KCN HẢI SƠN, XÃ ĐỨC HÒA HẠ, HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN



KHÓA TẬP HUẤN



NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TRONG DOANH NGHIỆP THỦY SẢN

Tp HCM, ngày 22/04/2025 (8h30 – 17h00)



ĐĂNG KÝ THAM DỰ MIỄN PHÍ TẠI ĐÂY

Mục đích khóa học

Bộ Công Thương phối hợp với Ngân hàng Thế giới triển khai Dự án thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam (Dự án VSUEE) do Quỹ khí hậu xanh tài trợ.

Trong khuôn khổ dự án, Trung tâm Đào tạo và Xúc tiến Thương mại VASEP (VASEP.PRO) thuộc Hiệp hội VASEP phối hợp cùng Công ty CP tiết kiệm năng lượng Bách Khoa (ECCBK) dự kiến tổ chức khóa tập huấn "**Nâng cao năng lực quản lý, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong doanh nghiệp thủy sản**". Khóa học giúp doanh nghiệp (DN) cập nhật các quy định liên quan đến sử dụng tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao năng lực quản lý năng lượng và xây dựng hệ thống quản lý năng lượng giúp DN giảm chi phí và đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường nhập khẩu.

Thời gian: Ngày 22/4/2025 (8h30 - 17h00)

Địa điểm: Khách sạn Viễn Đông - 275A Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Phí tham dự: MIỄN PHÍ

Nội dung chương trình:

- Cập nhật các chính sách có liên quan đến tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính. Các yêu cầu pháp lý về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- Quan hệ năng lượng, môi trường và sản xuất kinh doanh, sử dụng năng lượng sạch.
- Thực trạng và giải pháp tiết kiệm năng lượng trong ngành chế biến thủy sản.
- Quản lý năng lượng, hệ thống quản lý năng lượng.
- Báo cáo điển hình về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho ngành thủy sản.

Chứng nhận: Sau khi hoàn thành khóa học, học viên sẽ được cấp chứng nhận do Bộ Công Thương và Ngân hàng Thế giới chứng nhận.

Vì tầm quan trọng của chương trình, Trung tâm VASEP.PRO trân trọng kính mời Quý DN đăng ký tham dự bằng cách QUÉT MÃ QR bên trên hoặc mẫu đăng ký gửi kèm và gửi về BTC trước ngày 18/4/2025.

Mọi chi tiết xin liên hệ

Chị Nguyệt Minh

Mobile: 0368 665 996

Email: nguyennguyetminh2004@gmail.com

Chị Nguyễn Hải Yến

Tel: 024. 38354496 - ext 228, Mobile: 08 5858 2626

Email: nguyenyen@vasep.com.vn;

Hoặc xem tại <http://daotao.vasep.com.vn>

GIÁ TÔM NGUYÊN LIỆU TẠI MỘT SỐ NƯỚC CUNG CẤP
(TUẦN 12-TUẦN 16/2025)

(VASEP tổng hợp, mang tính chất tham khảo)

Giá tôm chân trắng nguyên liệu tại bang Andhra Pradesh (Ấn Độ), tuần 13-16/2025 (USD/kg)				
Cỡ (con/kg)	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16
30	5,48	5,44	4,64	4,83
40	4,43	4,38	3,95	3,96
50	4,20	4,15	3,71	3,67
60	3,85	3,80	3,37	3,43
70	3,50	3,45	3,02	3,20
80	3,15	3,10	2,79	2,97
90	2,92	2,86	2,67	2,74
100	2,80	2,75	2,55	2,62

Giá tôm chân trắng nguyên liệu tại Đông Java (Indonesia), tuần 13-16/2025 (USD/kg)				
Cỡ (con/kg)	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16
30	4,53	N/A	4,20	4,23
40	4,17	N/A	3,85	3,93
50	3,93	N/A	3,61	3,63
60	3,81	N/A	3,49	3,57
70	3,69	N/A	3,37	3,39
80	3,44	N/A	3,14	3,16
90	3,26	N/A	2,96	2,86
100	3,20	N/A	2,90	2,80

Giá tôm chân trắng nguyên liệu tại Tây Nusa Tenggara (Indonesia), tuần 13-16/2025 (USD/kg)				
Cỡ (con/kg)	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16
30	4,34	N/A	4,05	4,09
40	3,98	N/A	3,70	3,79
50	3,74	N/A	3,46	3,49
60	3,62	N/A	3,34	3,43
70	3,50	N/A	3,22	3,25
80	3,26	N/A	2,99	3,02
90	3,08	N/A	2,81	2,72
100	3,02	N/A	2,75	2,66

Giá tôm chân trắng nguyên liệu tại Ecuador, tuần 12-15/2025 (USD/kg)				
Cỡ (con/kg)	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15
20-30	4,60	4,45	4,45	4,45
30-40	4,05	3,60	3,60	3,60
40-50	3,75	3,40	3,40	3,40
50-60	3,40	3,25	3,25	3,25
60-70	3,05	3,10	3,10	3,10
70-80	2,80	2,95	2,95	2,95
80-100	2,40	2,80	2,80	2,80
100-120	2	2	2	2
120-140	1,70	1,70	1,70	1,70

Giá tôm chân trắng nguyên liệu tại Thái Lan, tuần 11-14/2025 (USD/kg)				
Cỡ (con/kg)	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14
60	4,75	4,74	4,72	4,52
70	4,60	4,60	4,72	4,37
80	4,45	4,45	4,50	4,15

Giá tôm chân trắng nguyên liệu tại Quảng Đông (Trung Quốc), tuần 12-15/2025 (USD/kg)				
Cỡ (con/kg)	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15
40	6,63	6,63	6,81	7,25
60	5,87	5,66	5,64	6,02
80	4,90	4,70	4,75	4,92
100	4,07	4,01	3,92	4,10



GIÁ THỦY SẢN NỘI ĐỊA

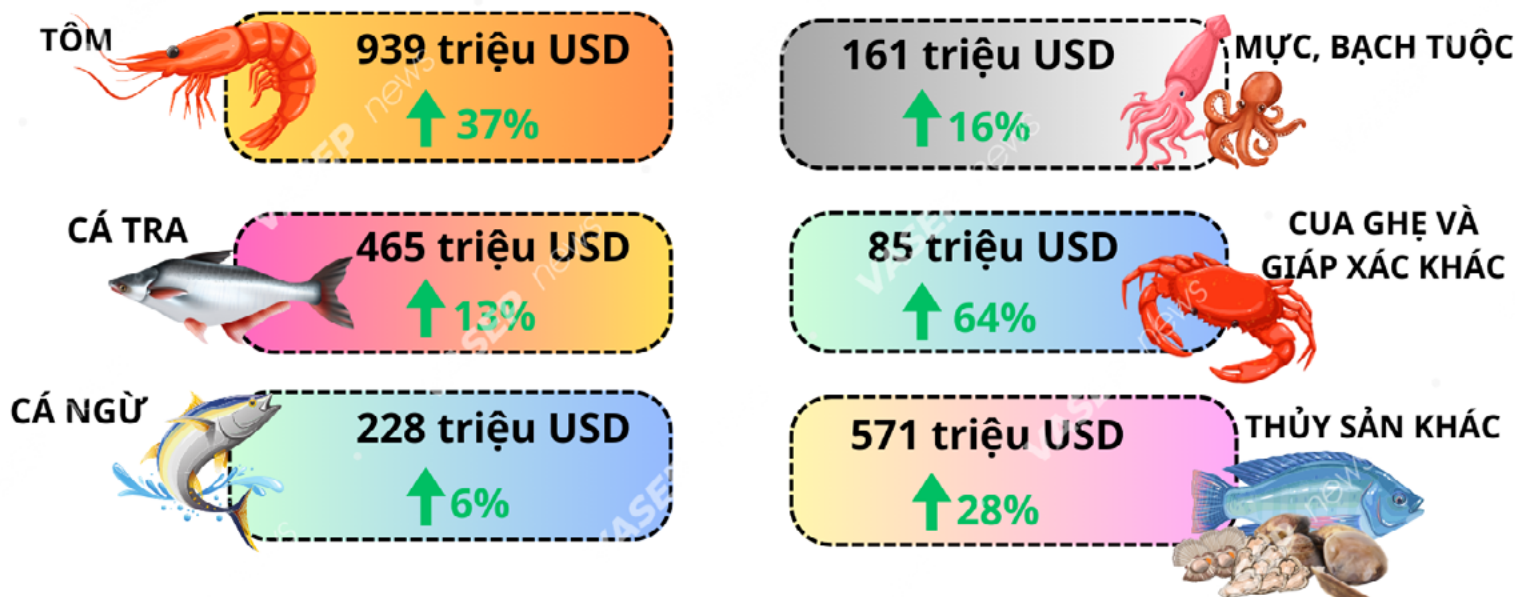
GIÁ MỘT SỐ NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN TẠI ĐỒNG THÁP, TỪ 11 – 17/4/2025		
Tên mặt hàng	Cỡ	Giá
Cá tra thịt trắng	0,7 - 0,8 kg/con	30.500 - 31.500đ/Kg
Baba	0,9- 1,8 kg/con	130.000 - 180.000đ/Kg
Cá điêu hồng	>300g – 1000g	51.000 - 53.000đ/Kg
Cá chép	> 3kg/con	40.000 – 42.000 đ/Kg
Cá trắm cỏ	1,5-2kg/con	45.000 – 50.000 đ/Kg
Cá lóc nuôi	1 - 1,2 kg/con	36.000 - 38.000đ/Kg
Sặc rằn	5 con/Kg	52.000 - 55.000 đ/Kg
Cá thát lát	>0,5kg	63.000 - 64.000 đ/Kg
Cá trê vàng	6 - 7 con/kg	48.000 - 50.000đ/Kg
Cá rô đầu vuông	4 - 5 con/Kg	37.000 - 39.000đ/Kg
Ếch	3 – 5 con/Kg	47.000 - 50.000 đ/Kg
Lươn		80.000 - 85.000đ/kg
Tôm càng xanh	15 – 25 con/kg	180.000 - 190.000 đ/Kg
Tôm chân trắng	100 con/kg	87.000 - 90.000 đ/Kg
Một số loại giống	Cỡ	Giá
Cá điêu hồng	Giống (cỡ 35 con/Kg)	53.000 - 55.000 đ/kg
Cá lóc	cỡ 1.200 con/Kg	-
Tôm càng xanh	Tôm postlarva (cỡ 80.000 – 90.000 con/Kg)	-
	Tôm toàn đực (cỡ 100.000 con/Kg)	60 - 80 đ/con
Cá tra	bột	1,5 - 1,8 đồng/con
	giống (cỡ 50 - 60 con/Kg)	-
	giống (cỡ 28 - 35 con/Kg)	45.000 - 52.000 đ/kg
	giống (cỡ 85 - 100 con/Kg)	-
Ếch	cỡ 500 con/Kg	450 - 550 đ/con

GIÁ MỘT SỐ NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN TẠI ĐÀ NẴNG, TỪ 11 – 17/4/2025					
Mặt hàng	Cỡ	Giá (đồng/Kg)	Mặt hàng	Cỡ	Giá (đồng/Kg)
Cá nưừ vằn		60.000	Mực ống	17 - 24 cm/con	200.000
Cá nưừ mắt to		75.000		>25 cm/con	270.000
Cá hổ	1 - 2 con/kg	100.000	Mực lá	25 - 35 con/kg	340.000
Cá thu	2,5 - 3 con/Kg	170.000	Mực nang		160.000
Cá đồng	4-6 con/kg	95.000	Bạch tuộc		110.000
Cá bò da	> 500 g/con	100.000	Tôm sú	15 con/kg	420.000
Cá cờ		90.000		25 - 30 con/kg	240.000
Cá nục	20 con/kg	30.000		40 con/kg	180.000
Cá cam		90.000	Tôm chân trắng	Tôm sống	165.000
Cá trác	3 – 4 conkg	135.000		80 con/kg	125.000
Cá chuồn		75.000		120 con/kg	90.000
Cá lạt	>1kg/con	80.000	Cá bóp		190.000
	<1kg/con	40.000	Cá chim	>0,5 kg/con	100.000
Cá mối		65.000	Cá cơm		30.000

BẢNG GIÁ NGUYÊN LIỆU TẠI PHÚ YÊN, TỪ 11 – 17/4/2025					
Mặt hàng	Kích cỡ	Dạng sản phẩm	Đơn giá đ/Kg	So sánh với giá tuần trước	Xu hướng nguồn cung
Cá ngừ đại dương	>30Kg/con	Đông lạnh	100.000	0	Có hàng
Tôm hùm	1- < 1,7Kg	Tươi sống	1.000.000	0	Hàng ít (chủ yếu bán cho nhà hàng)
	<0,7 Kg	Tươi sống	1.000.000	0	
	>0,7 Kg	Tươi sống	1.000.000	0	
Tôm hùm xanh	0,2 - 0,3 kg	Tươi sống	750.000 -900.000	70.000 -220.000	Có hàng
Tôm sú (nước mặn)	50 con/ kg	Tươi	220.000	0	Hàng ít (chủ yếu bán lẻ các chợ)
	40 con/kg	Tươi	250.000	0	
	30 con/kg	Tươi	300.000	0	
Tôm thẻ chân trắng	100 con/Kg	Tươi	85.000-120.000	0	Hàng ít

BẢNG GIÁ NGUYÊN LIỆU TẠI KHÁNH HÒA, TỪ 11 – 17/4/2025					
Mặt hàng	Quy cách	Giá (1.000 đ/kg)	Mặt hàng	Quy cách	Giá (1.000 đ/kg)
Ghẹ	100-130g/con	300-320	Tôm hùm bông sống	≥ 1kg/con	1.200
	90-100g/con	260-280		0,7-1kg/con	1.100
	60-90g/con	180-200	Cá dầm trắng	0,5kg/con	110-120
	50-60g/con	150-160	Cá cơm sần tươi	7-8 cm	15-16
Mực nang	≥ 500	230-250	Cá cơm trắng	Tươi	14-15
	300-500g/con	200-220	Cá sơn la	0,5kg/con	130-140
	200-300g/con	180-200	Cá sơn đỏ	0,8kg/con	150-160
Mực lá	≥ 500g/con	280-300	Cá sơn thóc	150/200gr/con	50-60
Mực ống	10 -14cm/con	130-150	Cá nục	12-15con/kg	50-60
	14-< 20 cm	150-170	Cá hố	≥ 0,5kg/con	110-120
	≥ 20cm/con	180-190	Mực ống khô	≥ 20cm	1.000
Cá Thu	≥ 2kg	110-120		15-20cm	800-900
	1,5-2kg	100-110	Mực lá khô	≥ 20 cm	1.200
	1- < 1,5kg-con	80-90	Cá hồng đỏ	≥ 0,8 kg	160-170
Cá Mỏ	≥ 0,5	130-140	Cá hồng rốc	≥ 1kg	150-160
Cá đồng Quéo	≥ 0,5kg/con	100-120	Cá chẽm	0,8 - ≥ 1,6kg	160-180
Cá đồng Tía	≥ 0,5kg	100-120	Cá mú cộp sống	0,8kg/con	180-190
Cá ngừ sọc dưa	≥ 1kg	18-22	Cá mú đen sống	0,8-1,3kg/con	160-170
Cá ngừ vây vàng	≥ 8kg/con	65-70	Cá mú chấm	1,5kg/con	150-160
Cá ngừ mắt to	≥ 8k/con	70-75	Cá mú tạp	3kg/con	130-140
Cá cờ kiếm	≥ 10kg/con	60-65	Cá bóp	7kg/con	280-300
Cá cờ gòn	≥ 10kg/con	70-75	Tôm sú	40 con/kg	360-380
Cá ngừ đại dương	Loại I (≥ 50kg/con) mua sô	120-130	Tôm chân trắng	60-80con/kg	150-160
Cá ngừ đại dương	(≥ 30kg/con)	110-115	Tôm sú giống	P15	80đ-90đ
			Tôm chân trắng	P12	60đ-70đ

Sản phẩm thủy sản XK của Việt Nam, T1-T3/2025 (GT: triệu USD)



XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM, T1-T3/2025

Top 5 thị trường xk

- **TQ & HK** **↑ 68%**
527 triệu USD
- **NHẬT BẢN** **↑ 24%**
398 triệu USD
- **MỸ** **↑ 17%**
378 triệu USD
- **EU** **↑ 20%**
251 triệu USD
- **HÀN QUỐC** **↑ 17%**
195 triệu USD

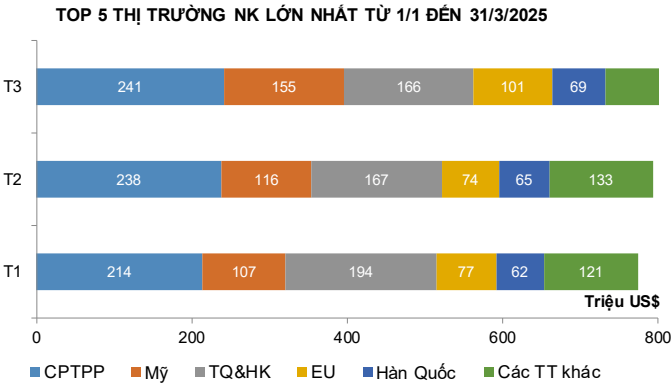
2,4 tỷ USD
↑ 26%



XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM TỪ 1/1 ĐẾN 31/3/2025

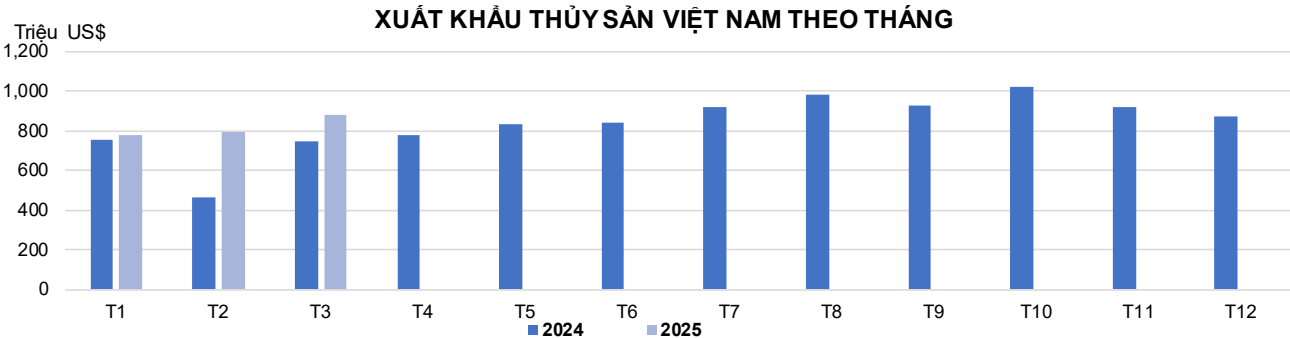
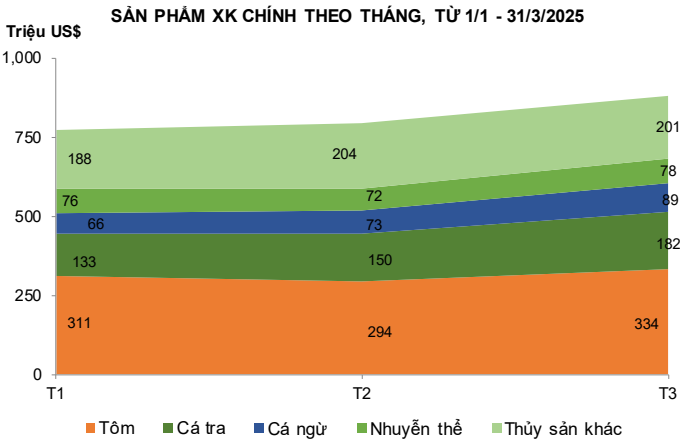
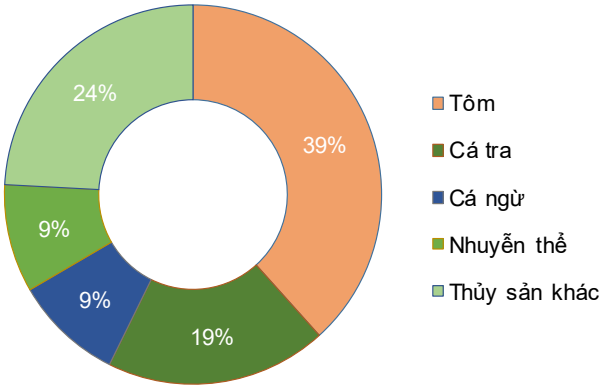
Nguồn: VASEP (theo số liệu Hải quan Việt Nam)

TOP 10 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU LỚN NHẤT (TRIỆU USD)					
Thị trường	Tháng 3/2025	So sánh 2024 (%)	Từ 1/1 – 31/3/2025	Tỷ trọng (%)	So sánh 2024 (%)
CPTPP	240,915	21,4	692,892	28,3	32,4
TQ và HK	166,421	56,7	527,484	21,5	68,1
Mỹ	155,039	14,9	377,874	15,4	16,8
EU	100,826	19,4	251,352	10,3	19,6
Hàn Quốc	68,549	9,6	194,826	8,0	16,8
Thái Lan	25,248	24,9	76,633	3,1	40,0
Nga	19,066	35,6	49,850	2,0	15,6
Brazil	20,159	147,6	48,241	2,0	72,8
Đài Loan	13,312	-2,3	34,620	1,4	-0,3
Các TT khác	73,083	-26,5	195,392	8,0	-22,6
TỔNG	882,619	19,0	2.449,164	100,0	25,5



SẢN PHẨM XUẤT KHẨU CHÍNH (TRIỆU USD)				
Sản phẩm	Tháng 3/2025	So sánh 2024 (%)	Từ 1/1 – 31/3/2025	So sánh 2024 (%)
Tôm các loại	333,777	22,9	938,510	36,7
Tôm chân trắng	212,202	5,2	556,277	10,8
Tôm hùm	62,000	344,8	218,489	400,4
Tôm sú	33,324	2,2	78,460	-2,0
Tôm khác	26,252	12,5	85,284	40,9
Cá tra	181,542	16,3	465,063	13,1
Cá ngừ	88,817	5,9	228,194	6,2
Cá ngừ mã HS 16	44,163	7,7	106,406	-2,7
Cá ngừ mã HS 03	44,654	4,2	121,788	15,3
Cá các loại khác	178,214	19,0	506,382	21,7
Cá hồi	28,222	3,4	81,030	16,1
Chả cá & Surimi	24,139	16,8	80,285	31,1
Cá nục	13,672	14,0	44,985	33,6
Cá cơm	19,712	81,1	44,460	34,8
Cá tuyết	6,652	22,4	22,191	52,2
Cá chẻm	5,238	-20,5	18,177	8,8
Cá saba	5,204	52,2	16,042	45,9
Cá Minh thái	5,160	-12,2	15,318	-14,9
Cá chỉ vàng	6,198	22,5	15,303	16,0
Cá khác	64,019	21,9	168,592	16,3
Nhuễn thể	77,851	24,6	225,532	32,5
Mực	32,495	26,4	88,915	20,4
Bạch tuộc	23,072	-4,0	71,954	11,3
Nhuễn thể có vỏ	22,021	75,0	63,014	108,5
Nhuễn thể khác	0,263	110,8	1,648	14,0
Cua, ghe & Giáp xác khác	22,418	22,7	85,483	64,4
Cua	18,554	44,2	70,431	88,0
Ghe	3,659	-30,1	14,382	2,2
Giáp xác khác	0,206	16,9	0,670	40,9
TỔNG	882,619	19,0	2.449,164	25,5

CƠ CẤU SẢN PHẨM XK TỪ 1/1 ĐẾN 31/3/2025 (GT)



DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
3 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Nguồn: VASEP (theo số liệu Hải quan Việt Nam)

STT	DOANH NGHIỆP	GT (triệu USD)	Tỷ lệ GT (%)	STT	DOANH NGHIỆP	GT (triệu USD)	Tỷ lệ GT (%)
1	MINH PHU SEAFOOD CORP	54,607	2,23	52	Cty CP TP Hưng Phúc Thịnh	9,567	0,39
2	Cty TNHH TM - DV - SX Phát Lợi	54,398	2,22	53	Cty CP TM Toàn Cầu Thanh Niên - CN Móng Cái	9,309	0,38
3	VINH HOAN CORP	52,111	2,13	54	Cty CP Vĩnh Nha Trang	9,265	0,38
4	STAPIMEX	51,382	2,10	55	SEAPRODEX DA NANG	9,198	0,38
5	Cty CP Chế biến TS Minh Phú - Hậu Giang	45,671	1,86	56	Cty TNHH MTV Đầu Tư và Tài Chính V	9,055	0,37
6	FIMEX VN	39,887	1,63	57	Cty TNHH TP Nhất Nguyên	9,053	0,37
7	CASES	38,394	1,57	58	Cty CP TS Thông Thuận Cam Ranh	8,866	0,36
8	Cty TNHH TS An Hải	30,375	1,24	59	Cty TNHH TM DEJIU	8,799	0,36
9	Cty TNHH MTV CB TP XK Vạn Đức Tiền Giang	24,664	1,01	60	Cty CP Thực Phẩm Famisea	8,788	0,36
10	THUAN PHUOC CORP	24,562	1,00	61	Cty TNHH FRESCOL TUNA (VIỆT NAM)	8,637	0,35
11	NAVICO	24,305	0,99	62	Cty CP Hùng Cá 6	8,509	0,35
12	Cty TNHH TM Hào Phát	23,055	0,94	63	KIEN CUONG SEAFOOD	8,452	0,35
13	Cty CP Thực phẩm XK Trung Sơn Hưng Yên	23,022	0,94	64	Cty CP SeaVina	8,436	0,34
14	Cty CP CB Thủy Sản Tài Kim Anh	21,987	0,90	65	Cty TNHH TS Phát Tiến	8,400	0,34
15	YUEH CHYANG CO	21,253	0,87	66	Cty TNHH MTV CB TS Hoàng Long	8,380	0,34
16	CAMIMEX CORP	19,851	0,81	67	GALLANT DACHAN SEAFOOD CO.,LTD	8,337	0,34
17	TRUNG SON CORP	19,642	0,80	68	ESPERSEN VIỆT NAM	8,089	0,33
18	GODACO	19,613	0,80	69	Cty TNHH Tiến Kiều	8,071	0,33
19	Cty CP TS Trường Giang	19,446	0,79	70	Cty TNHH Hải Triều	8,024	0,33
20	I.D.I CORP	19,215	0,78	71	CUULONG SEAPRO	7,906	0,32
21	Cty TNHH XNK TS Tuấn Tú	18,978	0,77	72	Cty CP XNK TS Cửu Long	7,683	0,31
22	Cty CP Thực Phẩm Khang An	18,501	0,76	73	SEAPRIMEXCO VIETNAM	7,612	0,31
23	Cty CP TS Sạch Việt Nam	17,909	0,73	74	Cty TNHH á Châu Hòa Thành	7,564	0,31
24	Cty CP Đầu Tư TM MINI Số Việt Nam	17,447	0,71	75	Cty TNHH Tín Thịnh	7,506	0,31
25	Cty TNHH MARISO Việt Nam	17,381	0,71	76	Cty CP Phát Triển Hùng Cá 2	7,354	0,30
26	Cty TNHH TS Long Huy	17,261	0,70	77	Cty TNHH Baseafood 1	7,301	0,30
27	HAVICO	15,878	0,65	78	Cty TNHH FOODTECH	7,231	0,30
28	BIENDONG SEAFOOD	15,092	0,62	79	Cty CP TS Cổ Chiên	7,161	0,29
29	SaiGon Food	14,964	0,61	80	Cty CP TS Tắc Cù	7,079	0,29
30	Cty TNHH Đại Thành (Tiền Giang)	14,880	0,61	81	Cty TNHH Vina Pride Seafoods	7,020	0,29
31	Cty CP TS NTSF	14,701	0,60	82	Cty TNHH TM Toàn Cầu DP	6,906	0,28
32	HAI NAM CO., LTD	14,581	0,60	83	CL-FISH CORP	6,890	0,28
33	MOWI VIỆT NAM	14,487	0,59	84	CADOVIMEX II	6,883	0,28
34	Cty TNHH Bảo Cường Logistic	14,205	0,58	85	Cty TNHH TM Đầu tư Tổng hợp Hồng Hạnh VN 68	6,689	0,27
35	HAVUCO	14,076	0,57	86	VD FOOD	6,677	0,27
36	HIGHLAND DRAGON	13,793	0,56	87	DNTN Trang Thủy	6,513	0,27
37	Cty TNHH MTV Hải Sản Thành Phát	13,724	0,56	88	Cty TNHH Huy Nam	6,487	0,26
38	Cty TNHH XNK MAI ANH PP	13,677	0,56	89	Cty TNHH TS Hải Long Nha Trang	6,335	0,26
39	Cty TNHH Thông Thuận	13,199	0,54	90	Cty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	6,292	0,26
40	Cty TNHH Cá Ngừ Việt Nam	12,168	0,50	91	SVS	6,118	0,25
41	Cty CP Thực Phẩm Cát Hải	12,144	0,50	92	Cty TNHH MTV Du Lịch - TM Kiên Giang	6,093	0,25
42	Cty TNHH XNK Dalu Surimi	11,799	0,48	93	Cty CP TS Anh Long	6,080	0,25
43	Cty TNHH MTV Trung Sơn Long An	11,524	0,47	94	PHUONG DONG SEAFOOD	6,058	0,25
44	NHATRANG SEAFOODS F17	11,008	0,45	95	Cty TNHH TS Quang Minh	6,051	0,25
45	CASEAMEX	10,850	0,44	96	Cty TNHH Minh Đăng	6,045	0,25
46	Cty CP TP AGREX SAIGON	10,781	0,44	97	Cty TNHH TS BLUE BAY	6,032	0,25
47	Cty TNHH XNK TM DV Nam Dương Phát triển	10,672	0,44	98	Cty CP XNK TS Thanh Hoá	6,028	0,25
48	C. P Việt Nam	10,028	0,41	99	Cty TNHH Ấn Độ Dương	5,941	0,24
49	Cty TNHH Khánh Sừng	9,870	0,40	100	VIETNAM FISH-ONE CO., LTD	5,873	0,24
50	SEA MINH HAI	9,659	0,39		Các DN khác	1.030,196	42,06
51	GALLANT OCEAN (VIET NAM)	9,644	0,39		Tổng	2.449,164	100,00

XUẤT KHẨU TÔM VIỆT NAM T1-T3/2025

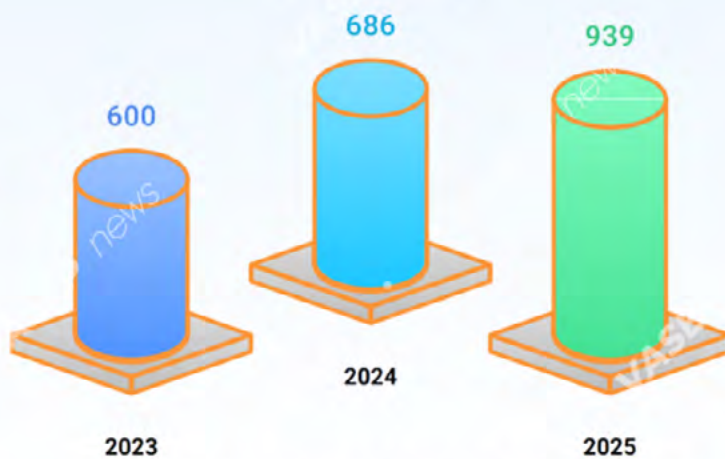
VASEP news

939 TRIỆU USD

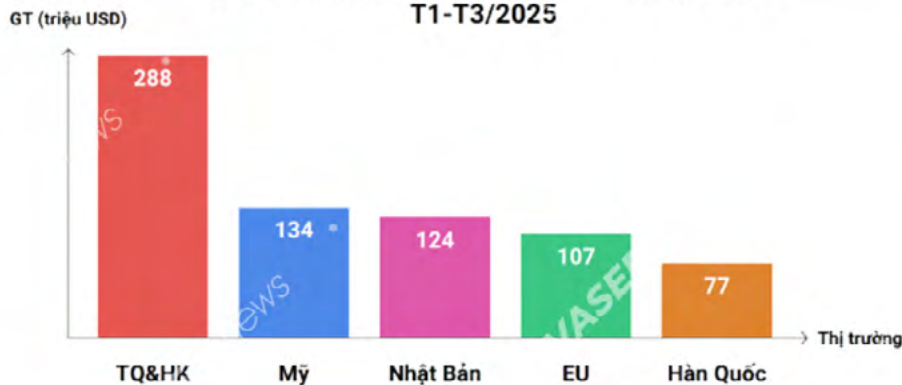
TĂNG 37%

× × × ×

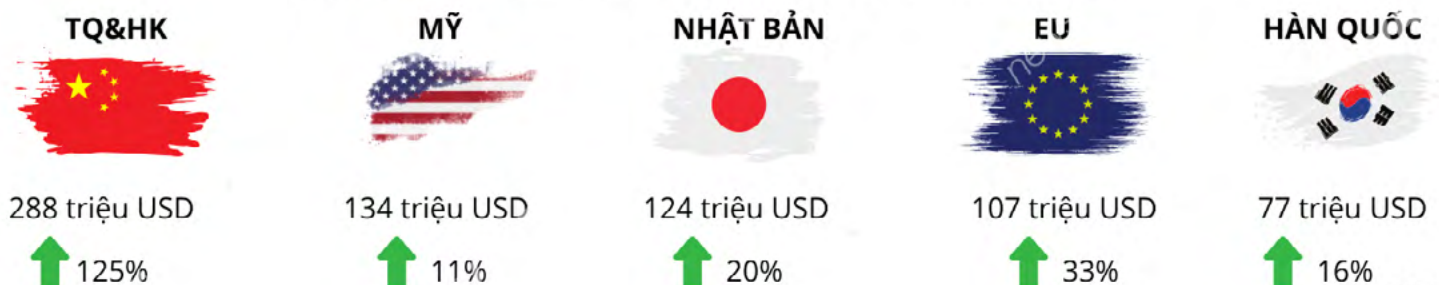
Xuất khẩu tôm của Việt Nam, T1-T3/2023-2025
(GT: triệu USD)



Top 5 thị trường nhập khẩu tôm của Việt Nam
T1-T3/2025



Top 5 thị trường nhập khẩu tôm của Việt Nam, T1-T3/2025



VIETNAM ASSOCIATION OF SEAFOOD EXPORTERS AND PRODUCERS
www.seafood.vasep.com.vn



XK tôm Việt Nam Q1/2025 vượt mốc 900 triệu USD nhưng đối diện thử thách thuế ‘Trump’ và làn sóng cạnh tranh mới

Kim Thu

(vasep.com.vn) Xuất khẩu tôm Việt Nam trong quý I/2025 đạt 939 triệu USD, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2024. Mức tăng trưởng ấn tượng này đến từ sự phục hồi nhu cầu tại nhiều thị trường lớn, đặc biệt là Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và khối CPTPP. Tuy nhiên, phía sau con số lạc quan vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro trước thuế đối ứng của Trump với toàn thể giới và bối cảnh thương mại toàn cầu tiếp tục bất ổn.

Trung Quốc – Hong Kong: XK tăng vọt nhờ nhu cầu tích trữ dịp lễ

Trung Quốc và Hong Kong là điểm sáng lớn nhất với tổng kim ngạch đạt 288 triệu USD, tăng tới 125%. XK tôm hùm sang thị trường này tiếp tục tăng mạnh. Trung Quốc đang có nhu cầu nhập khẩu mạnh mẽ thủy sản để phục vụ tiêu dùng nội địa và chuẩn bị cho kỳ nghỉ lễ Lao động (1–5/5). Giá xuất khẩu tôm sú Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 3 duy trì mức 9,6 USD/kg, tăng nhẹ so với tháng 1. Tuy nhiên, giá tôm chân trắng vẫn ở mức thấp (6,6 USD/kg), cho thấy sức ép cạnh tranh từ Ecuador và Ấn Độ vẫn hiện hữu.

Mỹ: Thách thức từ thuế đối ứng của Tổng thống Trump

Xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ đạt 134 triệu USD trong quý I/2025, tăng 11% nhờ nhu cầu tại thị trường Mỹ tăng. Bên cạnh đó, Triển lãm Thủy sản Bắc Mỹ 2025, diễn ra từ ngày 16–18/3 tại Boston, cũng đóng vai trò quan trọng thúc đẩy tăng trưởng. Sự kiện là nơi doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận khách hàng mới, tái kết nối các đối tác truyền thống và khẳng định thương hiệu trên thị trường cao cấp này. Việc mở rộng diện tích gian hàng và sự hiện diện của nhiều doanh nghiệp

cho thấy nỗ lực mạnh mẽ trong xúc tiến thương mại, góp phần gia tăng đơn hàng ngay trong quý I.

Về giá xuất khẩu, Mỹ là thị trường có mức giá cao nhất. Giá trung bình XK tôm chân trắng trong tháng 3 đạt 10,9 USD/kg, giá tôm sú ở mức 17,7 USD/kg – ổn định hơn so với các thị trường khác.

Từ ngày 02/04/2025 (giờ Mỹ), Tổng thống Mỹ Donald Trump ban bố tình trạng khẩn cấp quốc gia và áp thuế quan đối ứng với tất cả các quốc gia nhằm giảm thâm hụt thương mại, bảo vệ ngành sản xuất trong nước.

Như vậy, DN tôm Việt Nam phải đối mặt với thuế nhập khẩu mới cùng với sức ép từ 2 vụ kiện chống bán phá giá (AD) và chống trợ cấp (CVD) tại Mỹ.

Từ ngày 10/4, Mỹ đã nâng mức thuế đối với hàng hóa Trung Quốc lên 125%, trong khi tạm hoãn áp thuế đối ứng 90 ngày với các nước không trả đũa. Trung Quốc có thể chuyển hướng xuất khẩu sang EU, Nhật Bản và Hàn Quốc, gia tăng áp lực cho Việt Nam tại các thị trường này.

EU: Tăng khả quan

Xuất khẩu tôm sang EU trong quý đầu năm nay đạt 107 triệu USD, ghi nhận mức tăng trưởng khả quan 33%. Giá xuất khẩu trung bình tôm chân trắng đi EU đang đi ngang (7,6 USD/kg), trong khi giá tôm sú tăng nhẹ lên 10,9 USD/kg trong tháng 3.

Sự kiện Triển lãm Thủy sản Toàn cầu lần thứ 31 (Seafood Expo Global 2025) sẽ diễn ra từ ngày 6–8/5/2025 tại Fira de Barcelona, Tây Ban Nha. Đây là cơ hội quan trọng cho các DN tham gia để quảng bá hình ảnh tôm Việt Nam tại thị trường EU và toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng

khốc liệt từ Trung Quốc, Ấn Độ và Ecuador.

Việc tham gia triển lãm không chỉ giúp doanh nghiệp tiếp cận trực tiếp với nhà nhập khẩu, phân phối và chuỗi siêu thị châu Âu, mà còn giúp cập nhật xu hướng tiêu dùng, tiêu chuẩn kỹ thuật và chuỗi cung ứng mới. Kỳ vọng sau sự kiện, các đơn hàng từ EU và các thị trường phụ cận có thể gia tăng trong quý II/2025, hỗ trợ xu hướng tăng trưởng và góp phần ổn định đầu ra cho ngành tôm trong giai đoạn cao điểm giữa năm.

Nhật Bản và Hàn Quốc: Phục hồi tích cực nhưng giá biến động

Xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 124 triệu USD (+20%), sang Hàn Quốc đạt 77 triệu USD (+16%). Thị trường Nhật Bản có nhu cầu cao với tôm chế biến và sản phẩm đông lạnh tiện lợi. Tuy nhiên, giá xuất khẩu đang có xu hướng giảm sau đợt tăng mạnh đầu năm: tôm chân trắng từ 9,5 xuống 8,4 USD/kg; tôm sú từ 14,7 xuống 13,6 USD/kg. Hàn Quốc cũng ghi nhận biến động giá, phản ánh sự cạnh tranh từ các nước châu Á khác.

CPTPP và các thị trường khác: Chưa tạo đột phá

Xuất khẩu sang khối CPTPP đạt 269 triệu USD (+40%), tăng tốt nhưng vẫn phụ thuộc lớn vào Nhật Bản và Canada. Trong khi đó, các thị trường nhỏ khác (ngoài top) có xu hướng giảm, cho thấy còn nhiều bất ổn, đặc biệt do chi phí logistics cao và rào cản kỹ thuật.

Trong tháng tới, xuất khẩu tôm Việt Nam dự kiến tiếp tục tăng. Tuy nhiên, mục tiêu đạt 4 tỷ USD trong năm 2025 vẫn rất thách thức do ảnh hưởng từ thuế đối ứng của Mỹ và áp lực cạnh tranh toàn cầu.

■ Giá bán buôn tôm của Ecuador tăng ở Trung Quốc do tồn kho cạn kiệt

(vasep.com.vn) Giá bán buôn tôm đông lạnh nhập khẩu tại Trung Quốc đã bắt đầu tăng sau nhiều tuần giảm, do lượng hàng tồn kho ở thị trường hạ nguồn cạn kiệt.

Giá bán buôn tôm Ecuador nguyên đầu còn vỏ (HOSO), cỡ chuẩn 30/40, bán IQF, đóng gói riêng lẻ dưới 2kg, tăng lên 39,5-40,8 NDT/kg (5,38-5,55 USD/kg) trong tuần từ ngày 7 - 13/4. Điều này thể hiện mức tăng 0,5-1,8 NDT/kg so với cuối tháng 3.

Tôm ngâm nước muối IQF đóng gói riêng lẻ dưới 2kg thường có giá cao hơn 1,0 NDT/kg so với các sản phẩm bán IQF, giá có thể thay đổi tùy thuộc vào mức độ nhận diện thương hiệu của các nhà xuất khẩu Ecuador khác nhau.

Tôm đóng gói 12kg, thường được bán cho ngành khách sạn và nhà hàng, cũng tăng giá. Vào giữa tháng 4, giá dao động từ 475 đến 500 NDT/thùng, hoặc 39,6 đến 41,7 NDT/kg, tăng 0,4-0,9 NDT/kg so với mức cuối tháng 3.

“Hầu như không có hàng tồn kho tôm ở thị trường hạ nguồn”, một nhà nhập khẩu có trụ sở tại Bắc Kinh cho biết.

Một nhà nhập khẩu có trụ sở tại Thượng Hải cho biết giá dự kiến sẽ tăng thêm vào khoảng ngày 20/4, khi các nhà hàng bắt đầu tích trữ trước kỳ nghỉ Lễ Lao động (từ ngày 1 - 5/5/2025).

Để ứng phó với giá bán buôn tăng ở Trung Quốc, các nhà xuất khẩu Ecuador đã điều chỉnh giá chào hàng của họ. Tính đến giữa tháng 4, một nhà xuất khẩu lớn của Ecuador đã báo giá giá thành và cước phí vận chuyển Trung Quốc (CFR) là 4,80 USD/kg cho tôm bán IQF 30/40, tăng 0,20 USD/kg so với một tháng trước đó.

Giá CFR hiện tại cho tôm bán IQF ở mức 5,70 USD/kg đối với loại 20/30, 4,60 USD/kg đối với loại 40/50 và 4,30 USD/kg đối với loại 50/60, trong đó giá IQF ngâm nước muối cao hơn 0,20 USD/kg so với giá bán IQF cho các thông số kỹ thuật tương đương.

Trong khi đó, giá tôm nuôi trong nước tại Trung Quốc vẫn ở mức cao. Vào giữa tháng 4, giá ở tỉnh Quảng Đông tăng, trong khi các tỉnh Giang Tô, Phúc Kiến và Quảng Tây báo cáo mức tiêu thụ không đủ để hỗ trợ mức giá cao.

Đối với ngành nuôi tôm của Trung Quốc, căng thẳng thương mại leo thang đặt ra thách thức vì mức thuế 125% đối với đậu nành của Hoa Kỳ dự kiến sẽ làm tăng chi phí thức ăn. Tuy nhiên, việc Peru phân bổ hạn ngạch lớn hơn cho cá cơm trong mùa đánh bắt mới có thể giúp giảm bớt áp lực lên giá bột cá, một thành phần chính trong thức ăn cho tôm.

(Theo UCN)

■ Nga: Tăng sản lượng khai thác tôm nước lạnh

(vasep.com.vn) Nga đang đẩy mạnh khai thác tôm tự nhiên nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với loại hải sản có vỏ này, cả trong nước lẫn quốc tế.

Theo Cơ quan Thủy sản Liên bang Nga, từ tháng 1 đến tháng 3/2025, sản lượng tôm khai thác tự nhiên đạt 5.400 tấn, tăng 29% so với cùng kỳ năm ngoái. Trước đó, trong năm 2024, tổng sản lượng tôm cũng ghi nhận mức tăng 24%, đạt 27.000 tấn.

Cùng đó, dữ liệu từ Hiệp hội nghề cá Nga cho thấy, nhập khẩu tôm của cả nước trong năm 2024 tăng 15% so với năm trước, lên mức 85.000 tấn. Các quốc gia xuất khẩu tôm chủ yếu vào Nga gồm Ecuador, Ấn Độ, Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan và Indonesia.

Các loại tôm nhập khẩu chủ yếu vào Nga gồm tôm thẻ chân trắng, tôm đỏ Argentina và tôm sú. Trong khi đó, sản lượng tôm đánh bắt trong nước chủ yếu là các loài tôm nước lạnh.

Hiệp hội nghề cá Nga cho biết, tổng khối lượng tôm cho thị trường Nga năm 2024, bao gồm cả nhập khẩu, lên tới 112.000 tấn, tăng 15% so với năm 2023. Sản lượng tôm đánh bắt trong nước tăng lên nhờ nhu cầu tiêu dùng nội địa ngày càng cao, từ đó thúc đẩy doanh số bán hàng tăng trưởng mạnh.

Ngoài thị trường Nga, tiêu thụ tôm cũng tăng tăng mạnh ở thị trường quốc tế. Theo dữ liệu từ Cơ quan giám sát thị trường và nuôi trồng thủy sản châu Âu (EUMOFA), các nước tại khu vực này đã nhập khẩu 30.600 tấn tôm thẻ chân trắng trong tháng 1/2025, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước.

(Tổng hợp)

■ Ấn Độ: Thuế mới của Mỹ ảnh hưởng nặng nề đến ngành tôm

(vasep.com.vn) Thuế quan mới của Mỹ sẽ ảnh hưởng nặng nề đến ngành xuất khẩu thủy sản trị giá 2,5 tỷ USD của Ấn Độ, trong đó tôm chiếm 92%, đồng thời tạo cơ hội cho đối thủ Ecuador mở rộng thị phần tôm tại Mỹ.

Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Ấn Độ (SEAI), ông G. Pawan Kumar cho biết, việc áp thuế sẽ gây thiệt hại cho toàn bộ chuỗi giá trị và tạo ra khó khăn diện rộng.

Ngoài ra, yêu cầu ký quỹ và các điều kiện từ phía Mỹ khiến vốn lưu động bị ảnh hưởng, gây khó khăn tài chính và gián đoạn dòng tiền. Bên cạnh việc áp thuế mới, Mỹ còn áp thuế chống trợ cấp 5,77% và thuế chống bán phá giá 1,38% lên tôm nhập

khẩu. Ông Kumar nhấn mạnh, những yếu tố này đang bào mòn biên lợi nhuận, trong khi đợt thuế mới lại rơi đúng thời điểm chuẩn bị vụ nuôi tôm đầu tiên trong năm. Việc chưa rõ thuế quan sẽ ảnh hưởng thế nào đến biên lợi nhuận khiến nông dân giảm số lượng đơn đặt hàng, kéo theo nhu cầu từ các trại ương cũng duy trì ở mức thấp, ông cho biết.

Chủ tịch SEAI kêu gọi chính phủ sớm có biện pháp hỗ trợ ngành, ít nhất là cho đến khi thuế quan được điều chỉnh về mức cũ hoặc hai bên đạt được một hiệp định thương mại song phương.

Trong khi đó, ông Lal Mohammed – Phó Giám đốc Sở Thủy sản bang Andhra Pradesh – cho biết chính quyền sẽ tổ chức họp với các bên liên quan để tìm giải pháp giảm thiểu tác động của thuế quan.

Chính phủ cũng đang xem xét các chiến lược khác như tuyên truyền cho người nuôi trồng thủy sản về việc lai tạo các loài cá khác có giá trị xuất khẩu tương đương, đồng thời tìm kiếm thị trường thay thế như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga, EU, Úc và một số quốc gia khác.

Ông Mohammed nhấn mạnh rằng việc thúc đẩy tiêu thụ nội địa, mở rộng hệ thống bán lẻ tôm, phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng tiện lợi, nâng cao chất lượng, công bố sản phẩm không chứa kháng sinh và có khả năng truy xuất nguồn gốc, cùng với một số giải pháp khác, sẽ đóng vai trò quan trọng.

Bang Andhra Pradesh là trung tâm nuôi trồng thủy sản lớn, với hơn 230.000 ha đất đang được sử dụng, chủ yếu tập trung tại các quận Eluru, West Godavari và Krishna. Riêng tôm thẻ chân trắng được nuôi trên diện tích hơn 101.000 ha trên toàn bang.

(Theo *Economictimes*)

■ Ấn Độ xuất khẩu gần 600.000 tấn tôm trong năm 2024

(vasep.com.vn) Xuất khẩu tôm của Ấn Độ trong năm 2024 đã tăng trưởng hai con số, đạt gần 600.000 tấn, giúp quốc gia này vượt qua Ecuador để trở thành nước xuất khẩu tôm lớn có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, theo số liệu thương mại của Ấn Độ.

Cụ thể, khối lượng xuất khẩu tôm của Ấn Độ tăng 14%, trong khi giá trị tăng 11%, đạt khoảng 4,12 tỷ USD. Đây là mức tăng trưởng về khối lượng lớn nhất kể từ năm 2021, sau hai năm liên tiếp ghi nhận đà sụt giảm.

Trong khi đó, xuất khẩu tôm của Ecuador gần như không tăng trưởng, giữ ở mức 1,21 triệu tấn, do nhu cầu nhập khẩu từ thị trường chủ lực là Trung Quốc suy giảm.

Đối với Ấn Độ, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất, tiếp nhận 304.000 tấn tôm, tương đương 2,38 tỷ USD – tăng 14% về khối lượng và

13% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

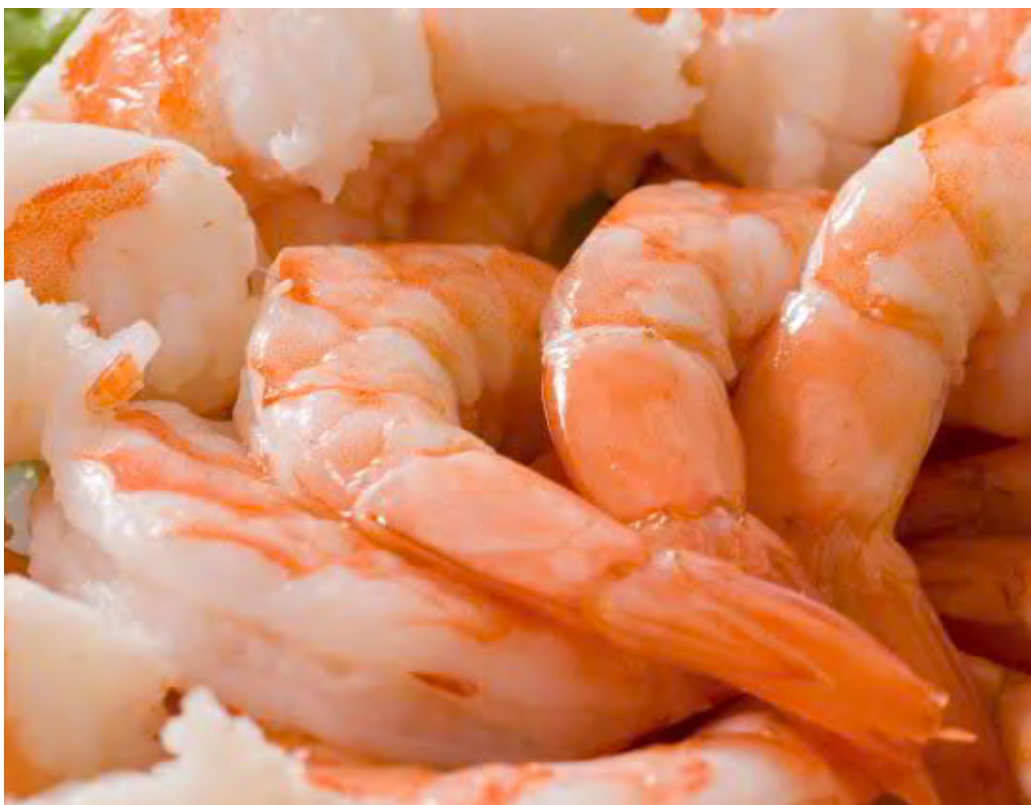
Trung Quốc – thị trường lớn thứ hai của Ấn Độ – nhập khẩu 140.000 tấn tôm, trị giá 751 triệu USD, tăng 7%. Xuất khẩu sang Liên minh châu Âu (EU) tăng vọt 25%, đạt 86.000 tấn với giá trị tương ứng 525 triệu USD.

Số liệu tháng 1/2025 cho thấy xuất khẩu sang Hoa Kỳ vẫn duy trì tốc độ khá tốt trước khi xảy ra bất ổn về thuế quan – với khối lượng tăng 6% và giá trị tăng 18%, trong khi giá đơn vị bình quân tăng 11%.

Ngược lại, xuất khẩu sang Trung Quốc giảm mạnh 45% về khối lượng so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân có thể xuất phát từ kỳ nghỉ Tết Nguyên đán đến sớm, khiến hoạt động nhập khẩu tạm thời chững lại.

Tính chung trong tháng 1/2025, tổng khối lượng xuất khẩu của Ấn Độ giảm 3%, còn 49.000 tấn, song tổng giá trị vẫn tăng 9%, đạt 355 triệu USD nhờ giá xuất khẩu bình quân tăng 13%.

(Theo UCN)



■ Ecuador: Đẩy mạnh xuất khẩu tôm giá trị gia tăng sang châu Âu, Mỹ

(vasep.com.vn) Trước áp lực giá từ thị trường Trung Quốc, các nhà chế biến tôm Ecuador đang chuyển hướng sang các thị trường cao cấp như Liên minh châu Âu (EU) và Hoa Kỳ, tập trung vào sản phẩm giá trị gia tăng nhằm nâng cao lợi nhuận và giảm phụ thuộc vào xuất khẩu tôm nguyên con.

Trong năm 2025, ngành tôm Ecuador tiếp tục tăng cường đầu tư vào sản xuất các sản phẩm chế biến sâu như tôm nấu chín, tôm lột vỏ và tôm giá trị gia tăng khác, đặc biệt là phục vụ thị trường EU và Hoa Kỳ. Đây là chiến lược được thúc đẩy sau khi giá thu mua từ Trung Quốc – thị trường xuất khẩu chính của Ecuador hiện đã

xuống mức gần sát với giá nguyên liệu thô, khiến biên lợi nhuận bị thu hẹp đáng kể.

Xu hướng dịch chuyển này đã bắt đầu rõ nét từ năm 2024. Xuất khẩu tôm đông lạnh của Ecuador sang Trung Quốc giảm 8% về khối lượng, chỉ còn 651.498 tấn và giảm mạnh 16% về giá trị xuống còn 3,23 tỷ USD. Trong khi đó, xuất khẩu sang Hoa Kỳ lại tăng 5% về khối lượng (đạt 202.207 tấn) và tăng 7% về giá trị (lên 1,46 tỷ USD). Tương tự, thị trường EU ghi nhận mức tăng trưởng 13% về khối lượng, đạt 198.142 tấn, với giá trị giữ vững ở mức 1,27 tỷ USD.

Các nhà chế biến Ecuador kỳ vọng nhu cầu từ Trung Quốc sẽ phục hồi trong quý II/2025, khi các nhà nhập khẩu nước này có khả năng quay lại đặt hàng để bổ sung kho vào tháng 4 – 5. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp – trong đó có Omarsa – đang chủ

động tìm kiếm sự ổn định lâu dài bằng cách đẩy mạnh bán hàng sang các thị trường có giá trị gia tăng cao hơn và ít biến động hơn về giá.

“Chúng tôi đang ưu tiên châu Âu và Mỹ, nơi có nhu cầu ổn định hơn cho các sản phẩm chế biến và có giá trị gia tăng cao. Mục tiêu là giảm sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc trong thời gian tới,” Giám đốc điều hành Omarsa chia sẻ.

Với vị thế là quốc gia xuất khẩu tôm lớn nhất thế giới, Ecuador đang tái cấu trúc chuỗi cung ứng để thích ứng với xu thế mới: thay vì chạy theo sản lượng, các doanh nghiệp bắt đầu chú trọng đến chất lượng, chế biến và đa dạng hóa thị trường – điều sẽ quyết định sự phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

(Theo UCN)



■ Bạc Liêu đầu tư hạ tầng nước ngọt, thúc đẩy ngành tôm phát triển bền vững

Tỉnh Bạc Liêu đang triển khai dự án xây dựng hệ thống công trình điều tiết, bổ sung nguồn nước phục vụ nuôi trồng thủy sản tại vùng phía nam quốc lộ 1A. Dự án này nhằm chuyển nước ngọt từ vùng bắc quốc lộ 1A về phía nam, hỗ trợ cấp nước ngọt cho khoảng 43.000 ha diện tích nuôi trồng thủy sản, giảm ngập úng do triều cường và bảo vệ hạ tầng đô thị dọc tuyến quốc lộ 1A. Vùng này hiện chiếm hơn 60% diện tích nuôi tôm của tỉnh.

Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu, ông Phạm Văn Thiều, nhấn mạnh rằng dự án này không chỉ giúp ổn định sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản mà còn góp phần giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, chống sụt lún đất và xâm nhập mặn. Việc triển khai nhanh, đúng tiến độ sẽ mang lại lợi ích trực tiếp cho người dân khu vực phía nam quốc lộ 1A, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Năm 2024, toàn ngành nông nghiệp tỉnh Bạc Liêu tăng trưởng hơn 7%, với kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 1,2 tỉ USD; riêng sản phẩm tôm đạt 1,13 tỉ USD, chiếm hơn 94% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của tỉnh.

Kim Thu

Bến Tre nâng cao giá trị tôm nuôi thông qua ứng dụng công nghệ và quy hoạch vùng nuôi

Trong cơ cấu diện tích nuôi trồng thủy sản của tỉnh Bến Tre thì nuôi tôm nước lợ chiếm khoảng 75,3%.

Năng suất nuôi tôm nước lợ ứng dụng công nghệ cao (CNC) đạt 40 – 60 tấn/ha; thâm canh, bán thâm canh ngày được nâng cao như tôm thẻ chân trắng đạt 12 – 15 tấn/ha, tôm sú 6 – 8 tấn/ha; quảng canh, tôm lúa, tôm – rừng đạt 250 kg/ha.

Ước tính giá trị ngành tôm nước lợ của tỉnh chiếm 77% so với tổng giá trị mang lại trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

Theo Nghị quyết số 04-NQ/TU, tỉnh Bến Tre chú trọng các đối tượng nuôi truyền thống có nhiều lợi thế như: tôm thẻ chân trắng, tôm sú...

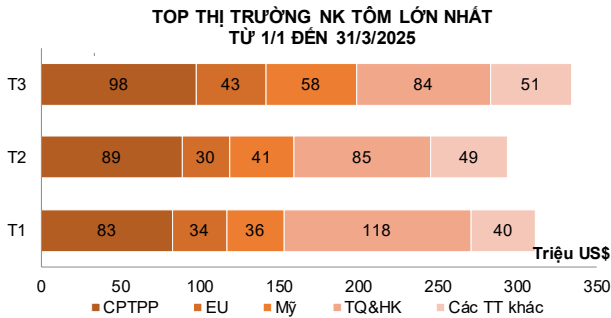
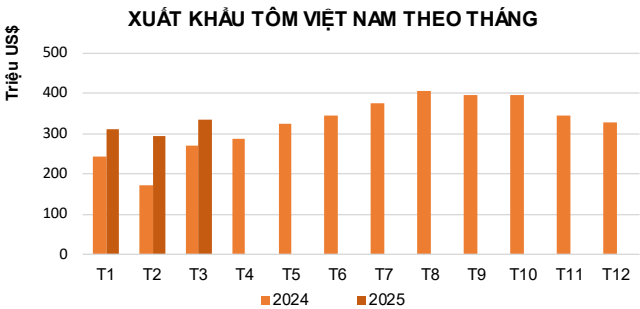
Thời gian tới, tỉnh tiếp tục rà soát, điều chỉnh vùng nuôi, hình thức nuôi và đối tượng nuôi thủy sản phù hợp với định hướng thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; Phát triển các hình thức nuôi ứng dụng công nghệ cao, an toàn dịch bệnh, môi trường và vệ sinh thực phẩm, tạo ra giá trị sản phẩm hàng hóa lớn.

Đồng thời, đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển các vùng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao tại 3 huyện biển. Mặt khác, tỉnh tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng, khai thác nhằm tạo ra các sản phẩm chủ lực, có chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.



XUẤT KHẨU TÔM VIỆT NAM TỪ 1/1 ĐẾN 31/3/2025

Nguồn: VASEP (theo số liệu Hải quan Việt Nam)



XUẤT KHẨU TÔM SANG CÁC THỊ TRƯỜNG (triệu USD)							
THỊ TRƯỜNG	Tháng 2/2025 (GT)	Tháng 3/2025 (GT)	Tỷ lệ GT (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	Từ 1/1 – 31/3/2025 (GT)	Tỷ lệ GT (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)
TQ&HK	85,378	83,985	25,2	80,9	287,521	30,6	124,8
Hồng Kông	6,431	5,983	1,8	4,6	18,297	1,9	2,1
CPTPP	88,517	97,858	29,3	27,8	268,912	28,7	40,1
Nhật Bản	43,596	45,904	13,8	6,7	123,794	13,2	20,2
Australia	16,056	18,608	5,6	-9,5	54,483	5,8	2,6
Anh	15,393	14,142	4,2	-26,2	45,648	4,9	4,1
Canada	9,415	14,983	4,5	57,9	33,400	3,6	25,2
Mỹ	40,913	57,600	17,3	18,5	134,429	14,3	11,3
EU	29,868	43,198	12,9	35,2	107,207	11,4	32,8
Đức	7,037	11,745	3,5	53,3	28,075	3,0	37,5
Bỉ	6,483	9,135	2,7	69,0	22,974	2,4	58,9
Hà Lan	6,367	8,373	2,5	17,0	21,055	2,2	19,2
Pháp	2,478	2,986	0,9	113,0	7,911	0,8	38,5
Hàn Quốc	26,594	27,907	8,4	3,4	77,437	8,3	15,7
Nga	6,294	5,474	1,6	75,5	15,730	1,7	74,3
Đài Loan	5,823	5,988	1,8	-6,3	14,752	1,6	-2,0
Thụy Sĩ	2,681	3,516	1,1	128,9	8,126	0,9	97,9
Các TT khác	7,684	8,252	2,5	-72,5	24,395	2,6	-65,1
TỔNG	293,752	333,777	100,0	22,9	938,510	100,0	36,7

SẢN PHẨM TÔM XK 1/1 ĐẾN 31/3/2025				
STT	Quy cách sản phẩm	GT (triệu USD)	Tỷ lệ GT (%)	So sánh cùng kỳ (%)
1	Tôm chân trắng	556,277	59,3	10,8
	Trong đó: - Tôm chân trắng chế biến (thuộc mã HS16)	271,957		22,1
	- Tôm chân trắng sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã HS03)	284,320		1,8
2	Tôm sú	78,460	8,4	-2,0
	Trong đó: - Tôm sú chế biến khác (thuộc mã HS16)	11,515		-2,3
	- Tôm sú sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã HS03)	66,945		-2,0
3	Tôm biển khác	303,773	32,4	191,6
	Trong đó: - Tôm loại khác chế biến đóng hộp (thuộc mã HS16)	0,028		-93,2
	- Tôm loại khác chế biến khác (thuộc mã HS16)	60,595		46,8
	- Tôm loại khác khô (thuộc mã HS03)	8,334		34,1
	- Tôm loại khác sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã HS03)	234,817		317,2
Tổng XK tôm (1+2+3)		938,510	100,0	36,7

NHẬP KHẨU TÔM CỦA MỸ, T1-T2/2025
(Nguồn: FAS.USDA)

Các nguồn cung tôm chính của Mỹ, T1-T2/2025 (GT: nghìn USD, KL: tấn)						
Nguồn cung	T1-T2/2024		T1-T2/2025		Tăng, giảm (%)	
	GT	KL	GT	KL	GT	KL
Tổng NK	918.899	119.353	1.134.920	135.588	24	14
Ấn Độ	326.965	43.860	447.286	55.819	37	27
Ecuador	230.707	34.558	244.145	33.105	6	-4
Indonesia	158.000	21.400	180.021	22.003	14	3
Việt Nam	71.201	7.374	88.676	8.671	25	18
Thái Lan	38.330	3.260	49.904	4.521	30	39
Argentina	29.825	2.526	39.788	3.129	33	24
Mexico	37.782	3.207	48.052	4.343	27	35
Canada	2.412	291	7.436	659	208	127
Peru	2.297	250	3.895	388	70	55
Trung Quốc	4.335	721	5.652	901	30	25
Ả Rập Xê-út	814	152	1.980	304	143	101
Honduras	1.872	270	2.178	239	16	-12
Sri Lanka	1.510	194	1.650	182	9	-6
Bangladesh	2.946	205	3.708	247	26	20
Venezuela	830	175	173	61	-79	-65

Sản phẩm tôm nhập khẩu chính của Mỹ, T1-T2/2025 (GT: nghìn USD, KL: tấn)						
Sản phẩm	T1-T2/2024		T1-T2/2025		Tăng, giảm (%)	
	GT	KL	GT	KL	GT	KL
Tổng NK	918.899	119.353	1.134.920	135.588	24	14
0306170041 - Tôm nuôi lột vỏ đông lạnh	396.780	54.413	528.321	65.986	33	21
1605211030 - Tôm thịt chế biến đông lạnh	133.254	14.560	187.048	19.832	40	36
1605211020 - Tôm bao bột đông lạnh	68.196	9.414	72.231	9.846	6	5
0306170004 - Tôm nuôi đông lạnh cỡ < 33	47.315	3.777	63.502	5.071	34	34
0306170007 - Tôm nuôi đông lạnh cỡ 46-55	52.524	7.899	57.220	7.607	9	-4
0306170005 - Tôm nuôi đông lạnh cỡ 33-45	42.770	5.739	31.649	3.822	-26	-33
0306170008 - Tôm nuôi đông lạnh cỡ 56-66	34.512	5.492	38.285	5.496	11	--
0306170010 - Tôm nuôi đông lạnh còn vỏ cỡ 67-88	36.503	6.458	38.043	6.206	4	-4
0306170042 - Tôm thịt đông lạnh	17.644	1.323	30.475	2.142	73	62
0306170011 - Tôm nuôi đông lạnh cỡ 89-110	13.898	2.699	12.221	2.128	-12	-21

XUẤT KHẨU CÁ TRA VIỆT NAM, T1-T3/2025



Cá tra phile đông lạnh (mã HS 0304)
373 triệu USD, tăng 13%



Cá tra khô và các sản phẩm đông lạnh khác (nguyên con, cắt khúc,...)
80 triệu USD, tăng 9%



Cá tra GTGT (mã HS16)
13 triệu USD, tăng 45%

465 triệu USD,
tăng 13%



Trung Quốc & HK
105 triệu USD,
giảm 6%



Mỹ
69 triệu USD,
tăng 6%



EU
45 triệu USD,
tăng 16%



Brazil
48 triệu USD,
tăng 73%



Thái Lan
20 triệu USD,
tăng 22%



XUẤT KHẨU CÁ TRA QUÝ I/2025: Giữ đà tăng trước thách thức

Thu Hằng

(vasep.com.vn) Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, tháng 3/2025, XK cá tra sang các thị trường tiếp tục tăng trưởng dương 16%, đạt 182 triệu USD. Lũy kế XK cá tra Q1/2025 đạt hơn 465 triệu USD, tăng 13% so với Q1/2024.

Trung Quốc & HK tiếp tục khẳng định là thị trường tiêu thụ cá tra số 1 của Việt Nam. XK cá tra sang Trung Quốc & HK trong tháng cuối Q1/2025 đạt hơn 38 triệu USD, tăng 4% so với tháng 3/2024. Tổng giá trị XK cá tra sang thị trường này trong 3 tháng đầu năm nay đạt hơn 105 triệu USD, giảm 6% so với cùng kỳ năm ngoái.

XK cá tra sang Mỹ trong tháng 3/2025 mặc dù giảm nhẹ 4% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt hơn 29 triệu USD, nhưng vẫn duy trì là điểm đến lớn thứ 2 của XK cá tra Việt Nam. Tổng XK cá tra Q1/2025 sang Mỹ đạt 69 triệu USD, tăng 6% so với Q1/2024.

Sau Mỹ, Brazil tiếp tục chứng minh sức tiêu thụ mạnh mẽ sản phẩm cá tra đến từ Việt Nam, đặc biệt là phile cá tra đông lạnh. Tháng 3/2025, XK cá tra sang quốc gia Nam Mỹ này đạt hơn 20 triệu USD, tăng gần gấp rưỡi so với tháng 3/2024. Q1/2025, XK cá tra sang Brazil đạt hơn 48 triệu USD, tăng 73% so với cùng kỳ năm ngoái.

XK cá tra sang EU cũng tiếp tục đón sóng tăng trưởng dương 16%, với giá trị đạt gần 45 triệu USD trong Q1/2025. Hà Lan vẫn là quốc gia NK nhiều nhất các sản phẩm cá tra Việt Nam trong khối EU. Ba tháng đầu năm nay, XK cá tra sang Hà Lan đạt 12 triệu USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thái Lan là thị trường đơn lẻ tiêu thụ nhiều cá tra thứ 4 của Việt Nam. Giá trị XK cá tra sang xứ sở Chùa Vàng này trong tháng 3/2025 đạt gần 8 triệu USD, tăng 27% so với tháng 3/2024. Q1/2025, XK tổng giá trị XK cá tra sang Thái Lan đạt 20 triệu USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nhìn chung XK cá tra Việt Nam trong tháng 3 và trong cả Q1/2025, XK cá tra Việt Nam sang các thị trường vẫn ổn định. Tuy nhiên, đầu tháng 4/2025 Tổng thống Mỹ Donald Trump đã ký sắc lệnh áp thuế đối với hầu hết các nền kinh tế, và điều chỉnh ngay sau đó. Thời điểm hiện tại - 90 ngày hoãn thuế tạm lắng xung đột thương mại - tạo ra đồng thời cả cơ hội và rủi ro hiện hữu. Quá khó để dự đoán tình hình XK thủy sản Việt Nam, trong đó có XK cá tra trong tương lai gần khi các chính sách thương mại dưới thời ông Trump luôn tiềm ẩn yếu tố bất ngờ, có thể đảo chiều chỉ trong một đêm và tạo ra những cú sốc lớn

cho thị trường. Thị trường XK cá tra không phải là ngoại lệ.

Mới đây, Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã đến Việt Nam. Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết các văn kiện hợp tác trong các lĩnh vực, trong đó có thương mại nông sản. Đồng thời, hai bên nhất trí phát huy tốt vai trò của “Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực” (RCEP) và Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) thúc đẩy thương mại song phương phát triển theo hướng cân bằng.

Trung Quốc và Mỹ đều là các thị trường trọng điểm của XK cá tra Việt Nam. Đặc biệt, trong bối cảnh thương mại toàn cầu đang có nhiều biến động. Bất kỳ động thái nào từ các “nước bạn” cũng sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến XK thủy sản, trong đó có cá tra. Lạc quan mà nói, vị thế của cá tra Việt Nam trên trường quốc tế từ lâu đã là một “mắt xích” quan trọng trong vòng tuần hoàn XNK thủy sản thế giới; người tiêu dùng “xứ sở Trung Hoa” và “xứ cờ Hoa” phần nào cũng đã quen với hương vị cá tra Việt. Kỳ vọng rằng, XK cá tra sẽ tiếp tục chinh phục các thị trường, với giá cả tốt nhất để người tiêu dùng được thưởng thức trọn vẹn hương vị của loài cá thịt trắng đến từ Việt Nam.

Thị trường cá rô phi Việt Nam & thế giới: Cơ hội, thách thức và giải pháp

Thu Hằng

(vasep.com.vn) Một trong những động lực tăng trưởng chính của ngành cá rô phi hiện nay chủ yếu là nhờ nhu cầu ngày càng tăng về nguồn protein giá cả phải chăng, trong khi người tiêu dùng tiếp tục hướng tới chế độ ăn uống lành mạnh, khiến cá rô phi trở thành lựa chọn ưu tiên.

Tổng quan thị trường cá rô phi thế giới

Quy mô thị trường cá rô phi toàn cầu đạt 10,6 tỷ USD năm 2024, dự báo 14,5 tỷ USD vào 2033 (CAGR 3,52%). Sản lượng cá rô phi toàn cầu đạt khoảng 7 triệu tấn trong năm 2024, và dự kiến 7,3 triệu tấn năm 2025. Tầm nhìn đến năm 2033, giá trị thị trường cá rô phi dự kiến đạt 14,5 tỷ USD.

XK cá rô phi Việt Nam bao gồm cá rô phi (black tilapia) và cá điêu hồng (red tilapia)

Năm 2024, XK cá rô phi đạt 41 triệu USD, tăng 138% so với năm 2023. Trong đó, XK cá điêu hồng đạt 13 triệu USD, tăng 20% so với năm trước đó; XK cá rô phi đạt 28 triệu USD, tăng 348% so với năm 2023.

Năm 2024, XK cá rô phi Việt Nam sang Mỹ năm 2024 đạt 19 triệu USD, tăng 572%; XK sang EU đạt 4 triệu USD, giảm 8%; XK sang Hàn Quốc đạt hơn 2 triệu USD, giảm 9%; XK sang Trung Đông đạt gần 2 triệu USD, tăng 60%; XK sang ASEAN đạt hơn 1 triệu USD, giảm 33%; XK sang Nhật Bản đạt 992 nghìn USD, tăng gấp đôi so với năm 2023.

Q1/2025, tổng XK cá rô phi đạt gần 14 triệu USD, tăng 131%. Trong đó, XK

sang Mỹ đạt hơn 6 triệu USD, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 46% tỷ trọng, là thị trường tiêu thụ nhiều nhất cá rô phi Việt Nam; XK sang Nga đạt gần 1,8 triệu USD, chiếm 13% tỷ trọng; XK sang Bỉ đạt hơn 700 nghìn USD, chiếm 5% so với cùng kỳ,...

Cơ hội cho XK cá rô phi Việt Nam

Việt Nam được biết đến là quê hương của cá tra - một loài cá thịt trắng có những điểm tương đồng với cá rô phi, là quốc gia XK cá tra lớn nhất thế giới và cả hai loài cá này đều được nuôi và sinh trưởng trong cùng môi trường với điều kiện thuận lợi. Việt Nam có khí hậu nhiệt đới (27-32°C), diện tích mặt nước lớn (3.300 ha tại ĐBSCL), lý tưởng cho nuôi cá rô phi với chu kỳ ngắn (5-6 tháng, 600-800g/con) với chi phí thấp, công nghệ bể bạt tăng năng suất, giảm dịch bệnh.

Trong khi đó, nhu cầu thị trường ngày càng tăng khi tiêu thụ cá rô phi toàn cầu tăng 13%/năm, dự kiến đạt 20 tỷ USD vào 2030. Riêng Mỹ NK khoảng 200.000 tấn/năm. Cá rô phi Việt Nam rất được ưa chuộng ở EU - thị trường cần đáp ứng các điều kiện khắt khe để NK vào, từ đó mở cơ hội XK.

Ngoài ra, việc Trung Quốc suy giảm nguồn cung cá rô phi và phải chịu mức thuế quan cao cũng gián tiếp tạo cơ hội cho Việt Nam và các nước khác. Thuế Mỹ áp lên Trung Quốc là 54% trong năm 2025 làm giảm nguồn cung, giúp Việt Nam tăng thị phần. Dự kiến, năm 2025, XK cá rô phi sang Mỹ sẽ đạt 12 triệu 2025. RCEP giảm thuế vào Trung Quốc (0%

từ 2025).

Thách thức

Giống và dịch bệnh có thể coi là một trong những thách thức lớn nhất của ngành cá rô phi Việt Nam. Lai cận huyết làm cá sinh trưởng chậm, tỷ lệ fillet thấp chỉ khoảng 33%. Virus TiLV giảm 15% sản lượng. Tháng 2/2024, Brazil chính thức cấm NK cá rô phi Việt Nam vì virus này.

Thức ăn cho cá phụ thuộc vào nguồn NK, chưa chủ động hoàn toàn trong chuỗi cung ứng để đáp ứng ao nuôi.

Các vấn đề về thuế quan và tiêu chuẩn như Mỹ áp thuế 10-46% trong năm 2025. Các yêu cầu tiêu chuẩn nghiêm ngặt về an toàn thực phẩm (FDA), truy xuất nguồn gốc, và lao động bền vững.

Ngoài ra, việc cạnh tranh quốc tế với các nhà cung cấp khác như Brazil, tăng XK sang Mỹ 79% trong năm 2024, giá thấp chỉ khoảng 3 USD/kg; hay Trung Quốc, vốn đã NK ít từ Việt Nam, vẫn không ngừng cải thiện sản xuất, giảm NK.

Chuỗi cung ứng cá rô phi Việt Nam còn yếu, liên kết lỏng lẻo, giá thu mua dao động 45.000-51.000 đồng/kg, thiếu nhà máy đạt chuẩn, chi phí logistics tăng 12% do chiến tranh thương mại.

Đề xuất giải pháp

Thách thức gắn liền với các đề xuất giải pháp. DN Việt nên cải tiến sản xuất, đầu tư nghiên cứu giống chất lượng cao, kháng bệnh tốt, nghiên cứu giống GIFT, kháng TiLV; mở rộng RAS, bể bạt; hợp tác với các DN thức ăn để tự chủ thức ăn trong nước (giảm 15% chi phí).

Ngoài ra, cần chú trọng nâng cao chế biến bằng việc đầu tư dây chuyền fillet tự động, sản phẩm GTGT (hun khói, snack); khuyến khích nuôi đạt chứng nhận ASC, BAP, minh bạch hóa chuỗi cung ứng, sử dụng blockchain để truy xuất nguồn gốc.

Đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, đàm phán miễn thuế Mỹ (4-7/2025); tham gia các hội chợ quốc tế tại các thị trường. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, nhắm vào thị trường EU, Mỹ, Nhật Bản, Trung Đông; phát triển sản phẩm GTGT; xây dựng chuỗi liên kết chặt

chẽ giữa các bên.

Chính phủ cũng cần có những chính sách hỗ trợ DN XK trong các vấn đề về quỹ thuê đất, miễn thuế thu nhập DN, quỹ bảo hiểm, phòng vệ thương mại chống kiện bán phá giá, đào tạo kỹ thuật, hỗ trợ vốn.

■ Nga: Đẩy mạnh xuất khẩu cá tuyết sang Brazil

(vasep.com.vn) Trong năm nay, ngư dân Nga sẽ tăng cường xuất khẩu cá tuyết sang Brazil. Kế hoạch này nằm trong chiến lược đa dạng hóa thị trường.

K-Flot, tập đoàn thủy sản lớn nhất của Nga đã bắt đầu tham gia quy trình chứng nhận đội tàu theo tiêu chuẩn của Cục thanh tra sản phẩm có nguồn gốc động vật (DIPOA) của Brazil. Đại diện của K-Flot cho biết, lô cá tuyết đầu tiên dự kiến xuất khẩu sang Brazil vào cuối năm 2025. Tập đoàn này quyết định thực hiện chiến lược đa dạng hóa thị trường sau khi Liên minh châu Âu – một trong những thị trường tiêu thụ cá tuyết lớn nhất thế giới, áp đặt lệnh cấm đối với thủy sản từ Nga.

Theo ngư dân Nga, các quốc gia Nam Mỹ là những thị trường tiêu thụ quy mô lớn đối với các sản phẩm cá tuyết khô và cá tuyết muối. Đây cũng là nhóm sản phẩm thủy sản cần nguyên liệu đầu vào đạt chất lượng cao. K-Flot cho biết, trước đây các sản phẩm này chủ yếu được sản xuất tại Bồ Đào Nha và xuất khẩu sang Nam Mỹ, trong đó có Brazil. Tuy nhiên, do giá cá tuyết tại châu Âu tăng cao đã khiến Bồ Đào Nha giảm sản lượng, và Trung Quốc đã nhanh chóng thay thế. Hiện nay, Brazil nhập khẩu cá tuyết thành phẩm, hoặc nguyên liệu về chế biến tại các

nhà máy trong nước.

Theo dữ liệu của Hiệp hội thủy sản Nga (VARPE), cá tuyết chiếm khoảng 10% tổng lượng thủy sản nhập khẩu của Brazil. Trong năm 2024, nước này đã nhập 4.550 tấn cá tuyết đông lạnh, 6.700 tấn cá tuyết muối, hun khói và khô.

Theo ông Herman Zverev, Chủ tịch Hiệp hội các nhà xuất khẩu thủy sản Nga, Nga đã bán một lượng nhỏ cá minh thái sang Brazil nhưng vẫn chưa chính thức xuất khẩu cá tuyết sang thị trường này. Không chỉ K-Flot, nhiều doanh nghiệp khác cũng nhìn thấy tiềm năng của thị trường Brazil như một yếu tố quan trọng giúp ngành cá tuyết Nga thực hiện chiến lược đa dạng hóa thị trường. VARPE cũng dự báo, lượng cá tuyết Nga xuất khẩu sang Brazil năm 2030 có thể đạt khoảng 9.000 tấn.

Ông Zverev nhận định Brazil là thị trường khó tiếp cận do nhiều rào cản phi thuế quan như tiêu chuẩn an toàn, yêu cầu kỹ thuật, và quy định nhân mác. Tuy nhiên, cuối năm ngoái, hơn 30 cơ sở thủy sản Nga gồm cả tàu cá và kho lạnh đã được cấp phép xuất khẩu sang Brazil. Theo VARPE, sản lượng cá tuyết Nga năm 2024 đạt 329.000 tấn, giảm 16% so với năm 2023. Hạn ngạch khai thác cá tuyết năm 2025 cũng được ấn định mức 293.000 tấn.

(Theo Seafoodnews)

■ Lào lần đầu tiên xuất khẩu cá tra sang Trung Quốc

(vasep.com.vn) Lần đầu tiên, quốc gia không giáp biển Lào đã vận chuyển cá tra nuôi sang Trung Quốc.

Mekong Fishery Industry là công ty con của Shenzhen China Fishery Marine Technology và điều hành Khu công nghiệp cá tra Mekong Fishery tại Lào, rộng 2.863 ha.

Đây là lần đầu tiên các sản phẩm thủy sản từ Lào thâm nhập trực tiếp vào thị trường Trung Quốc sau ba năm phát triển theo dự án chung được Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc hỗ trợ.

Vào tháng 12 năm 2024, chính phủ Lào và Trung Quốc đã ký thỏa thuận về yêu cầu kiểm tra và kiểm dịch đối với các sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang Trung Quốc.

Cũng trong năm ngoái, giai đoạn 1 của khu công nghiệp đã đi vào hoạt động với sản lượng dự kiến hàng năm khoảng 20.000 tấn cá tra và công suất chế biến 12.000 tấn/năm.

Sau khi hoàn thành toàn bộ, khu công nghiệp này dự kiến sẽ chế biến hơn 500.000 tấn cá tra mỗi năm, tạo ra ngành xuất khẩu chính cho Lào.

(Theo UCN)

■ Các nhà xuất khẩu Nga tìm cách thâm nhập thị trường cá thịt trắng Brazil

(vasep.com.vn) Hiện nay, phần lớn cá thịt trắng khô hoặc đông lạnh được nhập khẩu vào Brazil có nguồn gốc từ Na Uy, một phần trong số đó được chế biến tại Liên minh châu Âu trước khi phân phối tới thị trường Mỹ Latinh.

Trong bối cảnh các lệnh trừng phạt của phương Tây tiếp tục được duy trì, các doanh nghiệp khai thác thủy sản Nga đang cân nhắc mở rộng xuất khẩu sang những thị trường mới tại Nam Mỹ, đặc biệt là Brazil.

Ủy ban châu Âu đã ra lệnh cấm các nhà máy chế biến của EU xử lý cá có xuất xứ từ Nga. Do đó, các doanh nghiệp thủy sản Nga buộc phải tìm kiếm cơ hội ở những thị trường thay thế, theo Hiệp hội Nghề cá Toàn Nga (VARPE).

Một trong những tập đoàn đánh bắt lớn nhất – K-Flot (thành viên của VARPE) – hiện không còn được cấp phép xuất khẩu sang thị trường EU, theo thông tin từ hiệp hội này.

Trước thực trạng đó, K-Flot đã khởi

động quy trình xin chứng nhận cho đội tàu mới nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định của Cơ quan Thú y Brazil – cơ quan phụ trách kiểm soát sản phẩm có nguồn gốc động vật, VARPE cho biết. Đây là bước đi then chốt để doanh nghiệp có thể xuất khẩu cá tuyết và các sản phẩm hải sản khác vào thị trường tiềm năng này.

Theo ước tính của VARPE, nguồn cung cá tuyết từ Nga vào Brazil có thể đạt khoảng 9.000 tấn vào năm 2030, trong đó bao gồm 3.000 tấn cá tuyết đông lạnh và gần 6.000 tấn phi lê cá tuyết.

Dữ liệu nhập khẩu của Brazil cho thấy hiện tại nước này chưa nhập khẩu cá tuyết từ Nga, trong khi phần lớn nguồn cung đến từ Na Uy và một phần nhỏ từ EU.

Trong khi chờ đợi quá trình thâm nhập thị trường Brazil, vào tháng trước, các hiệp hội ngành thủy sản của Nga đã hoan nghênh cam kết từ phía Hoa Kỳ về việc hỗ trợ khôi phục quyền tiếp cận thị trường thủy sản toàn cầu của Nga. Theo Hiệp hội Chủ tàu Cá Nga, việc dỡ bỏ các biện pháp trừng phạt sẽ mang lại lợi ích cho cả các nhà xuất khẩu Nga lẫn người tiêu dùng tại Mỹ và EU, bởi hiện tại hầu

như không có nguồn thay thế khả thi nào cho nguồn cung cá từ Nga.

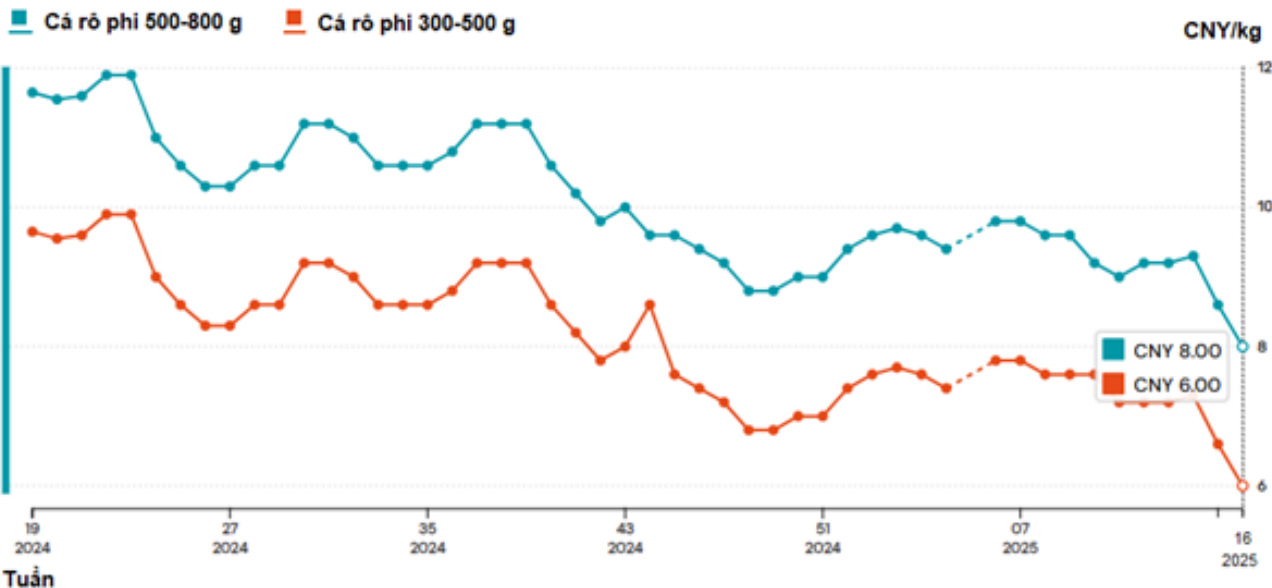
Những tuyên bố này được đưa ra sau cuộc đàm phán kỹ thuật song phương diễn ra từ ngày 23 đến 25 tháng 3 tại Riyadh, Ả Rập Saudi, trong đó Hoa Kỳ cam kết hỗ trợ khôi phục quyền tiếp cận thị trường xuất khẩu nông sản (bao gồm thủy sản) của Nga, giảm chi phí bảo hiểm hàng hải, cũng như cải thiện khả năng tiếp cận cảng biển và hệ thống thanh toán cho các giao dịch này. Tuy nhiên, những cam kết nói trên hiện đang bị lu mờ trong bối cảnh thương mại toàn cầu biến động mạnh do các cuộc chiến thuế quan leo thang.

(Theo UCN)

■ Giá cá rô phi Trung Quốc lao dốc do thuế quan từ Mỹ khiến xuất khẩu đình trệ

(vasep.com.vn) Giá cá rô phi tại Trung Quốc đã giảm xuống dưới mức chi phí sản xuất khi các nhà máy chế biến ngừng thu mua nguyên liệu phục vụ cho thị trường Mỹ, sau khi Mỹ áp dụng mức thuế lên đến

Giá cá rô phi tại Quảng Đông, Trung Quốc



170% đối với hàng hóa Trung Quốc.

Giá nguyên liệu cá rô phi bắt đầu giảm mạnh kể từ ngày 9 tháng 4, thời điểm các mức thuế quan mới của Mỹ chính thức có hiệu lực. Tính đến tuần 16 (14–20/4), giá đã rơi xuống dưới ngưỡng chi phí sản xuất, khoảng 8 NDT/kg (1,10 USD/kg) đối với cá có trọng lượng từ 500–800g và 6 NDT/kg đối với cá 300–500g.

Theo Tongwei – nhà sản xuất thức ăn thủy sản lớn thứ hai Trung Quốc đồng thời là một trong những nhà xuất khẩu cá rô phi chủ lực sang Mỹ – hầu hết các nhà máy chế biến tại Hải Nam và Quảng Đông đã ngừng tiếp nhận đơn hàng từ nước ngoài. Một số nhà máy chỉ còn vận hành bốn ngày mỗi tuần.

Tongwei hiện đang vận hành một nhà máy chế biến phi lê cá rô phi tại Hải Nam, và trong báo cáo thường niên năm 2023, doanh nghiệp này tự nhận là nhà cung cấp cá rô phi đông lạnh lớn nhất cho thị trường Mỹ trong năm đó. Báo cáo thường niên năm 2024 dự kiến sẽ được công bố vào ngày 30 tháng 4 tới.

Dữ liệu chính thức của Trung Quốc cho thấy, sản lượng cá rô phi năm 2024 đạt khoảng 1,7 triệu tấn, trong đó 55% dành cho xuất khẩu. Tổng khối lượng xuất khẩu đạt 479.000 tấn, thu về 1,405 tỷ USD. Mỹ là thị trường đơn lẻ lớn nhất, nhập khẩu 127.700 tấn cá rô phi Trung Quốc, trị giá 425 triệu USD.

Tuy nhiên, khó khăn không chỉ đến từ thị trường Mỹ. Các khách hàng từ những khu vực khác cũng bắt đầu tạm hoãn đơn hàng, lo ngại giá nguyên liệu tiếp tục giảm sâu.

Một nhà xuất khẩu tại Hải Nam chia sẻ, nhiều khách hàng Trung Đông đã yêu cầu tạm dừng đơn hàng vì lo ngại đà lao dốc của giá cả.

Diễn biến giá tiêu cực này cũng khiến nhiều hộ nuôi cá vốn có kế hoạch tăng cường thả giống phải chùn bước.

“Chúng tôi nhận được rất nhiều cuộc gọi – tất cả đều là yêu cầu hủy đơn đặt hàng cá giống,” ông Lưu Chí Lợi, Tổng giám đốc Công ty Công nghệ Nuôi trồng Thủy sản Gengift Hải Nam – nhà cung cấp cá giống rô phi lớn thứ hai Trung Quốc – cho biết.

“Đợt giảm giá ngày 9 và 10 tháng 4 đã khiến người nuôi hoang mang. Lẽ ra đây là cao điểm của mùa thả giống và các nhà cung cấp giống đang gia tăng sản lượng. Nếu đơn hàng bị hủy hàng loạt, tác động đến doanh nghiệp sẽ vô cùng nghiêm trọng,” ông nói thêm.

Một đơn vị chế biến tại Quảng Đông cũng bày tỏ lo ngại tương tự, nhấn mạnh rằng tháng 6 là mùa cao điểm thu hoạch. “Thật khó hình dung thị trường sẽ ra sao vào thời điểm đó nếu các vấn đề với Mỹ không được giải quyết,” vị này chia sẻ.

Trước tình hình khủng hoảng, Liên minh Chế biến và Tiêu thụ Sản phẩm

Thủy sản Trung Quốc (CAPPMA) đã ban hành một sáng kiến vào ngày 14 tháng 4 nhằm “bảo đảm sự ổn định của chuỗi cung ứng cá rô phi.”

Sáng kiến này kêu gọi các nhà máy chế biến không tiếp tục giảm giá nguyên liệu một cách không kiểm soát, đồng thời duy trì việc thu mua ở mức giá hợp lý. CAPPMA nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền lợi của người nuôi cá và ngăn chặn tình trạng từ bỏ nuôi cá rô phi trên diện rộng.

“Trong ít nhất ba tháng tới, các nhà máy chế biến cần tiếp tục thu mua nguyên liệu với mức giá hợp lý, gia tăng năng lực chế biến và lưu trữ, đồng thời khôi phục niềm tin của người nuôi, từ đó bảo đảm sự liên tục của chuỗi cung ứng,” CAPPMA nhấn mạnh.

Tổ chức này cũng đề xuất công khai phê bình và xử lý các doanh nghiệp có hành vi “ép giá” nguyên liệu một cách ác ý.

Bên cạnh đó, CAPPMA cam kết hỗ trợ các nhà xuất khẩu mở rộng thị trường quốc tế mới, chuyển dịch công suất sản xuất cá rô phi sang các khu vực có điều kiện thuận lợi, đồng thời đẩy mạnh tiêu thụ trong nước. Trong khuôn khổ chiến lược này, CAPPMA có kế hoạch đưa cá rô phi vào thực đơn của trường học và các căng-tin cơ quan nhà nước nhằm kích thích tiêu dùng nội địa.

(Theo UCN)



Phát triển nuôi cá rô phi trong nước, gia tăng giá trị xuất khẩu

Sáng 17/4 tại thành phố Cần Thơ, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) phối hợp với Cục Thủy sản và Kiểm ngư – Sở Nông nghiệp và Môi trường Tp Cần Thơ tổ chức thành công Hội thảo “Giải pháp tổ chức sản xuất và xuất khẩu cá rô phi năm 2025”.

Phát biểu tại hội thảo, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư Trần Đình Luân cho biết, hiện nay các ngành hàng từ nuôi trồng thủy sản mặc dù có sản lượng lớn nhưng hiệu quả kinh tế chưa cao do giá bán còn thấp, rủi ro dịch bệnh tăng... Để tăng tính cạnh tranh và hiệu quả thì cần đa dạng hóa đối tượng, phương thức nuôi mà nước ta có lợi thế, góp phần chuyển đổi cơ cấu, tăng giá trị và hiệu quả sản xuất. Đây cũng là hướng đi phù hợp với định hướng chiến lược phát triển ngành và mục tiêu của Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030.

Theo ông Nguyễn Hoài Nam, Tổng Thư ký Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (Vasep), Hoa Kỳ đánh giá Việt Nam có nhiều tiềm năng xuất khẩu mặt hàng cá rôphi. Tính đến năm 2024, top 5 nước và vùng lãnh thổ xuất khẩu cá rôphi hàng đầu thế giới là Indonesia, Colombia, Trung Quốc, Brazil và Đài Loan (Trung Quốc).

Hiện nay, Hoa Kỳ nằm trong top 5 thị trường nhập khẩu cá rôphi trên thế giới. Nếu thuế đối ứng của Hoa Kỳ đối với mặt hàng thủy sản của Trung Quốc tăng lên 245%, cá rôphi sẽ được Trung Quốc tiêu thụ nội địa, hoặc đưa sang các thị trường khác. Điều đó tạo nên một số thách thức cho Trung Quốc: thuế quan, các quy định về môi trường, chi phí sản xuất.

Ngoài ra, từ đầu năm đến nay, hai khu vực sản xuất cá rôphi lớn của Trung Quốc có quy định các nhà máy chế biến phục vụ xuất khẩu chỉ được phép mua ở những trang trại có chứng nhận. Nếu không có hoặc chưa có thì xem như không được tiêu thụ cho mục đích xuất khẩu. Ngoài thuế đối ứng từ Hoa Kỳ áp lên mặt hàng thủy sản Trung Quốc, lệnh cấm này là một áp lực nữa với Trung Quốc trong xuất khẩu cá rôphi.

“Với diễn biến này, giá cá rôphi dự báo sẽ giảm trong ngắn hạn và doanh nghiệp Trung Quốc sẽ chuyển hướng sang các thị trường khác, gây áp lực đối với các nguồn cung khác, trong đó có Việt Nam,” ông Nam đánh giá. Tuy nhiên, ông nhận định: cơ hội để mở rộng thị trường xuất khẩu cá rô phi Việt Nam còn khá nhiều. Áp lực từ nguồn cung ở Trung Quốc cũng là cơ hội để Việt Nam mở rộng thị trường.





Từng có kinh nghiệm nuôi cá rô phi và hiện là nhà cung cấp thức ăn cho các hộ, vùng nuôi cá rô phi ở Bà Rịa-Vũng Tàu, ông Phạm Thành Trung, Phó Tổng Giám đốc Công ty Nông Lâm Vina, cho biết điều khó khăn nhất hiện nay đối với người nuôi cá rô phi là đầu ra.

Ông Phạm Thành Trung muốn lãnh đạo địa phương, ngành nông nghiệp, các nhà máy chế biến tìm đầu ra cho người nuôi cá rô phi; làm thế nào để có được mối liên kết giữa ao nuôi với nhà máy chế biến, tạo ra chuỗi cung ứng tốt. “Nếu nhà quản lý không tìm hướng đi chung, liên kết giữa vùng nuôi với nhà chế biến thì người nông dân chỉ nuôi và bán nhỏ lẻ,” ông Phạm Thành Trung chia sẻ.

Gần đây, đã có một số doanh nghiệp tiên phong trong phát triển nuôi cá rô phi xuất khẩu. Tuy sản lượng xuất khẩu còn thấp nhưng đã bước đầu phát triển mở rộng thị trường, tạo động lực tăng sản lượng cá rô phi trong nước.

Tham dự Hội thảo, các đại biểu đã được nghe báo cáo của Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam và chuyên gia về sản xuất cá rô phi của Công ty De Heus trình bày các nội dung như: Thị trường cá rô phi toàn cầu năm 2024 – 2025 và Chiến lược xuất khẩu cá rô phi của Việt Nam; Chính sách của nhà nước cho quy hoạch phát triển nuôi và sản xuất, xuất khẩu cá rô phi; Tình hình nuôi và sản xuất cá rô phi tại Việt Nam, thực tại và đề xuất các giải pháp. Cùng với đó là báo cáo về Tình hình sản xuất nuôi trồng thủy sản tại địa phương; Tiềm năng, định hướng sản xuất cá rô phi,...

Hội thảo đã giúp các đại biểu có cái nhìn chân thực nhất về hiện trạng sản xuất và xuất khẩu cá rô phi hiện nay, từ đó bàn giải pháp thúc đẩy phát triển nuôi và xuất khẩu cá rô phi, góp phần đa dạng hoá đối tượng, tăng sản lượng nuôi trồng và xuất khẩu.

■ Ngành cá tra đẩy mạnh nghiên cứu giống chất lượng cao, thích ứng thị trường

Ngành cá tra Việt Nam đang tích cực hoàn thiện quy trình sản xuất giống không sử dụng kích dục tố HCG – loại hormone chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc, từng bị khan hiếm trong dịch COVID-19 và bị EU khuyến cáo hạn chế. Từ giữa năm 2023, Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II đã triển khai nghiên cứu thay thế HCG bằng các hoạt chất khác như náo thụ cá chép, sGnRHa, LH-Rha, 17-20P và Buserelin. Kết quả bước đầu rất khả quan, xác định được liều lượng tối ưu. Trong năm 2025, quy trình này sẽ được thực nghiệm tại 10 trại giống, tiến tới đăng ký tiến bộ kỹ thuật và thương mại hóa.

Song song đó, công tác chọn giống cũng được đẩy mạnh. Đề tài “Chọn giống cá tra G5” đang được thực hiện

giai đoạn 2023-2025, với mục tiêu tạo thế hệ cá G5 tăng trưởng nhanh hơn 10% so với G4. Hiện đã sinh sản 120 gia đình G5, chuẩn bị chuyển giao cho sản xuất.

Ngoài ra, Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II cũng đang thực hiện đề tài “Chọn giống cá tra kháng bệnh gan thận mỡ”, nhằm tạo thế hệ cá G2 có khả năng kháng bệnh cao hơn 5-7% so với thế hệ trước. Đến nay, đã sinh sản được 160 gia đình G2, đang tiến hành chọn lọc.

Đáng chú ý, dự án chọn tạo giống cá tra chịu mặn do Trường Đại học Cần Thơ phối hợp với các đối tác Bỉ thực hiện, sau 5 năm đã sẵn sàng cung cấp giống chịu mặn, sinh trưởng nhanh cho người nuôi vùng ĐBSCL, giúp ngành cá tra thích ứng với tình trạng xâm nhập mặn ngày càng gia tăng.

Những kết quả này mở ra triển vọng lớn cho ngành cá tra trong nâng cao chất lượng giống, đáp ứng yêu cầu

khắt khe từ thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

■ Vĩnh Long: Sản lượng cá tra ổn định

Tháng 2/2025, diện tích nuôi thả cá trên địa bàn toàn tỉnh là 1.987 ha; trong đó diện tích nuôi cá tra công nghiệp là 298,6 ha. Diện tích nuôi cá tăng khá chủ yếu do diện tích nuôi ở những hộ có quy mô lớn ổn định, diện tích nuôi kỳ trước đã đến kỳ cho thu hoạch, tình hình tiêu thụ và xuất khẩu thuận lợi, giá cá thương phẩm ổn định ở mức cao, người nuôi có lãi nên mạnh dạn đầu tư.

Ước sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác trong hai tháng đầu năm 2025 được 19.637,8 tấn; trong đó thủy sản nuôi trồng đạt 18.707,8 tấn, riêng cá tra nuôi công nghiệp đạt 8.995 tấn.

Thu Hằng



NHẬP KHẨU CÁ DA TRƠN (KHÔNG GỒM CÁ TRA)
CỦA MỸ, T1-T2/2025

(Nguồn: FAS.USDA)

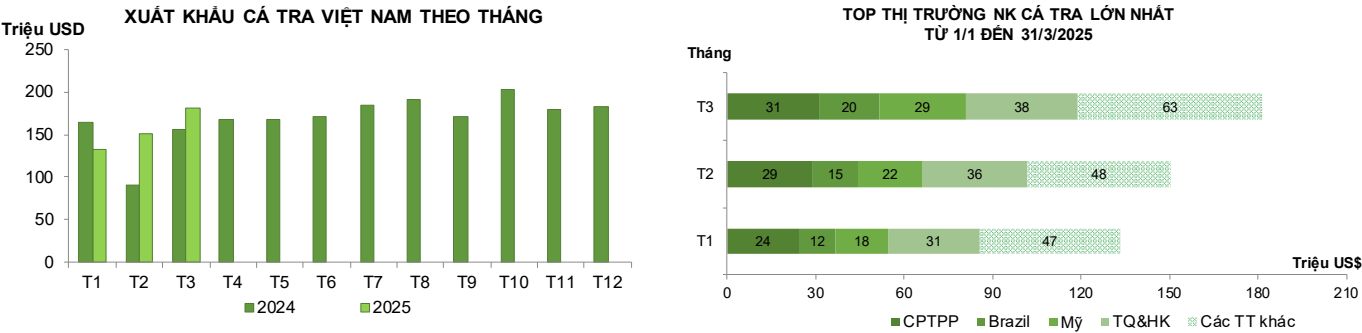
Các nguồn cung cá da trơn chính của Mỹ, T1-T2/2025 (GT: nghìn USD, KL: tấn)						
Nguồn cung	T1-T2/2024		T1-T2/2025		Tăng, giảm (%)	
	GT	KL	GT	KL	GT	KL
Tổng NK	1.878	763	1.227	627	-35	-18
Trung Quốc	913	463	834	517	-9	12
Việt Nam	965	300	237	89	-75	-70
Thái Lan	0	0	156	21	--	--

Sản phẩm cá da trơn nhập khẩu chính của Mỹ, T1-T2/2025 (GT: nghìn USD, KL: tấn)							
Nguồn cung	Sản phẩm	T1-T2/2024		T1-T2/2025		Tăng, giảm (%)	
		GT	KL	GT	KL	GT	KL
Tổng NK	Tổng NK cá da trơn	1.878	763	1.227	627	-35	-18
	0303240050 - Cá catfish khác đông lạnh	1.878	763	1.227	628	-35	-18
	0304320090 - Phi lê cá catfish đông lạnh/ướp lạnh	0	0	0	0	--	--
Trung Quốc	0303240050 - Cá catfish khác đông lạnh	913	463	834	517	-9	12
Việt Nam	0303240050 - Cá catfish khác đông lạnh	965	300	237	89	-75	-70
	0304320090 - Phi lê cá catfish đông lạnh/ướp lạnh	0	0	0	0	--	--
Thái Lan	0303240050 - Cá catfish khác đông lạnh	0	0	156	21	--	--



XUẤT KHẨU CÁ TRA VIỆT NAM TỪ 1/1 ĐẾN 31/3/2025

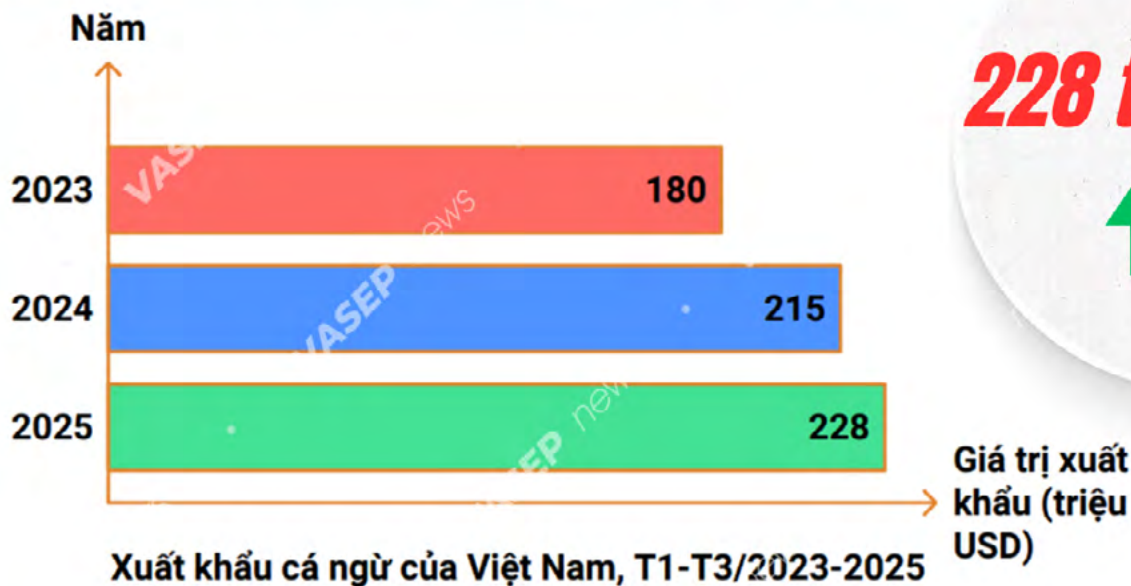
Nguồn: VASEP (theo số liệu Hải quan Việt Nam)



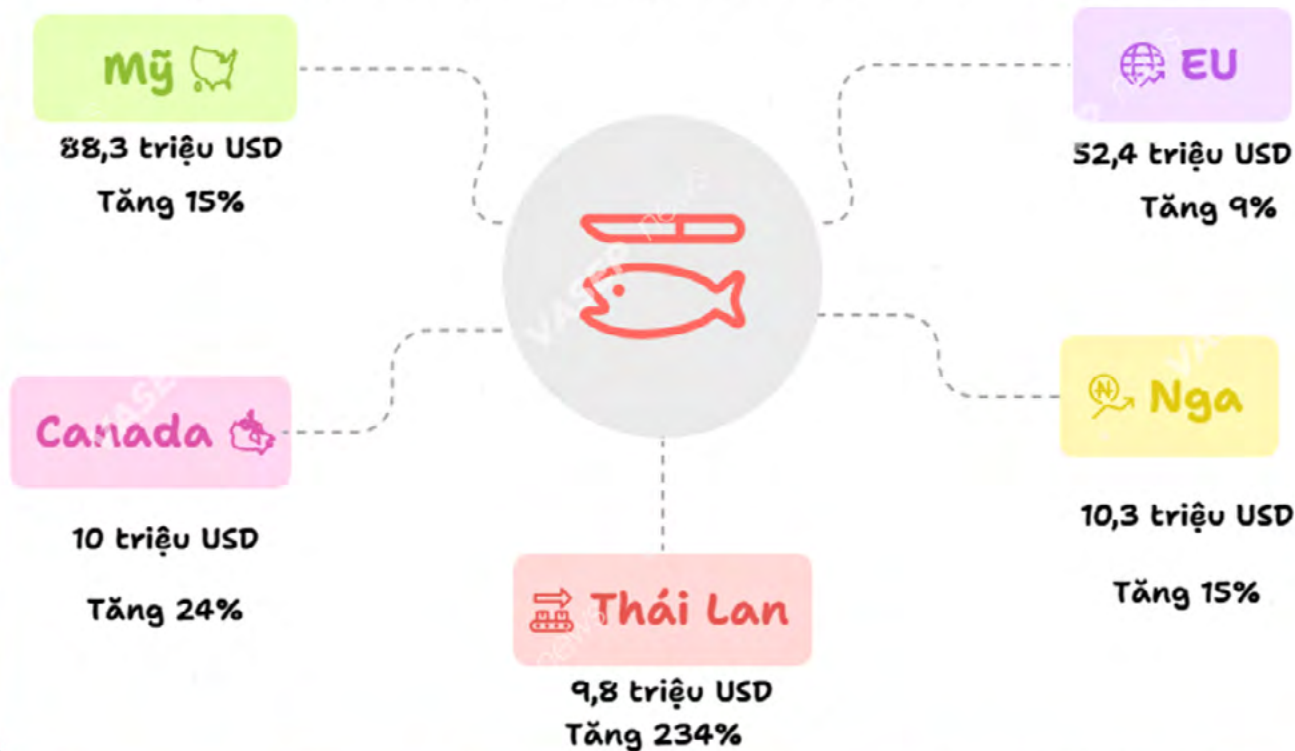
XUẤT KHẨU CÁ TRA SANG CÁC THỊ TRƯỜNG (triệu USD)							
THỊ TRƯỜNG	Tháng 2/2025 (GT)	Tháng 3/2025 (GT)	Tỷ lệ GT (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	Từ 1/1 – 31/3/2025 (GT)	Tỷ lệ GT (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)
TQ&HK	35,949	38,019	20,9	4,4	105,255	22,6	-5,6
Hồng Kông	2,779	2,054	1,1	-25,0	7,057	1,5	-8,0
CPTPP	28,954	31,296	17,2	44,6	84,640	18,2	43,2
Mexico	6,131	6,282	3,5	36,9	17,677	3,8	22,7
Anh	4,909	5,489	3,0	-6,1	14,222	3,1	-5,7
Canada	3,679	4,231	2,3	4,7	11,482	2,5	13,9
Malaysia	4,555	4,086	2,3	51,6	10,997	2,4	32,4
Mỹ	21,576	29,470	16,2	-4,4	68,600	14,8	6,3
Brazil	15,464	20,159	11,1	147,6	48,080	10,3	73,3
EU	12,601	19,116	10,5	5,9	44,852	9,6	15,7
Hà Lan	3,636	4,552	2,5	-4,8	11,640	2,5	10,5
Đức	2,432	3,772	2,1	-12,6	9,015	1,9	16,4
Bỉ	1,043	2,912	1,6	69,3	4,863	1,0	19,0
Tây Ban Nha	1,499	1,802	1,0	-13,6	4,588	1,0	-8,3
Thái Lan	6,150	7,690	4,2	26,9	19,516	4,2	21,5
Philippines	3,165	3,698	2,0	49,4	9,514	2,0	30,2
Colombia	2,264	4,035	2,2	24,7	9,362	2,0	-11,3
Arập Xêút	2,464	3,503	1,9	6,0	7,903	1,7	5,6
Các TT khác	21,750	24,558	13,5	-5,2	67,342	14,5	-1,3
TỔNG	150,337	181,542	100,0	16,3	465,063	100,0	13,1

SẢN PHẨM CÁ TRA XUẤT KHẨU TỪ 1/1 ĐẾN 31/3/2025			
Sản phẩm	GT (triệu USD)	Tỷ lệ GT (%)	So sánh cùng kỳ (%)
Cá tra mã HS03 (1)	452,262	97,2	12,4
Trong đó: - Cá tra tươi/đông lạnh/khô (thuộc mã HS03, trừ mã HS0304)	79,586		8,7
- Cá tra (thuộc mã HS0304)	372,676		13,2
Cá tra chế biến thuộc mã HS16 (2)	12,801	2,8	45,1
Tổng XK cá tra (1 + 2)	465,063	100,0	13,1

XUẤT KHẨU CÁ NGỪ VIỆT NAM, T1-T3/2025



Top 5 thị trường NK cá ngừ của Việt Nam, T1-T3/2025





Cá ngừ Việt Nam cần mở rộng xuất khẩu sang các thị trường mới

Nguyễn Hà

(vasep.com.vn) Theo số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu cá ngừ trong 3 tháng đầu năm 2025 đạt hơn 228 triệu USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2024. XK cá ngừ sang các thị trường chính có xu hướng tăng trưởng chậm lại.

Mỹ vẫn là thị trường XK số 1

Tính đến hết tháng 3/2025, các sản phẩm cá ngừ của Việt Nam đã XK được sang hơn 75 thị trường trên thế giới. Trong đó, Mỹ, EU, Nga, Canada và Thái Lan là 5 thị trường NK nhiều nhất cá ngừ của Việt Nam.

Trong 3 tháng đầu năm 2025, giá trị XK cá ngừ của Việt Nam sang Mỹ chiếm tới 39% tổng kim ngạch XK cá ngừ. XK cá ngừ sang thị trường này trong tháng 3 có xu hướng tăng trưởng chậm lại, chỉ tăng gần 9% so với cùng kỳ năm 2024. Việc tổ chức NOAA Hoa Kỳ bước đầu đã đưa thông báo sơ bộ là không công nhận tương đương cho ngành hải sản Việt Nam, đồng nghĩa với việc nếu không đáp ứng yêu cầu của NOAA đúng thời hạn, thì hải sản Việt Nam sẽ bị cấm NK vào Hoa Kỳ từ ngày 1/1/2026 đã phần nào tác động tới XK cá ngừ của Việt Nam sang thị trường này. Bên cạnh đó, những lo ngại về khả

năng Mỹ tăng thuế NK đối với Việt Nam cũng khiến cho các nhà NK Mỹ lo lắng mà hạn chế NK các đơn hàng từ Việt Nam.

Tương tự như thị trường Mỹ, XK cá ngừ của Việt Nam sang EU cũng đang tăng chậm lại trong tháng 3. XK cá ngừ của Việt Nam sang các thị trường trong khối cũng nhiều biến động. Hiện, Hà Lan đang dẫn đầu về NK cá ngừ của Việt Nam với giá trị NK đạt hơn 13 triệu USD, tăng 82% so với cùng kỳ. Trong khi XK cá ngừ sang Italy với nhiều biến động, với mức giá trị XK đạt hơn 9 triệu USD giảm 2% so với cùng kỳ. XK sang thị trường Đức cũng không mấy khả quan khi lại đảo chiều giảm trong tháng 3 với mức giảm 9%.

Những điểm sáng trong XK cá ngừ của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm chính là thị trường Canada, Nhật Bản và Nga. XK sang các thị trường này sau khi sụt giảm sâu trong tháng đầu năm 2025, đã tăng trưởng cao liên tục trong 2 tháng sau đó, đặc biệt là thị trường Nga. XK cá ngừ sang Nga chỉ tính riêng trong tháng 3 đã tăng 92% so với cùng kỳ. Sự tăng trưởng cao liên tục trong 2 tháng qua đã đưa Nga trở thành thị trường XK cá ngừ đơn lẻ lớn thứ 3 của Việt Nam

sau Mỹ và Hà Lan.

Các doanh nghiệp cần tái cấu trúc lại thị trường XK

Hiện tại, Mỹ đang tạm hoãn áp thuế đối ứng trong vòng 90 ngày đã tạo hiệu ứng tích cực tức thì lên thị trường xuất khẩu cá ngừ, các đơn hàng bắt đầu tăng trở lại. Tuy nhiên, việc tạm hoãn thuế đối với Việt Nam mặc dù tạo ra nhiều cơ hội cho toàn ngành, nhưng doanh nghiệp cá ngừ nói riêng và thủy sản nói chung vẫn cần tỉnh táo trước những rủi ro vẫn đang hiện hữu. Thuế này mới chỉ được hoãn, chưa gỡ bỏ hoàn toàn. Điều này có nghĩa rằng không có gì đảm bảo chắc chắn trong tương lai, Mỹ sẽ gỡ bỏ hoặc ít nhất giảm thuế đối với Việt Nam. Việc Mỹ thay đổi chính sách thương mại có thể tạo ra những cú sốc lớn cho thị trường. Do đó, các doanh nghiệp nên tập trung đẩy nhanh các lô hàng còn đang trong quá trình trung chuyển, vận chuyển đến quốc gia NK cuối cùng, ít nhất là trong 90 ngày tới để hạn chế tối đa rủi ro bị áp thuế cao. Đồng thời, tích cực chủ động mở rộng XK sang các thị trường khác như Trung Đông, châu Á..., để tránh phụ thuộc quá nhiều vào Mỹ.

■ Thái Lan gần như mất hoàn toàn thị trường EU như thế nào?

(vasep.com.vn) Khối lượng cá ngừ đóng hộp xuất khẩu từ Thái Lan sang EU đã giảm mạnh trong 10 năm qua. Khối lượng XK của nước này thấp nhất vào năm 2023, trong khi hoạt động thương mại đã phục hồi nhẹ vào năm ngoái.

Thái Lan vẫn đang đàm phán với EU về một hiệp định thương mại tự do (FTA) có thể cho phép các nhà chế biến của nước này xuất khẩu cá ngừ đóng hộp với mức thuế bằng 0% và thúc đẩy xuất khẩu sang khối châu Âu.

Thuế quan đóng vai trò quan trọng

Năm 2014, Thái Lan đã xuất khẩu 57.454 tấn cá ngừ đóng hộp sang khối này với mức giá trung bình là 4.214 EUR/tấn. Cho đến năm đó, các nhà đóng hộp Thái Lan vẫn được hưởng lợi từ Hệ thống ưu đãi chung (GSP) của EU, nghĩa là các nhà nhập khẩu chỉ phải trả mức thuế 12,5% cho cá ngừ đóng hộp ngâm nước muối.

Nhưng từ năm 2015 trở đi, GSP đã bị xóa bỏ khi Ngân hàng Thế giới phân loại lại Thái Lan thành 'quốc gia có thu nhập trung bình khá'. Các nhà đóng hộp Thái Lan đã phải đối mặt với mức thuế 24% đối với hàng xuất khẩu của họ sang khối này từ năm 2015, điều này được phản ánh rõ ràng qua việc họ giảm mạnh hoạt động kinh doanh với các thương hiệu, nhà bán lẻ và thương nhân EU. Cá ngừ đóng hộp của Thái Lan không còn cạnh tranh được so với Ecuador và các quốc gia khác có nguồn gốc miễn thuế. Năm 2015, người Thái đã xuất khẩu 55.866 tấn, giảm hơn 1.500 tấn so với cùng kỳ năm 2014. Số lượng xuất khẩu đã giảm kể từ đó. Khối lượng XK của nước này sang EU năm 2023 và 2024 lần lượt là 7.500 tấn và 8.452 tấn.

Các nhà bán lẻ và thương nhân EU đã trả giá CFR trung bình từ 4.200 đến 5.300 EUR/tấn cá ngừ đóng hộp của Thái Lan trong 10 năm qua.

Brexit và tác động của nó

Từ năm 2014 đến năm 2019, XK cá ngừ của Thái Lan sang Vương quốc Anh (UK) đạt mức cao nhất, bao gồm thương hiệu John West UK thuộc sở hữu của Thai Union, đã hướng đến UK, nơi vẫn là một phần của khối châu Âu. Tây Ban Nha, Ý, Pháp, Đức và Hà Lan là những người mua lớn nhất khác từ các nhà máy đóng hộp Thái Lan và vẫn tiếp tục như vậy. Chi phí chế biến cực kỳ cạnh tranh của người Thái và sự thống trị của họ trong lĩnh vực cá ngừ câu bằng cần câu tay từ Maldives và Indonesia đóng hộp đã giúp họ duy trì được chỗ đứng tương đối vững chắc tại các thị trường như Vương quốc Anh và Thụy Sĩ, nơi ưa chuộng cá câu bằng cần câu tay.

Tuy nhiên, lượng mua của Vương quốc Anh đã giảm mạnh vào năm 2018 khi các cuộc đàm phán Brexit lên cao trào và vào năm 2019 cũng vậy. Điều này có thể là do các vòng thảo luận cuối cùng về việc Vương quốc Anh sắp rời khỏi khối ảnh hưởng đến lòng tin của người tiêu dùng và hành vi mua sắm. Brexit thực sự đã làm giảm xuất khẩu của các nhà máy đóng hộp châu Á sang EU, với khối lượng xuất khẩu thấp hơn sau năm 2020 khi Vương quốc Anh rời khỏi EU.

Trong bối cảnh sản lượng giảm vào khối, các nhà chế biến Thái Lan đang cầu mong Hiệp định thương mại tự do (FTA) EU-Thái Lan, vốn đã được chuẩn bị trong hơn một thập kỷ nay nhưng vẫn chưa thành hiện thực. Một FTA sẽ cho phép cá ngừ đóng hộp của Thái Lan được miễn thuế vào EU. Tuy nhiên, các nhà chế biến Tây Ban Nha đã gây sức ép lên chính phủ của họ và các cơ quan chức năng của EU để ngăn chặn điều này. Họ tuyên bố rằng cá ngừ từ các tàu có hành vi vi phạm nhân quyền và các hoạt

động đánh bắt IUU khác sẽ vào khối vì người Thái lấy cá từ những tàu như vậy.

Kinh doanh ngoài khối EU

Mặc dù hoạt động thương mại của các nhà đóng hộp Thái Lan với các nhà bán lẻ và thương nhân EU gặp phải nhiều trở ngại trong thập kỷ qua, nhưng lại phát triển mạnh mẽ với các quốc gia châu Âu khác (ngoài EU). Người Thái đã xuất khẩu 37.707 tấn vào năm 2024, sau khi giảm nhẹ trong hoạt động thương mại vào năm 2023 so với cùng kỳ năm trước.

Vào tháng 1, Thái Lan đã ký FTA với Hiệp hội Thương mại Tự do Châu Âu (EFTA) nhưng không rõ liệu cá ngừ đóng hộp có thể được miễn thuế vào các quốc gia ngoài EU này (như Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland và Lichtenstein) hay không vì điều này liên quan đến các quy tắc xuất xứ.

Thụy Sĩ là nước NK nhiều nhất, tiếp theo là Vương quốc Anh, Ukraine, Serbia và Bosnia và Herzegovina. Hoạt động mua của Vương quốc Anh từ Thái Lan đã tăng gần gấp đôi từ 3.418 tấn vào năm 2023 lên 6.377 tấn vào năm 2024, có thể là do sản lượng đánh bắt thấp hơn ở Ấn Độ Dương ảnh hưởng đến hoạt động của các nhà máy chế biến IO như nhà máy đóng hộp Princes ở Mauritius. Do đó, người Anh đã nhập khẩu nhiều hơn từ Thái Lan.

Thương mại bùng nổ ở châu Mỹ

Mặc dù hoạt động thương mại của Thái Lan với khối này gặp nhiều khó khăn trong những năm qua, nhưng họ vẫn có lý do để vui mừng khi hoạt động kinh doanh ở châu Mỹ tăng trưởng từ năm 2014 đến năm 2024. Các thị trường chính của họ là Mỹ, Canada, Chile, Peru và Cộng hòa Dominica. Giá FOB vẫn ổn định trong thập kỷ ở mức trung bình 4.450 USD/tấn. Mức cao nhất là vào năm 2022 ở mức 4.963 USD/tấn. Giá mà các thương hiệu, nhà bán lẻ, thương nhân Mỹ trả cho sản phẩm này đã

giảm sau năm đó.

Khối lượng xuất khẩu cao nhất là 222.834 tấn vào năm 2020 trong đại dịch COVID-19 khi người Mỹ vội vã tích trữ cá ngừ đóng hộp. Khối lượng thấp nhất được báo cáo vào năm 2023 ở mức 139.309 tấn.

Hoạt động thương mại khổng lồ của Thái Lan với Mỹ hiện đang bị đe dọa khi Tổng thống Mỹ, Donald Trump, chuẩn bị đánh thuế nặng đối với cá ngừ đóng hộp và các sản phẩm khác từ quốc gia này trong những tháng tới. Cá ngừ đóng hộp ngâm nước muối từ Thái Lan có thuế nhập khẩu 12,5% và mức thuế này sẽ tăng lên 36%. Thái Lan đang đàm phán một thỏa thuận với Mỹ.

(Tin tổng hợp)

■ Tổng thống Trump xóa sổ ngành cá thu ngừ Trung Quốc bằng mức thuế 104%

(vasep.com.vn) Hai nền kinh tế lớn nhất thế giới đã bước vào một cuộc chiến thương mại khi Tổng thống Mỹ Trump tăng cường áp thuế đối với Trung Quốc. Hàng hóa Trung Quốc vào Mỹ phải đối mặt với mức

thuế 104%. Thuế kép đối với hàng hóa Trung Quốc chắc chắn sẽ xóa sổ hoạt động thương mại cá thu ngừ (bonito) đóng hộp tại Mỹ.

Hàng hóa Trung Quốc đã phải đối mặt với mức thuế 20% do Washington áp dụng vào tháng 3 và vào ngày 2/4, gã khổng lồ kinh tế châu Á này đã bị áp thêm 34% đối với tất cả các sản phẩm của mình. Tuần này, thêm 50% nữa đã được áp dụng, nâng tổng mức thuế đối với các sản phẩm của Trung Quốc lên tới 104%.

Để trả đũa, Bộ Tài chính Trung Quốc tuyên bố sẽ áp dụng mức thuế 84% đối với hàng hóa của Mỹ, tăng từ mức 34% trước đó.

Kể từ nhiệm kỳ đầu tiên của Trump, loim cá ngừ hấp chín của Trung Quốc vào Mỹ đã bị xóa sổ vì một cuộc chiến thương mại và ngành kinh doanh này không bao giờ phục hồi. Điều tương tự cũng sẽ xảy ra với hoạt động buôn bán cá thu ngừ đóng hộp.

Trong nhiệm kỳ của Trump từ năm 2017 đến năm 2021, quyết định áp thuế đã tác động nghiêm trọng đến hoạt động XK cá ngừ của Trung Quốc, đặc biệt là loim cá ngừ hấp chín, sang thị trường Mỹ. Năm 2023, không có loim cá ngừ nào của Trung Quốc được vận chuyển đến Mỹ. Một số cá

ngừ đóng hộp đã được xuất khẩu và hoạt động buôn bán cá thu ngừ vẫn ở mức 5.182 tấn. Năm 2024, các nhà nhập khẩu Mỹ đã mua 3.249 tấn cá thu ngừ đóng hộp nhưng hoạt động kinh doanh này đã suy giảm trong những năm gần đây do cuộc chiến kinh tế giữa 2 nước.

Thuế 104% đối với hàng hóa của Trung Quốc không chỉ xóa sổ hoạt động kinh doanh cá thu ngừ đóng hộp của Trung Quốc tại Mỹ mà còn có thể làm suy yếu toàn bộ phân khúc cá thu ngừ đóng hộp tại Mỹ. Các nhà chế biến châu Á là nhà cung cấp chính cá thu ngừ đóng hộp cho các thương hiệu, nhà bán lẻ và thương nhân của Mỹ. Tuy nhiên, Việt Nam, Thái Lan, Philippines và Indonesia đều bị ảnh hưởng bởi “thuế quan qua lại” lớn. Hàng hóa từ Việt Nam đang phải đối mặt với mức thuế 46% và đang là nước XK lớn nhất cho Mỹ. Thái Lan chịu mức thuế 36% trong khi Indonesia và Philippines lần lượt chịu mức thuế 32 và 17%.

Do cá thu ngừ đóng hộp từ tất cả các nhà cung cấp này sẽ cực kỳ đắt đỏ đối với các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ, nên có khả năng họ sẽ ngừng mua.

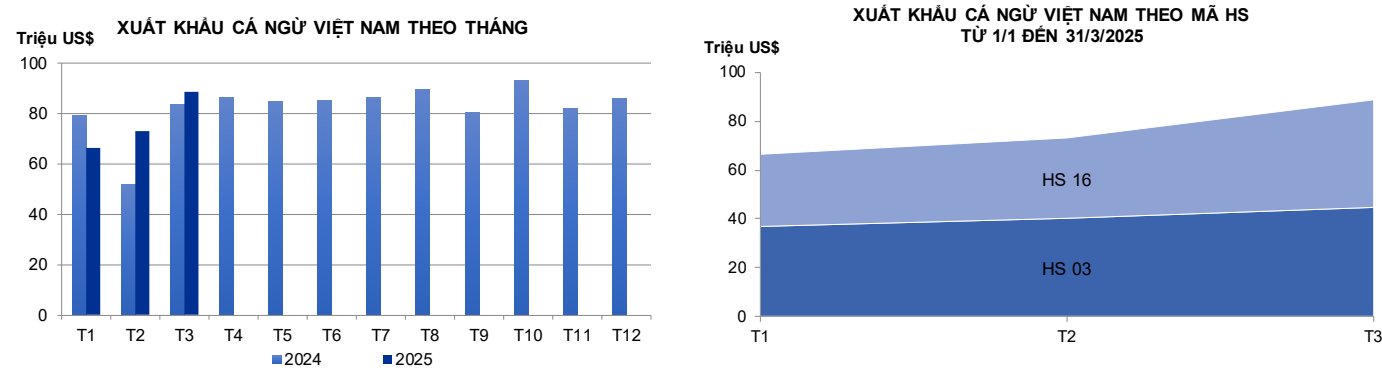
(Tin tổng hợp)

Nguyễn Hà



XUẤT KHẨU CÁ NGỪ VIỆT NAM TỪ 1/1 ĐẾN 31/3/2025

Nguồn: VASEP (theo số liệu Hải quan Việt Nam)



XUẤT KHẨU CÁ NGỪ SANG CÁC THỊ TRƯỜNG (triệu USD)							
THỊ TRƯỜNG	Tháng 2/2025 (GT)	Tháng 3/2025 (GT)	Tỷ lệ GT (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	Từ 1/1 – 31/3/2025 (GT)	Tỷ lệ GT (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)
Mỹ	27,549	34,891	39,3	8,6	88,354	38,7	14,5
EU	16,174	21,262	23,9	10,8	52,376	23,0	9,3
Hà Lan	4,465	5,648	6,4	95,0	13,080	5,7	81,5
Italy	1,732	4,055	4,6	21,7	9,319	4,1	-1,8
Đức	2,513	2,968	3,3	-8,8	8,097	3,5	2,5
CPTPP	9,941	10,773	12,1	20,5	29,294	12,8	7,0
Canada	3,509	3,913	4,4	48,4	10,011	4,4	23,7
Nhật Bản	3,055	3,449	3,9	42,0	8,720	3,8	12,4
Mexico	1,213	1,184	1,3	-31,7	4,109	1,8	-14,2
Chile	0,587	0,870	1,0	-14,1	2,355	1,0	-39,4
Nga	3,613	3,482	3,9	92,2	10,292	4,5	14,8
Thái Lan	2,735	3,222	3,6	387,3	9,800	4,3	234,5
Israel	2,417	3,059	3,4	-63,2	7,708	3,4	-63,4
Philippines	1,901	1,848	2,1	-14,5	5,274	2,3	15,0
Các TT khác	8,553	10,279	11,6	-3,8	25,096	11,0	0,4
TỔNG	72,883	88,817	100,0	5,9	228,194	100,0	6,2

SẢN PHẨM CÁ NGỪ XUẤT KHẨU TỪ 1/1 ĐẾN 31/3/2025			
Sản phẩm	GT (triệu USD)	Tỷ lệ GT (%)	So sánh cùng kỳ (%)
Cá ngừ mã HS 03 (1)	121,788	53,4	15,3
Trong đó: - Cá ngừ tươi/đông lạnh/ khô (thuộc mã HS03, trừ mã HS0304)	11,676		-8,3
- Cá ngừ (thuộc mã HS0304)	110,112		18,6
Cá ngừ chế biến mã HS16 (2)	106,406	46,6	-2,7
Trong đó: - Cá ngừ chế biến khác (thuộc mã HS16)	35,482		28,5
- Cá ngừ đóng hộp (thuộc mã HS16)	70,924		-13,3
Tổng XK cá ngừ (1 + 2)	228,194	100,0	6,2

NHẬP KHẨU CÁ NGỪ CỦA MỸ, T1-T2/2025

(Nguồn: FAS.USDA)

Các nguồn cung cá ngừ chính của Mỹ, T1-T2/2025 (GT: nghìn USD, KL: tấn)						
Nguồn cung	T1-T2/2024		T1-T2/2025		Tăng, giảm (%)	
	GT	KL	GT	KL	GT	KL
Tổng NK	296.529	45.255	345.799	57.190	17	26
Thái Lan	78.979	15.423	99.858	21.423	26	39
Việt Nam	52.271	7.628	65.329	10.609	25	39
Indonesia	34.152	4.354	42.582	5.185	25	19
Mexico	28.422	4.078	30.976	4.837	9	19
Ecuador	13.968	1.975	27.161	4.660	94	136
Tây Ban Nha	8.927	610	10.073	711	13	17
Other Pacific Islands, NEC(*)	5.904	1.013	5.183	1.122	-12	11
Senegal	18.473	3.053	8.143	1.261	-56	-59
Philippines	8.328	1.385	4.599	776	-45	-44
Costa Rica	3.612	529	6.404	1.226	77	132
Mauritius	3.888	720	3.800	769	-2	7
Panama	2.986	256	6.601	580	121	127
Canada	2.681	163	3.323	185	24	13
Nhật Bản	2.979	185	4.089	297	37	60
Peru	2.357	479	2.848	637	21	33

Sản phẩm cá ngừ nhập khẩu chính của Mỹ, T1-T2/2025 (GT: nghìn USD, KL: tấn)						
Sản phẩm	T1-T2/2024		T1-T2/2025		Tăng, giảm (%)	
	GT	KL	GT	KL	GT	KL
Tổng NK	296.529	45.255	345.799	57.190	17	26
0304870000 - Cá ngừ vây vàng, cá ngừ vằn, sọc dưaophile đông lạnh	56.109	4.993	75.008	6.839	34	37
1604143099 - Cá ngừ khác và cá ngừ vằn đóng hộp kín khí, không ngâm dầu	55.941	13.316	73.418	18.022	31	35
1604143091 - Cá ngừ vằn đóng hộp không ngâm dầu, trọng lượng > 6,8 kg	44.445	7.607	46.554	8.724	5	15
1604144000 - Cá ngừ vằn không đóng hộp kín khí, không ngâm dầu, trọng lượng > 6,8 kg	30.777	5.714	29.754	6.147	-3	8
0302320000 - Cá ngừ vây vàng tươi/ướp lạnh	21.085	1.948	22.479	1.965	7	1
1604143059 - Cá ngừ albacore đóng hộp kín khí, không ngâm dầu	25.760	3.663	27.876	4.450	8	21
0302350100 - Cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương, Thái Bình Dương tươi/ướp lạnh	20.430	800	20.934	949	2	19
1604141099 - Cá ngừ vằn ngâm dầu	13.407	2.622	16.570	3.750	24	43
0302340000 - Cá ngừ mắt to tươi/ướp lạnh	5.482	490	6.723	595	23	21
1604191000 - Cá ngừ bonito, đuôi vàng, đóng hộp kín khí, không ngâm dầu	4.786	1.651	7.281	2.506	52	52

■ Giá surimi cá minh thái Alaska có thể tăng mạnh trong vụ B/2025 do thiếu cung

(vasep.com.vn) Giá block surimi từ cá minh thái Alaska xuất khẩu sang Nhật Bản dự kiến sẽ tăng trong mùa đánh bắt B/2025 bắt đầu từ ngày 10/6, do tồn kho eo hẹp và sự thay đổi ưu tiên sản xuất tại các nhà máy Alaska. Các nhà nhập khẩu Nhật Bản cho biết việc đàm phán giá bắt đầu sớm như vậy là hiếm thấy và phản ánh áp lực lớn từ thị trường.

Áp lực chi phí gia tăng trên toàn chuỗi cung ứng

Nguyên nhân chính là do sản lượng mùa A không đáp ứng đủ nhu cầu. Các nhà sản xuất lớn tại Nhật như Maruha Nichiro và Nissui gặp khó trong việc đảm bảo nguyên liệu, còn phía Mỹ cũng thừa nhận không đủ hàng để giao cho khách hàng châu

Á. Một số nhà máy tại Alaska sẽ tiếp tục ưu tiên sản xuất phi lê rút xương (PBO) thay vì surimi, khiến nguồn cung càng thêm khan hiếm.

Tình trạng này đang đẩy giá surimi lên cao. Dự đoán mức tăng có thể tới 50 yên/kg (khoảng 0,35 USD), đặc biệt với các loại surimi chất lượng cao. Trong khi đó, chi phí sản xuất tăng — từ nguyên liệu như đường, muối phosphate, đến bao bì nhập khẩu — cũng làm tăng áp lực giá.

Bên cạnh đó, đồng yên tăng giá nhẹ giúp giảm áp lực tỷ giá, nhưng không đủ bù đắp chi phí. Một số nhà sản xuất Nhật như Kibun Foods tạm thời chưa tăng giá do còn hàng tồn, tuy nhiên đa số công ty chế biến lớn đã điều chỉnh giá bán sản phẩm surimi mùa xuân – hè 2025 để phản ánh chi phí gia tăng.

Hàng tồn kho giảm xuống dưới ngưỡng quan trọng

Theo thống kê của Nhật Bản, tồn kho

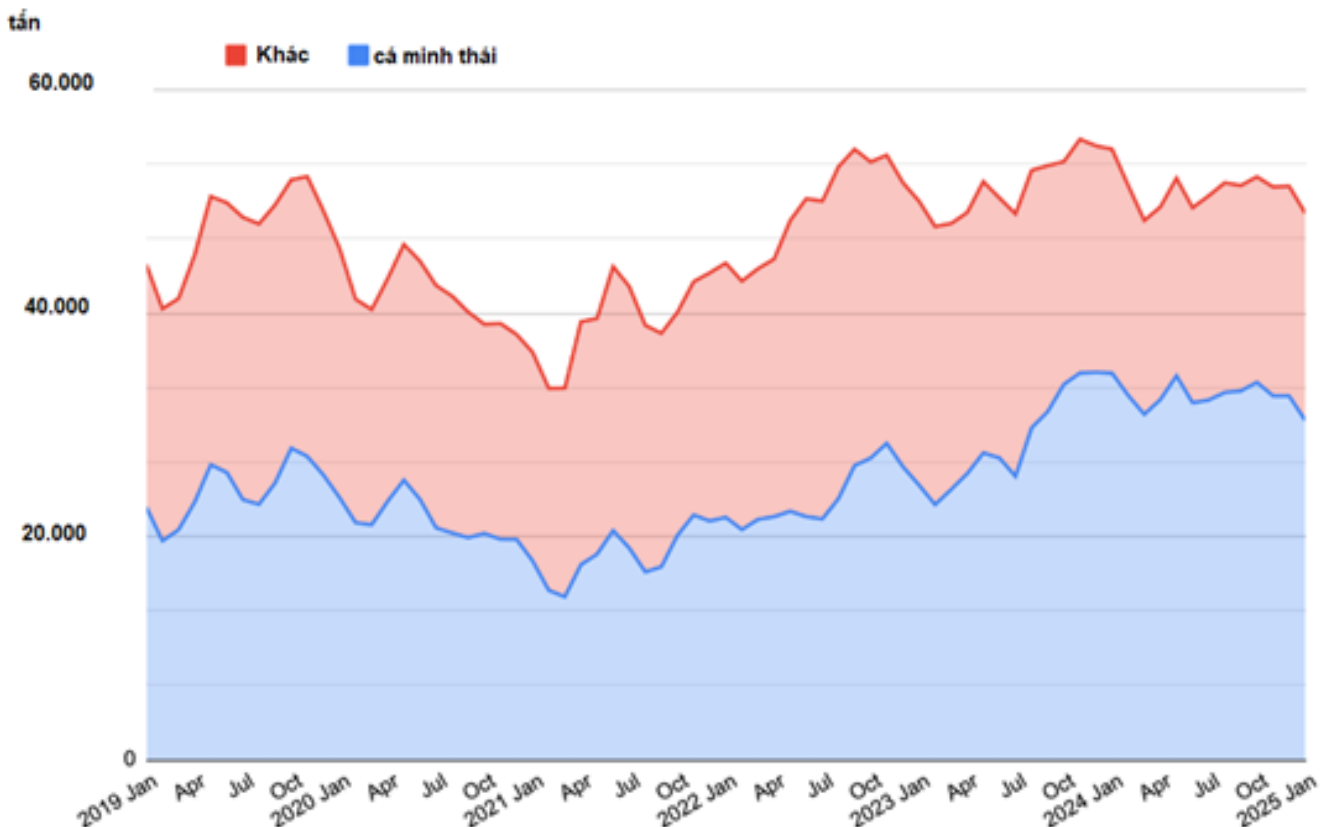
surimi dạng khối đông lạnh giảm 10% so với cùng kỳ năm trước, xuống dưới ngưỡng tâm lý 50.000 tấn – đủ dùng trong 2–3 tháng. Riêng surimi cá minh thái giảm 12% xuống còn hơn 30.000 tấn, cho thấy cung đang không theo kịp cầu.

Ngoài ra, lượng xuất khẩu surimi của Mỹ trong tháng 2/2025 giảm 12%, trong khi nhập khẩu từ Nga tăng gần gấp đôi. Điều này cho thấy các nhà nhập khẩu Nhật Bản đang phải tìm nguồn thay thế, dù không thể bù đắp hoàn toàn chất lượng cũng như khối lượng từ Alaska.

Trong bối cảnh này, ngành surimi toàn cầu – đặc biệt là tại Nhật Bản – đang phải đối mặt với một mùa sản xuất đầy thử thách. Các nhà nhập khẩu, chế biến và tiêu dùng đều cần thích ứng linh hoạt trước những biến động về giá cả và nguồn cung.

(Theo UCN)

Tồn kho surimi đông lạnh của Nhật Bản



■ Sản lượng surimi tăng 12% trong vụ A cá minh thái của Nga

(vasep.com.vn) Bất chấp điều kiện thời tiết bất lợi, đội tàu khai thác khu vực Viễn Đông của Nga đã duy trì sản lượng ổn định so với cùng kỳ năm trước, với tổng sản lượng vượt mốc 1 triệu tấn.

Theo Hiệp hội Khai thác Cá minh thái Nga (Pollock Catchers Association – PCA), sản lượng khai thác cá minh thái tại vùng Viễn Đông của Nga trong vụ khai thác mùa xuân (vụ A) nhìn chung giữ ở mức ổn định, trong khi sản lượng surimi ghi nhận mức tăng trưởng so với cùng kỳ.

Tính đến đầu tháng 4 – thời điểm kết thúc vụ A – tổng sản lượng khai thác cá minh thái đạt 1,058 triệu tấn. Riêng khu vực biển Okhotsk đạt sản lượng 846.000 tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm ngoái, bất chấp điều kiện thời tiết khắc nghiệt, ông Alexey Buglak – Chủ tịch PCA – xác nhận với Undercurrent News.

Tính đến ngày 10/4, sản lượng phi lê cá minh thái đạt 51.400 tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước, trong khi sản lượng surimi đạt 41.400 tấn, ghi nhận mức tăng 12%.

PCA ước tính sản lượng khai thác cá minh thái trong vụ B tại biển Okhotsk sẽ đạt khoảng 130.000 – 140.000 tấn, góp phần nâng tỷ lệ sử dụng hạn ngạch lên mức 96 – 99% vào cuối năm nay.

Trong năm 2024, tổng sản lượng khai thác tự nhiên cá minh thái của Nga dự kiến sẽ giữ ổn định ở mức 1,9 – 2,0 triệu tấn, tương đương với cùng kỳ năm trước. Năm ngoái, tổng sản lượng khai thác cá minh thái trong vụ xuân đã vượt mốc 1 triệu tấn lần đầu tiên sau 15 năm, bao gồm 830.000 tấn khai thác tại biển Okhotsk.

Trong năm 2024, tổng hạn ngạch khai thác (TAC) cá minh thái của Nga đã được điều chỉnh tăng, mặc dù một số hiệp hội trong ngành đề xuất giữ nguyên mức TAC đối với cá minh thái ở vùng Viễn Đông. Tuy nhiên, tổng TAC của Nga đối với loài này vẫn được điều chỉnh tăng, đạt 2,46

triệu tấn trong năm nay, so với mức 2,285 triệu tấn của năm trước.

Năm 2023, TAC đối với cá minh thái ở vùng Viễn Đông Nga được ấn định ở mức 2,06 triệu tấn, và tổng sản lượng khai thác thực tế đạt 1,96 triệu tấn – mức cao nhất trong vòng 25 năm qua.

Về giá bán nội địa, thị trường cá minh thái trong năm 2025 vẫn duy trì xu hướng giảm, theo đánh giá từ các báo cáo chính thức về giá bán buôn nội địa.

Tại khu vực Viễn Đông, giá cá minh thái đã giảm xuống còn 128 RUB/kg (tương đương 1,55 USD) tính đến ngày 14 tháng 4 – giảm 1,5% so với tuần trước và giảm 7,2% so với thời điểm đầu năm, theo số liệu từ Cơ quan Thủy sản Liên bang Nga (Rosrybolovstvo).

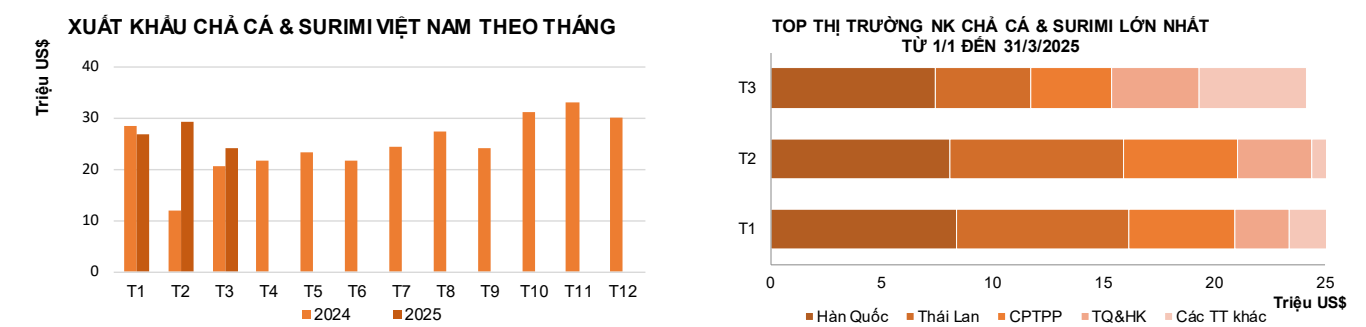
Tại các khu vực Trung tâm của Nga, giá cá minh thái được ghi nhận ở mức 160 RUB/kg, giảm 3% so với tuần trước và giữ nguyên so với đầu năm 2025.

(Theo UCN)



XUẤT KHẨU CHẢ CÁ & SURIMI VIỆT NAM TỪ 1/1 ĐẾN 31/3/2025

Nguồn: VASEP (theo số liệu Hải quan Việt Nam)



XUẤT KHẨU CHẢ CÁ & SURIMI SANG CÁC THỊ TRƯỜNG (triệu USD)							
THỊ TRƯỜNG	Tháng 2/2025 (GT)	Tháng 3/2025 (GT)	Tỷ lệ GT (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	Từ 1/1 – 31/3/2025 (GT)	Tỷ lệ GT (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)
Hàn Quốc	8,055	7,435	30,8	61,1	23,881	29,7	41,1
Thái Lan	7,834	4,304	17,8	-17,2	19,882	24,8	30,4
CPTPP	5,173	3,630	15,0	24,0	13,586	16,9	39,4
Nhật Bản	2,909	2,428	10,1	47,3	8,124	10,1	65,9
Malaysia	1,240	0,574	2,4	-5,6	2,631	3,3	0,5
Singapore	0,908	0,502	2,1	15,4	2,225	2,8	38,7
TQ&HK	3,314	3,969	16,4	49,5	9,726	12,1	32,6
Hồng Kông	0,234	0,046	0,2	-70,8	0,375	0,5	23,8
EU	2,151	1,676	6,9	55,6	5,187	6,5	40,9
Lithuania	1,838	1,071	4,4	56,6	4,002	5,0	39,1
Tây Ban Nha	0,079	0,271	1,1		0,430	0,5	
Indonesia	1,376	0,544	2,3	-4,3	2,811	3,5	25,1
Mỹ	0,493	0,755	3,1	-57,3	1,618	2,0	-36,6
Đài Loan	0,295	0,782	3,2	67,9	1,299	1,6	8,2
Các TT khác	0,647	1,045	4,3	-24,7	2,296	2,9	-0,9
TỔNG	29,338	24,139	100,0	16,8	80,285	100,0	31,1



XUẤT KHẨU HẢI SẢN VIỆT NAM, T1-T3/2025

1 tỷ USD ↑ 22%

Cơ cấu sản phẩm



CÁ NGỪ

228 triệu USD, ↑ 6%



MỰC & BẠCH TUỘC

161 triệu USD, ↑ 16%



CUA GHỀ & GIÁP XÁC KHÁC

85 triệu USD, ↑ 64%



NHUYỄN THỂ CÓ VỎ

63 triệu USD, ↑ 109%



Hải sản khác

485 triệu USD, ↑ 21%

Thị trường XK

NHẬT BẢN

264 triệu USD

↑ 26%

MỸ

167 triệu USD

↑ 24%

TQ&HK

134 triệu USD

↑ 83%

HÀN QUỐC

114 triệu USD

↑ 17%

EU

96 triệu USD

↑ 9%



■ Mỹ: Lượng cập cảng sò điệp tăng nhưng giá tại tàu vẫn tiếp tục giảm

(vasep.com.vn) Tuần thứ hai của mùa khai thác sò điệp tại Hoa Kỳ năm 2025-26 có vẻ giống với tuần đầu tiên khi giá tại bến tàu tiếp tục giảm, mặc dù lượng hàng cập cảng đã bắt đầu tăng, dựa trên dữ liệu mới nhất từ cuộc đấu giá hải sản New Bedford, Massachusetts.

Những người thu hoạch đã thu được 295.055 pound sò điệp Đại Tây Dương (*Placopecten magellanicus*) trị giá 7,2 triệu USD trong tuần 15/2025 (7-13/4/2025), tăng so với 239.946 pound trị giá gần 5,7 triệu USD thu được trong Tuần 14 (31/3-6/4/2025).

Giá trung bình chung trong tuần 15 là 24,51 USD/lb, tăng so với mức 23,72 USD/lb của tuần trước.

Tuần thứ hai của mùa vụ, bắt đầu vào ngày 1 tháng 4, được đánh dấu bằng tỷ lệ sò điệp lớn thậm chí còn cao hơn tuần trước. Có tới 57.102 lbs (19%) là U-10, kích thước lớn nhất, và 85.492 lbs (29%) là U-12. Người thu hoạch đã thu được 85.131 lbs (29%) của 10-20 và 61.988 lbs (21%) của 20-30.

Giá bến tàu lại giảm ở mọi kích cỡ, xu hướng này bắt đầu sau khi giá đạt đỉnh vào tuần thứ 10/2025.

Tuần trước, giá bán trung bình của U-10 là 36,89 USD/lb, giảm so với mức 48,60 USD/lb trong tuần 10. Giá bán trung bình của U-12 là 34,04 USD/lb trong tuần trước, giảm so với mức 45,93 USD/lb trong tuần 10. Giá bán trung bình của cỡ 10-20 là 15,59 USD trong tuần 15, giảm so với mức 21,01 USD/lb của năm tuần trước, và cỡ 20-30 là 13,52 USD/lb trong tuần trước, giảm so với mức 13,92 USD/lb trong tuần 10.

(Theo UCN)

■ Les Hodges: Cua Nga có thể sớm quay trở lại thị trường Hoa Kỳ

(vasep.com.vn) Theo ông Les Hodges – chuyên gia lâu năm trong ngành cua, những cuộc đàm phán ngoại giao gần đây giữa Washington và Moscow có thể là tín hiệu đầu tiên cho khả năng mặt hàng cua tuyết và cua hoàng đế cùng các sản phẩm thủy sản khác của Nga quay trở lại thị trường Hoa Kỳ.

Trong khoảng thời gian từ ngày 23 - 25/3, các quan chức Hoa Kỳ và Nga đã gặp nhau tại Riyadh, Ả Rập Xê Út nhằm tìm cách đặt nền móng cho việc chấm dứt xung đột tại Ukraine và nối lại quan hệ song phương. Cuộc gặp đã dẫn đến thỏa thuận mang tên “Sáng kiến Biển Đen”. Theo bản tóm tắt của Nga công bố ngày 25/3, thỏa thuận đề xuất một lộ trình gồm nhiều bước để thúc đẩy hòa bình trong khu vực, nhưng sẽ chỉ được thực thi khi phía Hoa Kỳ đáp ứng sáu điều kiện tiên quyết.

Một trong sáu điều kiện này là: “Dỡ bỏ các lệnh trừng phạt đối với các nhà sản xuất và xuất khẩu thực phẩm (bao gồm cả thủy sản) và phân bón.”

Cua Nga đã vắng bóng khỏi thị trường Hoa Kỳ từ giữa năm 2022, sau khi cựu Tổng thống Joe Biden áp đặt các biện pháp trừng phạt nhằm phản đối cuộc xâm lược Ukraine của Nga hồi tháng 2 năm 2022.

Trước khi lệnh cấm có hiệu lực, Nga là đối tác cung cấp thủy sản có giá trị lớn thứ 8 cho thị trường Hoa Kỳ, với kim ngạch năm 2021 đạt 48.867 tấn, trị giá 1,2 tỷ USD, tăng 12% về khối lượng và 34% về giá trị so với năm 2020 – theo số liệu của Cục Quản lý Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA). Khi đó, chỉ có Canada, Ấn Độ, Chile, Indonesia, Việt Nam, Trung Quốc và Ecuador có kim ngạch cao hơn Nga.

Trong khoảng 80 mặt hàng thủy sản

mà Nga xuất khẩu sang Hoa Kỳ vào năm 2021, hai sản phẩm có giá trị nhất là: cua tuyết đông lạnh (18.823 tấn, trị giá 509,9 triệu USD) và cua hoàng đế đông lạnh (8.486 tấn, trị giá 419,7 triệu USD). Nga chiếm 29% tổng sản lượng cua tuyết nhập khẩu của Hoa Kỳ trong năm đó, tương đương 64.237 tấn trị giá 1,8 tỷ USD, trước khi lệnh cấm được ban hành.

Ông Hodges – Chủ tịch công ty tư vấn thủy sản LHodges Seafood Consulting có trụ sở tại Seattle (Washington) – chia sẻ trong bản tin gửi khách hàng và đối tác gần đây:

“Nếu Ukraine đạt được một giải pháp công bằng và hợp lý cho cuộc xung đột, việc dỡ bỏ các biện pháp trừng phạt Nga được áp đặt từ năm 2022 sẽ là điều có thể chấp nhận được.”

“Trong trường hợp đó, Nga có khả năng sẽ sớm quay lại thị trường thủy sản Hoa Kỳ, như họ đã làm một cách liên tục kể từ đầu thập niên 1980. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với khu vực Tây Bắc Thái Bình Dương, nơi hầu hết cua Nga được chế biến tại Seattle – góp phần tạo công ăn việc làm và thúc đẩy kinh tế địa phương.”

Bao lâu thì nguồn cung có thể quay trở lại?

“Nếu lệnh trừng phạt được gỡ bỏ, các lô hàng cua Nga với sản lượng giới hạn có thể bắt đầu đến Hoa Kỳ trong vòng 6 đến 9 tháng,” ông dự đoán.

Cạnh tranh với ngành cua Canada

Sự trở lại của cua Nga sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh đáng kể đối với cua Canada và dẫn đến điều chỉnh giá sỉ nhờ nguồn cung gia tăng. Canada từ lâu đã là nhà cung cấp cua đông lạnh hàng đầu cho Hoa Kỳ, và các ngư dân, nhà chế biến Canada thường đạt được mức giá bán sỉ cao hơn mức trung bình.

Trong năm nay, tổng hạn ngạch khai thác cua tại các vùng biển Canada Đại Tây Dương là 97.345 tấn, trong đó

tỉnh Newfoundland và Labrador chiếm phần lớn với 62.883 tấn.

Hodges nhận định: Canada vẫn sẽ tiếp tục chiếm lĩnh thị trường trong năm 2025, song vị thế này nhiều khả năng sẽ suy giảm vào năm 2026.

Dù vậy, Hodges cũng chỉ ra rằng Nga sẽ cần thời gian để chuyển hướng do hiện đang tập trung vào thị trường của sống tại châu Á, đặc biệt là Trung Quốc và Hàn Quốc, kể từ năm 2021.

Năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 35.120 tấn của sống và 6.417 tấn của đông lạnh từ Nga.

Hiện nay, khoảng 65% đến 80% lượng của Nga xuất sang Trung Quốc mỗi tuần là của sống, được bảo quản trong bể nước biển ngay trên tàu đánh bắt và vận chuyển thẳng đến các cảng Trung Quốc.

“Hiện có 10 tàu chuyên đánh bắt của hoàng đế vàng, tất cả đều tập trung vào của sống,” ông Hodges cho biết.

Tuy nhiên, phần lớn của opilio Nga đánh bắt tại Biển Barents được bán sang thị trường châu Á dưới dạng sản phẩm nấu chín hoặc tươi sống, nên việc chuyển hướng xuất khẩu sang Hoa Kỳ với mặt hàng này sẽ dễ dàng hơn, ông nhận định.

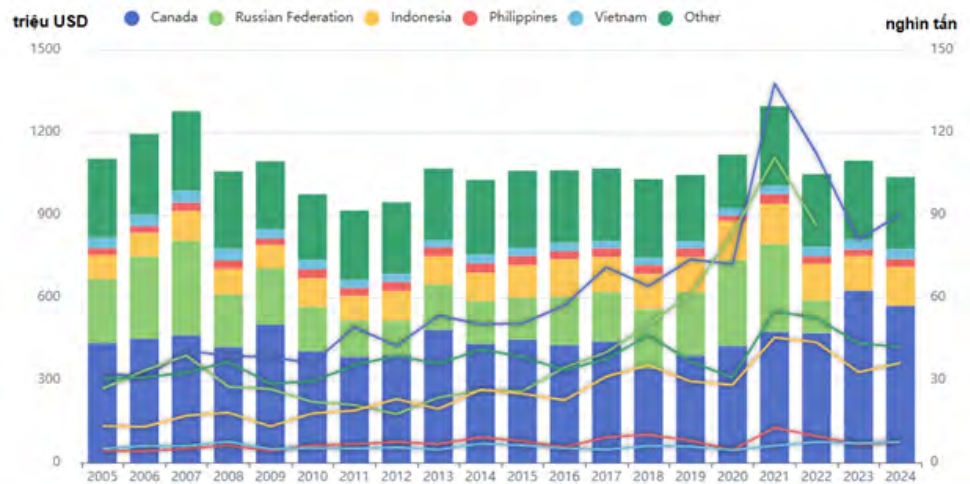
Trước khi Mỹ ban hành lệnh trừng phạt, Nga là nhà xuất khẩu của lớn thứ hai – cả của opilio và của hoàng đế – vào thị trường Hoa Kỳ, theo dữ liệu từ Undercurrent.

Tuy nhiên, ông Hodges lưu ý rằng còn một yếu tố có thể ảnh hưởng đến kịch bản này.

“Năm 2014, khi Nga sáp nhập Crimea, các nước phương Tây áp đặt lệnh trừng phạt lên Nga. Đáp lại, Nga đã ban hành lệnh cấm nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp từ Hoa Kỳ, EU, Canada, Úc và Na Uy.”

“Chỉ riêng với Alaska, thiệt hại trong năm đầu tiên đã lên tới 85 triệu USD.”

Top 5 nhà NK của hoàng đế và của tuyết của Mỹ, 2005-2024



“Vi vậy, tôi cho rằng phía Hoa Kỳ sẽ yêu cầu Nga bãi bỏ lệnh cấm nhập khẩu nông sản đó. Nếu không, người dân Alaska chắc chắn sẽ phản đối mạnh mẽ việc dỡ bỏ lệnh trừng phạt đối với thủy sản Nga,” ông Hodges nhận định.

Giá sỉ tại Hoa Kỳ duy trì ổn định trong bối cảnh tồn kho thấp kỷ lục

Thị trường Hoa Kỳ hiện đang ghi nhận mức tồn kho của thấp nhất từ trước đến nay, và giá bán sỉ đã duy trì ổn định từ tháng 2

Mặc dù một số lượng nhỏ của tuyết từ Nova Scotia đã được đưa ra thị trường, phần lớn nguồn cung hiện nay vẫn đến từ Na Uy, theo ông Gary Morrison – chuyên gia phân tích giá cấp cao.

“Tuy nhiên, mùa vụ khai thác của của Na Uy đang dần khép lại, và sẽ sớm được thay thế bằng nguồn cung chính từ các ngư trường của tuyết của Canada. Giá bán hiện đang ổn định đến có xu hướng tăng nhẹ,” ông Morrison cho biết.

Trong tuần 15 (7–13/4), giá bán của tuyết Na Uy cắt khúc 5–8 oz là 9,38 USD/pound.

Dự kiến, mức giá này sẽ tiếp tục được duy trì cho đến khi có nguồn cung đáng kể từ Canada, ông Morrison dự báo.

Một số ngư dân tại tỉnh Newfoundland và Labrador (NL) đã ra khơi sớm trong tuần qua, nhân dịp mùa khai thác bắt đầu vào ngày 10 tháng 4, tại một trong những khu vực có hạn ngạch cao nhất từ trước đến nay.

Hội đồng Thiết lập Giá Cá của NL đã đứng về phía ngư dân khi ấn định giá sàn tại cảng là 4,97 CAD/pound (tương đương 3,58 USD/pound) để khởi động mùa vụ – theo Undercurrent.

Kể từ khi mùa khai thác bắt đầu tại các tỉnh ven biển Canada, một lượng nhỏ của Canada đã bắt đầu xuất hiện tại Hoa Kỳ trong vài tuần gần đây. Một nhà bán buôn tại Hoa Kỳ cho biết, hiện vẫn còn một lượng nhỏ của từ Na Uy tiếp tục được nhập khẩu.

“Giá của Canada đến nay vẫn dao động quanh mức giá của của Na Uy. Với sản phẩm cắt khúc 5–8 oz, giá bán sỉ hiện vào khoảng 9,25–9,75 USD/pound, với mức mục tiêu khoảng 9,50 USD/pound,” nguồn tin cho biết.

“Với sản phẩm cắt khúc 8–10 oz, mức giá khởi điểm dự kiến khoảng 14,00 USD/pound.”

(Theo UCN)

■ Ngư dân tỉnh Phú Yên được mùa cá cơm

Thời điểm này đang là mùa khai thác cá cơm của ngư dân tỉnh Phú Yên. Năm nay cá cơm được mùa, việc tiêu thụ lại dễ dàng nên người dân ở các làng biển phấn khởi.

Cá cơm ở Phú Yên được khai thác ở vùng lộng và thường bắt đầu từ tháng Giêng và kết thúc vào tháng 4 Âm lịch. Năm nay, thời tiết khá thuận lợi nên nhiều tàu khai thác đạt sản lượng cao.

Theo ngư dân địa phương, cá cơm xuất hiện nhiều ở khu vực cách bờ biển từ 2-5 hải lý. Ngư dân thường đi khai thác từ đêm tối hôm trước đến rạng sáng hôm sau. Sản lượng bình quân từ 2 đến 3 tấn/tàu, một số tàu công suất lớn hơn có thể khai thác được 5 đến 7 tấn cá sau một đêm.

Cá cơm là loại cá thơm, ngon nên được ưa chuộng trên thị trường. Nhiều thương lái còn sử dụng tàu thuyền để mua trực tiếp của ngư dân trên biển. Nhờ vậy, ngư dân có thể khai thác dài ngày mà tốn ít chi phí bảo quản.

Không chỉ bán cá tươi, ngư dân Phú Yên còn chế biến cá cơm thành sản phẩm xuất khẩu hoặc phơi làm cá khô, ủ làm nước mắm. Từ đó, giá trị sản phẩm cá cơm được nâng lên, người dân vùng biển có thêm nhiều việc làm, nâng cao thu nhập.

Theo báo cáo của huyện Tuy An, trên địa bàn huyện hiện có 7 cơ sở chế biến cá cơm khô xuất khẩu tập trung, quy mô lớn và chủ yếu tập trung tại 2 xã An Chấn và An Hòa Hải. Từ đầu năm đến nay, cá cơm khô xuất khẩu vào thị trường Đài Loan (Trung Quốc), Hàn Quốc đạt hơn 300 tấn, tăng 15% so với cùng kỳ năm ngoái.

Ngoài việc chế biến để xuất khẩu, cá

Bình Thuận: Khai thác lợi thế kinh tế biển

Với chiều dài bờ biển khoảng 50 km, 2 cửa sông đổ ra biển, Tuy Phong được xem là địa phương có điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng kinh tế biển, nhất là kêu gọi nguồn lực đầu tư vào các ngành, lĩnh vực về công nghiệp, du lịch, xây dựng cảng cá, đánh bắt xa bờ gắn với dịch vụ hậu cần trên biển.

Cùng với TP. Phan Thiết, thị xã La Gi, Tuy Phong là 1 trong 3 ngư trường lớn của tỉnh, với nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế cao. Nhờ tích cực triển khai các chủ trương, chính sách phát triển tàu thuyền, đầu tư trang thiết bị kỹ thuật công nghệ hiện đại, phục vụ khai thác xa bờ, nên số lượng phương tiện đánh bắt công suất lớn của huyện tăng dần qua từng năm.

Nếu năm 1983, toàn huyện chỉ có 400 tàu cá có công suất 56 CV, đa số là tàu thuyền công suất nhỏ, thì đến nay, số tàu thuyền đã hơn 2.000 chiếc với tổng công suất gần 250 CV, trong đó tàu có chiều dài 15 m trở lên là 258 chiếc.

Những năm qua, hoạt động đánh bắt hải sản của ngư dân thuận lợi, sản lượng tăng cao hàng năm, vì thế nghề biển nơi đây luôn được chú trọng và không ngừng phát triển. Sản lượng khai thác hải sản trong năm 2024 đạt 55.450 tấn, trong quý I/2025 đạt 14.920 tấn/60.000 tấn, đạt 24,87% chỉ tiêu giao và tăng 128% so với cùng kỳ năm 2024.



cơm còn là nguồn nguyên liệu chính để các làng biển ở Phú Yên làm nước mắm.

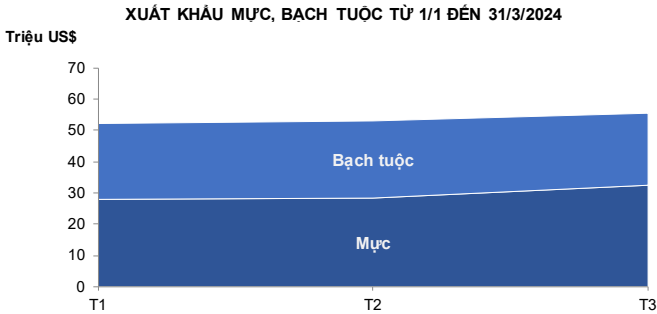
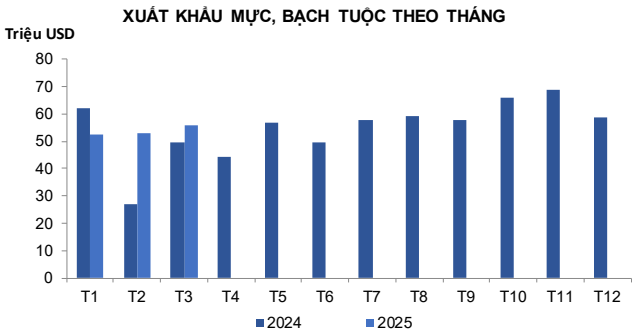
Ngư dân chủ yếu đi khai thác trong thời gian ngắn ở vùng lộng và cập

bến tại địa phương để xuất bán cá. Nhờ sản lượng cao, việc tiêu thụ lại dễ dàng nên ngư dân có thu nhập cao.

Kim Thu

XUẤT KHẨU MỰC, BẠCH TUỘC VIỆT NAM TỪ 1/1 ĐẾN 31/3/2025

Nguồn: VASEP (theo số liệu Hải quan Việt Nam)



XUẤT KHẨU MỰC, BẠCH TUỘC SANG CÁC THỊ TRƯỜNG (triệu USD)							
THỊ TRƯỜNG	Tháng 2/2025 (GT)	Tháng 3/2025 (GT)	Tỷ lệ GT (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	Từ 1/1 – 31/3/2025 (GT)	Tỷ lệ GT (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)
Hàn Quốc	20,291	21,277	38,3	6,2	62,040	38,6	10,3
CPTPP	17,834	15,615	28,1	13,1	48,899	30,4	29,6
Nhật Bản	15,771	13,158	23,7	6,6	43,075	26,8	30,2
Malaysia	0,822	0,926	1,7	47,2	2,201	1,4	8,3
Canada	0,343	0,369	0,7	136,6	0,936	0,6	126,4
Thái Lan	4,637	6,774	12,2	29,6	17,324	10,8	40,7
TQ&HK	3,421	3,972	7,1	-0,6	10,978	6,8	-18,7
Hồng Kông	0,510	0,464	0,8	-13,1	1,264	0,8	-16,5
Mỹ	2,341	3,410	6,1	86,6	7,982	5,0	69,1
EU	2,644	2,078	3,7	-8,9	7,926	4,9	1,3
Italy	0,357	0,777	1,4	73,0	2,270	1,4	8,2
Tây Ban Nha	0,735	0,412	0,7	-7,4	1,746	1,1	24,7
Bỉ	0,229	0,257	0,5	-42,4	0,980	0,6	7,5
Đài Loan	0,730	0,478	0,9	-35,7	1,624	1,0	-4,2
Các TT khác	1,071	1,964	3,5	6,7	4,097	2,5	-8,6
TỔNG	52,969	55,567	100,0	11,7	160,869	100,0	16,1

SẢN PHẨM MỰC, BẠCH TUỘC XUẤT KHẨU TỪ 1/1 ĐẾN 31/3/2025			
Sản phẩm	GT (triệu USD)	Tỷ lệ GT (%)	So sánh cùng kỳ (%)
Mực (1)	89,017	55,3	20,5
Trong đó: - Mực chế biến khác (thuộc mã HS16)	9,092		32,2
- Mực khô, nướng, (thuộc mã HS03)	35,249		25,3
- Mực sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã HS03)	44,676		14,91
Bạch tuộc (2)	71,852	44,7	11,2
Trong đó: - Bạch tuộc chế biến (thuộc mã HS16)	12,490		22,3
- Bạch tuộc khô/muối/sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã HS03)	59,362		9,1
Tổng XK mực, bạch tuộc (1 + 2)	160,869	100,0	16,1

NHẬP KHẨU NHUYỄN THỂ CỦA MỸ, T1-T2/2025
(Nguồn: FAS.USDA)

Các nguồn cung nhuyễn thể chính của Mỹ, T1-T2/2025 (GT: nghìn USD, KL: tấn)						
Nguồn cung	T1-T2/2024		T1-T2/2025		Tăng, giảm (%)	
	GT	KL	GT	KL	GT	KL
Tổng NK	259.263	32.241	289.042	36.328	11	13
Canada	64.736	4.651	40.282	3.489	-38	-25
Nhật Bản	31.139	1.684	49.632	1.932	59	15
Tây Ban Nha	23.907	2.513	24.384	2.364	2	-6
Trung Quốc	24.519	5.798	36.293	7.841	48	35
New Zealand	23.319	3.173	14.601	2.054	-37	-35
Argentina	13.874	2.657	23.049	3.855	66	45
Peru	5.849	1.010	15.097	1.269	158	26
Ấn Độ	7.266	1.362	13.201	2.467	82	81
Hàn Quốc	11.155	1.063	7.378	787	-34	-26
Chile	6.671	2.113	7.868	2.635	18	25
Indonesia	8.167	1.220	8.490	1.311	4	7
Mexico	4.529	567	5.480	622	21	10
Việt Nam	5.684	1.000	6.999	1.355	23	35
Thái Lan	5.388	688	9.257	1.072	72	56
Đài Loan	5.330	886	5.569	989	4	12

Các sản phẩm nhuyễn thể chính của Mỹ, T1-T2/2025 (GT: nghìn USD, KL: tấn)						
Sản phẩm	T1-T2/2024		T1-T2/2025		Tăng, giảm (%)	
	GT	KL	GT	KL	GT	KL
Tổng NK	259.263	32.241	289.042	36.328	11	13
0307220000 - Sò điệp, bao gồm cả sò điệp hoàng hậu, thuộc loài Genera Pecten, Chlamys hoặc Placopecten đông lạnh, sấy khô, ướp muối hoặc ngâm nước muối	42.137	2.950	80.858	6.336	92	115
0307520000 - Bạch tuộc đông lạnh	24.137	3.086	27.317	3.384	13	10
0307430050 - Mực ống khác đông lạnh/khô/muối/ngâm muối trừ mực Loligo	21.360	4.007	22.933	3.932	7	-2
0307430029 - Mực ống Loligo khác đông lạnh	11.309	2.223	17.742	3.262	57	47
0307210000 - Sò điệp, bao gồm cả sò điệp hoàng hậu, thuộc loài Genera Pecten, Chlamys hoặc Placopecten, sống, tươi hoặc ướp lạnh	33.301	1.208	19.023	671	-43	-44
1605546030 - Mực ống chế biến, trừ mực Loligo	14.066	1.432	12.478	1.363	-11	-5
0307110060 - Hàu nuôi, sống, tươi hoặc ướp lạnh, trừ hàu giống	9.244	993	8.074	867	-13	-13
0307320000 - Vẹm đông lạnh/khô/muối/ngâm muối	12.717	1.789	9.562	1.498	-25	-16
1605556000 - Bạch tuộc chế biến khác	6.920	597	6.657	486	-4	-19
1605536000 - Vẹm chế biến khác	6.154	1.820	7.066	2.204	15	21

■ Nga: Sản lượng thức ăn thủy sản dự kiến tăng năm nay

(vasep.com.vn) Theo Alexei Nikolayev, sản lượng thức ăn cho cá của Nga ước tính đạt 100.000 tấn vào năm 2024, tăng gấp đôi so với mức 48.300 tấn vào năm 2023.

Theo Alexei Nikolayev, Tổng giám đốc điều hành của Liên đoàn các nhà sản xuất thức ăn hỗn hợp, Interfax đưa tin, sản lượng thức ăn thủy sản của Nga ước tính đạt 100.000 tấn vào năm 2024, tăng gấp đôi so với mức 48.300 tấn vào năm 2023.

Những số liệu của ngành này khác với báo cáo của Rosrybolovstvo vào tháng 2, trong đó dự báo sản lượng trong nước năm 2024 là 51.400 tấn, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước hoặc 25% tổng nhu cầu.

Ước tính sản lượng của Nikolayev dường như phản ánh khoảng cách do lượng nhập khẩu giảm, giảm xuống còn khoảng 40.000 tấn từ mức 157.000 tấn trước đó sau khi các nhà cung cấp Na Uy rời đi vào năm 2022. Lượng tiêu thụ thức ăn thủy sản hàng năm ở Nga ước tính ở mức 140.000-150.000 tấn.

Nikolayev cho biết: "Chỉ vài năm trước, ngành nuôi trồng thủy sản hoàn toàn phụ thuộc vào nhập khẩu về mặt sản xuất thức ăn cho cá. Người Na Uy thống trị ở đây, nhưng vào năm 2022, họ đã vội vã rời đi".

Ngành thức ăn hỗn hợp rộng hơn dự kiến sẽ tăng trưởng 7,1% trong năm nay lên 39 triệu tấn, trong đó Nikolayev lưu ý rằng Nga vẫn phụ thuộc vào phụ gia thức ăn nhập khẩu, chủ yếu từ Trung Quốc, hiện chiếm 77% giá trị nhập khẩu.

(Theo UCN)

■ Doanh nghiệp sản xuất bột cá Peru ký kết thỏa thuận mua lại đối thủ cạnh tranh

(vasep.com.vn) Công ty khai thác thủy sản Peru Pesquera Exalmar vừa ký kết thỏa thuận mua lại 100% cổ phần của Pesquera Centinela, một doanh nghiệp có liên kết với Tập đoàn Grupo Romero.

Thông tin này được cả hai bên công bố với cơ quan quản lý tài chính Peru, tuy nhiên thương vụ vẫn đang trong quá trình hoàn tất và còn phụ thuộc vào các điều kiện thông thường đối với các giao dịch chuyển nhượng sở hữu doanh nghiệp. Giá trị tài chính cụ thể của thương vụ không được tiết lộ.

Thương vụ sáp nhập này đánh dấu một cột mốc quan trọng trong chiến lược mở rộng quy mô của Exalmar, giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực khai thác cũng như gia tăng thị phần trong ngành công nghiệp khai thác và chế biến thủy sản của Peru.

Theo thông tin từ doanh nghiệp, Pesquera Centinela sở hữu đội tàu gồm 11 tàu khai thác, trong đó có 4 tàu được trang bị hệ thống bảo quản chất lượng bằng nước biển lạnh. Ngoài ra, doanh nghiệp này còn có ba nhà máy chế biến đặt tại Tambo de Mora, Chimbote và Chancay. Trong khi đó, Exalmar hiện vận hành 23 tàu lưới vây.

Thông báo trên được đưa ra chỉ vài tháng sau thương vụ lớn của tập đoàn thủy sản Canada Cooke, khi tập đoàn này hoàn tất việc mua lại Corporación Pesquera Inca (Copeinca) – một trong những nhà sản xuất và xuất khẩu bột cá và dầu cá lớn nhất thế giới.

(Theo UCN)

■ Thị trường bột cá Chile giảm doanh thu do sản lượng Peru tăng

(vasep.com.vn) Tập đoàn Blumar nhận định nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm là do sản lượng bột cá tại khu vực Trung – Nam Chile giảm mạnh.

Thị trường bột cá và dầu cá của Chile đã chứng kiến sự suy giảm đáng kể về doanh thu trong năm vừa qua, theo báo cáo tài chính được công bố bởi Blumar Seafoods – doanh nghiệp thủy sản tích hợp theo chiều dọc.

Theo đó, doanh thu mảng khai thác thủy sản của công ty giảm so với năm 2023, trong bối cảnh sản lượng tiêu thụ bột cá và dầu cá đều sụt giảm, như được thể hiện trong các bảng số liệu bên dưới.

Blumar cho biết sự suy giảm này chủ yếu bắt nguồn từ sản lượng bột cá thấp tại khu vực Trung – Nam Chile, hệ quả của việc khai thác kém hiệu quả cá mòi và cá cơm tại vùng Biobio.

Việc nguồn nguyên liệu đầu vào giảm đã tác động tiêu cực đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp trong lĩnh vực này.

Dù gặp khó khăn ở mảng khai thác, Blumar vẫn ghi nhận lợi nhuận ròng sau thuế dương, chủ yếu nhờ đóng góp từ mảng nuôi trồng thủy sản và doanh số tiêu thụ cá sòng tăng mạnh.

Báo cáo quý của Blumar cũng nêu rõ tổng sản lượng nguyên liệu cá biển khơi cung ứng trong năm qua đã giảm 6% so với năm 2023, chỉ còn 321.000 tấn. Nguyên nhân chủ yếu là do giảm lượng thu mua từ bên thứ ba tại khu vực Trung – Nam.

Doanh nghiệp này cũng chỉ ra rằng xu hướng giá bột cá đang trên đà giảm, chủ yếu do nguồn cung từ Peru tăng mạnh trên thị trường quốc tế.

Tương tự, giá dầu cá đã quay về mức “cân bằng” nhờ tỷ lệ chiết xuất dầu trong quy trình sản xuất được cải thiện và sản lượng khai thác cá tại Peru phục hồi tích cực.

Blumar nhận định các yếu tố trên đang tạo áp lực cạnh tranh gia tăng lên ngành bột cá và dầu cá của Chile.

Bên cạnh bột cá và dầu cá, Blumar còn xuất khẩu cá sòng đông lạnh và cá hồi Đại Tây Dương. Thông qua công ty con PacificBlu, doanh nghiệp cũng chế biến và tiêu thụ các sản phẩm thủy sản đông lạnh và tẩm bột, chủ yếu sử dụng nguyên liệu cá hake được đánh bắt từ đội tàu của công ty và các ngư dân thủ công.

(Theo UCN)

thác bắt đầu vào ngày 27/12/2024.

PRODUCE cho biết: “Thành tích đáng chú ý này khẳng định lại tầm quan trọng của ngành đánh bắt cá trong nền kinh tế miền Nam và tiềm năng tăng trưởng của ngành này”.

Mùa vụ sẽ kéo dài cho đến khi đạt được sản lượng khai thác 251.000 tấn hoặc cho đến ngày 30/6, tùy theo điều kiện nào đến trước.

Cho đến nay, các cảng cập cảng chính là Arequipa và Moquegua, nơi các nhà máy chế biến thuộc công ty Austral đã cập cảng 34,4% tổng số, tiếp theo là TASA (32,7%), Ger Export (20,6%) và Diamante (12,3%)...

(Theo seafoodsource)

Việc Peru tăng mạnh hạn ngạch khai thác nhiều khả năng sẽ gây thêm áp lực giảm giá đối với thị trường bột cá toàn cầu, đặc biệt là tại Trung Quốc – thị trường xuất khẩu trọng điểm của Peru. Năm ngoái, giá chào bán bột cá loại “superprime” tại Thượng Hải đã giảm mạnh từ 17.350 NDT/tấn (tương đương 2.440 USD/tấn) xuống còn 12.800 NDT/tấn.

Trong năm 2024, Peru đã xuất khẩu 833.000 tấn bột cá sang Trung Quốc, chiếm 87% tổng kim ngạch xuất khẩu – tăng mạnh so với 425.000 tấn trong năm 2023, thời điểm nguồn cung bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi hiện tượng El Niño.

(Theo UCN)

■ Peru: Vụ khai thác cá cơm đầu tiên của năm 2025 ở miền nam cho sản lượng tốt

(vasep.com.vn) Bộ Sản xuất Peru (PRODUCE) cho biết mùa đánh bắt cá cơm đầu tiên của năm 2025 tại khu vực phía nam của đất nước đã trở thành mùa đánh bắt tốt nhất trong những năm gần đây.

“Chúng tôi đang chứng kiến sự phục hồi của nghề đánh bắt cá cơm ở phía Nam, đây là cơ hội tuyệt vời cho ngư dân, các công ty và cộng đồng liên quan đến hoạt động này. Sự phục hồi này không chỉ thúc đẩy nền kinh tế khu vực mà còn tăng cường năng lực sản xuất bền vững và có trách nhiệm của chúng tôi”, Thứ trưởng Bộ Thủy sản và Nuôi trồng thủy sản Peru Jesús Barrientos cho biết.

PRODUCE báo cáo rằng tính đến ngày 1/4/2025, 36 tàu công nghiệp đánh bắt ở vùng biển phía nam đất nước đã đánh bắt được 176.226 tấn cá cơm, tương đương 70,2% tổng sản lượng đánh bắt được phép (TAC) mà PRODUCE đặt ra khi mùa khai

■ Peru: Hạn ngạch khai thác cá cơm vụ I/2025 đạt kỷ lục

(vasep.com.vn) Chính phủ Peru đã chính thức ấn định hạn ngạch khai thác cá cơm trong vụ đánh bắt đầu tiên năm 2025 tại vùng biển phía Bắc – Trung nước này là 3 triệu tấn, theo thông báo từ Bộ Sản xuất. Đây là mức tăng đáng kể so với các vụ trước.

Hạn ngạch này được công bố thông qua một nghị quyết chính thức, dựa trên kết quả khảo sát sinh khối thuận lợi do Viện Nghiên cứu Biển Peru (IMARPE) thực hiện.

Theo Bộ Sản xuất, mùa vụ sẽ chính thức bắt đầu từ 0 giờ ngày 22 tháng 4, tại khu vực biển kéo dài từ ranh giới hàng hải phía Bắc của Peru.

Mức hạn ngạch mới cao hơn đáng kể so với 2,51 triệu tấn của vụ II năm 2024 và 2,475 triệu tấn của vụ I năm ngoái.

Ngoài ra, con số này cũng vượt qua các dự báo trước đó do báo Peru Pesquero đăng tải, trong đó kỳ vọng mức hạn ngạch chỉ khoảng 2,4 triệu tấn.

■ Sản xuất bột cá của Thụy Điển gây áp lực lên trữ lượng cá trích Baltic

(vasep.com.vn) Một nghiên cứu mới từ Trung tâm Biển Baltic thuộc Đại học Stockholm cho thấy phần lớn lượng cá trích đánh bắt tại biển Baltic được chế biến thành bột cá phục vụ chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, thay vì sử dụng cho tiêu dùng trực tiếp của con người. Nghiên cứu đồng thời nhấn mạnh vai trò then chốt của Thụy Điển trong việc định hình chính sách thủy sản của Liên minh châu Âu (EU), dẫn đến sự phát triển của hoạt động khai thác cá trích quy mô công nghiệp tại vùng biển này — một thực tiễn hiện đang bị đặt dấu hỏi khi trữ lượng cá liên tục suy giảm.

Theo báo cáo, mặc dù EU từng ban hành lệnh cấm đánh bắt cá trích công nghiệp có chủ đích vào năm 1977 sau khi trữ lượng cá ở biển Bắc giảm nghiêm trọng, Thụy Điển đã giành được một ngoại lệ trong quá trình đàm phán gia nhập EU vào những năm 1990. Ngoại lệ này sau đó góp phần làm thay đổi quy định

rộng hơn vào năm 1998, mở đường cho việc sản xuất bột cá trên phần lớn diện tích biển Baltic.

Thụy Điển khi đó biện minh cho sự chuyển đổi này là “cần thiết để duy trì đội tàu cá trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ cá trích trong nước suy giảm”. Tuy nhiên, giới khoa học hiện cảnh báo rằng các chính sách như vậy đã tạo ra áp lực dài hạn đối với hệ sinh thái khu vực.

Các ước tính gần đây từ Hội đồng Quốc tế về Khai thác Biển (ICES) cho thấy trữ lượng cá trích tại khu vực trung tâm biển Baltic hiện chỉ còn cao hơn ngưỡng nguy cấp một cách khiêm tốn, và thấp hơn nhiều so với các mục tiêu bền vững đã được thiết lập trong kế hoạch quản lý thủy sản đa niên của EU.

Dù vậy, hoạt động sản xuất bột cá vẫn tiếp tục mở rộng, một phần nhờ

vào nguồn vốn hỗ trợ từ EU cho các nhà máy chế biến mới tại Phần Lan và Estonia.

Trong bối cảnh nghề cá khu vực đang đối mặt với nhiều áp lực, báo cáo kêu gọi cần xem xét lại mô hình đánh bắt mang tính công nghiệp, đồng thời thẳng thắn nhìn nhận vai trò lịch sử của Thụy Điển trong việc hình thành lộ trình dẫn đến thực trạng hiện nay.

(Theo UCN)

Triển lãm Thủy sản Toàn cầu 2025 năm nay tiếp tục thu hút sự chú ý

(vasep.com.vn) Nhà tổ chức Triển lãm Thủy sản Toàn cầu Diversified cho biết sự kiện lần thứ 31 này đang tiếp tục thu hút sự chú ý.

Sự kiện diễn ra từ ngày 6 - 8/5/2025 tại Fira de Barcelona ở Barcelona, Tây Ban Nha, hiện đang chiếm 51.024 mét vuông không gian triển lãm và vẫn đang gấp rút chuẩn bị, Diversified cho biết.

Diversified cho biết ước tính tác động kinh tế của triển lãm là hơn 156 triệu euro (170 triệu USD) và sẽ có sự tham gia của hơn 2.041 công ty triển lãm từ 84 quốc gia, với 65 gian hàng quốc gia và khu vực.

Sự kiện này cũng có sự tham gia của các quốc gia và khu vực mới bao gồm Albania, Ai Cập, Georgia, Greenland, Malta, Nigeria và Réunion. Diversified cho biết tất cả các quốc gia này đều nằm trong danh sách ngày càng mở rộng bao gồm Bỉ, Canada, Chile, Nhật Bản, Việt Nam, v.v.

Các gian hàng quốc gia và khu vực mới bao gồm Cơ quan xúc tiến thương mại và đầu tư Brazil (Apex-Brasil), Liên đoàn hợp tác xã sản xuất nước tương Nhật Bản, Pro Ecuador,

Ban phát triển xuất khẩu Sri Lanka và Viện năng lực cạnh tranh kinh doanh Valencia (IVACE).

Cùng diễn ra với Triển lãm Thủy sản Toàn cầu là Giải thưởng Thủy sản Xuất sắc Toàn cầu, vinh danh những sản phẩm hải sản tốt nhất được giới thiệu trong sự kiện.

Diversified cho biết: “Những người chiến thắng sẽ được chọn từ danh sách chung kết và hai giải thưởng cao nhất sẽ được trao cho Sản phẩm bán lẻ tốt nhất và Sản phẩm khách sạn/nhà hàng/tiệc (HORECA) tốt nhất”. “Bốn giải thưởng đặc biệt khác sẽ được trao cho sự đổi mới, tiện lợi, bao bì bán lẻ và dòng sản phẩm hải sản tốt nhất”.

(Theo seafoodsource)

Indonesia mục tiêu tăng xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc

(vasep.com.vn) Với mục tiêu đạt kim ngạch xuất khẩu 1,29 tỷ USD trong năm nay, Indonesia tập trung vào đa dạng hóa, chất lượng và mở rộng các nhà xuất khẩu được phê duyệt.

Indonesia đã công bố tham vọng thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang Trung Quốc, một thị trường

xuất khẩu chính, được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng tăng. Bộ Hàng hải và Thủy sản cho biết nước này đã đặt mục tiêu xuất khẩu **1,29 tỷ USD** sang Trung Quốc trong năm nay, tăng so với mức **1,24 tỷ USD** ghi nhận được trong năm trước, theo dữ liệu của bộ do Antara News công bố.

Ishartini, người đứng đầu Cơ quan Giám sát Chất lượng Sản phẩm Hàng hải và Thủy sản, cho biết: “Chúng tôi đã thiết lập được sự phối hợp với các bộ, ngành và tổ chức trong nước có liên quan, cũng như Đại sứ quán Indonesia tại Bắc Kinh, để đa dạng hóa các sản phẩm xuất khẩu và tăng tổng khối lượng xuất khẩu”.

Dữ liệu cho thấy xu hướng tích cực trong xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang Trung Quốc, đạt **1,14 tỷ USD** vào năm 2023 và **1,12 tỷ USD** vào năm 2022.

Để đạt được mục tiêu đầy tham vọng của năm nay, chính phủ Indonesia đang tích cực hành động để nâng cao chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn an toàn. Ngoài ra, đã có những nỗ lực nhằm tăng số lượng các công ty trong nước được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc, đạt 544 tính đến tháng 3.

(Theo fis)

■ Cá thu Na Uy chiếm lĩnh thị trường Quốc trong tháng 3/2025

(vasep.com.vn) Cá thu đông lạnh xuất xứ từ Na Uy tiếp tục khẳng định vị thế thống lĩnh tại thị trường Hàn Quốc, chiếm tới 85% tổng lượng cá thu nhập khẩu trong tháng 3/2025.

Tổng lượng cá thu đông lạnh nhập khẩu vào Hàn Quốc trong tháng 3/2025 đạt 25.454 tấn, tăng 50% so với mức 16.400 tấn của cùng kỳ năm trước.

Xu hướng giá: Thị trường duy trì ổn định

1. Quy cách 300/500g: 72,50 USD/thùng (tương đương 99.000 KRW) – không thay đổi so với tháng 3.
2. Quy cách 400/600g: 73,90 USD/thùng (tương đương 101.000 KRW) – duy trì ở mức ổn định.
3. Giá nhập khẩu bình quân: 2,75 USD/kg.

Các chuyên gia phân tích thị trường dự báo giá cá thu sẽ giữ ổn định quanh mức 74 USD/thùng (tương đương 100.000 KRW) trong ngắn hạn, được hỗ trợ bởi cung – cầu ổn định.

Nguồn nhập khẩu: Na Uy giữ vững vị trí dẫn đầu

1. Na Uy: 21.663 tấn (chiếm 85%) với giá 2,75 USD/kg.
2. Trung Quốc: 2.277 tấn (9%) với giá 1,92 USD/kg, là lựa chọn thay thế giá rẻ hơn 36% so với cá Na Uy.
3. Hà Lan và Vương quốc Anh: tổng cộng 1.168 tấn.

Nhập khẩu cá thu Na Uy tăng trưởng mạnh mẽ cho thấy thị trường Hàn Quốc ngày càng ưu tiên chất lượng sản phẩm, trong khi cá thu Trung Quốc chủ yếu được lựa chọn vì mức giá cạnh tranh.

Triển vọng thị trường

Giá cá thu nhập khẩu dự kiến sẽ tiếp tục ổn định trong thời gian tới, trừ khi xảy ra gián đoạn nguồn cung. Tuy nhiên, khối lượng khai thác toàn cầu và biến động tỷ giá hối đoái USD-KRW sẽ là những yếu tố then chốt có thể ảnh hưởng đến xu hướng giá trong tương lai.

(Theo fis)

■ Trung Quốc giữ nguyên lệnh cấm nhập khẩu thủy sản Nhật Bản

(vasep.com.vn) Trung Quốc và Nhật Bản đã tổ chức cuộc họp kỹ thuật vào ngày 10/4 nhằm thảo luận về lệnh cấm nhập khẩu thủy sản Nhật Bản do Bắc Kinh áp đặt, tuy nhiên phía Trung Quốc khẳng định hiện chưa có kế hoạch dỡ bỏ các biện pháp hạn chế này trong thời gian tới.

Cuộc thảo luận trực tuyến giữa Tổng cục Hải quan Trung Quốc và Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Ngư nghiệp Nhật Bản được tiến hành sau vòng đàm phán trực tiếp diễn ra tại Bắc Kinh hồi tháng 3. Đây là một phần trong nỗ lực tiếp tục đối thoại để xử lý các hạn chế thương mại đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành thủy sản Nhật Bản.

Trước đó, vào tháng 8/2023, Trung Quốc áp đặt lệnh cấm toàn diện đối với thủy sản Nhật Bản sau khi Tokyo bắt đầu xả nước thải đã qua xử lý phóng xạ từ nhà máy điện hạt nhân Fukushima Daiichi ra Thái Bình Dương.

Đến tháng 9/2024, hai quốc gia đã đạt được thỏa thuận rằng Trung Quốc sẽ từng bước nới lại nhập khẩu thủy sản Nhật Bản, với điều kiện Bắc Kinh được tham gia vào các hoạt động giám sát theo khuôn khổ của Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA).

Thỏa thuận cũng cho phép Trung Quốc tiến hành lấy mẫu và giám sát

độc lập đối với nguồn nước đã xả nhằm xác minh mức độ an toàn.

Tuy nhiên, theo Kyodo News, Tổng cục Hải quan Trung Quốc nhấn mạnh rằng cuộc họp kỹ thuật gần đây không đồng nghĩa với việc sẽ sớm nới lại hoạt động nhập khẩu thủy sản từ Nhật Bản.

Trong khuôn khổ IAEA, Trung Quốc đã lấy mẫu nước biển gần khu vực nhà máy Fukushima vào tháng 10 năm ngoái và tháng 2 năm nay. Kết quả phân tích không phát hiện nồng độ bất thường của các chất phóng xạ, qua đó củng cố lập luận của Nhật Bản rằng nước đã qua xử lý được xả ra biển đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn quốc tế.

Lệnh cấm nhập khẩu này đã gây ra tổn thất đáng kể đối với nền kinh tế Nhật Bản, khi Trung Quốc từng là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của nước này. Trước tình hình đó, chính phủ Nhật Bản đã chủ động đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và tăng cường minh bạch thông tin về các biện pháp đảm bảo an toàn liên quan đến hoạt động xả thải nước từ nhà máy Fukushima.

(Theo UCN)

■ Trump lạng lế gia hạn lệnh cấm nhập khẩu hải sản của Nga

(vasep.com.vn) Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã ký lệnh gia hạn thêm một năm lệnh trừng phạt đối với Nga, lệnh đầu tiên được người tiền nhiệm Joe Biden áp đặt vào năm 2021 sau khi nổ ra chiến tranh Nga-Ukraine.

Tuyên bố được ban hành vào ngày 10/4 - một ngày sau thông báo gây chấn động thị trường của Trump về việc hoãn áp dụng thuế quan đối ứng trong 90 ngày được công bố một tuần trước đó - duy trì lệnh cấm của Hoa Kỳ đối với tất cả các loại thủy sản nhập khẩu từ Nga.

Việc nhập khẩu thủy sản của Nga đã bị cấm theo Sắc lệnh Hành pháp (EO) 14068 do Biden ban hành vào tháng 3/2022. Lệnh cấm được mở rộng theo Sắc lệnh Hành pháp 14114 tiếp theo vào tháng 12/2023 để bao gồm cả thủy sản có nguồn gốc từ Nga được chế biến tại một quốc gia thứ ba.

Trước lệnh cấm ban đầu của Biden, Nga là nguồn hải sản có giá trị thứ tám đối với Hoa Kỳ, xuất khẩu 48.867 tấn trị giá 1,2 tỷ USD vào năm 2021, tăng 12% về khối lượng và tăng 34% về giá trị so với lượng xuất khẩu sang Hoa Kỳ vào năm 2020, theo dữ liệu của Cơ quan Quản lý Khí quyển và Đại dương Quốc gia (NOAA) duy trì. Năm đó, chỉ có Canada, Ấn Độ, Chile, Indonesia, Việt Nam, Trung Quốc và Ecuador vượt qua.

Trong số khoảng 80 mặt hàng hải sản mà Nga xuất khẩu sang Hoa Kỳ vào năm 2021, mặt hàng có giá trị nhất là cua tuyết đông lạnh, 18.823 tấn, trị giá 509,9 triệu USD và cua hoàng đế đông lạnh, 8.486 tấn, trị giá 419,7 triệu USD. Nga chiếm 29% khối lượng trong tổng số 64.237 tấn cua tuyết nhập khẩu của Hoa Kỳ (trị giá 1,8 tỷ USD) vào năm 2021, trước lệnh cấm.

Sắc lệnh thứ hai của Biden được cho là đã tác động đáng kể đến lượng phi lê cá tuyết, cá tuyết chấm đen và cá minh thái trị giá hơn nửa tỷ đô la nhập khẩu từ các nhà chế biến Trung Quốc, phần lớn trong số họ phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu thô từ cá Nga.

(Theo UCN)

■ Mỹ: Doanh số bán lẻ thủy sản tăng trong tháng 3/2025

(vasep.com.vn) Theo báo cáo mới nhất do 210 Analytics công bố, doanh số bán lẻ thủy sản có thể đã giảm vào tháng 2, nhưng đã tăng trở lại vào tháng 3 nhờ một số yếu tố, bao gồm mùa Chay bắt đầu và lo ngại về chiến tranh thương mại.

Mùa Chay bắt đầu vào ngày 5/3 năm nay và 210 Analytics báo cáo rằng thời điểm bắt đầu muộn hơn nhiều (mùa Chay bắt đầu vào ngày 14/2/2024) "đã có tác động đáng kể đến doanh số bán thủy sản theo năm vào tháng 2". Tuy nhiên, tình hình đã cân bằng vào tháng 3, với doanh số bán thủy sản đông lạnh, đông lạnh và để lâu theo đô la theo năm đều tăng.

Báo cáo lưu ý rằng mức thuế quan do Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump áp đặt cũng có thể đóng vai trò trong việc tăng doanh số, khi 30% người mua sắm tích trữ hàng hóa do lo ngại giá cả tăng.

Tôm thống trị thị trường thủy sản đông lạnh

Vào tháng 3/2025, doanh số bán thủy sản đông lạnh đạt 738 triệu USD, tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái, với khối lượng bán hàng tăng 3%.

Doanh số bán thủy sản đông lạnh bao gồm thủy sản có vỏ đông lạnh (406 triệu USD), tiếp theo là cá vây (307 triệu USD). Tôm đông lạnh chiếm ưu thế trong tháng 3 với

doanh số 347 triệu USD so với loài thủy sản đông lạnh cao thứ hai là cá hồi, đạt doanh số 91 triệu USD trong tháng 3.

Cá hồi, tôm dẫn đầu doanh số bán thủy sản tươi sống

Doanh số bán thủy sản tươi sống đạt 679 triệu USD vào tháng 3/2025, tăng 1,9% về giá trị và 1,4% về khối lượng. Cá vây tươi chiếm 478 triệu USD trong tổng số đó, tăng 5,8% so với một năm trước, với số pound bán ra tăng 7,7%.

Cá hồi đứng đầu về doanh số bán cá vây tươi với 331 triệu USD được bán ra, tăng 5,6% về doanh số. Doanh số theo khối lượng tăng 7,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thủy sản tươi mang lại doanh số 175 triệu USD, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Số pound bán ra cũng giảm 9,8%.

Tôm dẫn đầu doanh số bán hàng trong danh mục thủy sản có vỏ tươi. Doanh số bán tôm tươi trong tháng 3/2025 đạt tổng cộng 72 triệu USD, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước. Số pound bán ra cũng tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước.

Cá sardine ngày càng được ưa chuộng vì có thể bảo quản lâu

Theo 210 Analytics, danh mục hàng hóa để lâu có mức tăng trưởng lớn vào tháng 3. Doanh số bán hàng thủy sản để lâu đạt 276 triệu USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Số pound bán ra cũng tăng 8,1% so với năm 2024.

Cá ngừ đóng hộp và đóng túi dẫn đầu danh mục, chiếm 195 triệu USD doanh số. Doanh số cá sardine đóng hộp và đóng lon thiếc đạt 31 triệu USD vào tháng 3/2025, tăng 43% so với một năm trước và tăng 51% doanh số theo đơn vị.

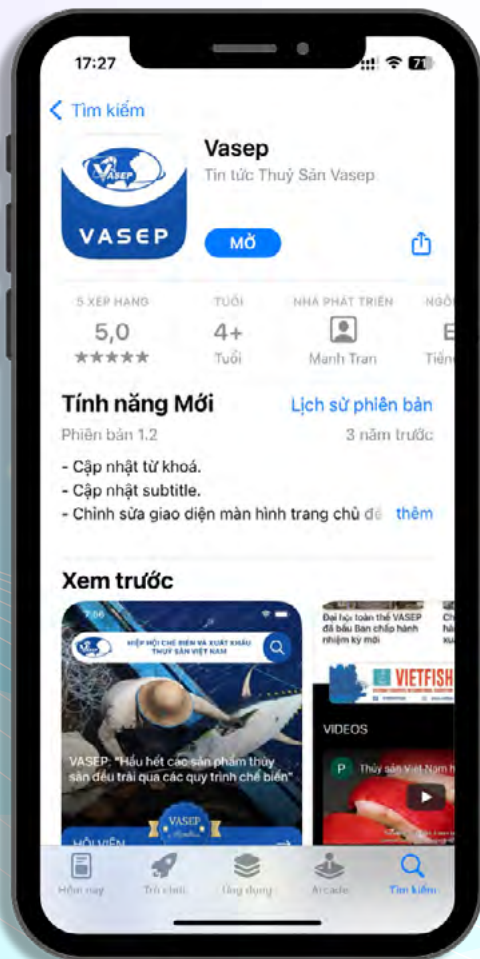
(Theo UCN)



APP VÀ ZALO VASEP

Tin tức về thủy sản của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)

- Cập nhật báo điện tử của hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam VASEP thuận tiện và dễ dàng hơn với ứng dụng mobile.
- Cung cấp nguồn tin chính thống từ VASEP.
- Mang đến trải nghiệm tốt hơn cho người dùng trên di động thay vì dùng web.
- Thông báo kịp thời khi có tin, bài viết nóng trên hệ thống.



Official Account



Chỉ đạo thực hiện

Tổng Thư ký VASEP Nguyễn Hoài Nam

Chịu trách nhiệm nội dung

Phó Tổng Thư ký VASEP Lê Hằng

Thực hiện bởi VASEP.PRO

Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Công Hoan,
P. Ngọc Khánh Q. Ba Đình - Hà Nội
Tel: (024) 38354496 - Fax: (024) 37715084
Email: vasep.pro@vasep.com.vn
Website: www.vasep.com.vn

Trưởng Ban Biên tập

Phùng Thị Kim Thu
Tel: (024) 37715055 (ext. 203)
Mobile: 0977 859 495
Email: kimthu@vasep.com.vn

Ban Biên tập

Phùng Thị Kim Thu
Lê Thị Bảo Ngọc
Nguyễn Thị Vân Hà
Nguyễn Thị Thu Hằng

Hỗ trợ biên tập

Nguyễn Quang Khải

Dàn trang

Đỗ Anh Đức

PHỤ TRÁCH PHÁT HÀNH:

Nguyễn Thu Trang
Mobile: 0906 151 556 - 0868 093 697
Tel: (024) 38354496 (ext. 212)
Email: nguyentrang@vasep.com.vn

Bản quyền của VASEP

All rights reserved.

*Quotations or copying in whole or part only
by prior agreement with VASEP*



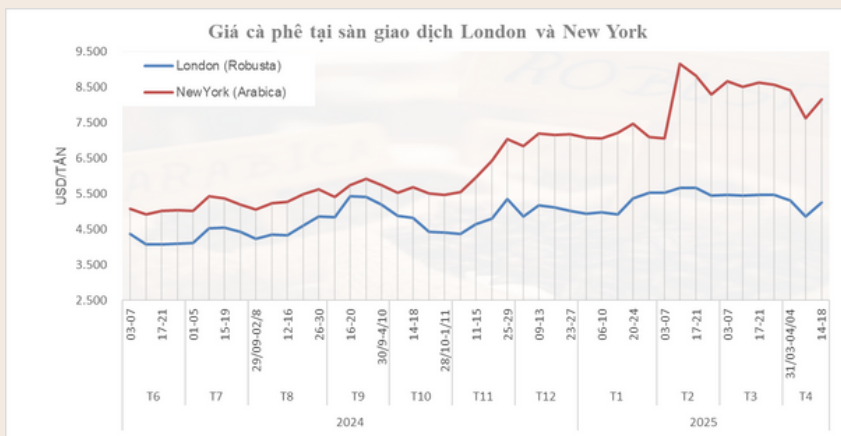
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Trong tuần giá cà phê tăng trở lại tại hai sàn giao dịch London và sàn giao dịch New York do lo ngại thuế quan tạm lắng xuống khi tổng thống Hoa Kỳ tuyên bố tạm hoãn áp thuế đối ứng trong vòng 90 ngày.
- Nông dân trồng cà phê tại Brazil đã bán khoảng 14% sản lượng dự kiến đạt 65 triệu bao trong niên vụ từ tháng 7/2025 đến tháng 6/2026.
- Ethiopia đạt doanh thu kỷ lục 1,5 tỷ USD từ xuất khẩu cà phê trong 9 tháng niên vụ 2024/2025.
- EU đang tiến hành điều chỉnh các quy định liên quan đến chống phá rừng.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI GIẢM

Trong tuần 14/04/2025 đến 18/04/2025, giá cà phê thế giới tăng trở tại hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 5/2025 tại thị trường London đạt 5.247 USD/tấn, tăng 7,9% so với tuần trước và tăng 28,4% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.363 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 5.051 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2025 bình quân đạt 8.146 USD/tấn, tăng 6,8% so với mức giá tuần trước, và tăng 54,3% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 8.278 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 7.904 USD/tấn.[1]

GIÁ CÀ PHÊ TĂNG TRỞ LẠI

Thị trường cà phê đã ghi nhận chuỗi sáu phiên tăng giá liên tiếp kể từ ngày 9 tháng 4, sau khi Tổng thống Hoa Kỳ tuyên bố tạm hoãn áp thuế đối ứng trong vòng 90 ngày và giữ nguyên mức thuế 10%.

Trong bối cảnh lo ngại liên quan đến chính sách thuế tạm thời được lắng xuống, các nhà đầu tư đã chuyển hướng quan tâm trở lại các yếu tố cung cầu, đặc biệt là tình trạng nguồn cung hạn chế. Bên cạnh đó, thị trường còn được hỗ trợ bởi sự suy yếu của chỉ số đồng đô la Mỹ, vốn đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng ba năm.

Theo dữ liệu do Sở Giao dịch Liên lục địa (ICE), lượng tồn kho cà phê Robusta đã giảm xuống mức thấp nhất trong 6 tuần gần nhất chỉ còn 4.249 lô.[2]

BRAZIL

Công ty phân tích Safras & Mercado cho biết nông dân trồng cà phê tại Brazil đã bán khoảng 14% sản lượng dự kiến đạt 65 triệu bao trong niên vụ từ tháng 7/2025 đến tháng 6/2026, bao gồm cà phê Conilon robusta và arabica tự nhiên. Con số dự báo này cao hơn một chút so với mức trung bình của ngành là 62,5 triệu bao trước vụ thu hoạch.[3]

Với mức tiêu thụ nội địa ước tính khoảng 22 triệu bao và nhu cầu xuất khẩu khoảng 45 triệu bao, sản lượng này là cần thiết để đáp ứng cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, tỷ lệ bán ra của vụ mùa mới đang thấp hơn mức trung bình 25% của cùng kỳ trong 5 năm gần đây.[3]



EU NƠI LÒNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ LUẬT CHỐNG PHÁ RỪNG.

Liên minh châu Âu (EU) đang tiến hành điều chỉnh các quy định liên quan đến chống phá rừng nhằm giảm bớt gánh nặng hành chính cho doanh nghiệp nhập khẩu, theo thông tin từ Bloomberg.

Ủy ban châu Âu cho biết, thay vì phải nộp báo cáo thẩm định trách nhiệm cho từng lô hàng, các doanh nghiệp sẽ được phép nộp báo cáo theo năm. Ngoài ra, nghĩa vụ kiểm tra các đối tác trong chuỗi cung ứng cũng sẽ được giảm nhẹ, giúp đơn giản hóa quy trình tuân thủ.[4]

Các điều chỉnh này là một phần trong nỗ lực của EU nhằm cân bằng giữa mục tiêu bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động tiêu cực đến hoạt động thương mại. Quy định chống phá rừng của EU, vốn nhằm ngăn chặn tình trạng mất rừng ở các nước sản xuất các mặt hàng như cà phê, ca cao, đậu nành và thịt bò, đã vấp phải chỉ trích vì bị cho là can thiệp quá sâu và gây áp lực hành chính lớn cho các doanh nghiệp và nông dân.[4]

Ủy viên môi trường EU, bà Jessica Roswall, nhấn mạnh: “Chúng tôi hướng tới việc giảm gánh nặng thủ tục cho doanh nghiệp, đồng thời

vẫn duy trì các mục tiêu cốt lõi của quy định. EU cam kết thực hiện nghiêm túc chính sách chống phá rừng.”[4]

Theo Ủy ban châu Âu, các biện pháp điều chỉnh này có thể giúp giảm tới 30% chi phí hành chính. Trước áp lực từ các bên liên quan, EU đã quyết định lùi thời hạn áp dụng quy định thêm một năm, với hiệu lực mới bắt đầu vào cuối năm 2025. Trong thời gian tới, Ủy ban sẽ công bố danh sách phân loại các quốc gia theo mức độ rủi ro phá rừng, dự kiến hoàn tất trước cuối tháng 6. [4]

HOA KỲ

Hiệp hội Cà phê Quốc gia (NCA) có trụ sở tại Hoa Kỳ vừa công bố Báo cáo Xu hướng Dữ liệu Cà phê mới nhất, trong đó cho thấy 66% người Mỹ được khảo sát cho biết đã uống ít nhất một tách cà phê trong ngày trước đó — tăng nhẹ so với tỷ lệ 65% được ghi nhận trong báo cáo năm 2024. Mặc dù mẫu khảo sát còn tương đối nhỏ, kết quả vẫn phản ánh xu hướng tiêu dùng đáng chú ý.[5]

Báo cáo cho thấy mức tiêu dùng cà phê ngoài gia đình đang có xu hướng giảm, phản ánh tác động

của lạm phát và điều kiện kinh tế thắt chặt hơn. Cụ thể, tỷ lệ người tiêu dùng cà phê từ các địa điểm ngoài gia đình đã giảm 2% trong 5 năm qua, xuống còn 16% số người uống cà phê trong ngày trước đó. Trong khi đó, mức tiêu thụ cà phê tại nhà tiếp tục tăng và vẫn là hình thức tiêu dùng chủ đạo tại Hoa Kỳ. Báo cáo cho biết, 71% lượng cà phê được pha và tiêu thụ tại nhà — tăng 8% trong vòng 5 năm qua. [5] Ngoài ra, báo cáo cũng đề cập đến sự bất ổn liên quan đến chính sách thuế quan tại Hoa Kỳ. Trong bối cảnh các cuộc đàm phán thương mại liên tục thay đổi, một mức tăng thuế 10% dự kiến sẽ được áp dụng trong vòng 90 ngày tới. Điều này đang thu hút sự quan tâm đáng kể từ các nhóm vận động trong nước, vốn đang kêu gọi loại bỏ thuế nhập khẩu đối với cà phê nhằm bảo vệ ngành tiêu dùng cà phê, một lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế Hoa Kỳ — quốc gia tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới.[5]

ETHIOPIA

Cơ quan Cà phê và Trà Ethiopia (ECTA) cho biết nước này đã thu về 1,5 tỷ USD từ hoạt động xuất khẩu cà phê trong vòng 9 tháng niên vụ 2024/2025 — mức cao kỷ lục cả về sản lượng lẫn giá trị kể từ khi Ethiopia

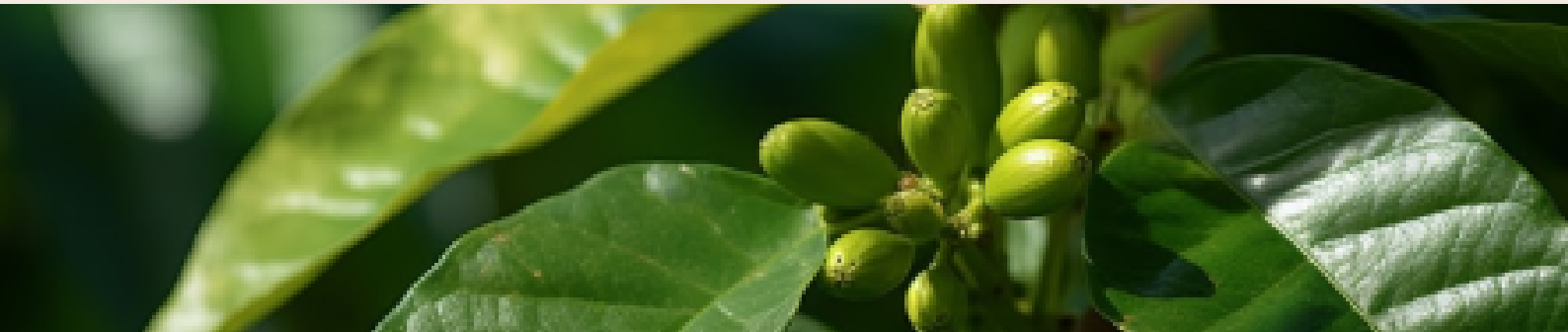
bắt đầu tham gia thị trường cà phê toàn cầu. [6]

Theo Cơ quan Cà phê và Trà Ethiopia (ECTA), thành công này nhờ các cải cách tập trung vào nâng cao chất lượng, sản lượng và năng suất. Mười thị trường xuất khẩu chủ lực như Ả Rập Xê Út, Đức, Mỹ, Trung Quốc và Hàn Quốc chiếm tới 77% sản lượng và 78% doanh thu. Ethiopia đặt mục tiêu xuất khẩu hơn 400.000 tấn cà phê và thu về 2 tỷ USD trong năm tài chính hiện tại.[6]

GIẢI THƯỞNG BỀN VỮNG SCA 2025

Fairtrade International và Black Baza Coffee Co. (Ấn Độ) đã được trao Giải thưởng Bền vững năm 2025 của Hiệp hội Cà phê Đặc sản (SCA). Kết quả được công bố trước thềm triển lãm Specialty Coffee Expo diễn ra từ ngày 25–27/4 tại Houston, Hoa Kỳ.[7]

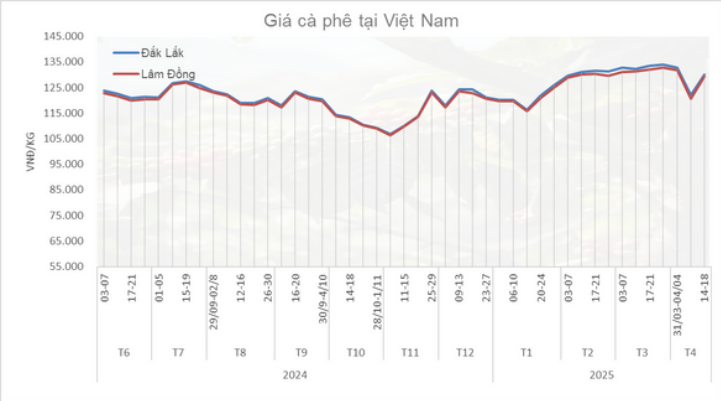
Fairtrade International là tổ chức sở hữu chứng nhận Fairtrade nổi tiếng toàn cầu và giành chiến thắng ở hạng mục **tổ chức phi lợi nhuận**. Trong khi đó, Black Baza – một công ty cà phê tại Bangalore (Ấn Độ), chuyên đầu tư vào cộng đồng người trồng cà phê và bảo tồn đa dạng sinh học – được vinh danh ở hạng mục **“doanh nghiệp vì lợi nhuận”**. [7]



DIỄN TIN

- Giá cà phê trong nước tăng trở lại trong tuần từ 14/04/2025 đến 18/04/2025.
- Cà phê xuất khẩu Quý I/2025 tăng mạnh, đạt gần 2,9 tỷ USD.
- Hoa Kỳ áp thuế cao lên hàng nhập khẩu, ảnh hưởng mạnh đến cà phê Việt Nam nhưng có thể chỉ tác động trong ngắn hạn do nguồn cung cà phê toàn cầu được dự báo giảm, mở ra “khoảng trống” cho Việt Nam mở rộng thị phần.
- Sáng 20/4, tại TP. Buôn Ma Thuột đã diễn ra Lễ khai mạc vòng loại cuộc thi Cà phê đặc sản Việt Nam 2025.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

GIÁ CÀ PHÊ TĂNG TRONG TUẦN

Trong tuần 14/04/2025 đến 18/04/2025, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tăng trở lại so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 130.053 VNĐ/kg, tăng 6,42% so với tuần trước, và tăng 12,83% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 133.533 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 124.933 VNĐ/kg.[1] Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 120.660 VNĐ/kg, giảm 8,48% so với tuần trước, và tăng 14,78% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 126.000 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 116.000 VNĐ/kg. [1]

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CÀ PHÊ QUÝ I/2025.

Xuất khẩu cà phê Quý I/2025 đạt 509.500 tấn, giảm 13% về khối lượng nhưng tăng mạnh 50% về giá trị, đạt 2,88 tỷ USD.

Giá cà phê xuất khẩu bình quân đạt 5.65 USD/tấn, tăng 72% so với cùng kỳ năm 2024, nhờ nhu cầu tiêu thụ cà phê chất lượng cao tăng mạnh. Trong đó, đáng chú ý là 3 thị trường lớn nhất, Đức, Italy và Nhật Bản, với giá trị xuất khẩu tăng lần lượt 79%, 32% và 56%. Trong nhóm các thị trường lớn, Ba Lan ghi nhận mức tăng mạnh nhất (3,1 lần), trong khi Indonesia giảm 38%. [2]

Các chuyên gia nhận định, trong ngắn hạn, giá cà phê nhiều khả năng sẽ tiếp tục dao động trong biên độ rộng khi thị trường vẫn bị chi phối bởi thời tiết và tâm lý đầu cơ. Về trung hạn, các dự báo sản lượng Robusta tại Brazil và Việt Nam đều ở mức cao, tạo ra áp lực cung không nhỏ. Tuy nhiên, đà tăng vẫn có thể được giữ vững nếu tồn kho thấp và nhu cầu tiêu thụ phục hồi tại các thị trường châu Âu, Hoa Kỳ. [2]



HOA KỲ ÁP THUẾ CAO, XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM CÓ LO LẮNG?

Ngày 2/4/2025, Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump tuyên bố áp thuế tối thiểu 10% lên toàn bộ hàng hóa nhập khẩu, trong đó Việt Nam – quốc gia có thặng dư thương mại lớn với Mỹ – bị áp mức thuế cao nhất là 46%. [3]

Hoa Kỳ là quốc gia nhập khẩu và tiêu thụ cà phê lớn nhất toàn cầu, với ngành công nghiệp cà phê đóng góp khoảng 343 tỷ USD mỗi năm. Do không thể tự sản xuất cà phê, Mỹ phụ thuộc hoàn toàn vào nhập khẩu từ các nước như Brazil, Colombia, Indonesia và Việt Nam. Việc áp thuế cao đối với các nước cung cấp chính – đặc biệt là Việt Nam (46%) và Indonesia (32%) – dự báo sẽ khiến giá cà phê tại Mỹ tăng ít nhất 50%, làm tăng mạnh chi phí cho các nhà sản xuất cà phê nội địa. [3]

Mặc dù thị trường cà phê thế giới và trong nước đang chịu tác động ngắn hạn từ chính sách thuế, nhưng theo các chuyên gia, yếu tố cung cầu sẽ trở lại là động lực chính trong trung và dài hạn. Dự báo toàn cầu cho thấy sản lượng cà phê sẽ tiếp tục thiếu hụt năm

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

thứ tư liên tiếp, đặc biệt do ảnh hưởng từ Brazil và Việt Nam – hai quốc gia sản xuất lớn nhất thế giới. Mỹ hiện là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ ba của Việt Nam, chiếm 6,5% tổng khối lượng và 6,4% giá trị xuất khẩu Quý I. Đây là thị trường trọng điểm cho các sản phẩm cà phê chế biến sâu, đặc sản và có giá trị gia tăng cao. Tuy nhiên, với mức thuế mới, cà phê Việt Nam gần như không thể cạnh tranh về giá tại thị trường này, làm gia tăng nguy cơ mất thị phần.[3]

Trước tình hình trên, việc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu được xem là hướng đi chiến lược. Các thị trường như châu Âu, Nhật Bản, Trung Đông, Thái Lan và Philippines đang mở ra cơ hội lớn cho cà phê Việt Nam, đặc biệt khi giá bán tại các thị trường này không thua kém.[3]

Theo dự báo mới nhất từ StoneX, sản lượng cà phê Brazil trong niên vụ 2025–2026 dự kiến giảm 1,67% so với dự báo trước đó, trong đó Arabica giảm 13,4%. Trong bối cảnh nguồn cung toàn cầu tiếp tục bị thắt chặt, Việt Nam có cơ hội tận dụng khoảng trống này để mở rộng thị phần, đặc biệt với dòng cà phê Robusta – thế mạnh truyền thống của Việt Nam.[3]

CUỘC THI CÀ PHÊ ĐẶC SẢN VIỆT NAM 2025

Sáng 20/4, tại TP. Buôn Ma Thuột đã diễn ra Lễ khai mạc vòng loại cuộc thi Cà phê đặc sản Việt Nam 2025 - Vietnam Amazing Cup 2025 do Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột tổ chức.

Tham gia vòng sơ kết có 146 mẫu dự thi (97 mẫu Robusta và 49 mẫu Arabica) đến từ những vùng nguyên liệu cà phê nổi tiếng như: Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Nông, Kon Tum, Quảng Trị và Sơn La... Đây là những mẫu cà phê tiêu biểu được tuyển chọn công phu, thể hiện sự nỗ lực nghiêm túc của người trồng, người chế biến và các đơn vị dự thi trên khắp cả nước.

Trong thời gian 4 ngày (từ ngày 20 – 23/4), các mẫu dự thi sẽ được chấm điểm theo quy trình đánh giá khắt khe, chuẩn mực quốc tế bởi Ban giám khảo uy tín trong nước và quốc tế, các chuyên gia Q. Graders và những người có tầm ảnh hưởng trong ngành cà phê.



GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/giảm
LÂM ĐỒNG	123.700	126.300	131.300	132.600	132.700	129.320	8.660
Dì Linh	123.700	126.300	131.300	132.600	132.700	129.320	8.660
Lâm Hà	123.700	126.300	131.300	132.600	132.700	129.320	8.660
Bảo Lộc	123.700	126.300	131.300	132.600	132.700	129.320	8.660
ĐẮK LẮK	124.933	126.933	132.133	133.533	132.733	130.053	7.847
Cư M'gar	125.000	127.000	132.200	133.600	132.800	130.120	7.980
Ea H'leo	124.900	126.900	132.100	133.500	132.700	130.020	7.780
Buôn Hồ	124.900	126.900	132.100	133.500	132.700	130.020	7.780
ĐẮK NÔNG	124.950	127.150	132.150	133.550	132.750	130.110	7.880
Gia Nghĩa	125.000	127.200	132.200	133.600	132.800	130.160	7.980
Đắk R'lấp	124.900	127.100	132.100	133.500	132.700	130.060	7.780
GIA LAI	124.933	126.933	131.933	133.533	132.733	130.013	7.847
Chư Prông	125.000	127.000	132.000	133.600	132.800	130.080	7.980
Pleiku	124.900	126.900	131.900	133.500	132.700	129.980	7.780
La Grai	124.900	126.900	131.900	133.500	132.700	129.980	7.780
KON TUM	124.900	126.900	131.900	133.500	132.700	129.980	7.780
Đắk Hà	124.900	126.900	131.900	133.500	132.700	129.980	7.780

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: [Doanh Nghiệp & Kinh Doanh](#)
- [3]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](#)
- [4]: [Bloomberg](#)
- [5]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](#)
- [6]: [ena.et](#)
- [7]: [dailycoffeenews.com](#)

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên
- [2]: [congthuong.vn](#)
- [3]: [mxv.com.vn](#)
- [4]: [baodaklak.vn](#)

Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả

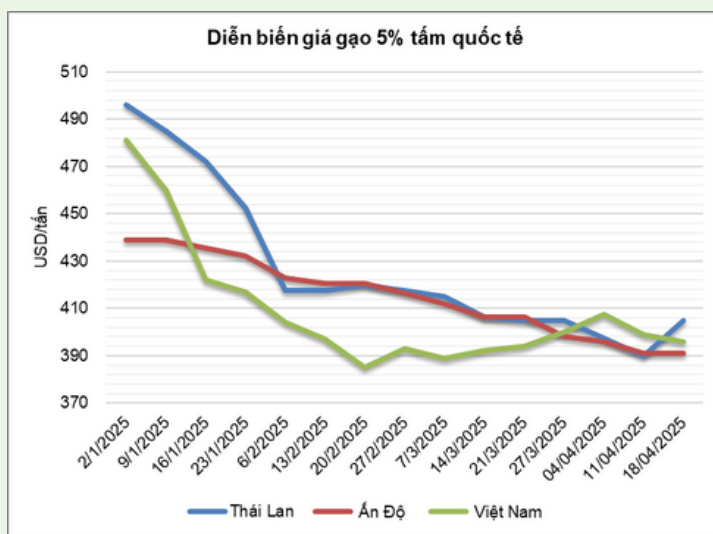
NGÀNH HÀNG LÚA GẠO

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Xuất khẩu nông sản và thực phẩm chế biến của Ấn Độ tăng 13% trong năm 2024/2025, đạt 25,14 tỷ USD, với xuất khẩu gạo tăng 20% lên 12,47 tỷ USD;
- Campuchia xuất khẩu 211.058 tấn gạo xay xát trong Quý I/2025, trị giá 160,5 triệu USD;
- Indonesia dự kiến đạt thặng dư 12 triệu tấn gạo trong năm 2025, mục tiêu trở thành **nhân tố mới** trong **thị trường xuất khẩu gạo toàn cầu**;
- Malaysia đối mặt với **thách thức lớn** trong việc **đạt tỷ lệ tự cung tự cấp gạo 75%** vào năm 2025;
- Giá gạo nội địa Nhật Bản **tăng 70%** thúc đẩy sự chuyển đổi sang **gạo nhập khẩu từ Hoa Kỳ**, mở ra cơ hội nói lỏng thuế quan.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: AGROINFO tổng hợp

Diễn biến giá gạo 5% tấm của Thái Lan, Ấn Độ và Việt Nam

Trong tuần từ 14/04/2025-18/04/2025, giá gạo 5% tấm của Thái Lan, Ấn Độ và Việt Nam có sự thay đổi so với tuần trước.

- Giá gạo 5% tấm của Thái Lan đạt 405 USD/tấn, tăng 15 USD/tấn so với tuần trước, nguyên nhân đến từ do biến động tỷ giá hối đoái vì thị trường vẫn yên ắng sau kỳ nghỉ lễ Songkran (Tết cổ truyền Thái Lan).
- Giá gạo 5% tấm của Ấn Độ đạt 391 USD/tấn, giữ nguyên so với tuần trước do nguồn cung đang ở mức dồi dào.
- Giá gạo 5% tấm của Việt Nam đạt 396 USD/tấn, giảm 3 USD/tấn so với tuần trước, do người mua hiện đang tập trung vào việc nhận hàng từ các hợp đồng đã ký trước đó. [1]

Ấn Độ

Trong năm tài chính 2024/2025, xuất khẩu nông sản và thực phẩm chế biến của Ấn Độ đã tăng 13% so với năm trước, đạt 25,14 tỷ USD, chủ yếu nhờ vào sự gia tăng 20% trong xuất khẩu gạo. Theo dữ liệu từ Tổng cục Thống kê Thương mại Ấn Độ, xuất khẩu gạo, bao gồm cả gạo basmati và các loại gạo khác, đã đạt hơn 12,47 tỷ USD, so với 10,41 tỷ USD của năm trước. Chính phủ Ấn Độ đã dỡ bỏ các hạn chế xuất khẩu gạo vào tháng 9 năm 2024, bao gồm cả giá xuất khẩu tối thiểu, nhờ vào sản lượng bội thu và lượng dự trữ cao hơn đáng kể. Xuất khẩu gạo của Ấn Độ trong năm 2024/2025 có thể vượt 20 triệu tấn, trong đó, gạo basmati chiếm 5 triệu tấn, vượt xa đối thủ Pakistan.

Cơ quan Phát triển Xuất khẩu Sản phẩm Nông nghiệp và Thực phẩm Chế biến (APEDA) đã đặt mục tiêu xuất khẩu 26,56 tỷ USD cho năm tài chính 2025/2026. Xuất khẩu các sản phẩm thuộc danh mục của APEDA chiếm khoảng 51% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản của Ấn Độ, phần còn lại bao gồm các sản phẩm biển, thuốc lá, cà phê và trà. Vị thế dẫn đầu của Ấn Độ trong thương mại gạo toàn cầu đã được củng cố, đặc biệt nhờ vào việc gia tăng xuất khẩu sang châu Phi và các quốc gia Đông Nam Á. [2]

Campuchia

Trong quý đầu tiên của năm 2025, Campuchia đã xuất khẩu 211.058 tấn gạo xay xát, thu về 160,5 triệu USD. Gạo Campuchia được xuất khẩu sang 55 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, Trung Quốc tiếp tục giữ vị thế là một trong những thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất của Campuchia, đạt 37.821 tấn, với kim ngạch 22,6 triệu USD. Phần lớn gạo xuất khẩu của Campuchia là gạo thơm (81,38%), tiếp theo là gạo trắng (13,6%), gạo Japonica (2,6%), gạo đỏ (1,93%), và gạo hữu cơ (0,49%).

Trung Quốc và các thị trường khác đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển của ngành nông nghiệp Campuchia. Điều này góp phần mang lại nhiều lợi ích cho người dân, đặc biệt là nông dân trồng lúa. Bên cạnh đó, việc xuất khẩu gạo còn đóng góp vào doanh thu quốc gia, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Campuchia. [3]





Indonesia

Indonesia đang hướng tới mục tiêu đạt thặng dư 12 triệu tấn gạo trong năm 2025, qua đó củng cố kỳ vọng về việc nước này sẽ trở thành một nhân tố quan trọng trên thị trường xuất khẩu gạo toàn cầu. Tính đến ngày 10/04/2025, Cơ quan Hậu cần Nhà nước Indonesia - Bulog đã thu mua 840.000 tấn gạo, tăng 2.000% so với cùng kỳ năm ngoái. Dự trữ gạo hiện tại của Bulog là 2,4 triệu tấn và dự kiến sẽ tăng lên 3 triệu tấn vào cuối tháng 4/2025. Chính phủ Indonesia đang thúc đẩy tăng sản lượng thông qua tối ưu hóa đất đai, mở rộng diện tích sản xuất, cải thiện cơ sở hạ tầng và đảm bảo nguồn cung phân bón. Giá sàn cho lúa đã được nâng lên 6.500 Rp/kg (0,39 USD/kg), tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nông dân.

Ngoài ra, Indonesia đang có kế hoạch mở rộng thêm 3 triệu ha diện tích trồng lúa mới. Nếu một nửa diện tích này được triển khai, với năng suất 10 tấn mỗi vụ và canh tác hai vụ mỗi năm, nước này có thể thu được khoảng 30 triệu tấn lúa. Điều này sẽ góp phần tạo ra thặng dư 12 triệu tấn lúa. Chiến lược này phù hợp với chương trình nghị sự về chủ quyền lương thực của Tổng thống Prabowo Subianto, tập trung vào mục tiêu tự chủ lương thực quốc gia và phát triển các ngành công nghiệp hạ nguồn trong nông nghiệp. [4]

Malaysia

Malaysia đang đối mặt với nhiều thách thức trong nỗ lực đạt được 75% khả năng tự chủ lương thực vào năm 2025. Mặc dù Chính phủ Malaysia đã nâng giá tối thiểu cho lúa gạo cũng như trợ cấp, nhưng chi phí sản xuất vẫn cao và các vấn đề như thời tiết cực đoan, sâu bệnh và cơ sở hạ tầng tưới tiêu lỗi thời đang cản trở sản xuất gạo của nước này. Trước tình hình đó, Malaysia đã phân bổ 77 triệu RM (1,59 triệu USD) để nâng cấp hệ thống tưới tiêu, khuyến khích nông dân sử dụng các giống lúa có năng suất cao và thích ứng khí hậu.

Tuy nhiên, các chuyên gia cho rằng các biện pháp này có thể không tạo ra thay đổi đáng kể. Malaysia cần một cách tiếp cận đa chiều, bao gồm cải cách chính sách, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, và áp dụng các kỹ thuật nông nghiệp sáng tạo để đảm bảo an ninh lương thực và giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu. [5]

Nhật Bản

Giá gạo nội địa Nhật Bản đã tăng 70% do thiếu hụt nguồn cung, khiến nhiều doanh nghiệp và người tiêu dùng chuyển sang gạo Hoa Kỳ. Điều này có thể mở ra cơ hội để Nhật Bản nới lỏng các hạn chế thuế quan trong đàm phán với Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump, người đã chỉ trích mức thuế cao đối với gạo. Mặc dù Trump tuyên bố mức thuế 700%, Hoa Kỳ vẫn chiếm 60% hạn ngạch nhập khẩu miễn thuế của Nhật.

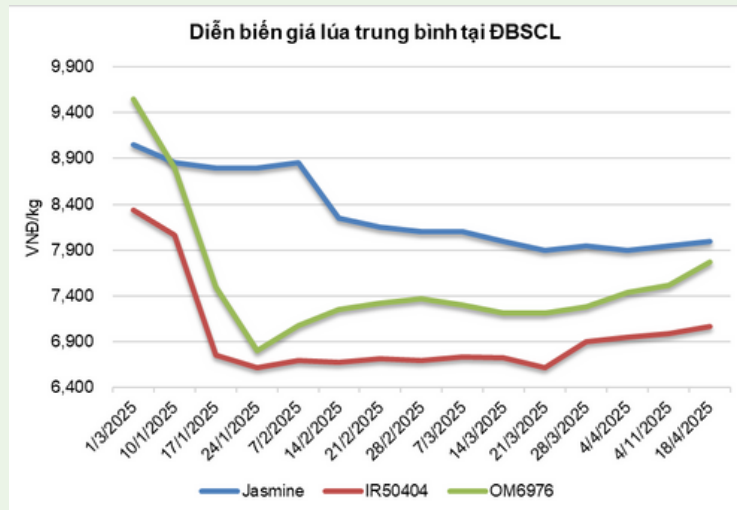
Nhật Bản đã giới hạn nhập khẩu gạo miễn thuế ở mức 100.000 tấn mỗi năm, nhưng với giá cả tăng cao và nhu cầu gia tăng, các chuyên gia cho rằng cần mở rộng hạn ngạch này. Tuy nhiên, Đảng Dân chủ Tự do có thể không tăng nhập khẩu do không muốn làm mất lòng nông dân trước cuộc bầu cử thượng viện sắp tới. [6]



ĐIỂM TIN

- Cà Mau** tập trung **thúc đẩy liên kết chuỗi lúa gạo** nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững;
- Mô hình lúa hữu cơ** tại tỉnh **An Giang** giúp **giảm 50%** phân bón hóa học, **tăng lợi nhuận 1,6 triệu đồng/ha**, đảm bảo đầu ra ổn định nhờ liên kết tiêu thụ;
- Rầy** gây hại nặng trên hơn **4.660 ha** lúa **Đông - Xuân** ở **Phú Yên**, dự báo **năng suất giảm** do **thời tiết bất lợi** và **rầy bùng phát mạnh**;
- 251,5 ha** lúa ở xã Ea Trul, tỉnh **Đắk Lắk** bị **thiệt hại** do **không khí lạnh**, cần ổn định nguồn nước tưới để giảm rủi ro canh tác.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: AGROINFO tổng hợp

Diễn biến giá gạo trong nước

Trong tuần từ ngày 14/04/2025-18/04/2025, giá lúa khô Jasmine, IR50404 và OM6976 có sự thay đổi so với tuần trước.

- Giá lúa Jasmine (khô) trung bình tại một số tỉnh ĐBSCL đạt mức 8.000 VNĐ/kg, tăng 50 VNĐ/kg với tuần trước.
- Giá lúa IR50404 (khô) trung bình tại một số tỉnh ĐBSCL đạt 7.070 VNĐ/kg, tăng 80 VNĐ/kg so với tuần trước.
- Giá lúa OM6976 (khô) trung bình tại một số tỉnh ĐBSCL đạt 7.775 VNĐ/kg, tăng 263 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]

Cà Mau thúc đẩy liên kết chuỗi lúa gạo

Ngày 18/04/2025, UBND tỉnh Cà Mau tổ chức hội nghị triển khai sản xuất lúa gạo năm 2025, tập trung vào việc thúc đẩy liên kết chuỗi sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Hội nghị nhấn mạnh tầm quan trọng của Đề án Phát triển bền vững 1 triệu ha lúa chất lượng cao và phát thải thấp tại Đồng bằng sông Cửu Long. Theo Hiệp hội ngành hàng lúa gạo Việt Nam (VIETRISA), việc giảm 50% lượng giống và 30% thuốc bảo vệ thực vật đã giúp nông dân tăng lợi nhuận từ 5 triệu VNĐ/ha/vụ.

Tại Cà Mau, lúa gạo là ngành hàng chủ lực với diện tích gieo trồng khoảng 113.000 ha/năm, tổng sản lượng hơn 500.000 tấn. Tỉnh đã xây dựng các vùng trồng lúa chất lượng cao đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, góp phần vào tăng trưởng GRDP. Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau, Lê Văn Sử, nhấn mạnh việc xây dựng liên kết chuỗi giữa các bên trong sản xuất là yếu tố then chốt để tăng giá trị sản phẩm và thu nhập cho nông dân. Ông Lê Thanh Tùng từ VIETRISA cũng đồng tình, cho rằng cần tăng cường kết nối giữa các tác nhân trong chuỗi và đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp để phát triển bền vững. [2]



Mô hình lúa hữu cơ

Vụ Đông - Xuân 2024/2025 tại xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đánh dấu bước tiến quan trọng trong nông nghiệp với mô hình sản xuất lúa hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ. Mô hình này được thực hiện trên 7 ha của hai hộ nông dân thuộc Hợp tác xã Nông nghiệp Sơn Hòa, nhằm thay đổi nhận thức và tập quán canh tác truyền thống, hướng đến nông nghiệp xanh và bền vững. Mục tiêu là giảm thiểu sử dụng hóa chất, bảo vệ sức khỏe và môi trường. Một điểm sáng của mô hình là quy trình xử lý rơm rạ sau thu hoạch bằng cách băm nhuyễn và sử dụng chế phẩm phân hủy sinh học, giúp phân hủy nhanh hơn và loại bỏ mùi hôi.

So với phương pháp truyền thống, mô hình lúa hữu cơ cho thấy ưu điểm về chi phí và hiệu quả kinh tế, với tổng chi phí sản xuất thấp hơn khoảng 2,5 triệu VNĐ/ha, do giảm chi phí mua giống và phân bón hóa học. Mô hình cũng liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp, đảm bảo đầu ra ổn định cho nông dân. Kết quả tích cực của mô hình đã được ghi nhận tại hội thảo tổng kết, khẳng định mô hình giảm 50% lượng phân bón hóa học nhưng vẫn đảm bảo năng suất và lợi nhuận, với lợi nhuận chênh lệch hơn 1,6 triệu VNĐ/ha so với ruộng đối chứng. [3]



Phú Yên

Gần đến kỳ thu hoạch, tuy nhiên nông dân trồng lúa vụ Đông - Xuân ở Phú Yên đang lo lắng về năng suất do rầy gây hại trên diện rộng. Tại thị xã Đông Hòa, nhiều diện tích lúa bị rầy nâu và rầy lưng trắng tấn công, với 1.800 ha bị ảnh hưởng, trong đó 65 ha bị cháy chòm, dự báo năng suất giảm từ 20-30%. Nguyên nhân là do thời tiết âm u, mưa nắng xen kẽ, tạo điều kiện cho rầy bùng phát. Mặc dù đã phun thuốc nhiều lần, nhưng rầy vẫn không bị tiêu diệt triệt để, gây thiệt hại lớn cho nông dân.

Toàn tỉnh Phú Yên có hơn 4.660 ha lúa bị nhiễm rầy, trong đó 174 ha nhiễm nặng. Các giống lúa dễ nhiễm rầy như IR17494, OM2695-2, và MT10 làm tăng mức độ gây hại. Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi tỉnh đã cảnh báo và hướng dẫn nông dân tăng cường phòng trừ rầy, nhưng tình hình vẫn diễn biến phức tạp. Với tổng diện tích lúa Đông - Xuân hơn 26.630 ha, năng suất dự kiến sẽ giảm so với vụ trước do ảnh hưởng của rầy và thời tiết bất lợi, gây khó khăn cho nông dân. [4]

Đắk Lắk

UBND xã Ea Trul, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk cho biết, toàn xã có 251,5 ha lúa bị thiệt hại do thời tiết. Nguyên nhân của thiệt hại đến từ việc địa phương không chủ động nguồn nước tưới tiêu, dẫn đến bà con phải gieo trồng sớm nhằm mục đích canh mưa. Tuy nhiên khi cây lúa đang trong giai đoạn làm đòng và trổ bông thì bất ngờ gặp đợt không khí lạnh kéo dài. Thời tiết bất thường này khiến cây lúa bị nghẹt đòng, không thể trổ bông. Theo thống kê của UBND xã Ea Trul, diện tích lúa bị thiệt hại nằm ở 5 buôn và 1 thôn. Trong đó, buôn Plum bị thiệt hại nặng nhất với 76,5 ha, buôn Bông Kung bị thiệt hại 71 ha,...

Dù người dân đã tìm mọi cách để cứu ruộng lúa, khắc phục thiệt hại nhưng không đáng kể. Bà con đành cắt bỏ toàn bộ lúa đã đến giai đoạn làm đòng cho gia súc, điều này gây ra thiệt hại đáng kể. Trước tình hình đó, UBND xã Ea Trul đã thống kê diện tích lúa bị thiệt hại để báo cáo lên cấp trên nhằm có chính sách hỗ trợ bà con. Về lâu dài, chính quyền và người dân nơi đây rất cần nguồn nước tưới ổn định để chủ động sản xuất, giảm rủi ro trong canh tác. [5]



Nguồn tham khảo quốc tế

- [1]: <https://vietnambiz.vn/gia-lua-gao-hom-nay-184-gia-gao-xuat-khau-giam-tuan-thu-hai-lien-tiep-do-nhu-cau-yeu-2025418154930696.htm>
- [2]: <https://www.financialexpress.com/policy/economy-rice-exports-hit-record-12-billionnbsp-3811774/>
- [3]: https://www.thestar.com.my/aseanplus/aseanplus-news/2025/04/14/cambodia-makes-us1605mil-from-milled-rice-export-in-q1#goog_rewarded
- [4]: <https://jakartaglobe.id/business/indonesia-eyes-global-rice-export-market-with-projected-12-million-ton-surplus>
- [5]: <https://themalaysianreserve.com/2025/04/14/malaysia-faces-uphill-battle-to-boost-rice-self-sufficiency/>
- [6]: <https://www.scmp.com/news/asia/east-asia/article/3306849/japans-shift-us-rice-prices-soar-70-may-allow-some-leeway-trump-tariff-talks>

Nguồn tham khảo trong nước

- [1]: Cộng tác viên tại ĐBSCL
- [2]: <https://nhandan.vn/thuc-day-lien-ket-chuoi-lua-gao-vung-dong-bang-song-cuu-long-post873562.html>
- [3]: <https://baoangiang.com.vn/hieu-qua-tu-ruong-lua-huu-co-a419251.html>
- [4]: <https://nhandan.vn/ray-gay-hai-nang-tren-cay-lua-phu-yen-post873178.html>
- [5]: <https://tienphong.vn/dak-lak-hang-tram-hec-ta-lua-khong-tro-bong-post1735372.tpo>

PHỤ LỤC: GIÁ LÚA GẠO TẠI MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG TUẦN

Mặt hàng	Tỉnh	Giá tuần này (VNĐ/kg)	Thay đổi so với tuần trước (VNĐ/kg)
Lúa Jasmine (khô)	Cần Thơ	8400	0
	Tiền Giang	7600	+100
Lúa IR50404 (khô)	Cần Thơ	7200	0
	Hậu Giang	8000	0
	Tiền Giang	6900	+100
Lúa OM6976 (khô)	Hậu Giang	8800	+100
	Đồng Tháp	7150	0
	Trà Vinh	6500	+700

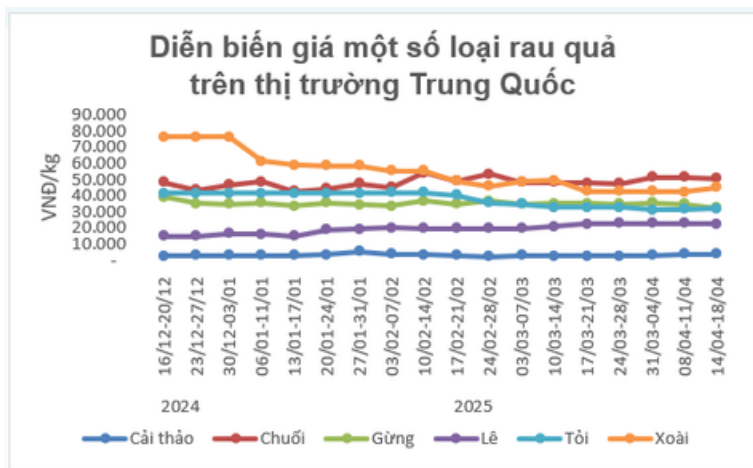
NGÀNH HÀNG RAU QUẢ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Tại thị trường Trung Quốc, giá chuối, gừng, lê giảm; giá cải thảo, tỏi, xoài tăng so với tuần trước;
- Nhập khẩu sầu riêng của Trung Quốc giảm mạnh;
- Xuất khẩu hồ đào nguyên vỏ của Mỹ giảm 70%;
- Sản lượng sầu riêng Thái Lan năm 2025 dự kiến tăng 30.7%;
- Thái Lan phát hiện chất vàng O trong bao bì đóng gói sầu riêng xuất khẩu;
- Namibia sắp ký hợp đồng xuất khẩu nho với Trung Quốc trị giá 10,5 triệu USD;
- Xuất khẩu nhiều loại rau quả của Hy Lạp tăng mạnh;
- Lô hàng 200kg dừa tươi đầu tiên từ Indonesia được vận chuyển bằng đường hàng không đến Trung Quốc.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: AGROINFO tổng hợp

Diễn biến giá một số loại nông sản trên thị trường Trung Quốc

- Giá cải thảo trung bình đạt 3.942 VNĐ/kg, tăng 157 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá chuối trung bình đạt 50.747 VNĐ/kg, giảm 722 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá gừng trung bình đạt 32.283 VNĐ/kg, giảm 2.592 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá lê trung bình đạt 22.644 VNĐ/kg, giảm 220 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá tỏi trung bình đạt 32.113 VNĐ/kg, tăng 616 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá xoài trung bình đạt 45.196 VNĐ/kg, tăng 2.370 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]

(Tỷ giá tạm tính theo Tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước VN từ 17/04-23/04/2025: 1 CNY= 3.398,21 VNĐ)

Trung Quốc

Theo Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu sầu riêng của Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm 2025 chỉ đạt 22.988 tấn, trị giá 120,1 triệu USD, giảm 56,8% về lượng và 57,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, giá trị nhập khẩu từ Thái Lan đạt 79,2 triệu USD, chiếm 66% thị phần, giảm 34,2% so với cùng kỳ. Tiếp đến, nhập khẩu từ Việt Nam đạt 38,8 triệu USD, chiếm 32,3%, giảm 76%. Ngoài ra, Trung Quốc còn nhập khẩu từ Malaysia và Philippines, với kim ngạch lần lượt đạt 2 triệu USD và 123,4 nghìn USD.

Giá nhập khẩu sầu riêng bình quân từ Thái Lan và Việt Nam cũng giảm lần lượt 10% và 7,5%, xuống còn 5.529 USD/tấn và 4.561 USD/tấn. Ngược lại, giá xuất khẩu sầu riêng của Philippines tăng 15,2%, đạt bình quân 3.542 USD/tấn và giá sầu riêng Malaysia lên đến 15.167 USD/tấn. [2]

Mỹ

Theo USDA, sản lượng hồ đào của Mỹ giảm do ảnh hưởng của bão “Helen”, đặc biệt là ở bang Georgia – vùng trồng lớn nhất. Ước tính sản lượng hồ đào tại Georgia giảm 8% so với dự báo tháng 10. 4 bang khác gồm New Mexico, Arizona, Texas và Oklahoma cũng ghi nhận sản lượng giảm. Trong 4 tháng đầu vụ 2024/25 (từ tháng 10 đến tháng 1), xuất khẩu hồ đào nguyên vỏ giảm 70%, xuất khẩu nhân giảm 6%. Tuy nhiên, giá xuất khẩu nhân tăng 6%. Canada và EU là hai thị trường lớn nhất cho nhân hồ đào Mỹ, chiếm lần lượt 24% và 26%. [3]

Thái Lan

Sản lượng sầu riêng Thái Lan năm 2025 dự kiến tăng 30,7%

Theo Bộ Nông nghiệp và HTX Thái Lan, sản lượng sầu riêng năm 2025 của Thái Lan ước đạt 1,68 triệu tấn, tăng 30,72%. Sự gia tăng diện tích sản xuất trên toàn quốc được cho là do những cây sầu riêng mà nông dân trồng vào năm 2020 hiện đã trưởng thành, đặc biệt ở các khu vực trồng trọt chính như Chanthaburi, Rayong, Trat, v.v. Ngoài ra, điều kiện thời tiết thuận lợi hỗ trợ cho việc ra hoa và kết trái. [4]

Thái Lan phát hiện chất vàng O trong bao bì đóng gói sầu riêng xuất khẩu

Theo Bangkok Business News đưa tin, một doanh nghiệp đã phát hiện chất màu vàng O trong các thùng carton dùng để đóng gói sầu riêng xuất khẩu. Đây là lần đầu tiên chất này được phát hiện trên các hộp đựng sau khi ngành công nghiệp này tiến hành chiến dịch dọn dẹp toàn diện (VTR).

Bộ thương mại Thái Lan đã yêu cầu tỉnh Chanthaburi thu thập mẫu thùng carton từ các nhà máy đóng gói để kiểm tra có chất vàng O hay không, đồng thời điều tra nguồn gốc của các thùng carton trên.

Phía Thái Lan đề nghị Trung Quốc đẩy nhanh việc kiểm tra hàng hóa tại các cảng nhập khẩu, tăng cường trang thiết bị và nhân sự kiểm tra, kịp thời trao đổi thông tin giữa các cán bộ tại các trạm kiểm soát để nâng cao hiệu quả và giảm ùn tắc. [5]



Namibia

Namibia đang tiến gần đến việc ký kết thỏa thuận xuất khẩu nho sang Trung Quốc, với giá trị ước tính khoảng 10,5 triệu USD mỗi mùa vụ.

Dự thảo thỏa thuận hiện đang chờ phía Trung Quốc phê duyệt. Trung Quốc là nhà sản xuất nho lớn nhất thế giới, nhưng vẫn nhập khẩu khoảng 400 triệu USD nho tươi mỗi năm để bù đắp thiếu hụt nguồn cung theo mùa. Namibia, với mùa thu hoạch từ tháng 11 đến tháng 1, có lợi thế cung cấp nho trong thời điểm Trung Quốc thiếu hụt nguồn cung. Các doanh nghiệp như Namibia Grape Company và Namibian Grapes Export (Pty) Ltd. đang chuẩn bị sẵn sàng để tận dụng cơ hội này. Thỏa thuận này đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản của Namibia sang châu Á, sau khi nước này đã thành công trong việc xuất khẩu thịt bò sang Trung Quốc từ năm 2018. [6]

Hy Lạp

Theo Hiệp hội Xuất khẩu Trái cây, Rau quả và Nước ép Hy Lạp (Incofruit Hellas), trong giai đoạn từ ngày 1/9/2024 đến 17/4/2025, xuất khẩu nhiều loại rau quả của nước này đã tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, khối lượng kiwi xuất khẩu đạt 208.679 tấn kiwi, tăng 14,2% và lần đầu tiên vượt mốc 200.000 tấn. Xuất khẩu táo cũng tăng 44,7%. Xuất khẩu cà chua tăng 32,3%, đạt 22.700 tấn, chủ yếu sang các nước láng giềng như Bulgaria, Albania và Romania. Xuất khẩu dưa chuột tăng nhẹ 3% so với năm trước. Xuất khẩu cam tăng 4,6% lên 268.834 tấn, và quýt tăng 11,9% lên 151.621 tấn. [6]



Indonesia

Vào chiều ngày 12/4/2025, một lô hàng dừa tươi từ Indonesia đã đến Sân bay Quốc tế Trường Lạc, Phúc Châu, Trung Quốc. Sau khi hoàn tất kiểm dịch hải quan, lô hàng được chuyển đến các doanh nghiệp chế biến tại Phúc Châu.

Đây là lần đầu tiên Trung Quốc nhập khẩu dừa tươi từ Indonesia kể từ khi hai nước ký kết nghị định thư về kiểm dịch thực vật vào tháng 11/2024. Lô dừa này được thu hoạch từ đảo Sumatra của Indonesia. Nhờ đất bazan núi lửa và hệ sinh thái rừng mưa, nước dừa tại đây có vị ngọt thanh và lượng nước dồi dào, rất thích hợp để uống trực tiếp. Sau khi hoàn tất kiểm tra chất lượng, lô hàng sẽ sớm được đưa ra thị trường. [7]



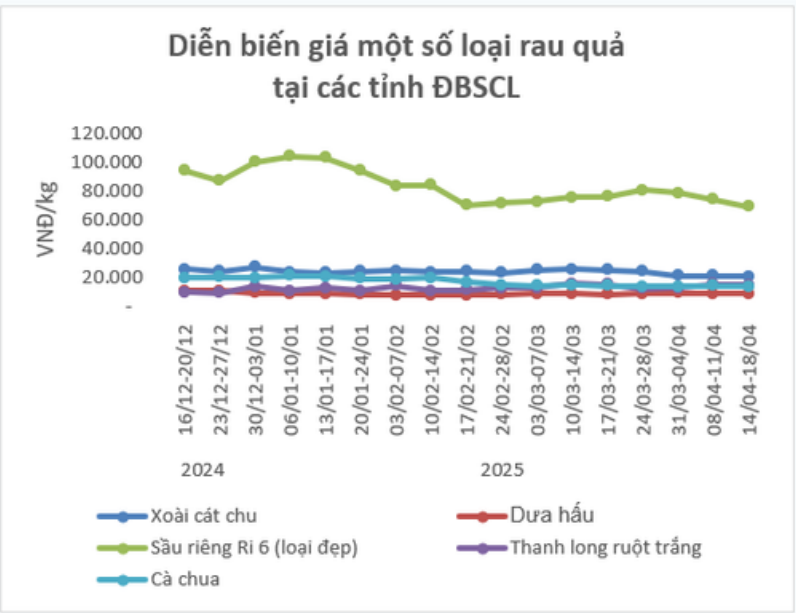
Nguồn tham khảo:

- [1]: <http://www.xinfadi.com.cn/priceDetail.html>
- [2]: <https://vietnambiz.vn/nhap-khau-sau-rieng-cua-trung-quoc-giam-manh-2025416112818675.htm>
- [3]: <https://guojiguoshu.com/article/9975>
- [4]: <https://vietnambiz.vn/gia-sau-rieng-hom-nay-174-san-luong-sau-rieng-thai-lan-uoc-dat-16-trieu-tan-2025417173456789.htm>
- [5]: <https://guojiguoshu.com/article/9997>
- [6]: <https://www.freshplaza.com/asia/article/9724383/namibia-nears-grape-export-deal-with-china-worth-10-5-million/>
- [7]: <https://www.freshplaza.com/asia/article/9724857/greek-kiwifruit-exports-hit-record-exports-for-apples-and-tomatoes-increased/>
- [8]: <https://guojiguoshu.com/article/10009>



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

ĐIỂM TIN



Diễn biến giá một số loại nông sản tại thị trường trong nước

- Giá xoài Cát Chu trung bình đạt 21.000 VNĐ/kg, giảm 250 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá dưa hấu trung bình đạt 9.083 VNĐ/kg, tăng 250 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá sầu riêng Ri 6 (loại đẹp) trung bình đạt 69.250 VNĐ/kg, giảm 5.000 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá thanh long ruột trắng trung bình đạt 14.667 VNĐ/kg, giảm 667 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá cà chua trung bình đạt 13.750 VNĐ/kg, giảm 500 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]

- Giá xoài Cát Chu, sầu riêng Ri6 (loại đẹp), thanh long ruột trắng, cà chua giảm; giá, dưa hấu tăng so với tuần trước;
- Theo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tính đến 20h00 ngày 17/04/2025, tổng số phương tiện chờ hàng hóa xuất khẩu còn tồn trên địa bàn tỉnh là 440 xe, trong đó có 362 xe chờ hoa quả;
- Ớt, chanh leo, tổ yến Việt Nam xuất khẩu chính ngạch vào Trung Quốc;
- Xuất khẩu rau quả của Việt Nam - Thực trạng và giải pháp;
- Đơn hàng của doanh nghiệp rau quả được nối lại sau lệnh hoãn áp thuế 90 ngày của Mỹ;
- Việt Nam tăng nhập sầu riêng đông lạnh;
- Mục tiêu 3,5 tỷ USD xuất khẩu sầu riêng năm 2025 có nguy cơ không đạt.

Tình hình xuất khẩu rau quả qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Theo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tính đến 20h00 ngày 17/04/2025, tổng số phương tiện chở hàng hóa xuất khẩu còn tồn trên địa bàn tỉnh là 440 xe, trong đó xe chở hoa quả là 362 xe, mặt hàng khác là 78 xe. Cụ thể: (i) tồn 147 xe tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, trong đó có 82 xe hoa quả; (ii) tồn 276 xe đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa Tân Thanh - khu vực mốc 1088/2-1089), trong đó có 266 xe hoa quả; (iii) tồn 06 xe tại cửa khẩu song phương Chi Ma, trong đó có 03 xe hoa quả; (iv) tồn 11 xe hoa quả tại lối thông quan Cốc Nam (khu vực mốc 1104-1105); (v) không có xe tồn tại cửa khẩu phụ Na Hình và cửa khẩu phụ Nà Nưa. [2]

Ớt, chanh leo, tổ yến Việt Nam xuất khẩu chính ngạch vào Trung Quốc

Nhân dịp Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam ngày 14-15/4, lãnh đạo hai nước đã ra Tuyên bố chung. Theo đó, hai bên ký Nghị định thư với các sản phẩm xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc như ớt, chanh leo, tổ yến thô, tổ yến sạch, cám gạo. Bên cạnh các mặt hàng trên, Trung Quốc đang tích cực triển khai thủ tục cấp phép chính thức cho các mặt hàng nông sản Việt như hoa quả có múi, dược liệu đông y có nguồn gốc thực vật. Hai bên cũng đẩy nhanh xây dựng cửa khẩu thông minh tại các lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Việt Nam) - Hữu Nghị Quan (Trung Quốc). Đồng thời, mô hình này sẽ được cân nhắc nhân rộng tại các cửa khẩu khác đủ điều kiện, gồm cửa khẩu Móng Cái - Đông Hưng. Các "kết nối mềm" về hải quan thông minh sẽ được nâng cấp. [3]

Xuất nhập khẩu rau quả Việt Nam - Thực trạng và giải pháp

Thực trạng:

Giá trị xuất khẩu rau quả đã tăng trưởng mạnh mẽ, từ 0,63 tỷ USD năm 2011 lên 7,12 tỷ USD năm 2024. Tuy nhiên, lũy kế 3 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu rau quả chỉ đạt hơn 1,1 tỷ USD, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm 2024. Nguyên nhân sụt giảm xuất khẩu toàn ngành hàng rau quả nói chung đến từ việc Trung Quốc yêu cầu kiểm tra dư lượng chất cadimi và Vàng O trong sầu riêng, cũng như từ sự gián đoạn logistics và chi phí vận chuyển tăng cao, khiến các doanh nghiệp xuất khẩu khó hoàn thành đơn hàng đúng thời hạn.

Giải pháp:

- (i) **Nâng cao chất lượng và ATTP** (tăng cường kiểm soát dư lượng hóa chất và chất bảo quản; khuyến khích áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; đầu tư thiết bị bảo quản sau thu hoạch hiện đại);
- (ii) **Củng cố chuỗi cung ứng** (thúc đẩy liên kết giữa nông dân, doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu; phát triển vùng nguyên liệu tập trung, ứng dụng công nghệ cao; cải thiện logistics);
- (iii) **Nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường** (xây dựng thương hiệu; mở rộng thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh chế biến sâu);
- (iv) **Hỗ trợ từ nhà nước và hiệp hội** (hỗ trợ vốn, công nghệ, xúc tiến thương mại; tiếp cận thông tin thị trường, tiêu chuẩn quốc tế; v.v.) [4]



Đơn hàng của doanh nghiệp rau quả được nối lại sau lệnh hoãn áp thuế 90 ngày của Mỹ

Thông tin Mỹ hoãn áp thuế đối ứng 46% trong 90 ngày được xem là tin tích cực tạm thời đối với doanh nghiệp xuất khẩu nói chung và ngành rau quả nói riêng. Đơn hàng của một số doanh nghiệp đã được nối lại. Tuy nhiên, không giống như các ngành hàng khác, rau quả là mặt hàng tươi nên khó lòng thúc đẩy tranh thủ ký thêm nhiều các đơn hàng xuất khẩu sang Mỹ để đề phòng rủi ro. Theo đó, doanh nghiệp chỉ có thể đẩy mạnh bán thêm các sản phẩm đã chế biến vì hạn sử dụng lâu hơn.

Theo đại diện công ty Vina T&T Group, thời điểm đầu khi Mỹ mới công bố mức thuế, các đối tác của công ty đồng loạt yêu cầu giảm đơn hàng do lo sợ với mức thuế 46% thì người tiêu dùng sẽ khó lòng chấp nhận mức giá tăng lên. Các đơn hàng đã được nối lại sau quyết định của ông Trump về việc hoãn áp thuế đối ứng, mặc dù vẫn chịu mức thuế chung là 10%. Đây được cho là phép thử đối với người tiêu dùng Mỹ. Nếu người dân phản đối vì chi phí sinh hoạt của họ tăng lên trong khi lương không tăng, chính phủ Mỹ sẽ phải điều chỉnh hoặc tìm nguồn cung nơi khác. [5]

Việt Nam tăng nhập sầu riêng đông lạnh

Năm 2024, Việt Nam chi 16,2 triệu USD nhập khẩu sầu riêng đông lạnh, gấp 8 lần so với năm 2023. Tính riêng tháng 12/2024, giá trị nhập khẩu đạt 4,2 triệu USD. Nguyên nhân là nhu cầu tăng mạnh dịp cận Tết, khi các doanh nghiệp thực phẩm đẩy nhanh sản xuất các loại bánh, kẹo cao cấp từ sầu riêng. Phần lớn lượng hàng này là Musang King, giống sầu riêng nổi tiếng của Malaysia. Cuối năm 2023, Bộ Nông Nghiệp và Môi trường ký nghị định thư với Malaysia, cho phép Musang King xuất khẩu chính ngạch vào Việt Nam. [6]

Mục tiêu 3,5 tỷ USD xuất khẩu sầu riêng năm 2025 có nguy cơ không đạt

Tại các khu vực chuyên canh sầu riêng như Tiền Giang, Cần Thơ hay Bến Tre, giá thu mua các loại sầu riêng giảm sâu. Nhiều vựa đã ngưng hoạt động, số còn lại chỉ thu mua nhỏ giọt để phục vụ thị trường nội địa. Nguyên nhân chính khiến giá giảm mạnh là do Trung Quốc - thị trường tiêu thụ sầu riêng lớn nhất của Việt Nam - siết chặt quy trình kiểm soát từ đầu năm. Không chỉ khắt khe, thời gian xét nghiệm kéo dài khiến hàng hoá bị tồn kho tại cửa khẩu. Có lô vượt qua kiểm tra nhưng khi tới chợ đầu mối Trung Quốc đã hư hỏng, nứt trái do thời gian chờ quá lâu. Theo các doanh nghiệp, trước đây, thủ tục thông quan chỉ mất 1-2 ngày, giờ kéo dài cả tuần làm ảnh hưởng lớn đến chất lượng trái cây.

Mục tiêu 3,5 tỷ USD xuất khẩu sầu riêng năm 2025 có nguy cơ không đạt. Hiệp hội rau quả nhận định nếu các vướng mắc về kiểm định và thông quan không được tháo gỡ sớm, ngành sầu riêng Việt Nam sẽ còn tiếp tục đối mặt những cú sốc lớn hơn nữa.

Nguồn tham khảo:

- [1]: Cộng tác viên tại ĐBSCL, Sơn La và Hà Nội
- [2]: <https://langsontrade.vn/thong-tin-xuat-nhap-khau-lang-son/tong-hop/>
- [3]: <https://vnexpress.net/ot-chanh-leo-to-yen-viet-nam-xuat-khau-chinh-ngach-vao-trung-quoc-4874407.html>
- [4]: <https://tapchilaodongxahoi.vn/xuat-khau-rau-qua-cua-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap-1335911.html>
- [5]: <https://vietnambiz.vn/don-hang-cua-doanh-nghiep-rau-qua-duoc-noi-lai-sau-lenh-hoan-ap-thue-90-ngay-cua-my-202541019177557.htm>
- [6]: <https://vnexpress.net/viet-nam-tang-nhap-sau-rieng-dong-lanh-4874277.html>
- [7]: <https://vnexpress.net/gia-sau-rieng-lao-doc-4875148.html>

PHỤ LỤC: GIÁ RAU QUẢ TẠI MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG TUẦN

ĐVT: VNĐ/kg

Loại HH/Địa phương	Giá tuần trước	Giá tuần này	Thay đổi so với tuần trước
Xoài Cát Chu	21.250	21.000	-250
An Giang	18.000	18.000	
Đồng Tháp	20.000	20.000	
Tiền Giang	22.000	22.000	
Vĩnh Long	25.000	24.000	-1.000
Dưa hấu	8.833	9.083	250
Cần Thơ	7.000	7.000	
Đồng Tháp	10.000	10.000	
Tiền Giang	12.500	13.000	500
Vĩnh Long	7.000	7.000	
Bến Tre	7.000	7.000	
Hậu Giang	9.500	10.500	1.000
Sầu riêng Ri 6 -loại đẹp	74.250	69.250	-5.000
Cần Thơ	83.000	80.000	-3.000
Đồng Tháp	72.000	72.000	
Tiền Giang	90.000	75.000	-15.000
Vĩnh Long	52.000	50.000	-2.000
Thanh long ruột trắng	15.333	14.667	-667
Long An	18.000	15.000	-3.000
Tiền Giang	20.000	21.000	1.000
Vĩnh Long	8.000	8.000	
Cà chua	14.250	13.750	-500
Cà Mau	13.500	13.000	-500
Tiền Giang	15.000	14.500	-500

Nguồn: CTV Agroinfo

Hệ thống thông tin thị trường cho
một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả